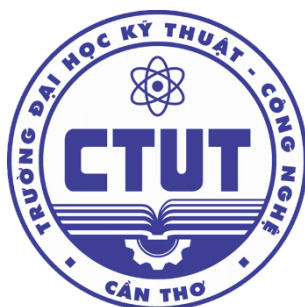


**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ CẦN THƠ**

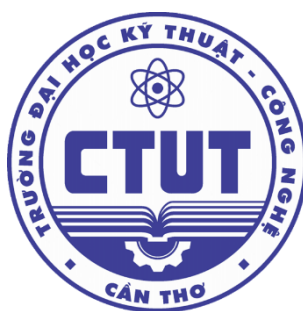


**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH
KỸ THUẬT HỆ THỐNG CÔNG NGHIỆP
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Cần Thơ, tháng 12 năm 2023

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ CẦN THƠ**



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH
KỸ THUẬT HỆ THỐNG CÔNG NGHIỆP
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Cần Thơ, tháng 12 năm 2023



**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG
TRÌNH KỸ THUẬT HỆ THỐNG CÔNG NGHIỆP**

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Ký tên
1	Ông Huỳnh Thanh Nhã	PGS. TS, Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	Ông Trương Minh Nhật Quang	TS, Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch	
3	Bà La Bảo Trúc Ly	TS, Trưởng khoa Kinh tế - QLCN	Phó Chủ tịch	
4	Ông Lê Anh Tuấn	ThS, Trưởng phòng TTr - PC - KT - ĐBCL	Thư ký	
5	Ông Nguyễn Minh Tuấn	TS, Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên	
6	Ông Nguyễn Đăng Hoa Nghiêm	TS, Phó Trưởng phòng Quản lý khoa học - Hợp tác quốc tế	Thành viên	
7	Ông Nguyễn Chí Hiếu	ThS, Trưởng phòng CTCT và QLSV	Thành viên	
8	Ông Lê Anh Xuân	TS, Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính	Thành viên	
9	Ông Võ Khắc Tâm	ThS, Trưởng phòng Quản trị - Thiết bị	Thành viên	
10	Ông Trần Long Hải	ThS, Trưởng phòng Tài chính - Kế toán	Thành viên	
11	Ông Nguyễn Hoàng Viện	ThS, Thư ký Hội đồng Trường	Thành viên	
12	Bà Nguyễn Thị Thu An	TS, Phó Trưởng khoa Kinh tế - QLCN	Thành viên	
13	Bà Nguyễn Thị Ly Phương	TS, Phó Trưởng khoa Kinh tế - QLCN	Thành viên	
14	Ông Ngô Anh Tuấn	TS, Phó Trưởng bộ môn QLCN - QTKD	Thành viên	
15	Bà Đinh Thị Kiều Oanh	ThS, Phó Trưởng Bộ môn KTHT - Logistics	Thành viên	
16	Bà La Hồng Liên	ThS, Giảng viên	Thành viên	
17	Bà Nguyễn Thị Diễm Phúc	ThS, Giảng viên	Thành viên	
18	Bà Nguyễn Thị Mộng Ngân	ThS, Giảng viên	Thành viên	
19	Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	ThS, Giảng viên	Thành viên	
20	Bà Phạm Thị Bích Trâm	ThS, Giảng viên	Thành viên	
21	Bà Tôn Thị Thùy Dương	Sinh viên lớp KTHTCN 2021	Thành viên	

(Danh sách có 21 thành viên)

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	1
PHẦN I. KHÁI QUÁT	3
1. Đặt vấn đề	3
2. Tổng quan chung	5
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ	10
Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	10
Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo	18
Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	23
Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	31
Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học	37
Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	48
Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên	64
Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học	76
Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị	89
Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng	103
Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra	116
PHẦN III. KẾT LUẬN	129
1. Tóm tắt những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của CTĐT	129
2. Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của CTĐT	142
3. Tóm tắt các kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT	144
4. Tổng hợp kết quả TĐG CTĐT	149
PHẦN IV. PHỤ LỤC	152
Phụ lục 1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo	152
Phụ lục 2. Các tư liệu, tài liệu liên quan	173
Phụ lục 3. Danh mục minh chứng	181

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

TỪ VIẾT TẮT	TỪ VIẾT ĐẦY ĐỦ
BGH	Ban Giám hiệu
BLQ	Bên liên quan
CB	Cán bộ
CBQL	Cán bộ quản lý
CĐR	Chuẩn đầu ra
CLB	Câu lạc bộ
CNTT	Công nghệ thông tin
CSGD	Cơ sở giáo dục
CSVC	Cơ sở vật chất
CTCT&QLSV	Công tác chính trị và Quản lý sinh viên
CTDH	Chương trình dạy học
CTĐT	Chương trình đào tạo
CTSV	Công tác sinh viên
CVHT	Cổ vấn học tập
DVSV	Dịch vụ sinh viên
ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
ĐCMH	Đề cương môn học
ĐBSCL	Đồng bằng sông Cửu Long
ĐH	Đại học
ĐH KTCN	Đại học Kỹ thuật - Công nghệ
ĐT	Đào tạo
ĐTBD	Đào tạo bồi dưỡng
GDDH	Giáo dục đại học
GD&ĐT	Giáo dục và đào tạo
GS	Giáo sư
GV	Giảng viên
HĐT	Hội đồng Trường
HP	Học phần
HTNH	Hỗ trợ người học
HTQT	Hợp tác quốc tế
HTTNV	Hoàn thành tốt nhiệm vụ
HTXSNV	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
KĐCL	Kiểm định chất lượng
KH&HTQT	Khoa học và Hợp tác quốc tế

TỪ VIẾT TẮT	TỪ VIẾT ĐẦY ĐỦ
KHCL	Kế hoạch chiến lược
KHCN	Khoa học công nghệ
KH&CN	Khoa học và công nghệ
KHMT	Khoa học máy tính
KPIs	Key Performance Indicator (chỉ số đánh giá năng lực thực hiện công việc)
KQHT	Kết quả học tập
KT-ĐBCL	Khảo thí - Đảm bảo chất lượng
KT-QLCN	Kinh tế - Quản lý công nghiệp
KTĐG	Kiểm tra đánh giá
KTHTCN	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp
KTHT-LOG	Kỹ thuật hệ thống - Logistics
MTĐT	Mục tiêu đào tạo
MTKN	Ma trận kỹ năng
NCKH	Nghiên cứu khoa học
NTD	Nhà tuyển dụng
NH	Người học
NV	Nhân viên
PPGD	Phương pháp giảng dạy
PGS	Phó Giáo sư
PVCD	Phục vụ cộng đồng
QL	Quản lý
QLCL	Quản lý chất lượng
QLCN	Quản lý công nghiệp
QLCN-QTKD	Quản lý công nghiệp - Quản trị kinh doanh
QLKH-HTQT	Quản lý khoa học - Hợp tác quốc tế
QLSV	Quản lý sinh viên
QT-TB	Quản trị - Thiết bị
SĐH	Sau đại học
SHTT	Sở hữu trí tuệ
SM	Sứ mạng
SV	Sinh viên
TC-HC	Tổ chức - Hành chính
TC-KT	Tài chính - Kế toán
TĐG	Tự đánh giá

TỪ VIẾT TẮT	TỪ VIẾT ĐẦY ĐỦ
TGTH/HT	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
ThS	Thạc sĩ
THPT	Trung học phổ thông
TLGD	Triết lý giáo dục
TN	Tầm nhìn
TS	Tiến sĩ
TS&TT	Tuyển sinh và truyền thông
TT-PC-KT-ĐBCL	Thanh tra - Pháp chế - Khảo thí - Đảm bảo chất lượng
TT-PC-PTCL	Thanh tra - Pháp chế - Phát triển chiến lược
TW	Trung ương
UBND	Ủy ban nhân dân

DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢNG BIỂU

Hình 0.1.	Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Trường	10
Hình 0.2.	Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Khoa KT-QLCN	11
Hình 3.2.1.	Sơ đồ tiến trình đào tạo ngành KTHTCN	42
Hình 3.3.1.	Mối liên kết giữa các khối kiến thức	44
Bảng 1.1.1.	Tính kết nối giữa tầm nhìn, sứ mạng của Trường, Khoa và MTĐT của ngành KTHTCN	15
Bảng 1.1.2.	Sự tương thích giữa MTĐT ngành KTHTCN với Luật GDĐH	16
Bảng 1.2.1.	Ma trận kết nối mục tiêu (POs) và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (K-S-C)	20
Bảng 1.2.2.	Ma trận kết nối giữa CĐR CTĐT với Khung năng lực trình độ quốc gia	21
Bảng 1.3.1.	So sánh CĐR của trình độ ĐH ngành KTHTCN qua các năm	24
Bảng 3.1.1.	Ma trận liên kết giữa CĐR VÀ các khối kiến thức	36
Bảng 3.1.2.	Phân bổ kiến thức CTĐT năm 2022	36
Bảng 3.2.1.	Tỷ trọng các học phần đáp ứng CĐR	39
Bảng 3.2.2.	Mối liên hệ giữa CĐR và PP dạy - học, PP đánh giá	40
Bảng 3.3.1.	Bảng đối sánh các khối kiến thức trong CTDH ngành KTHTCN của một số trường ĐH và trường ĐH KTCN CT	46
Bảng 6.1.1.	Bảng thống kê số lượng GV Khoa KT-QLCN theo trình độ trong 5 năm gần đây	71
Bảng 6.1.2.	Bảng thống kê số lượng GV của ngành KTHTCN theo trình độ trong 5 năm gần đây	71
Bảng 6.2.1.	Tỉ lệ GV/NH của khoa KT-QLCN qua từng năm học	74
Bảng 10.1.1.	Bảng thống kê nhu cầu của các BLQ trong chu kỳ đánh giá	133
Bảng 10.6.1.	Quy trình thu thập thông tin phản hồi theo hệ thống	147
Bảng 11.1.1.	Tỷ lệ SV tốt nghiệp ngành KTHTCN của 6 khoá	153
Bảng 11.1.2.	Tỷ lệ SV thôi học ngành KTHTCN các khóa	153
Bảng 11.1.3.	Đối sánh tỷ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn, thời gian TN trung bình với ngành QLCN	154
Bảng 11.1.4.	Đối sánh thời gian TN trung bình với ngành QLCN	155
Bảng 11.2.1.	Thời gian tốt nghiệp trung bình ngành KTHTCN	157
Bảng 11.3.1.	Thống kê môi trường làm việc của SV KTHTCN tốt nghiệp	159
Bảng 11.4.1.	Thống kê hoạt động NCKH của SV ngành KTHTCN và các ngành khác của khoa	163

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1. Đặt vấn đề

1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá

Năm 2020, Trường đã tiến hành kiểm định chất lượng trường đại học và được Trung tâm Kiểm định CLGD - Đại học Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục cho Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ (Quyết định số 26/QĐ-CEA.UD ngày 19/01/2021 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Đà Nẵng). Trường tích cực triển khai nhiều hoạt động như: cải tiến, nâng cao chất lượng cơ sở giáo dục trên các lĩnh vực đào tạo, NCKH, PVCĐ và tập trung triển khai tự đánh giá các CTĐT có sinh viên tốt nghiệp theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ GD&ĐT, Hướng dẫn số 1074 và 1075/KTKĐCLGD ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định CLGD, Hướng dẫn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng, Hướng dẫn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng. Đến tháng 10 năm 2023, Trường có 6 ngành đạt kiểm định CTĐT (Công nghệ thực phẩm; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng; Hệ thống thông tin và Quản lý công nghiệp). Trên cơ sở đó, Trường quyết định chọn CTĐT ngành Kỹ thuật hệ thống công nghiệp để đăng ký kiểm định chất lượng.

Trong quá trình triển khai tự đánh giá CTĐT ngành Kỹ thuật hệ thống công nghiệp (KTHTCN), Hội đồng tự đánh giá căn cứ vào các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của Bộ GD&ĐT để tiến hành xem xét, tự đánh giá và báo cáo về thực trạng chất lượng CTĐT; đánh giá hiệu quả các hoạt động đào tạo, NCKH, chỉ ra những mặt mạnh và mặt yếu cần khắc phục, từ đó đề ra các biện pháp điều chỉnh nhằm đạt được các mục tiêu đào tạo đã đề ra.

Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ được thành lập năm 2013, được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép cho đào tạo ngành Kỹ thuật hệ thống công nghiệp trình độ đại học từ năm 2013 theo Quyết định số 2949/QĐ-BGDĐT ngày 13 tháng 8 năm 2013. Trong giai đoạn 2018 - 2023, Trường đã tuyển sinh được 6 khóa (từ khóa 6 đến khóa 11), trong đó có 6 khóa đã tốt nghiệp (từ khóa 1 đến khóa 6). Thông qua chương trình đào tạo này, Trường đã góp phần đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật chất lượng cao cho xã hội. Trong xu thế đổi mới cơ chế hoạt động theo hướng tự chủ, nâng cao trách nhiệm giải trình trước xã hội, Trường lập báo cáo tự đánh giá (TĐG) các CTĐT, trong đó có CTĐT ngành KTHTCN trình độ đại học chính quy. Nội dung báo cáo được khái quát như sau:

Về mục tiêu và chuẩn đầu ra (CDR) của CTĐT: Trường và Khoa đã tập trung nghiên cứu xây dựng CTĐT với những yêu cầu về CDR được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường và đáp ứng yêu cầu của NH.

Về bản mô tả CTĐT: CTĐT được mô tả với đầy đủ các thông tin và được công bố công khai, phục vụ nhu cầu tìm hiểu của NH trước khi đăng ký tham gia hoặc cho người đang học chủ động trong công tác học tập và nghiên cứu. Đề cương các học phần cũng được xây dựng và công bố công khai nhằm hỗ trợ NH chuẩn bị cho từng học phần trước khi chính thức bắt đầu học tập. CTĐT và các đề cương định kỳ được rà soát và bổ sung cập nhật theo quy định cũng như yêu cầu của thực tế.

Về cấu trúc và nội dung chương trình dạy học (CTDH): CTDH có cấu trúc hợp lý giữa các khối kiến thức, đảm bảo tính liên mạch, bổ sung hỗ trợ nhau trong quá trình triển khai. Nội dung CTDH được GV biên soạn cho từng học phần, bao gồm đầy đủ các thông tin về phương pháp giảng dạy, cách thức học tập nghiên cứu, đánh giá kiểm tra, tài liệu tham khảo nhằm giúp NH từng bước đạt CDR sau quá trình học tập.

Về phương pháp tiếp cận trong dạy và học: Trường đã chú trọng và xác định công tác đổi mới xây dựng các CTĐT, phương pháp tiếp cận dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá nhằm đạt được các yêu cầu của CDR. Sự đổi mới này thực hiện dựa trên những định hướng chung của Đảng, Nhà nước và Bộ GD&ĐT tăng cường tính chủ động sáng tạo, phát huy năng lực tự học, tự nghiên cứu, và khả năng làm việc theo nhóm của NH trong trường ĐH. Chủ trương của Trường không ngừng đa dạng hoá các phương pháp dạy học, tăng cường áp dụng công nghệ thông tin vào quá trình dạy học.

Về đánh giá kết quả học tập (KQHT) của người học (NH): Việc đánh giá kết quả học tập của NH được thiết kế để đo lường được mức độ đạt được của CDR, bao trùm được cả kiến thức và kỹ năng chung cũng như chuyên ngành. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của NH theo CTĐT đều được thông báo công khai tới NH qua nhiều kênh để đảm bảo tất cả NH đều hiểu rõ. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng đồng thời được ghi chép lại để đánh giá, phát triển và thử nghiệm các phương pháp mới. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để NH cải thiện việc học tập và nghiên cứu của mình, đồng thời tạo điều kiện cho NH tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập của mình.

Về đội ngũ giảng viên (GV), nghiên cứu viên (NCV): Đội ngũ GV tham gia giảng dạy và vận hành chương trình được quy hoạch, tuyển dụng đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học (NCKH) và các hoạt động phục vụ cộng đồng (PVCĐ). Đội ngũ GV có năng lực chuyên môn cao, tích cực tham gia các loại hoạt động NCKH và thương mại hóa kết quả nghiên cứu. Việc tuyển dụng, đề bạt cán bộ được thực hiện công khai, đúng quy định và dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy và thành tích học thuật. Việc phân công trách nhiệm đào tạo và mối quan hệ công tác được phân định

rõ ràng, phù hợp với trình độ, kinh nghiệm kỹ năng của GV. Việc quản lý theo kết quả công việc và ghi nhận thành tích của GV, tạo động lực cho việc hoàn thành trách nhiệm giảng dạy, nghiên cứu và các hoạt động PVCD.

Về đội ngũ nhân viên (NV): Đội ngũ NV của Trường được quy hoạch, tuyển dụng đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD. Đội ngũ NV của Trường có tinh thần phục vụ cao, có năng lực chuyên môn và luôn sẵn sàng tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Với mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo, Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ luôn xác định xây dựng và phát triển đội ngũ NV là nhiệm vụ hết sức quan trọng. Trường đã thực hiện tốt kế hoạch tuyển dụng viên chức, tạo điều kiện thuận lợi cho nhiều NV được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Đội ngũ hỗ trợ của Trường đáp ứng được các yêu cầu về phẩm chất, đạo đức và năng lực công tác.

Về NH và hoạt động hỗ trợ NH: Trường và Khoa đã xây dựng bộ máy, phân công trách nhiệm hỗ trợ NH trong quá trình học tập tại Trường; xác định chính sách tuyển sinh rõ ràng, phù hợp với quy định pháp luật, công bố công khai và có điều chỉnh, cập nhật; xây dựng tiêu chí tuyển sinh, xác định các đối tượng ưu tiên, có sự tham gia của các cơ quan, đơn vị sử dụng lao động; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá tiến độ của NH cả về khối lượng lẫn chất lượng học tập; đã triển khai các hoạt động tư vấn, ngoại khóa và các hoạt động hỗ trợ khác cho NH. Trường quan tâm và tạo môi trường, cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu, rèn luyện và sự thoải mái NH.

Về cơ sở vật chất (CSVC) và trang thiết bị: Trường đã từng bước hoàn thiện về CSVC, có kế hoạch đầu tư cụ thể nhằm tăng diện tích phòng học, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy, phục vụ NH, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) vào hoạt động quản lý, điều hành. Với nguồn lực hiện có, Trường luôn đảm bảo các điều kiện về CSVC và trang thiết bị học tập để triển khai các hoạt động đào tạo và NCKH nhằm đạt được mục tiêu và nhiệm vụ đã đề ra. Điều này được thể hiện qua hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng thực nghiệm và hệ thống tài liệu, tư liệu khoa học ngành KTHTCN phục vụ cho công tác giảng dạy, học tập, NCKH và các hoạt động khác.

Về nâng cao chất lượng: Trường và Khoa đã đánh giá nhu cầu của các BLQ và sử dụng thông tin phản hồi làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTĐT. Trong quá trình tổ chức và quản lý đào tạo, hoạt động giảng dạy, học tập và kết quả học tập của SV được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại Thư viện và các dịch vụ hỗ trợ khác thường xuyên được đánh giá và cải tiến.

Về kết quả đầu ra: Trường đã từng bước phân công bộ phận chịu trách nhiệm theo dõi, đánh giá tiến độ học tập, tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học; phân tích nguyên nhân và đề ra các giải pháp đảm bảo tiến độ học tập và nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp. Trường xây

dựng cơ sở dữ liệu về việc làm của SV, định kỳ tiến hành khảo sát NH tốt nghiệp và nhà tuyển dụng về cải thiện cơ hội việc làm sau tốt nghiệp. Trường cũng đã xây dựng quy trình, phân công bộ phận tiếp nhận phản hồi từ các BLQ; định kỳ triển khai các hoạt động khảo sát ý kiến phản hồi, làm cơ sở để cải tiến CTĐT.

Báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo ngành KTHTCN trình độ đại học là sản phẩm của quá trình tự đánh giá khách quan, trung thực, công khai, minh bạch. Báo cáo tự đánh giá dựa trên bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành. Cấu trúc của báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành KTHTCN bao gồm 4 phần:

Phần I: Khái quát, mô tả ngắn gọn mục đích, quy trình tự đánh giá CTĐT, phương pháp và công cụ đánh giá để cung cấp thông tin và bối cảnh của hoạt động tự đánh giá nhằm giúp người đọc hiểu rõ hơn về nội dung của bản báo cáo tự đánh giá. Phần này đồng thời cũng mô tả sự tham gia của các BLQ (khoa, phòng, ban, giảng viên, nhân viên, người học,...), cách thức tổ chức các thành phần này tham gia hoạt động tự đánh giá CTĐT.

Phần II: Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí với các tiểu mục lần lượt là: (1) Mô tả - phân tích chung về toàn bộ tiêu chuẩn và chỉ ra các minh chứng cụ thể; (2) Điểm mạnh - nêu những điểm mạnh của CTĐT; (3) Điểm tồn tại; (4) Kế hoạch hành động; (5) Tự đánh giá.

Phần III: Kết luận về những điểm mạnh, những điểm cần phát huy của CTĐT, được tổng hợp theo từng tiêu chuẩn; tóm tắt những điểm tồn tại và vấn đề cần cải tiến chất lượng; kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT và tổng hợp kết quả tự đánh giá.

Phần IV: Phụ lục theo Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD của Cục QLCL - Bộ GD&ĐT, bao gồm cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng giáo dục CTĐT, các quyết định văn bản liên quan khác và các danh mục minh chứng.

Nội dung chính của Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành KTHTCN dựa theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành. CTĐT ngành KTHTCN được đánh giá dựa trên 11 tiêu chuẩn, với 50 tiêu chí. Trong đó, các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4 tập trung vào mục tiêu, chuẩn đầu ra, bản mô tả CTĐT, cấu trúc, nội dung chương trình dạy học và phương pháp tiếp cận trong dạy và học; tiêu chuẩn 5 đánh giá về kết quả học tập của người học; tiêu chuẩn 6, 7 đánh giá về đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên; tiêu chuẩn 8 đánh giá các yếu tố liên quan đến người học và hoạt động hỗ trợ người học; tiêu chuẩn 9 gắn với các vấn đề về cơ sở vật chất và trang thiết bị; tiêu chuẩn 10 tập trung đưa ra các nhận định về việc nâng cao chất lượng CTĐT và NCKH; tiêu chuẩn 11 nêu đánh giá về kết quả đầu ra của cả CTĐT ngành KTHTCN.

1.2. Mục đích, quy trình tự đánh giá, phương pháp và công cụ đánh giá

Mục đích tự đánh giá

Đánh giá tổng thể các hoạt động của ngành KTHTCN theo tiêu chuẩn đánh giá

chất lượng CTĐT của Bộ GD&ĐT là một khâu quan trọng trong việc đảm bảo chất lượng CTĐT của Trường ĐH KTCN CT.

Quá trình tự đánh giá giúp Trường nói chung và Khoa nói riêng tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của CTĐT ngành KTHTCN, hiệu quả hoạt động đào tạo, NCKH, nhân lực, cơ sở vật chất và các vấn đề liên quan khác thuộc CTĐT; xây dựng và triển khai các kế hoạch hành động nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT; từ đó tiến hành điều chỉnh các nguồn lực nhằm đạt tiêu chuẩn chất lượng đào tạo, tiệm cận tiêu chuẩn quốc tế của khu vực và các nước trên thế giới.

Tự đánh giá là cơ sở để đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT ngành KTHTCN.

Hoạt động tự đánh giá cũng thể hiện tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của Khoa trong toàn bộ hoạt động đào tạo, NCKH, PVCĐ theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với triết lý giáo dục, tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi của Trường và chiến lược của Khoa.

Quy trình tự đánh giá được thực hiện gồm các bước sau:

Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá;

Bước 2: Lập kế hoạch tự đánh giá;

Bước 3: Thu thập, phân tích và xử lý thông tin và minh chứng;

Bước 4: Viết báo cáo tự đánh giá;

Bước 5: Lưu trữ và sử dụng báo cáo tự đánh giá;

Bước 6: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

Phương pháp tự đánh giá chủ yếu là thu thập thông tin, minh chứng từ các nguồn ở trong và ngoài trường giai đoạn 2018 - 2023, trên cơ sở đó phân tích, đánh giá theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng.

Phương pháp mã hóa minh chứng được thực hiện theo đúng hướng dẫn của Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD của Cục QLCL - Bộ GD&ĐT. Mã thông tin và minh chứng (Mã MC) được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, ba dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau:

Hn.ab.cd.ef

Trong đó:

- H: viết tắt “Hộp minh chứng” (Minh chứng của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp)

- n: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết
(trường hợp $n \geq 10$ thì chuỗi ký hiệu có 12 ký tự trở lên).

- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)

- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10)

- ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (thông tin và minh chứng thứ

nhất viết 01, thứ 15 viết 15...)

Ví dụ:

H1.01.01.01: là MC thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1;

H3.03.02.15: là MC thứ 15 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 3, được đặt ở hộp 3;

H4.04.03.25: là MC thứ 25 của tiêu chí 03 thuộc tiêu chuẩn 4, được đặt ở hộp 4;

H8.10.02.04: là MC thứ 4 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 10, được đặt ở hộp 8;

H10.10.02.04: là MC thứ 4 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 10, được đặt ở hộp 10.

Công cụ TĐG: Bản “*Báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật hệ thống công nghiệp*” là sản phẩm của một quá trình tự đánh giá khách quan, trung thực, dân chủ, minh bạch và công khai CTĐT ngành KTHCTCN, Khoa KT-QLCN theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư 04/2016/TT- BGDĐT).

Trường đã ban hành Quyết định số 658/QĐ-ĐHKTCN ngày 16 tháng 9 năm 2022 về việc thành lập Hội đồng TĐG, Quyết định số 740/QĐ-ĐHKTCN ngày 30 tháng 12 năm 2023 về việc điều chỉnh, bổ sung Hội đồng TĐG CTĐT ngành Kỹ thuật hệ thống công nghiệp trình độ đại học và Kế hoạch số 936/KH-ĐHKTCN ngày 29 tháng 9 năm 2022 về TĐG CTĐT ngành Kỹ thuật hệ thống công nghiệp trình độ đại học. Ban thư ký thuộc Hội đồng TĐG đã được tập huấn, hướng dẫn chi tiết quy trình TĐG và viết báo cáo; các nhóm công chuyên trách tác chịu trách nhiệm một số tiêu chuẩn được phân công. Các phòng ban có liên quan huy động toàn bộ nguồn lực GV, SV để hỗ trợ thực hiện các bước quy trình TĐG. Để triển khai TĐG, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL tiến hành họp phổ biến kế hoạch tiến độ chi tiết và phân công rõ ràng từng mảng công việc như: điều tra khảo sát các BLQ; thu thập, phân loại, mã hóa MC; viết báo cáo tiêu chí; dự thảo báo cáo TĐG; sắp xếp MC. Ngoài ra, các đơn vị thuộc Trường cung cấp số liệu, thông tin MC cần thiết khi có yêu cầu từ Phòng TT-PC-KT-ĐBCL.

2. Tổng quan chung

2.1. Khái quát về lịch sử phát triển

Ngày 29 tháng 01 năm 2013, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 249/QĐ-TTg thành lập Trường ĐH KTCN CT (tên viết tắt CTUT, sau đây gọi là Trường) trên cơ sở nguồn nhân lực, cơ sở vật chất của Trung tâm Đại học Tại chức Cần Thơ.

2.2. Tầm nhìn, sứ mạng và các giá trị của Trường

Sứ mạng: Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực có đạo đức tốt, có chuyên môn cao, có khả năng tiếp cận NCKH, ứng dụng và chuyển giao công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ, đáp ứng nhu cầu phát triển của thành phố Cần Thơ, vùng đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.

Tầm nhìn: Đến năm 2030, Trường ĐH KTCN CT trở thành trường đại học theo định hướng ứng dụng, quản lý liên ngành kỹ thuật công nghệ phù hợp với xu thế phát

triển trong thời kỳ Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Giá trị cốt lõi: "Chất lượng - Sáng tạo - Năng động - Phát triển".

Triết lý giáo dục: "Đức trí - Kỹ năng - Sáng tạo - Hội nhập".

2.3. Đội ngũ cán bộ, giảng viên, sinh viên và các hoạt động của Trường

• *Đội ngũ cán bộ giảng viên*

Tính đến tháng 12/2023, Trường có 07 phòng, 07 khoa và 03 trung tâm trực thuộc. Tổng số cán bộ, giảng viên và nhân viên của trường 266 người, trong đó giảng viên cơ hữu 246 người, viên chức quản lý hành chính 20 người. Phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, Trường có 04 PGS, 47 TS, 189 ThS và 06 ĐH. Trường có thỉnh giảng 45 giảng viên hỗ trợ công tác giảng dạy, trong đó có 02 PGS, 17 TS, 36 ThS.

• *Hoạt động đào tạo*

Tổng số sinh viên của trường là 5184 sinh viên thuộc 22 ngành đào tạo trình độ đại học chính quy. Khoa KT-QLCN chịu trách nhiệm đào tạo 06 ngành (Quản lý công nghiệp, Kỹ thuật hệ thống công nghiệp, Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng, Quản trị kinh doanh, Kế toán, Tài chính ngân hàng) với 1320 sinh viên đang học, trong đó ngành Kỹ thuật hệ thống công nghiệp có 251 sinh viên đang học.

• *Hoạt động nghiên cứu khoa học*

Trường rất chú trọng công tác NCKH và xem hoạt động NCKH là biện pháp nâng cao chất lượng đào tạo của Trường. Từ năm 2018 tới nay, Trường có 98 đề tài NCKH cấp cơ sở được nghiệm thu, đưa vào ứng dụng; 02 đề tài NCKH cấp Thành phố đã nghiệm thu, đăng ký giải pháp hữu ích; 01 đề tài NCKH cấp huyện đã hoàn tất. Trong năm 2023, Trường có 23 đề tài NCKH cấp cơ sở đã được Hiệu trưởng ra quyết định công nhận kết quả thực hiện. Trường đã có 200 bài báo khoa học đăng trên tạp chí quốc tế, 240 bài báo khoa học đăng trên tạp chí trong nước có phản biện và 01 sách chuyên khảo xuất bản quốc tế. Bên cạnh đó, NCKH trong SV cũng được quan tâm, có 35 đề tài sinh viên được nghiệm thu, 13 bài báo sinh viên tham gia xuất bản và một số đề tài đã đạt được thành tích cao trong các cuộc thi khoa học và công nghệ.

Hàng năm, Trường tổ chức các buổi báo cáo khoa học cấp khoa và cấp trường thu hút sự quan tâm của giảng viên, cán bộ viên chức và sinh viên. Tính đến nay, Trường có 261 báo cáo khoa học cấp khoa, 59 báo cáo khoa học cấp trường. Năm 2023, Trường đã tổ chức được 12 Báo cáo khoa học cấp Khoa và 07 Báo cáo khoa học cấp Trường.

• *Hoạt động phục vụ cộng đồng*

Trường chú trọng tổ chức các buổi hội thảo, chuyên đề hướng nghiệp và ngày hội việc làm. Các tập đoàn, doanh nghiệp trong và ngoài nước được mời để trao đổi và chia sẻ kinh nghiệm và kiến thức thực tiễn. Những hoạt động này cùng với những hỗ trợ/hợp tác khác đã giúp hàng trăm sinh viên có cơ hội thực tập và được tuyển dụng ngay khi tốt nghiệp.

Góp phần phục vụ và phát triển cộng đồng, các hoạt động hợp tác nghiên cứu phát triển, chuyển giao công nghệ và đào tạo nhân lực với các chính quyền địa phương đã được đẩy mạnh trong thời gian qua. Theo đó, Trường đã ký kết hợp tác với nhiều địa phương. Nhiều hội thảo và kết quả nghiên cứu về phát triển kinh tế - xã hội đã được triển khai tại các địa phương và đem lại kết quả tích cực, đóng góp vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội tại các địa phương.

Hằng năm, Đoàn Thanh niên tổ chức sinh viên tham gia chiến dịch mùa hè xanh giúp đỡ những địa phương còn khó khăn về vật chất cũng như tinh thần, bên cạnh hoạt động mùa hè xanh Trường còn tổ chức nhiều hoạt động khác như: chiến dịch tình nguyện hiến máu nhân đạo mỗi năm trên 100 đơn vị máu, tổ chức làm lồng đèn (gần 1000 chiếc) tặng cho các cháu thiếu nhi có hoàn cảnh khó khăn. Bên cạnh đó, Trường còn thường xuyên hưởng ứng và tham gia các chương trình nhân đạo khác do Công đoàn cấp trên phát động.

• ***Hoạt động quan hệ hợp tác, đối tác***

Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ luôn tìm kiếm cơ hội hợp tác với các đối tác là các trường đại học, các công ty trong và ngoài nước. Tính đến năm 2023, Trường đã ký kết được 15 Thỏa ước khung và Biên bản ghi nhớ hợp tác với các trường đại học và công ty nước ngoài như: Trường Đại học Ruse (Bulgaria), Trường Đại học Soonchunhyang (Hàn Quốc), Đại học Victoria Wellington (New Zealand), Trường Đại học California Baptist (Hoa Kỳ), Trường Đại học Rajabhat Rajanagarindra (Thái Lan), Trường Đại học Khoa Học và Công Nghệ Quốc Gia Cao Hùng (Đài Loan), Công ty TNHH LinQ (New Zealand), Trường Đại học Chodang (Hàn Quốc), Học viện Máy tính Kobe (Nhật Bản) và Học viện Ngoại ngữ Okayama (Nhật Bản), Trường Đại học Kỹ thuật Hải Dương, Đài Bắc, Đài Loan (Trung Quốc); Các trường đại học, cao đẳng tại Đài Loan (Trung Quốc), Trường Đại học Khoa học kỹ thuật Long Hoa, Đài Loan (Trung Quốc); Trường Đại học Công nghệ HungKuo Delin, Đài Loan (Trung Quốc), Trường đại học Yuan Ze, Đài Loan (Trung Quốc). Trường hợp tác với Học viện Ngoại ngữ Okayama để mở trung tâm đào tạo Tiếng Nhật tại Trường trong năm 2019, triển khai thực hiện chương trình tiếp nhận, trao đổi tình nguyện viên với các tổ chức quốc tế như chương trình Fulbright (Hoa Kỳ), Đại học Rajabhat Rajanagarindra (Thái Lan), chương trình KIV (Hàn Quốc).

Trường đã tổ chức 32 Hội thảo trong nước và quốc tế tại Trường. Trong năm 2016, Trường phối hợp với Trường Đại học Bách Khoa Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức thành công Hội nghị Quốc tế ACOMP & FDSE 2016 thu hút được sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu, các giáo sư, phó giáo sư, chuyên gia, giảng viên, nghiên cứu sinh trong và ngoài nước tham dự; tổ chức thành công Hội thảo Gắn kết Trường với Doanh nghiệp Năm 2017, Trường phối hợp với Trung tâm Động lực học thủy khí môi trường

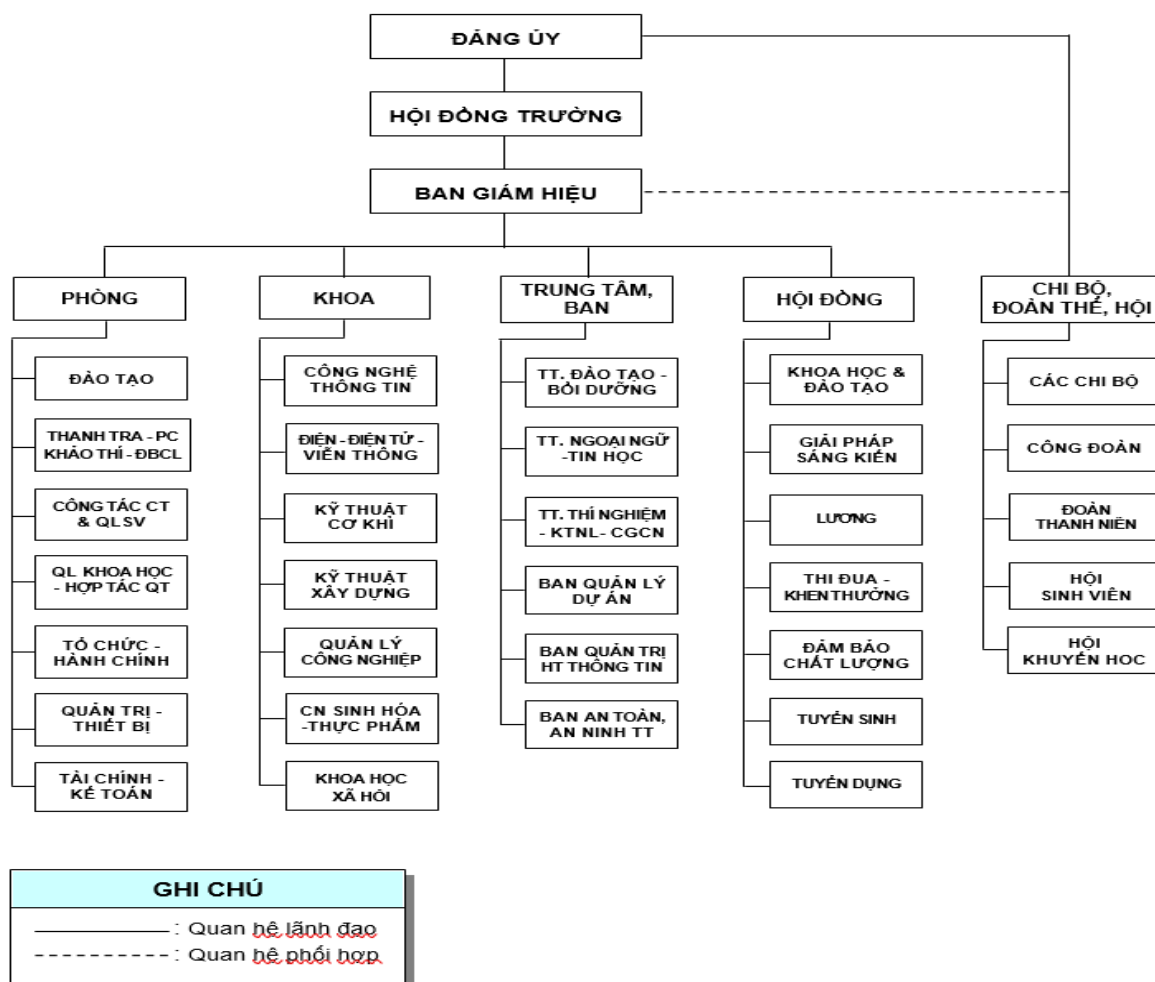
Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức thành công Hội nghị Khoa học Cơ học thủy khí toàn quốc lần thứ 20 tại Cần Thơ. Năm 2018, Trường phối hợp với Trường Đại học Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức Hội nghị quốc tế về Logistics và Kỹ thuật công nghiệp tại Trường Đại học Bách khoa TP. Hồ Chí Minh. Trong năm 2019, có 7 Hội thảo được tổ chức, Trường đã phối hợp với Công ty TNHH đào tạo và tư vấn du học Minh Tú tổ chức thành công Hội thảo quốc tế “Học tiếng Nhật và cơ hội việc làm cho sinh viên CTUT” và phối hợp với các doanh nghiệp, công ty tổ chức “Tọa đàm Kết nối doanh nghiệp - Sinh viên” năm 2019. Trong năm 2020, Trường tổ chức 04 Hội thảo trong đó, Trường đã phối hợp với các doanh nghiệp, công ty tổ chức “Tọa đàm Kết nối doanh nghiệp - Sinh viên” năm 2020. Trong năm 2022, Trường tổ chức 06 Hội thảo, với các chuyên đề về: (1) Ứng dụng Khoa học và Công nghệ trong xây dựng - Định hướng sáng tạo khởi nghiệp; (2) Cơ điện tử và Tự động hóa lần thứ 1; (3) Ứng dụng Công nghệ thông tin trong nghiên cứu và định hướng việc làm sinh viên; (4) Giải pháp tự động hóa, số hóa cho các doanh nghiệp của Siemens và các vấn đề về khởi nghiệp; (5) Giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo tại Khoa; (6) Nâng cao năng lực chuyển đổi số, tự động hóa và quản lý hiệu quả năng lượng trong sản xuất công nghiệp. Và tổ chức chương trình tọa đàm “Kết nối doanh nghiệp với sinh viên ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng”. Trong năm 2023, Trường tổ chức 06 Hội thảo, chủ đề: (1) Việc làm và kỹ năng mềm theo xu hướng của thị trường lao động; (2) Vấn đề chuyển đổi số trong cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng tại thành phố cần thơ năm 2023; (3) Ứng dụng Công nghệ thông tin và Chuyển đổi số trong ngành xây dựng; (4) Hội thảo "Công nghệ số và chuyển đổi năng lượng xanh cho sản xuất thông minh"; (5) Làm việc - Học tập sau tốt nghiệp đại học; (6) Giới thiệu sản phẩm khoa học công nghệ; (6) Hội thảo về Cơ điện tử và Tự động hoá lần thứ 2.

Trong quá trình thành lập và phát triển Trường, tập thể CBVC và các tổ chức đoàn thể, chính trị - xã hội của Trường đã nhận được nhiều bằng khen, giấy khen của UBND thành phố Cần Thơ, Đảng ủy Khối cơ quan Dân chính Đảng, Trung ương Đoàn và Thành đoàn Cần Thơ, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và Liên đoàn Lao động thành phố Cần Thơ.

2.4. Cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ

2.4.1. Cơ cấu tổ chức của Trường

Cơ cấu tổ chức Trường Đại học KTCN CT gồm HĐT, Đảng ủy và các đoàn thể, Ban Giám hiệu (01 Hiệu trưởng, 02 Phó hiệu trưởng), 07 phòng chức năng, 07 Khoa chuyên môn, 03 Trung tâm, đơn vị phục vụ đào tạo, nghiên cứu.



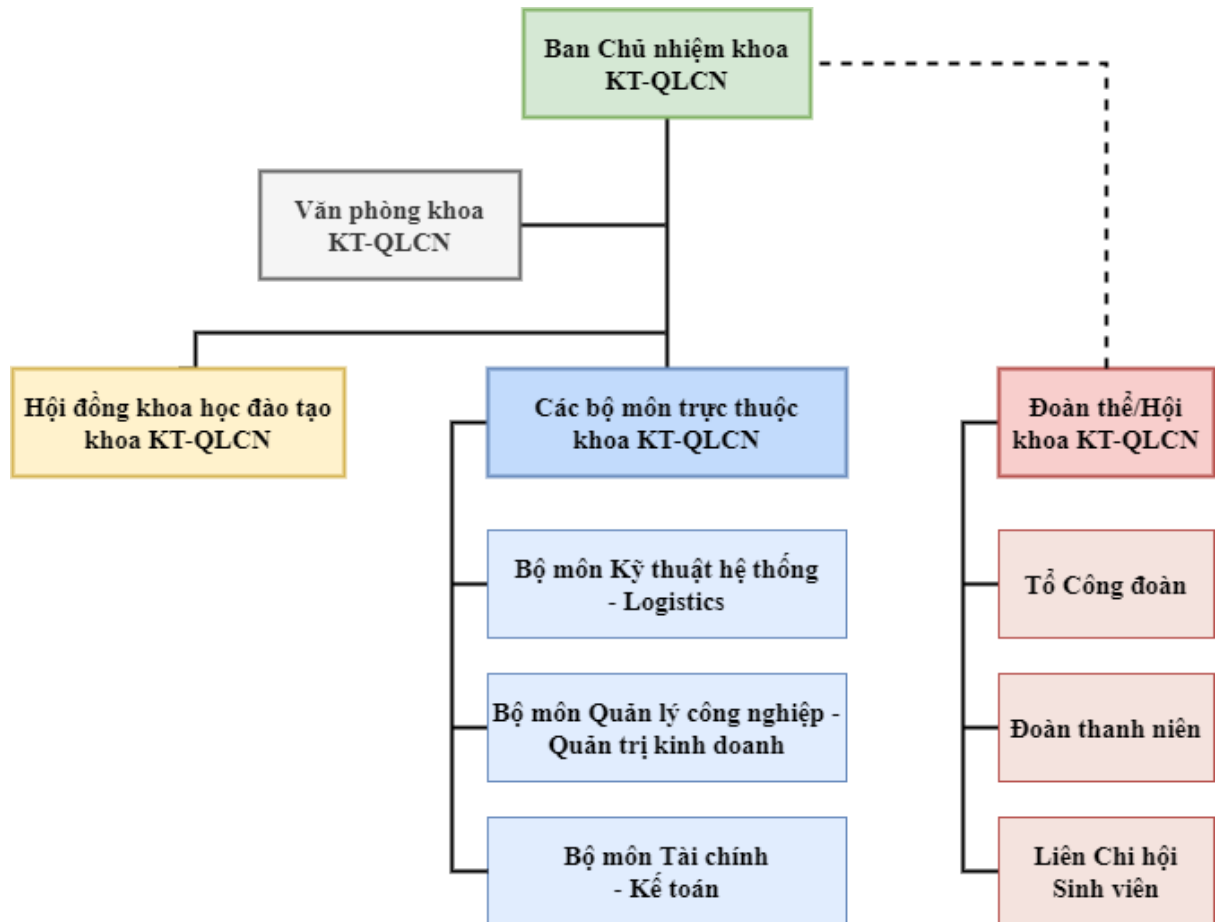
Hình 0.1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Trường

(Nguồn: <https://ctu.edu.vn>, 2023)

2.4.2. Giới thiệu về Khoa Kinh tế - Quản lý công nghiệp

Khoa KT-QLCN được thành lập theo Quyết định số 66/QĐ-ĐHKTCN ngày 11 tháng 4 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ. Tính đến tháng 12/2023, tổng số CBGV là 66 người, trong đó có 27 CBGV nam và 39 CBGV nữ. Cơ cấu tổ chức của Khoa gồm Ban Chủ nhiệm, 03 Bộ môn là Bộ môn Quản lý công nghiệp - Quản trị kinh doanh, Kỹ thuật hệ thống - Logistics và Tài chính - Kế toán (được thành lập theo Quyết định số 76, 77, 78/QĐ-ĐHKTCNCT ngày 15 tháng 02 năm 2022 của Trường ĐH KTCN CT). Đến tháng 12/2022, Khoa QLCN được đổi tên thành Khoa Kinh tế - Quản lý công nghiệp theo Quyết định số 839/QĐ-ĐHKTCN ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường ĐH KTCN CT. Đối với Bộ môn Kỹ thuật hệ thống - Logistics có 01 CBGV giữ nhiệm vụ Trưởng khoa kiêm Trưởng Bộ môn, 01 CBGV giữ nhiệm vụ Phó Trưởng Bộ môn. Đối với Bộ môn QLCN-QTKD có 01 CBGV giữ nhiệm vụ Phó Trưởng khoa kiêm Trưởng Bộ môn, 01 CBGV giữ nhiệm vụ Phó Trưởng Bộ môn. Đối với Bộ môn Tài chính - Kế toán có 01 CBGV giữ nhiệm vụ Phó Trưởng khoa kiêm Trưởng Bộ môn, 01 CBGV giữ nhiệm vụ Phó Trưởng Bộ môn. Tổ chức Đoàn Khoa KT-QLCN gồm 24 Chi đoàn sinh viên, 01 Liên chi hội sinh

viên Khoa KT-QLCN, 01 Tổ Công đoàn Khoa. Về trình độ chuyên môn: có 11 CBGV có trình độ Tiến sĩ (trong đó có 1 CBGV là Phó Giáo sư), 55 CBGV có trình độ Thạc sĩ; 01 Đại học. Về cơ sở vật chất, Khoa được trang bị Văn phòng Khoa và phòng thí nghiệm mô hình hóa mô phỏng Logistics đáp ứng yêu cầu công tác giảng dạy và NCKH.



Hình 0.2. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Khoa KT-QLCN

Khoa KT-QLCN đang phụ trách đào tạo 06 ngành trình độ đại học: Kỹ thuật hệ thống công nghiệp, Quản lý công nghiệp, Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng, Quản trị kinh doanh, Kế toán và Tài chính - ngân hàng. Hiện nay, tổng số quy mô sinh viên của khoa là 1320, trong đó có 251 SV đang theo học ngành KTHTCN.

Thường xuyên thực hiện phương châm “Tất cả vì Sinh viên thân yêu!”, hằng năm Khoa tổ chức cho trên 3 lượt sinh viên đi tham quan thực tế, thực tập tại các cơ quan, công ty, doanh nghiệp. Sinh viên của Khoa nhận được sự hài lòng của cơ sở thực tập cả về kiến thức chuyên môn lẫn đạo đức, tác phong trong công việc. Công tác gắn kết doanh nghiệp, giới thiệu việc làm cho sinh viên được đặc biệt quan tâm và có sự phát triển. Khoa đã tổ chức thành công Chương trình Tọa đàm kết nối “Doanh nghiệp - Sinh viên” năm 2019 và 2020; chương trình Tọa đàm “Kết nối doanh nghiệp với sinh viên ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng” năm 2022; Hội thảo khoa học cấp khoa năm 2020 “Nâng cao năng lực tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ IV”; Hội

thảo khoa học cấp trường “Quản trị rủi ro và nâng cao năng lực quản lý doanh nghiệp” năm 2022; Hội thảo khoa học cấp trường “Việc làm và kỹ năng mềm theo xu hướng của thị trường lao động” năm 2023. Bên cạnh đó, sinh viên ngành KTHT tham gia tích cực các hoạt động học tập, NCKH, khởi nghiệp do Trường và các đơn vị bên ngoài tổ chức, đạt được các kết quả rất đáng khích lệ. Các chương trình Tọa đàm, Hội thảo, Hội thi có nội dung phong phú, hấp dẫn, thiết thực đã thu hút hầu hết sinh viên tham dự. Qua đó, Khoa đã hợp tác với nhiều doanh nghiệp để trao quà, trao học bổng cho sinh viên, giải quyết việc làm cho sinh viên khi tốt nghiệp.

Tính đến tháng 06/2023, Khoa KT-QLCN có 194 sinh viên tốt nghiệp ngành Kỹ thuật hệ thống công nghiệp. Tập thể Khoa luôn hoàn thành tốt công việc được giao, 100% CBGV hoàn thành định mức giờ chuẩn giảng dạy được giao. Từ năm học 2017 - 2018, Khoa KT-QLCN luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và nhận Giấy khen của Trường. Năm học 2017 - 2018, 2020 - 2021, 2022 - 2023 Khoa KT-QLCN nhận Bằng khen tập thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của UBND thành phố Cần Thơ, Bằng khen Thủ tướng Chính phủ năm 2023.

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mở đầu: Mục tiêu và CDR của một CTĐT là một trong các thông số thể hiện sự gắn kết trường đại học, ngành đào tạo với nhu cầu đào tạo của XH. Do đó, mục tiêu và CDR của CTĐT ngành được xây dựng dựa trên sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, TLGD, chiến lược dài hạn của Trường và Khoa, cùng mục tiêu chung của GDDH đã quy định tại Luật GDDH, và nhu cầu của các BLQ. Các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và thái độ mà người học phải đạt được sau khi ra Trường được xác định rõ ràng, bao quát được các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt; phản ánh được yêu cầu của các BLQ trong CDR này. Mục tiêu và CDR của CTĐT ngành được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học

1. Mô tả hiện trạng

Mục tiêu của CTĐT ngành KTHTCN được xác định rõ ràng, cụ thể: CTĐT ngành KTHTCN đã thể hiện rõ mục tiêu của CTĐT trong Quyết định số 2929/QĐ-BGDĐT ngày 13/8/2013 cho phép đào tạo ngành KTHTCN của Bộ Giáo dục và Đào tạo, quyết định ban hành CTĐT của Hiệu trưởng Trường ĐH Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ các năm 2018, 2019, 2020, 2022 (Quyết định số 283/QĐ-ĐHKTCN ngày 26/6/2018, 657/QĐ-ĐHKTCN ngày 31/12/2019, 638/QĐ-ĐHKTCN ngày 31/12/2020, 495/QĐ-ĐHKTCN ngày 27/6/2022) [H1.01.01.01], Bản mô tả CTĐT qua các năm 2019, 2020,

2022 (Quyết định số 660/QĐ-ĐHKTCN ngày 31/12/2019, 645/QĐ-ĐHKTCN ngày 31/12/2020, 497/QĐ-ĐHKTCN ngày 27/6/2022) và Đề cương chi tiết học phần từ khi mở ngành năm 2013, các năm 2018, 2019, 2020, 2022 (Quyết định 569/QĐ-ĐHKTCN ngày 31/12/2018, 658/QĐ-ĐHKTCN ngày 31/12/2019, 643/QĐ-ĐHKTCN ngày 31/12/2020, 496/QĐ-ĐHKTCN ngày 27/6/2022). Mục tiêu CTĐT được thể hiện rõ ràng, cụ thể, có sự liên kết, tính đáp ứng của các CDR CTĐT, mục tiêu và CDR học phần. [H1.01.01.02]. Trong đó, mục tiêu của CTĐT ngành KTHTCN bao gồm mục tiêu chung (đã được bổ sung từ năm 2019 và điều chỉnh vào năm 2022) và mục tiêu cụ thể được điều chỉnh phiên bản năm 2022 (đã được điều chỉnh từ năm 2019 và không đổi cho tới hiện nay) như sau:

Về mục tiêu chung: Đào tạo kỹ sư ngành Kỹ thuật hệ thống công nghiệp có năng lực chuyên môn trong công tác quản lý, có khả năng phối hợp với cán bộ kỹ thuật tại nhà máy, xưởng sản xuất để thiết kế, tổ chức, điều hành, kiểm soát, và cải tiến các hoạt động sản xuất. Ngoài ra chương trình dạy học theo hướng phát triển năng lực người học cũng giúp người học có khả năng phân tích, tổng hợp, tư duy, phản biện, sáng tạo để có thể đưa ra các quyết định về mặt chiến lược, xử lý tốt các vấn đề. Cách thiết kế các bài học cũng giúp sinh viên phát triển kỹ năng về làm việc nhóm và làm việc độc lập, khoa học, kỹ năng thuyết trình và giao tiếp hiệu quả, xây dựng văn hóa tổ chức và tư duy sáng tạo. Cùng với năng lực chuyên môn chương trình dạy học theo hướng cũng hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất chính trị, có lòng yêu nước, yêu ngành nghề, có ý chí lập thân, lập nghiệp, có đạo đức nghề nghiệp có tinh thần trách nhiệm, tác phong văn minh, ý thức tổ chức kỷ luật, rèn luyện sức khỏe để phục vụ ngành nghề.

Về mục tiêu cụ thể

i) Về kiến thức: PO1: Vận dụng cơ bản các kiến thức về khoa học xã hội - nhân văn, khoa học tự nhiên, khoa học chính trị và pháp luật, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng làm nền tảng cho việc tiếp thu kiến thức chuyên ngành KTHTCN; PO2: Vận dụng được kiến thức về ngoại ngữ, tin học đáp ứng nhu cầu phát triển và số hóa các hoạt động sản xuất và dịch vụ trong bối cảnh toàn cầu; PO3: Có khả năng lập kế hoạch, vận hành hệ thống sản xuất thông qua việc quản lý và kiểm soát nguồn tài nguyên đầu vào; PO4. Có khả năng phân tích và thẩm định và thiết kế và cải tiến các HTCN.

ii) Về kỹ năng: PO5: Quản lý điều hành hệ thống và trợ giúp ra quyết định trong quản lý sản xuất; PO6: Vận dụng tốt chuyên môn để phân tích được các vấn đề và truyền đạt giải pháp có liên quan đến người khác trong quá trình thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp, đa dạng trong chuyên môn; PO7: Thiết kế và cải tiến hệ thống sản xuất và dịch vụ đảm bảo hỗ trợ quản lý và nâng cao không ngừng chất lượng toàn diện của toàn hệ thống sản xuất từ khâu đầu vào đến khâu đầu ra của sản phẩm và dịch vụ; PO8: Hỗ trợ doanh nghiệp về QL kinh tế, điều hành doanh nghiệp, kích cầu sản phẩm.

iii) **Về mức độ tự chủ trách nhiệm nghề nghiệp:** PO9: Nhận thức về trách nhiệm và nghĩa vụ của kỹ sư hệ thống công nghiệp thực hiện công tác chuyên môn theo quy định pháp luật; ý thức rèn luyện sức khỏe để phục vụ ngành nghề.; PO10: Ý thức tự học tập, nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp suốt đời; có đạo đức và bản lĩnh nghề nghiệp; có kỷ luật lao động, tác phong công nghiệp.

Nhằm định hướng rõ ràng sứ mạng đã đề ra, mục tiêu đào tạo của Khoa KT-QLCN, ngành KTHTCN được thiết kế phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của CSGD. Trong quá trình xây dựng và hoàn thiện mục tiêu của CTĐT ngành KTHTCN, Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Khoa của Trường đã bám sát vào tầm nhìn, sứ mạng của Trường và của Khoa để đảm bảo hiệu quả việc thực hiện mục tiêu của CTĐT [H1.01.01.03].

Bảng 1.1.1. Tính kết nối giữa tầm nhìn, sứ mạng của Trường và tầm nhìn, sứ mạng của Khoa và Mục tiêu đào tạo của ngành KTHTCN

	Trường ĐH KTCN CT	Khoa KT-QLCN	Mục tiêu CTĐT ngành KTHTCN
Tầm nhìn	Đến năm 2030, Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ trở thành trường đại học theo định hướng ứng dụng , quản lý liên ngành kỹ thuật công nghệ phù hợp với xu thế phát triển trong thời kỳ Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.	Đến năm 2030, phấn đấu xây dựng Khoa Quản lý công nghiệp trở thành Khoa phát triển bền vững với thế mạnh đào tạo theo định hướng ứng dụng nhằm phát triển năng lực sinh viên và cung ứng dịch vụ về lĩnh vực kinh doanh và quản lý kinh tế, kỹ thuật có chất lượng, uy tín. Xây dựng và khẳng định thương hiệu của Khoa Quản lý công nghiệp trong khu vực ĐBSCL và trên cả nước. Bên cạnh đó lấy nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ làm nền tảng cho hướng phát triển tiếp theo để	Đào tạo kỹ sư ngành Kỹ thuật hệ thống công nghiệp có năng lực chuyên môn trong công tác quản lý, có khả năng phối hợp với cán bộ kỹ thuật tại nhà máy, xưởng sản xuất để thiết kế, tổ chức, điều hành, kiểm soát, và cải tiến các hoạt động sản xuất. Ngoài ra chương trình dạy học theo hướng phát triển năng lực người học cũng giúp người học có khả năng phân tích, tổng hợp, tư duy, phản biện, sáng tạo để có thể đưa ra các quyết định về mặt chiến lược, xử lý tốt

	Trường ĐH KTCN CT	Khoa KT-QLCN	Mục tiêu CTĐT ngành KTHTCN
		khẳng định thương hiệu trong môi trường cả nước và quốc tế.	các vấn đề. Cách thiết kế các bài học cũng giúp sinh viên phát triển kỹ năng về làm việc nhóm và làm việc độc lập, khoa học, kỹ năng thuyết trình và giao tiếp hiệu quả, xây dựng văn hóa tổ chức và tư duy sáng tạo.
Sứ mạng	Đào tạo nguồn nhân lực có đạo đức tốt, có chuyên môn cao, có khả năng tiếp cận nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ, đáp ứng nhu cầu phát triển của TP Cần Thơ, vùng đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.	Khoa Quản lý công nghiệp có sứ mạng đào tạo các kỹ sư, cử nhân trong lĩnh vực vận hành, quản lý thuộc các khối ngành kinh tế và kỹ thuật, tạo điều kiện để các sinh viên phát triển năng lực bản thân , ra trường có khả năng ứng dụng, phối hợp trong việc vận hành, tổ chức, điều hành doanh nghiệp, cung cấp cho xã hội nguồn nhân lực có đạo đức nghề nghiệp, tư duy năng động, sáng tạo, có tinh thần trách nhiệm, tác phong văn minh, ý thức tổ chức kỷ luật tốt, rèn luyện sức khỏe để phục vụ ngành nghề, có trình độ chuyên môn cao để góp phần đào tạo nguồn	Cùng với năng lực chuyên môn chương trình dạy học theo hướng cũng hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất chính trị, có lòng yêu nước, yêu ngành nghề, có ý chí lập thân, lập nghiệp, có đạo đức nghề nghiệp có tinh thần trách nhiệm, tác phong văn minh, ý thức tổ chức kỷ luật , rèn luyện sức khỏe để phục vụ ngành nghề.

	Trường ĐH KTCN CT	Khoa KT-QLCN	Mục tiêu CTĐT ngành KTHTCN
		nhân lực cho địa phương, khu vực ĐBSCL và cả nước.	

Mục tiêu của CTĐT ngành KTHTCN được rà soát và điều chỉnh cho phù hợp với nhu cầu xã hội, chiến lược phát triển của Trường và Luật GDĐH. Sự phù hợp giữa mục tiêu của CTĐT KTHTCN với mục tiêu GDĐH của Luật GDĐH được thể hiện ở bảng 1.1.2. [H1.01.01.03].

Bảng 1.1.2. Sự tương thích giữa MTĐT ngành KTHTCN với Luật GDĐH

Luật Giáo dục đại học	MTĐT của ngành KTHTCN
	Kiến thức
Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học, công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế.	PO1. Vận dụng cơ bản các kiến thức về khoa học xã hội - nhân văn, khoa học tự nhiên, khoa học chính trị và pháp luật, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng làm nền tảng cho việc tiếp thu kiến thức chuyên ngành KTHTCN.
	PO2. Vận dụng được kiến thức về ngoại ngữ, tin học đáp ứng nhu cầu phát triển và số hóa các hoạt động sản xuất và dịch vụ trong bối cảnh toàn cầu.
	PO3. Có khả năng lập kế hoạch, vận hành hệ thống sản xuất thông qua việc quản lý và kiểm soát nguồn tài nguyên đầu vào.
	PO4. Có khả năng phân tích và thẩm định và thiết kế và cải tiến các HTCN.
	Kỹ năng
Đào tạo trình độ đại học để sinh viên có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm	PO5. Quản lý điều hành hệ thống và trợ giúp ra quyết định trong quản lý sản xuất.

Luật Giáo dục đại học	MTĐT của ngành KTHTCN
vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo.	PO6. Vận dụng tốt chuyên môn để phân tích được các vấn đề và truyền đạt giải pháp có liên quan đến người khác trong quá trình thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp, đa dạng trong chuyên môn.
	PO7. Thiết kế và cải tiến hệ thống sản xuất và dịch vụ đảm bảo hỗ trợ quản lý và nâng cao không ngừng chất lượng toàn diện của toàn hệ thống sản xuất từ khâu đầu vào đến khâu đầu ra của sản phẩm và dịch vụ.
	PO8. Hỗ trợ DN về quản lý kinh tế, điều hành doanh nghiệp, kích cầu sản phẩm.
	Mức tự chủ và trách nhiệm
Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân.	PO9. Nhận thức về trách nhiệm và nghĩa vụ của kỹ sư hệ thống công nghiệp thực hiện công tác chuyên môn theo quy định pháp luật; ý thức rèn luyện sức khỏe để phục vụ ngành nghề.
	PO10. Ý thức tự học tập, nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp suốt đời; có đạo đức và bản lĩnh nghề nghiệp; có kỷ luật lao động, tác phong công nghiệp.

Mục tiêu đào tạo được cập nhật và chỉnh sửa nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường lao động liên quan đến CTĐT ngành KTHTCN, mục tiêu CTĐT ngày càng gắn bó với mục tiêu chung, đồng thời phù hợp và bắt kịp kiến thức của thời đại và hội nhập quốc tế. Khoa phối hợp với các đơn vị, CTĐT ngành KTHTCN được tiến hành khảo sát ý kiến của các BLQ (GV, NH, nhà tuyển dụng) để hoàn thiện mục tiêu đào tạo và xây dựng định hướng đúng đắn cho quá trình dạy và học của Khoa KT-QLCN qua các năm 2019, 2020, 2022. Sinh viên đánh giá về sự phù hợp của chương trình đào tạo ngành KTHTCN thông qua thang đo Likert 5 mức độ (với 1 = *Rất không đồng ý*, 2 = *Không đồng ý*; 3 = *Trung lập*; 4 = *Đồng ý* và 5 = *Rất đồng ý*). Kết quả thống kê cho thấy có 8/10 mục tiêu đào tạo được sinh viên đánh giá là phù hợp (với mức bình quân trên 4)

gồm PO1, PO2, PO5, PO6, PO7, PO8, PO9 và PO10. Riêng PO3 và PO4 có mức bình quân là 3,9 cho thấy đây là các mục tiêu mà SV tuy còn phân vân nhưng đã tiệm cận đến mức phù hợp (mức 4). Nói cách khác, SV đánh giá các mục tiêu đào tạo của ngành KTHTCN là đúng hướng và phù hợp, song vẫn cần cải thiện một số yếu tố liên quan đến PO3 và PO4 nhằm nâng cao hiệu quả của CTĐT. Kết quả khảo sát của cựu sinh viên các khóa đều tán thành cao về sự phù hợp của mục tiêu đào tạo ngành KTHTCN. Trong đó, mức đánh giá cao nhất là đối với mục tiêu PO7 và PO10, cùng đạt 4,48. Giảng viên, nhà tuyển dụng đều đánh giá cao sự phù hợp của mục tiêu đào tạo ngành KTHTCN, các mục tiêu đều có mức bình quân từ 4,0 trở lên [H1.01.01.04] , [H1.01.01.05].

Mục tiêu của CTĐT cũng được đối sánh với các trường ĐH uy tín trong nước (Trường ĐH Bách khoa TP. Hồ Chí Minh, Bách khoa Đà Nẵng) [H1.01.01.06]. Qua đó, mục tiêu của CTĐT được cập nhật và điều chỉnh qua các năm để phù hợp với tình hình thực tế [H1.01.01.07]. Và đều được công khai rộng rãi trên trang thông tin điện tử của Trường và Khoa [H1.01.01.08]. Từ kết quả của khảo sát các BLQ, đối sánh trong và ngoài nước, khoa có sự tổng hợp, phân tích về sự phù hợp, xu hướng nghề nghiệp làm cơ sở cải tiến mục tiêu CTĐT ngành KTHTCN, để ngành KTHTCN đáp ứng nhu cầu công việc thực tiễn [H1.01.01.09].

2. Điểm mạnh

Mục tiêu của CTĐT ngành KTHTCN được xây dựng rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn đã được tuyên bố; phù hợp với mục tiêu của giáo dục ĐH quy định tại Luật Giáo dục ĐH hiện hành và Khung trình độ quốc gia Việt Nam; Mục tiêu của CTĐT ngành KTHTCN được thông báo, phổ biến bằng nhiều hình thức khác nhau.

3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát đánh giá của người học, người sử dụng lao động chưa đa dạng đối tượng, chưa thường xuyên tổ chức hội thảo về chương trình đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Khoa tiếp tục tham khảo các trường ĐH trong và ngoài nước có đào tạo ngành KTHTCN, xây dựng kế hoạch đánh giá đồng cấp để rút kinh nghiệm và học tập lẫn nhau.	Khoa KT-QLCN Phòng ĐT	Hằng năm	
2	Phát huy điểm	CTĐT được rà soát và điều chỉnh thường kỳ, bảo đảm mục tiêu được xác định rõ ràng, bám sát	Khoa KT-QLCN Phòng ĐT	Hằng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
	manh	vào sứ mạng của Trường và mục tiêu của Luật GDĐH để CTĐT phù hợp và bắt kịp kiến thức của thời đại và hội nhập quốc tế.			

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT

1. Mô tả hiện trạng

Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành KTHTCN được xác định rõ ràng, phù hợp với những yêu cầu quy định của Trường và Bộ GD&ĐT, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu đặc thù cho người học, đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội. Trường đã ban hành Quy định về xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR của CTĐT của Trường ĐH KTCN CT; đồng thời ban hành Kế hoạch rà soát, điều chỉnh CĐR, CTĐT và ĐCCT học phần (Quyết định số 396/QĐ-ĐHKTCN ngày 10/9/2020, 642/QĐ-ĐHKTCN 31/12/2021). Sau khi vận hành các CTĐT nhằm giúp các khoa trong quá trình triển khai công tác được dễ dàng và thống nhất, Trường ra Văn bản Hướng dẫn “Xây dựng CĐR CTĐT, CĐR học phần, CĐR bài học (Quyết định số 103/QĐ- ĐHKTCN ngày 20/02/2023). Trường đã đưa ra các yêu cầu đối với CĐR, CĐR của CTĐT: Chuẩn kiến thức (kiến thức chung, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành); Chuẩn kỹ năng (kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm); Chuẩn mức độ tự chủ và trách nhiệm (phẩm chất đạo đức cá nhân, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, phẩm chất đạo đức XH); Ma trận kỹ năng (Ma trận CĐR của CTĐT; Ngôn ngữ dùng cho CĐR; Năng lực nhận thức; lưu trữ thông tin liên quan đến CĐR)). Trước mỗi đợt điều chỉnh CTĐT trình độ đại học, Hiệu trưởng ra Quyết định thành lập Ban Chỉ Đạo, Tổ Thư ký và các Tổ Điều chỉnh CTĐT trình độ đại học (Quyết định 161/QĐ-ĐHKTCN ngày 06/5/2019, 23/QĐ-ĐHKTCN 18/01/2020, 395/QĐ-ĐHKTCN ngày 25/8/2020, 71/QĐ-ĐHKTCN ngày 10/02/2022). Các CĐR sau khi được rà soát đều được Trường ban hành năm 2019, 2020 và 2022 (Quyết định số 656/QĐ-ĐHKTCN 31/12/2019, 637/QĐ-ĐHKTCN 31/12/2020, 494/QĐ-ĐHKTCN 27/6/2022). Chuẩn đầu ra được thiết kế có tính hệ thống với mục tiêu cụ thể của CTĐT, bao gồm: CĐR cấp độ CTĐT (kiến thức; kỹ năng; năng lực tự chủ và trách nhiệm) và CĐR cấp độ học phần (HP). 13 CĐR (4 CĐR kiến thức, 5 CĐR kỹ năng, 4 CĐR mức tự chủ và trách nhiệm) được thiết kế đã khái quát và đáp ứng toàn bộ yêu cầu mà mục tiêu cụ thể trong CTĐT đã xác định [H1.01.02.01], [H1.01.02.02], [H1.01.02.03]. Ngoài những yêu cầu chung, CĐR cũng đề cập đến những yêu cầu kiến

thức chuyên môn, kiến thức lý thuyết chuyên sâu, kỹ năng nghề nghiệp, mức độ tự chủ và trách nhiệm với bản thân và cộng đồng, trình độ ngoại ngữ và tin học. Khoa cũng đã xây dựng ma trận kết nối giữa mục tiêu đào tạo và CDR thể hiện ở Bảng 1.2.1, CDR của CTĐT với yêu cầu CDR của Khung trình độ Quốc gia Việt Nam thể hiện ở Bảng 1.2.2 trong đó, có thể hiện rõ mỗi CDR được kết nối với mục tiêu đào tạo nào và chuẩn đầu ra nào của Khung năng lực trình độ quốc gia.

Bảng 1.2.1. Ma trận kết nối mục tiêu (POs) và CDR của CTĐT (K-S-C)

CDR		Kiến thức				Kỹ năng				Mức TC và TN	
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10
Kiến thức	K1	X									
	K2	X									
	K3		X								
	K4			X	X		X				
Kỹ năng	S1		X								
	S2						X				
	S3					X					
	S4							X			
	S5								X		
Mức tự chủ và trách nhiệm	C1									X	
	C2						X			X	X
	C3										X
	C4									X	X

(Nguồn: Khoa KT-QLCN, 2022)

Bảng 1.2.2. Ma trận kết nối giữa CDR CTĐT với Khung NLTDQG

KTĐQG	CDR ngành KTHTCN												
	K1	K2	K3	K4	S1	S2	S3	S4	S5	C1	C2	C3	C4
KT1				X		X	X		X				
KT2	X						X						
KT3		X	X	X	X		X	X					
KT4				X			X		X				
KT5				X		X	X		X	X		X	X
KN1				X		X	X	X	X				
KN2				X		X	X			X	X	X	X
KN3				X				X		X			X
KN4				X		X	X					X	
KN5				X		X	X			X	X		
KN6	X				X		X						
TCTN1				X						X			
TCTN2				X			X			X	X		X
TCTN3							X			X	X		X

(Nguồn: Khoa KT-QLCN, 2022)

CĐR của CTĐT ngành KTHTCN được xây dựng và ban hành theo đúng quy định và nêu cụ thể kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với người học tốt nghiệp và triển vọng việc làm trong tương lai. CĐR được thể hiện chi tiết trong Bản mô tả CTĐT và ĐCCT các HP. Trong đó mỗi CĐR của các HP được thiết kế phải đóng góp vào việc đạt được một trong các CĐR của CTĐT. CĐR của CTĐT ngành KTHTCN được xác định tương thích với yêu cầu của thị trường lao động, căn cứ vào ma trận kỹ năng (ma trận mục tiêu - CĐR, CĐR - Khung năng lực trình độ quốc gia). Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành KTHTCN thể hiện được các yếu tố cốt lõi mà NH cần đạt được sau khi tốt nghiệp. Ngoài ra, NH còn có khả năng theo học tiếp tục ở bậc học cao hơn là ngành KTHTCN và các ngành liên quan khác như: Quản lý công nghiệp, Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng, Quản trị kinh doanh [H1.01.02.04].

Khoa KT-QLCN đã xây dựng kế hoạch khảo sát về nhu cầu của thị trường lao động trong vòng 5 năm và lấy ý kiến của các BLQ về CĐR khi xây dựng CTĐT. Thông qua các biên bản đóng góp ý kiến, Khoa đã tiến hành rà soát, cập nhật CTĐT để đáp ứng CĐR phù hợp. Qua đó giúp GV, NH và các DN hiểu rõ hơn, đánh giá đúng chất lượng đào tạo ngành KTHTCN của trường ĐHKTCNCT. CĐR ngành KTHTCN được SV đánh giá phù hợp, có 9/13 chuẩn đầu ra (gồm K1, K2, K3, S1, S2, C1, C2, C3 và C4) có mức đánh giá bình quân trên mức 4. Điều này chứng tỏ đa số chuẩn đầu ra của ngành KTHTCN được sinh viên đánh giá là phù hợp. Bốn chuẩn đầu ra còn lại (gồm K4, S3, S4, và S5) được sinh viên đánh giá ở mức bình quân vào khoảng hơn 3,9; tiệm cận rất gần với mức 4 trên thang đo Likert ("*4 = đồng ý*"). Kết quả thống kê cho thấy mặc dù bốn CĐR này cần được tập trung cải thiện để nâng cao sự phù hợp của CTĐT ngành KTHTCN nhưng cơ bản đó vẫn là những CĐR phù hợp với định hướng đào tạo của Khoa và Trường. Chuẩn đầu ra có mức đánh giá từ cựu sinh viên thấp nhất là K1 và S2 (chỉ đạt lần lượt là 3,92 và 3,96). Kết quả này chứng tỏ cựu SV nhận định rằng việc "*K1. Vận dụng được các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội - nhân văn, khoa học chính trị và pháp luật, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng làm nền tảng cho việc tiếp thu kiến thức chuyên ngành KTHTCN*" và "*S2. Phân tích được các vấn đề và truyền đạt giải pháp có liên quan đến người khác trong quá trình thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp, đa dạng trong chuyên môn*" cần được điều chỉnh và cải thiện để nâng cao sự phù hợp của chuẩn đầu ra ngành KTHTCN. Đặc biệt, mức tự chủ và trách nhiệm có cả 4 CĐR (gồm C1, C2, C3 và C4) đều được cựu SV đánh giá phù hợp với mức bình quân cao hơn mức 4 của thang đo Likert. 13 CĐR của ngành KTHTCN đều được giảng viên đánh giá là phù hợp. Trong đó, có 12/13 CĐR có mức bình quân cao hơn 4,5 tức tiệm cận khá gần với mức 5 trên thang đo Likert. K1 là CĐR cần được ưu tiên cải thiện để nâng cao hơn nữa sự phù hợp của CĐR và chương trình đào tạo ngành KTHTCN. DN

đánh giá cả 13 CĐR của ngành KTHTCN đều phù hợp, với mức bình quân đều cao hơn 4. Trong đó, S3, C1 và C2 là ba CĐR có mức đánh giá bình quân cao nhất, lần lượt đạt 4,54, 4,51 và 4,56. Ngược lại, S1 là CĐR có mức bình quân đánh giá thấp nhất, chỉ đạt 4,29. Điều đó chứng tỏ theo đánh giá của doanh nghiệp, để nâng cao sự phù hợp của CĐR ngành KTHTCN thì Khoa KT-QLCN cần ưu tiên cải thiện các yếu tố liên quan đến S1, tiếp theo là S2 và K3 [H1.01.02.05].

2. Điểm mạnh

Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành KTHTCN được xác định rõ ràng, đảm bảo khối lượng kiến thức và kỹ năng NH học cần đạt sau khi hoàn thành CTĐT; CĐR phản ánh được mục tiêu giáo dục của Khoa, của Trường; chỉ rõ được triển vọng việc làm trong tương lai của SV sau khi tốt nghiệp; được xây dựng nghiêm túc, đảm bảo đúng quy định của Bộ GD&ĐT.

Trường, Khoa KT-QLCN khảo sát ý kiến của các BLQ về CĐR của CTĐT và tham khảo trong quá trình rà soát, điều chỉnh CĐR của CTĐT ngành KTHTCN.

3. Điểm tồn tại

Khoa KT-QLCN chưa chủ động trong việc khảo sát ý kiến phản hồi của cựu NH, các nhà tuyển dụng về CĐR của CTĐT ngành KTHTCN. Bên cạnh đó, còn hạn chế do Trường chưa đẩy mạnh mạng lưới cựu NH và nhà tuyển dụng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Trường kiện toàn mạng lưới cựu NH, mở rộng hợp tác nhiều doanh nghiệp, nhà tuyển dụng. Khoa KT-QLCN tích cực xây dựng mối liên kết với cựu sinh viên để khảo sát ý kiến phản hồi của cựu NH, các nhà tuyển dụng về CĐR của CTĐT ngành KTHTCN tại các hội nghị, hội thảo do Khoa tổ chức và các kênh khảo sát do Khoa chủ động thực hiện.	Khoa KT-QLCN Các đơn vị liên quan	Hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Phát huy điểm mạnh, định kỳ hằng năm Trường và Khoa KT-QLCN tiếp tục rà soát CĐR của CTĐT ngành KTHTCN phản ánh	Khoa KT-QLCN Các đơn vị liên quan	Hằng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
		được mục tiêu của CTĐT; xác định cụ thể kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với người học tốt nghiệp.			

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 1.3. CDR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các BLQ, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai

1. Mô tả hiện trạng

Trong quá trình xây dựng, rà soát, cập nhật CDR của CTĐT, Trường yêu cầu phải thực hiện có sự tham gia ý kiến của các BLQ khi xây dựng, điều chỉnh CDR của CTĐT. Trường phân công Hội đồng KH&ĐT trường, Phòng QLKH-HTQT, Phòng Đào tạo là đơn vị chủ trì và phối hợp với các phòng, khoa thực hiện việc tổ chức hội nghị lấy ý kiến các BLQ khi xây dựng, điều chỉnh CDR của CTĐT. Qua đó, Khoa KT-QLCN lấy ý kiến của chuyên gia, GV, NH, cựu NH, các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng về CDR của CTĐT bằng nhiều hình thức như đóng góp trực tiếp tại hội đồng nghiệm thu CTĐT hoặc bằng phiếu khảo sát [H1.01.03.01], [H1.01.03.02]. Quá trình rà soát, điều chỉnh được thực hiện theo kế hoạch định kỳ của nhà trường, lần gần nhất vào năm 2019, 2020 và năm 2022. Năm 2022, Hội đồng KH&ĐT Trường họp rà soát và ban hành quyết định thông qua CDR của CTĐT ngành KTHTCNT định hướng ứng dụng, đồng thời cập nhật, chỉnh sửa CDR của CTĐT ngành KTHTCNT định hướng trên. Tất cả các kết quả của việc rà soát, cập nhật, chỉnh sửa được thể hiện bằng biên bản, Khoa sẽ sử dụng làm căn cứ xây dựng CDR của CTĐT gửi về Phòng Đào tạo, trình qua HĐ KH & ĐT Trường để họp thông qua và trình Hiệu trưởng ký ban hành công khai bằng nhiều hình thức đến các Khoa, phòng chức năng GV, NH để thực hiện [H1.01.03.03].

Bảng 1.3.1. So sánh CDR của trình độ ĐH ngành KTHTCN qua các năm

Năm	2013	2018	2020	2022
Số lượng CDR	Chưa có	14	13	13
Kiến thức		4	4	4
Kỹ năng		4	5	5
Mức tự chủ và trách nhiệm (Thái độ)		6	4	4
Kết luận	Chưa xây dựng ma trận tích hợp	Có xây dựng ma trận tích hợp		

(Nguồn: Khoa KT-QLCN, 2022)

CĐR của CTĐT ngành KTHTCN phản ánh được yêu cầu của các BLQ. CĐR được xây dựng trên tài liệu khảo sát nhu cầu nhân lực của thị trường lao động liên quan đến ngành KTHTCN, có sự tham gia đóng góp ý kiến của các chuyên gia, GV, NH và DN bao gồm ba mục tiêu về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và chịu trách nhiệm phù hợp với nhu cầu thực tế của đơn vị sử dụng lao động. Trong kế hoạch khảo sát ý kiến các BLQ khi cập nhật CTĐT ngành KTHTCN, Khoa KT-QLCN chú ý tập trung về việc lấy ý kiến các chuyên gia về CĐR của CTĐT và việc thiết kế các HP trong CTDH để đảm bảo tính phù hợp trong mối liên hệ giữa CĐR của các học phần với CĐR của CTĐT hướng tới đáp ứng được CĐR của ngành đào tạo. Đó là sự cam kết của Khoa, Nhà trường với xã hội về chất lượng đào tạo đối với NH về các kiến thức chuyên môn, các kỹ năng gắn với yêu cầu của thị trường lao động [H1.01.03.04].

CĐR của CTĐT ngành KTHTCNT được rà soát, cập nhật theo kế hoạch cập nhật chỉnh sửa của CTĐT từ năm 2019, 2020 và 2022 với những nội dung được biên soạn theo thông báo của Trường và các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT. Trong quá trình triển khai thực hiện CĐR của CTĐT được ban hành mỗi năm cùng với CTĐT. Năm 2022, nhà trường rà soát, cập nhật và điều chỉnh lại CĐR của CTĐT. Khoa có lập kế hoạch đề xuất nhóm chuyên môn cùng nhau thảo luận và rà soát bảng ma trận của các HP với CĐR, để khẳng định sự phù hợp của CĐR của CTĐT phù hợp với mục tiêu của CTĐT [H1.01.03.05].

CĐR của CTĐT ngành KTHTCNT được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường để NH biết được các yêu cầu kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành, khả năng nhận thức và giải quyết vấn đề, cũng như vị trí việc làm mà NH có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp. Việc công khai CĐR là cam kết của Trường với xã hội về chất lượng đào tạo, đồng thời cũng là để CB quản lý, GV và NH nỗ lực đổi mới phương pháp và cập nhật các vấn đề mới vào công tác giảng dạy và học tập, đổi mới công tác quản lý đào tạo, đổi mới PPGD, phương pháp kiểm tra đánh giá và đổi mới phương pháp học tập của NH tương ứng với bậc học cao hơn [H1.01.03.06].

Trường ban hành CĐR của ngành KTHTCN đã được điều chỉnh và gửi đến Khoa để thực hiện cũng như thông báo, phổ biến đến GV, NH biết để thực hiện. CĐR của ngành KTHTCN đồng thời được thể hiện trong ma trận kỹ năng và CĐR học phần được thể hiện trong đề cương học phần. CĐR của CTĐT ngành KTHTCN được đăng tải trên website của Trường, của Khoa KT-QLCN; niêm yết trong Sổ tay GV, Sổ tay SV. Bên cạnh đó, Trường và Khoa KT-QLCN phổ biến đến NH về CĐR của CTĐT ngành KTHTCN tại Tuần sinh hoạt công dân đầu năm học, đầu khóa học [H1.01.03.06]. Ngoài ra, tại buổi học đầu tiên, GV bộ môn phổ biến đến NH đề cương học phần, trong đó có CĐR của học phần [H1.01.03.07].

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT ngành KTHTCN được xây dựng, rà soát, cập nhật đáp ứng yêu cầu của các BLQ do có tham khảo các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng, NH, cựu NH và nhu cầu của thị trường lao động.

CĐR của CTĐT ngành KTHTCN được định kỳ rà soát, cập nhật ít nhất 2 năm một lần theo kế hoạch của trường dựa trên quy định của Bộ GD&ĐT.

CĐR của CTĐT ngành KTHTCN được công bố công khai cho các BLQ trên các phương tiện thông tin và luôn được thể hiện trong CTĐT, trong ĐCHP.

3. Điểm tồn tại

Quá trình xây dựng CĐR chưa mở rộng lấy ý kiến được nhiều DN, nhà tuyển dụng tham gia vào việc xây dựng CĐR của CTĐT. Việc tổ chức lấy ý kiến các BLQ có thực hiện nhưng chưa thường xuyên.

Số lượng các nhà tuyển dụng có thương hiệu trong ngành KTHTCN ký kết hợp tác với Khoa KT-QLCN chưa nhiều do Trường chưa có nhiều kết nối mạng lưới nhà tuyển dụng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Trường mở rộng quan hệ hợp tác, đối tác với doanh nghiệp, nhà tuyển dụng trên phạm vi cả nước. Trên cơ sở đó, Khoa KT-QLCN tăng cường tìm kiếm và kết nối với các nhà tuyển dụng có nhu cầu tuyển dụng sinh viên ngành KTHTCN và tiến tới ký kết hợp tác với các nhà tuyển dụng.	Khoa KT-QLCN Các đơn vị liên quan	Hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ hằng năm Trường và Khoa KT-QLCN tiếp tục rà soát cập nhật CĐR của CTĐT đáp ứng yêu cầu của các BLQ, có tham khảo các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng, NH, cựu NH và nhu cầu của thị trường lao động, đồng thời công bố công khai cho các BLQ trên các phương tiện thông tin và luôn được thể hiện	Khoa KT-QLCN Các đơn vị liên quan	Hằng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
		trong CTĐT, trong đề cương HP.			

5. *Tự đánh giá:* Đạt (5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn

Mục tiêu của CTĐT ngành KTHTCN được xác định rõ ràng; phù hợp với SM và TN của Trường; phù hợp với mục tiêu của Luật GDĐH. Mục tiêu của CTĐT ngành KTHTCN tiếp thu ý kiến của các BLQ trong quá trình rà soát, điều chỉnh và thông báo, phổ biến bằng nhiều hình thức khác nhau. CĐR của CTĐT ngành KTHTCN được xác định rõ ràng, phản ánh được mục tiêu của CTĐT. CĐR của CTĐT ngành KTHTCN xác định cụ thể kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với người học tốt nghiệp. CĐR của CTĐT ngành KTHTCN được xây dựng, rà soát, cập nhật đáp ứng yêu cầu của các BLQ, có tham khảo các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng, NH, cựu NH và nhu cầu của thị trường lao động. CĐR của CTĐT ngành KTHTCN được định kỳ rà soát, cập nhật ít nhất 2 năm một lần theo kế hoạch của trường. CĐR của CTĐT ngành KTHTCN được công bố công khai cho các BLQ trên các phương tiện thông tin và luôn được thể hiện trong CTĐT, trong đề cương học phần.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn

Số lượng nhà tuyển dụng trả lời ý kiến phản hồi về CTĐT ngành KTHTCN chưa nhiều. Số lượng cựu NH, các nhà tuyển dụng tham gia khảo sát về CĐR của CTĐT ngành KTHTCN còn hạn chế. Số lượng các nhà tuyển dụng có thương hiệu trong ngành KTHTCN ký kết hợp tác với Khoa KT-QLCN chưa nhiều.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 1

Có 3/3 tiêu chí đạt điểm 5,0. Mức trung bình: 5,00; Số tiêu chí đạt: 3/3; Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%): 100%

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu: Bản mô tả CTĐT ngành KTHTCN được xây dựng trên cơ sở đảm bảo các quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT, phù hợp với mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của Trường và của Khoa KT-QLCN gắn với nhu cầu của người học, nhu cầu XH. Bản mô tả CTĐT thể hiện mục tiêu rõ ràng, cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ ĐH, cung cấp các thông tin về chương trình, dự kiến kết quả, cấu trúc khóa học, CĐR của chương trình và của từng học phần cụ thể, bản tổng hợp các học phần, tiêu chí tuyển sinh, đề cương học phần cũng như các thông tin chi tiết về phương pháp dạy và học, PP KT&DG KQHT của người học. Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần được cập nhật thường xuyên và công bố công khai cho các BLQ dễ dàng tiếp cận.

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Từ năm 2013 đến năm 2018, CTĐT ngành KTHTCN được xây dựng và áp dụng đào tạo nhưng chưa có bản mô tả thể hiện dưới dạng một văn bản riêng, tuy nhiên CTĐT đã được ban hành cũng thể hiện đầy đủ các nội dung như yêu cầu của bản mô tả CTĐT, bao gồm: (i) Mục tiêu đào tạo; (ii) CĐR; (iii) Kế hoạch giảng dạy, (iv) ĐCCT các học phần. Năm 2018, Khoa tiếp tục cập nhật, điều chỉnh theo hướng quốc tế hoá mục tiêu đào tạo và CĐR cụ thể thông qua ma trận các kỹ năng và các học phần trong CTĐT, PP đánh giá hiệu quả, cùng với nhiều học phần mới gắn liền với sự phát triển của ngành, phù hợp với điều kiện CSVC của Trường và phù hợp với tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục và bắt đầu xây dựng bản mô tả vào thời gian này. Năm 2019, do Bộ GD&ĐT điều chỉnh tên và số tín chỉ các học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh, Lý luận chính trị, Giáo dục thể chất và quy định cụ thể tổng số tín chỉ tối thiểu đạt được của chương trình đào tạo cử nhân và kỹ sư nên bản mô tả CTĐT được điều chỉnh theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT. [H2.02.01.01]. Đến năm 2019, CTĐT được điều chỉnh, Bản mô tả CTĐT bao gồm các nội dung chính như sau: Tên CTĐT; tên gọi của văn bằng; cơ sở đào tạo; Chuẩn đầu ra của CTĐT; Cấu trúc CTĐT; Thời gian đào tạo và các vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp; Ma trận kỹ năng; Nội dung tóm tắt các học phần; Thời điểm điều chỉnh bản mô tả CTĐT (Quyết định số 660/QĐ-ĐHKTCN ngày 31/12/2019) [H2.02.01.02]. Bản mô tả CTĐT tiếp tục được điều chỉnh, cập nhật vào năm 2020 (Quyết định số 645/QĐ-ĐHKTCN ngày 31/12/2020), năm 2022 (Quyết định số 497/QĐ-ĐHKTCN ngày 27/6/2022) bổ sung các ma trận liên kết giữa mục tiêu và CĐR CTĐT, giữa các học phần với CĐR CTĐT, PP dạy, PP học với CĐR, rubric đánh giá,... Ma trận liên kết giữa các học phần của toàn bộ CT với CĐR cho thấy mức độ đóng góp của mỗi học phần vào trong CĐR của CTĐT. Các môn học được sắp xếp logic, trật tự để người học dễ dàng quyết định đăng ký môn học. CTĐT phân bổ các môn học vào các học kỳ của các năm học; thời gian cần thiết trong từng học kỳ mà NH phải đầu tư vào từng môn học, từ đó người học có thể phân chia quỹ thời gian của mình. CTĐT cung cấp thông tin cần thiết để thông báo đến các BLQ (GV, CVHT, NH, phụ huynh, người sử dụng lao động,...). Bản mô tả này cung cấp đầy đủ các thông tin cho người đọc biết như: tên CTĐT; mã ngành; tên gọi văn bằng; đơn vị cấp bằng (tên CSGD); trình độ đào tạo; Hình thức đào tạo; thời gian đào tạo; số tín chỉ (150TC); đơn vị quản lý; Website của Trường; Website của Khoa; ngày ban hành... [H2.02.01.03].

Bản mô tả CTĐT được điều chỉnh, bổ sung Bản mô tả CTĐT ngành KTHTCN năm 2020 và năm 2022. CTĐT được mô tả cho biết: tầm nhìn, sứ mạng và triết lý giáo dục của Trường; mục tiêu đào tạo (mục tiêu chung; mục tiêu cụ thể; trình độ ngoại ngữ; vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp; khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi ra trường);

CĐR của CTĐT (kiến thức: 4K; kỹ năng: 5S; mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm: 4C); ma trận liên kết giữa mục tiêu và CĐR của CTĐT; tiêu chí tuyển sinh (mã tuyển sinh; chỉ tiêu tuyển sinh; đối tượng tuyển sinh; phạm vi tuyển sinh; phương thức tuyển sinh; tổ hợp xét tuyển; quy trình đào tạo; điều kiện tốt nghiệp; hệ thống tính điểm (tất cả đề cương của ngành đều có rubric đánh giá); cấu trúc CTĐT (sơ đồ cây CTĐT; CTDH)). Nội dung chương trình đào tạo là danh sách các học phần mà NH cần phải đạt để tốt nghiệp gồm: học phần thuộc khối giáo dục đại cương; cơ sở ngành bắt buộc; chuyên ngành bắt buộc; thực tập tốt nghiệp + ĐATN; kiến thức tự chọn. CTĐT cho thấy số học phần tự chọn nhiều làm tăng khả năng nắm bắt công việc trong mọi trường hợp. Trong bản mô tả cho thấy tổng số tín chỉ CTĐT phân phối các học phần trong từng HK dự kiến (9HK). Mục này dùng làm cơ sở cho NH đăng ký môn học (học theo đúng tiến trình; học lại, học vượt, học thêm môn khác... theo quy định) tùy từng khả năng của mỗi người. Kết quả đối sánh CTĐT năm 2019 có 150TC, CTĐT năm 2020 là 150TC và năm 2022 có 150TC có sự thay đổi: Đã cập nhật CĐR CTĐT ngành KTHTCN có thang đánh giá (Bloom) phù hợp với kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ và trách nhiệm; CTĐT (năm 2020) có cập nhật ma trận kỹ năng (thể hiện sự đóng góp của các học phần vào đạt CĐR); Cập nhật mới nhất các lĩnh vực nghề nghiệp mà NH có thể tham gia sau khi tốt nghiệp. Năm 2022, nội dung của CĐR được viết theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, thang Bloom theo mức độ cụ thể, có đối sánh với yêu cầu Bộ GD&ĐT và các CSGD trong và ngoài nước. Ma trận học phần đã cập nhật ma trận CĐR của HP vào ĐCCT, bản mô tả CTĐT có trọng số và đánh giá mức độ tương thích. PPGD bổ sung mới, thiết lập ma trận đối sánh PPGD giữa các HP. Triết lý giáo dục được bổ sung, thay đổi triết lý giáo dục; cập nhật trong bản mô tả làm căn cứ để đề xuất mục tiêu CTĐT. Nội dung điều chỉnh toàn bộ nội dung theo yêu cầu. Hình thức cập nhật toàn bộ theo hình thức mới. Bản mô tả CTĐT ngành KTHTCN ban hành năm 2022 bao quát toàn bộ các học phần trong CTĐT Trường đã tham khảo ý kiến các BLQ: Trường (cán bộ quản lý), giảng viên, người học, cựu người học, người sử dụng lao động, các chuyên gia, đồng thời tham khảo, đối sánh với CTĐT qua các lần điều chỉnh, đối sánh với các trường trong nước và của nước ngoài: trường Đại học Bách khoa TP HCM, trường Đại học Bách khoa Đà Nẵng, trường đại học San Diego và trường đại học Rutgers (Mỹ). Để chuẩn bị cho việc thay đổi, điều chỉnh lớn của CTĐT Trường ban hành quyết định Hướng dẫn xây dựng Bản mô tả CTĐT trình độ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ (Quyết định số 182/QĐ-ĐHKTCN ngày 27/4/2024): bảng phân loại học tập (miền nhận thức, miền tâm lý, miền cảm xúc); ma trận kỹ năng thể hiện sự đóng góp của các HP vào việc đạt CĐR (mối liên hệ giữa học phần, CĐR, chỉ số thực hiện); bảng áp dụng Thang Bloom khi, đánh giá các chuẩn kết quả của người học do vậy các CBGD của Trường viết theo một chuẩn chung thống nhất trong toàn Trường. Các động từ trong thang Bloom được diễn

đạt sát nghĩa với các ngành đang đào tạo nên dễ dàng sử dụng khi viết các CĐR của CTĐT cũng như CĐR của ĐC HP [H2.02.01.04], [H2.02.01.05].

Thông tin về Bản mô tả CTĐT được công bố trên các tài liệu tuyển sinh như tờ rơi tuyển sinh, cẩm nang tuyển sinh, tuần sinh hoạt công dân - SV đầu năm học và trang thông tin điện tử của Khoa, Trường để thuận tiện cho NH tiếp cận các thông tin cần thiết về CTĐT và được phổ biến cho NH ngay từ đầu năm học [H2.02.01.06], [H2.02.01.07]. Qua đó, các BLQ (GV, NH, nhà tuyển dụng) có thể tiếp cận và đóng góp các ý kiến xây dựng thiết thực.

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT ngành KTHTCN thể hiện đầy đủ nội dung và thông tin cần thiết theo quy định, được ban hành chính thức.

Bản mô tả CTĐT được điều chỉnh, cập nhật định kỳ theo kết quả rà soát định kỳ và ý kiến phản hồi của các BLQ một cách rõ ràng thông qua nhiều hình thức khác nhau.

3. Điểm tồn tại

Tiến trình đào tạo được mô tả trong bản mô tả chương trình còn chưa linh hoạt, nhu cầu học vượt, học sớm của NH còn hạn chế, việc lấy ý kiến khảo sát CTĐT của các BLQ chưa rộng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Trường tiếp tục mở rộng quan hệ hợp tác, đối tác với các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước theo định kỳ. Trên cơ sở đó, Khoa KT-QLCN tham khảo Bản Mô tả CTĐT của các trường ĐH quốc tế để điều chỉnh Bản Mô tả CTĐT.	Khoa KT-QLCN Phòng ĐT	Hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường và Khoa KT-QLCN rà soát, cập nhật, ban hành Bản mô tả CTĐT ngành KTHTCN và thông báo đến các BLQ bên trong và bên ngoài trường bằng nhiều hình thức khác nhau.	Khoa KT-QLCN	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Trường đã ban hành hướng dẫn về mẫu đề cương HP, theo đó tất cả (100%) đề cương HP cung cấp đầy đủ các thông tin liên quan: (i) Tên học phần (Tên tiếng Anh); (ii) Mã học phần: ghi mã HP trong đó ghi rõ loại HP; số tín chỉ tương ứng; số tiết học; Khoa, BM quản lý; thời gian học; HP tiên quyết; HP học trước; HP song hành; các yêu cầu khác; HP bắt buộc/tự chọn, (học phần tiên quyết, học phần học trước, học phần song hành); (iii) Mô tả nội dung tóm tắt học phần; (iv) Mục tiêu của học phần; CĐR/ kết quả học tập mong đợi (ma trận tương thích giữa CĐR. HP với CĐR CTĐT có đánh giá mức độ CĐR; ma trận mức độ đóng góp của HP cho CĐR của CTĐT); (v) Tài liệu phục vụ HP; (vi) Thông tin cán bộ tham gia giảng dạy, trong đó có GV giảng dạy, GV hỗ trợ (trợ giảng). (vii) Kế hoạch giảng dạy chi tiết: nêu toàn bộ học phần được phân theo từng buổi học được chỉ rõ: buổi học; CĐR của bài học; cách tóm tắt lịch trình giảng dạy HP. Những hoạt động dạy và học được chi tiết tỉ mỉ, được chỉ rõ phương pháp làm việc của GV-SV trên lớp học/phòng thí nghiệm/thực hành. (viii) Phương giảng dạy, học tập và nhiệm vụ của NH: trong đó có Phương pháp giảng dạy, Phương pháp học tập của SV, nhiệm vụ của SV; (ix) Phương thức đánh giá, mô tả các phương pháp đánh được sử dụng và đánh giá theo CĐR của học phần, đánh giá phần trăm theo Thang điểm 10 và quy đổi thành thang chữ A, B, C, D, F (theo hệ thống tín chỉ); (x) Các quy định chung; (xi) Thông tin liên hệ người phụ trách [H2.02.02.01].

Tất cả (100%) đề cương các HP trong CTĐT được định kỳ rà soát, bổ sung/điều chỉnh/cập nhật theo kế hoạch của Trường. Trong chu kỳ đánh giá, điều chỉnh HP của CTĐT ngành KTHTCN được rà soát, điều chỉnh 03 lần và vào các năm 2018, 2020, và 2022 [H2.02.02.02]. Trường ban hành Quy định, Hướng dẫn nào về việc sửa đổi, cập nhật CTĐT ngành KTHTCN [H2.02.02.03]. So với năm 2018 thì lần rà soát điều chỉnh năm 2020 đã có nhiều thay đổi: tập trung thực hiện đối với CĐR; bổ sung ma trận liên kết nội dung chương mục với CĐR HP và ma trận giữa CĐR của HP với CĐR của CTĐT; bổ sung (18 HP) và hủy HP (7 HP), điều chỉnh mã HP, số tín chỉ HP, điều kiện tiên quyết, tiến trình đào tạo các HP; điều chỉnh tên một số HP cho phù hợp (29 HP); chỉnh sửa về hình thức trình bày, điều chỉnh biểu mẫu đề cương theo Quyết định 218/QĐ-ĐHKTCN ngày 10/6/2019 của Trường ĐH KTCN CT; xác định rõ HP tiên quyết, học trước, học song hành cho từng HP; PP giảng dạy - học tập; điều chỉnh nguồn học liệu (tài liệu chính, tài liệu tham khảo); làm rõ, cụ thể hơn về cách thức KTĐG HP (hình thức kiểm tra; nội dung; thời điểm; chỉ báo thực hiện; tỷ trọng điểm, ...); bổ sung thêm một số mục đảm bảo quy định của Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng- Bộ GD&ĐT. So với năm 2018, 2020 thì lần rà soát năm 2022 là điều chỉnh chủ yếu tập trung vào mục tiêu đào tạo và CĐR, đồng thời điều chỉnh ma trận liên kết nội dung chương mục với CĐR HP và ma trận giữa CĐR của HP với CĐR của CTĐT, điều chỉnh và cập nhật nguồn học liệu (tài liệu chính, tài

liệu tham khảo), điều chỉnh phân bố số tín chỉ giữa các học kỳ hợp lý hơn [H2.02.02.04], [H2.02.02.05]. Việc điều chỉnh và cập nhật đề cương HP yêu cầu GV phải thường xuyên nghiên cứu nắm bắt những yêu cầu mới của HP, cập nhật những kiến thức, giáo trình mới, và tạo điều kiện cho NH được học những kiến thức mới, đáp ứng yêu cầu của công việc [H2.02.02.06].

Tất cả CTĐT, các ĐCCT HP, các kế hoạch giảng dạy được Hiệu trưởng phê duyệt, ký ban hành và được công bố trên website của Trường và của Khoa; qua gặp tuần sinh hoạt công dân đầu của NH, và gửi trực tiếp cho NH qua thông qua hoạt động họp cố vấn học tập hàng tháng [H2.02.02.07], [H2.02.02.08].

2. Điểm mạnh

Trường ban hành đầy đủ ĐCCT học phần ngành KTHTCN và đảm bảo đầy đủ thông tin theo quy định. Trường đã ban hành Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT vào năm 2015 và Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT của Trường ban hành năm 2020. ĐCCT học phần ngành KTHTCN được rà soát, điều chỉnh vào năm 2018, 2020, 2022.

Đề cương chi tiết học phần có đầy đủ các thông tin được yêu cầu, trong đó thể hiện rõ CDR môn học gắn kết với CDR của CTĐT. Các đề cương học phần được định kỳ rà soát, bổ sung/điều chỉnh/cập nhật, đặc biệt là cập nhật thông tin về nội dung các học phần, danh mục tài liệu tham khảo, đáp ứng xu thế hiện nay về lĩnh vực ngành KTHTCN. Mọi thông tin liên quan đến học phần, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá... của học phần đều được cung cấp đầy đủ để NH đưa ra lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và trong toàn khóa học.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến của các BLQ đối với ĐCCT HP chỉ chú trọng vào giảng viên và NH mà chưa thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi từ nhà tuyển dụng lao động và mẫu khảo sát còn ít.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh

Định kỳ hằng năm Trường và Khoa KT-QLCN tiếp tục rà soát, ban hành hành đầy đủ ĐCCT học phần ngành KTHTCN và đảm bảo đầy đủ thông tin theo quy định.

Khắc phục tồn tại

Từ năm học 2024 - 2025, Trường tổ chức mời chuyên gia tập huấn xây dựng chuẩn chương trình đào tạo, CDR, ĐCHP. Trên cơ sở đó, Khoa KT-QLCN tham khảo ĐC học phần của CDIO để phục vụ rà soát, điều chỉnh ĐC học phần ngành KTHTCN.

Khoa KT-QLCN tổ chức khảo sát lấy ý kiến đối với người sử dụng lao động các nội dung liên quan đến đề cương các HP có phù hợp với nhu cầu tuyển dụng từ đơn vị

người sử dụng lao động.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai và các BLQ dễ dàng tiếp cận

1. Mô tả hiện trạng

Bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau. Bản mô tả CTĐT (Quyết định số 660/QĐ-ĐHKTCN ngày 31/12/2019, số 645/QĐ-ĐHKTCN ngày 31/12/2020, 497/QĐ-ĐHKTCN ngày 27/6/2022) và ĐCCT (Quyết định 569/QĐ-ĐHKTCN ngày 31/12/2018, 658/QĐ-ĐHKTCN ngày 31/12/2019, 643/QĐ-ĐHKTCN ngày 31/12/2020, 496/QĐ-ĐHKTCN ngày 27/6/2022)) sau khi được cập nhật được Hội đồng KH&ĐT của Khoa thông qua và được Trường quyết định ban hành. [H2.02.03.01].

Bản mô tả CTĐT được công khai toàn bộ bằng nhiều hình thức và phương tiện khác nhau, bao gồm cả các hình thức trực tiếp và gián tiếp như: phát tờ rơi tuyển sinh, phổ biến qua tài liệu sinh hoạt NH đầu khóa hoặc công bố thông qua website của Trường và của Khoa (*gián tiếp*). Đối với các HP, tất cả ĐCCT học phần được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau. ĐCCT được đăng ở dạng file điện tử trên trang thông tin điện tử của Khoa và Trường. Qua đó, NH và các BLQ có thể tham khảo về nội dung của học phần để lựa chọn học phần phù hợp và chuẩn bị các tài liệu cần thiết cho môn học. Đồng thời, ĐCCT học phần được giới thiệu trực tiếp cho NH ngay buổi đầu tiên của mỗi HP để NH dễ dàng tiếp cận và định hướng học tập cho từng HP cụ thể [H2.02.03.02].

Trường cũng đăng tải Bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần trên trang thông tin điện tử của Trường, Khoa để NH có thể tự tham khảo trong quá trình học tập. Điều này giúp NH có thể chủ động tìm kiếm các tài liệu tham khảo liên quan đến môn học và tự học tại nhà. Các BLQ gồm cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, GV, NH, NH đã tốt nghiệp đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT một cách dễ dàng và thuận tiện nhất. Bản mô tả CTĐT ngành KTHTCN được công bố một phần trong tài liệu tuyển sinh để giới thiệu đến học sinh, phụ huynh và các đối tượng có quan tâm. Trong tuần lễ sinh hoạt công dân học sinh SV đầu khóa, các nội dung của bản mô tả CTĐT cũng được hướng dẫn cụ thể để SV dễ tra cứu và tìm hiểu. Bên cạnh đó, Bản mô tả CTĐT và ĐCCT tất cả học phần ngành KTHTCN đều được lưu trữ tại Khoa để GV phụ trách môn học thuận tiện theo dõi và xây dựng phương pháp giảng dạy phù hợp. Vì vậy, GV và NH có tiếp cận dễ dàng và thuận tiện với Bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần [H2.02.03.03].

Hàng năm, Trường/Khoa đều khảo sát ý kiến của GV, NH về CTĐT, ý kiến NH về hoạt động giảng dạy hàng năm cho thấy, 100% GV được hỏi đồng ý với nhận định “Bản mô tả CTĐT phổ biến công khai cho các BLQ”; 100% NH được hỏi đều đồng ý

với nhận định “GV giới thiệu đề cương môn học và kết quả học tập mong đợi ngay từ buổi học đầu tiên” [H2.02.03.04].

2. Điểm mạnh

Trường, Khoa KT-QLCN xây dựng và ban hành Bản Mô tả CTĐT ngành KTHTCN với đầy đủ các thông tin theo đúng quy định được ban hành và được công bố, công khai bằng nhiều hình thức khác nhau, đặc biệt được thông báo trực tiếp đến SV và cập nhật ghi nhận ý kiến trực tiếp từ SV thông qua các buổi sinh hoạt lớp, diễn đàn đối thoại giữa BGH với SV.

Bản Mô tả CTĐT, ĐCCT học phần ngành KTHTCN được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau. Các BLQ dễ dàng tiếp cận giúp cho NH nắm được các học phần để xác định đúng kế hoạch học tập, lộ trình học tập trong cả năm học và cả khóa học. ĐCCT học phần ngành KTHTCN được thông báo đến sinh viên ngay tại buổi học đầu tiên.

Hằng năm, Nhà trường khảo sát ý kiến phản hồi của các BLQ, trong đó có nội dung khảo sát về CTĐT với kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của các BLQ thể hiện các BLQ dễ dàng tiếp cận Bản mô tả CTĐT và ĐC học phần.

3. Điểm tồn tại

Trường chưa đánh giá tính hiệu quả của các hình thức phổ biến Bản mô tả CTĐT, ĐCCT học phần ngành KTHTCN đến các BLQ. Việc công bố công khai bản mô tả CTĐT và ĐCCT ngành KTHTCN còn chưa đầy đủ đối với NTD và cựu NH; chưa có cơ chế đánh giá mức độ tiếp cận của các BLQ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, hằng năm, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL phối hợp với Khoa KT-QLCN đánh giá tính hiệu quả của các hình thức phổ biến Bản mô tả CTĐT, ĐCCT học phần ngành KTHTCN đến các BLQ.	Khoa KT-QLCN Phòng TT-PC-KT-ĐBCL	Hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường và Khoa KT-QLCN tiếp tục rà soát Bản mô tả CTĐT, ĐCCT học phần ngành KTHTCN và công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau.	Khoa KT-QLCN Các đơn vị liên quan	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn

Bản mô tả CTĐT và bản mô tả HP ngành KTHTCN đầy đủ thông tin, rõ ràng và được điều chỉnh, cập nhật. Đề cương các HP được thiết kế và chuẩn hóa đúng quy định; các đề cương HP liên tục được cập nhật, đáp ứng xu thế phát triển của xã hội. Bản mô tả CTĐT và đề cương các HP đều được xây dựng, điều chỉnh, cập nhật dựa vào sự đóng góp của Hội đồng khoa học cấp trường, cấp khoa, các GV, cựu NH, các đơn vị tuyển dụng và của các nhà chuyên môn.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn

Bản mô tả CTĐT chưa được cập nhật thường xuyên và định kỳ lấy ý kiến khảo sát của GV và NH. Việc lấy ý kiến của cựu NH, nhà tuyển dụng còn ít và chưa đa dạng.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 2

Có 3/3 tiêu chí đạt điểm 5,0. Mức trung bình: 5,00; Số tiêu chí đạt: 3/3; Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%): 100%

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu: Chương trình dạy học trình độ ĐH ngành KTHTCN được cấu trúc hợp lý và hệ thống, tuân thủ theo các văn bản quy định về xây dựng CTDH của Bộ Giáo dục & Đào tạo, Trường với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục tiêu, yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm của ngành KTHTCN trình độ ĐH, đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động. Các phương pháp dạy và học, kiểm tra đánh giá NH được sử dụng để nhằm đảm bảo đạt các CĐR chung của CTDH và các mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể của từng HP. Chủ đề và nội dung các HP được cấu trúc logic, theo trình tự và mang tính tích hợp, linh hoạt, thể hiện tính khoa học của toàn bộ CTDH. Đồng thời, CTDH của ngành KTHTCN được rà soát định kỳ nhằm đảm bảo tính thích hợp, cập nhật ở từng HP cụ thể và ở CTDH tổng thể.

Tiêu chí 3.1. CTDH được thiết kế dựa trên CĐR

1. Mô tả hiện trạng

CTDH được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm theo quy chế đào tạo Đại học của Bộ GD&ĐT và quy chế đào tạo của Trường. Theo Quyết định số 494/QĐ-ĐHKTCN ngày 27/6/2022 ban hành CĐR trình độ đại học chính quy, Quyết định số 497/QĐ-ĐHKTCN ngày 27/6/2022 ban hành Bản mô tả CTĐT, quy định các CĐR học phần CTĐT năm 2022 tại Trường ĐHKTCN Cần Thơ theo số 498/QĐ-ĐHKTCN ngày 27/06/2022; điều chỉnh rà soát theo Kế hoạch số 270/KH-ĐHKTCN, ngày 15/3/2022; đồng thời căn cứ vào “Quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ” được ban hành theo Quyết định số 400/QĐ-ĐHKTCN, ngày 01/9/2021 làm cơ sở cho GV thực hiện. CTDH ngành KTHTCN bao gồm các nội dung: Mục tiêu đào tạo chung; Mục tiêu cụ thể; CĐR của mỗi HP; Nội dung đào tạo;

Phương pháp kiểm tra đánh giá người học. CTDH ngành KTHTCN được thiết kế và đáp ứng các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm [H3.03.01.01]. CTDH được xây dựng nhằm giúp NH đạt được các CĐR về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau khi tốt nghiệp ngành KTHTCN. Tương ứng với từng yêu cầu của CĐR, CTDH được phân bổ thành các khối kiến thức cụ thể như: kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành và kiến thức chuyên ngành. Khoa đã xác lập ma trận liên kết giữa mục tiêu và CĐR của CTĐT; ma trận liên kết giữa CĐR của CTĐT với CĐR của HP để thiết kế CTDH được thể hiện ở bảng 3.1.1. CTDH gồm các HP được thiết kế và phát triển theo hướng của kiến thức, kỹ năng và sự tự chủ của NH. CTDH cũng đã sắp xếp các HP theo trình tự một cách hợp lý từ các HP thuộc khối kiến thức đại cương đến cơ sở ngành và chuyên ngành một cách logic, do vậy cấu trúc của CTĐT có sự gắn kết và liền mạch. Cụ thể, giữa các HP được sắp xếp theo trình tự gồm học phần tiên quyết, học phần học trước, học phần song hành vì vậy thể hiện được sự tương thích với nội dung và thể hiện sự đóng góp của học phần trong CTDH nhằm đạt được CĐR. Chương trình có tính hệ thống, nội dung được tích hợp kiến thức với kỹ năng hướng đến sự sáng tạo, người học đạt cấp bậc tư duy theo thang Bloom từ trung bình tới cao (3~4). Quy trình thiết kế CTDH ngành KTHTCN phát triển dựa trên: Chương trình khung của Bộ GD&ĐT, đạt các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. Do vậy 100% các HP trong CTDH có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể cho mỗi HP nhằm đạt được CĐR [H3.03.01.02], [H3.03.03.03]. Tỷ lệ các khối kiến thức được cân đối trên cơ sở CĐR (bảng 3.1.2). CTDH cũng bổ sung các HP tự chọn nhằm thể hiện được tính linh động của CTĐT với tỷ lệ phù hợp giúp NH thể hiện được tính tự chủ và nhằm phát triển bản thân theo định hướng và sở thích cá nhân với 18 tín chỉ tự chọn. Theo đó, CTDH ngành KTHTCN gồm 150 tín chỉ (*không bao gồm 11 tín chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng*).

Bảng 3.1.1. Ma trận liên kết giữa CĐR và các khối kiến thức

Khối kiến thức			Kiến thức đại cương	Kiến thức cơ sở ngành	Kiến thức chuyên ngành
CĐR	Kiến thức	K1	X		
		K2	X		
		K3	X	X	X
		K4		X	X
		K5		X	X
	Kỹ năng	S1	X		X
		S2		X	X
		S3		X	X
		S4		X	X
		S5		X	X
	Mức tự chủ và trách nhiệm	C1	X	X	X
		C2	X	X	X
		C3	X	X	X
		C4	X	X	X

(Nguồn: Khoa KT-QLCN, 2023)

Bảng 3.1.2. Phân bổ kiến thức CTĐT năm 2022

TT	Khối kiến thức	Tín chỉ bắt buộc	Tín chỉ tự chọn	Tổng	Tỷ lệ* (%)
1	Kiến thức giáo dục đại cương	34	2	36	24,00
1.1	Giáo dục Quốc phòng - An ninh, Giáo dục thể chất	11	0	11	0
1.2	Kiến thức khoa học tự nhiên, xã hội, ngoại ngữ	34	2	36	24,00
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	98	16	114	76,00
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	34	4	38	25,33
2.2	Kiến thức ngành chính	54	2	56	37,33
2.3	Thực hành, thực tập nghề nghiệp	10	0	10	6,67
2.4	Khóa luận tốt nghiệp, Thực tập tốt nghiệp (Các học phần thay thế tương đương)	0	10	10	6,67
	Tổng	132	18	161	100

(Nguồn: Khoa KT-QLCN, 2023)

Ghi chú: “” Không tính 11 tín chỉ của các học phần Giáo dục Quốc phòng - An ninh, Giáo dục thể chất.*

Trong quy trình rà soát, cập nhật, đánh giá CTĐT, CTDH trình độ đại học chính quy; Trường đã có các văn bản hướng dẫn để xác định các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập của NH phù hợp và góp phần đạt CĐR. Trường quy định các học phần trong khung CTĐT có CĐR HP gắn với CĐR của CTĐT (các khối kiến thức gồm giáo dục đại cương, cơ sở ngành và chuyên môn,

chuyên ngành). Trường hướng dẫn và xác định rõ tổ hợp PP dạy và học, hình thức và nội dung KTĐG phù hợp với CĐR. Cụ thể, khi xây dựng ĐCCT của từng HP trong CTDH thì nội dung và CĐR HP này phải đạt được yêu cầu CĐR CTĐT. Bên cạnh đó, GV thiết kế hoạt động dạy và học chi tiết đối với từng học phần, từng chương phải đáp ứng CĐR HP và CĐR CTĐT. Các phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học đối với từng HP của GV phụ trách được xác định trong ĐCCT HP, thể hiện rõ trong CTDH năm 2019, 2020, 2022. CTDH ngành KTHTCN sử dụng đa dạng các phương pháp dạy học như thuyết trình, làm việc nhóm, thực hành và thảo luận, chú trọng phát triển kỹ năng và năng lực SV. Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của NH được thực hiện bằng nhiều hình thức khác nhau, góp phần vào việc đạt được CĐR của CTĐT [H3.03.03.04], [H3.03.03.05].

Nội dung các môn học/học phần trong CTDH của ngành KTHTCN thể hiện việc đạt được CĐR, trong đó CTDH điều chỉnh vào năm 2022 thể hiện rõ nét nhất. Trường cũng đã triển khai lấy ý kiến phản hồi của các BLQ (ý kiến của nhà tuyển dụng, GV, NH, cựu NH), kết quả lấy ý kiến thông qua hội thảo đào tạo theo nhu cầu doanh nghiệp. Đồng thời, định kỳ theo từng năm học, Trường tổ chức đối thoại giữa Lãnh đạo trường với SV (Các biên bản đối thoại giữa Lãnh đạo Trường với SV các năm 2018 - 2023). Kết quả khảo sát và các ý kiến đóng góp của SV là cơ sở giúp Trường và Khoa đưa ra các biện pháp cải tiến và điều chỉnh CTDH nói chung và nội dung giảng dạy nói riêng, cho phù hợp với CĐR của CTDH [H3.03.03.06]. Tuy nhiên việc lấy ý kiến của các BLQ đối với CTDH chỉ chú trọng vào NH, đặc biệt là NH đang còn theo học tại Trường. Các đối tượng khác nhau cựu NH và DN bên ngoài trường thì việc thu thập ý kiến còn hạn chế do vậy có thể chưa đáp ứng đầy đủ các yêu cầu từ thực tế của thị trường lao động.

2. Điểm mạnh

Chương trình dạy học ngành KTHTCN được thiết kế đảm bảo 100% yêu cầu với cấu trúc phù hợp, cân đối giữa các khối kiến thức giáo dục đại cương, cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành, đảm bảo đáp ứng các CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm. Mỗi HP trong CTDH đều được xác định rõ mức độ 100% đạt CĐR. Việc xác định tổ hợp các PPGD, học tập, phương pháp KTĐG kết quả học tập của NH cũng được quy định rõ nhằm hỗ trợ cho việc đạt được CĐR của NH.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến của các BLQ đối với CTDH chỉ chú trọng vào NH, các đối tượng khác chưa được quan tâm nên CTDH có thể chưa đáp ứng đầy đủ các yêu cầu từ thực tế tại các doanh nghiệp.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Khoa KT-QLCN triển khai để GV tăng cường xác định các PPGD hiện đại trong ĐC học phần để từ đó áp dụng trong quá trình giảng dạy nhằm đạt CĐR. Trường và Khoa tổ chức lấy ý kiến phản hồi của NH về CTDH thông qua nội dung, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập; Đồng thời tổ chức các buổi lấy ý kiến đóng góp từ các nhà tuyển dụng, chuyên gia và GV để điều chỉnh CTDH một cách hợp lý và logic hơn cho phù hợp với CĐR.	Khoa KT-QLCN Phòng TT-PC-KT-ĐBCL Phòng ĐT	Hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường và Khoa KT-QLCN tiếp tục triển khai xây dựng, rà soát, cập nhật CTDH theo văn bản của Bộ GD&ĐT. Chương trình dạy học ngành KTHTCN được thiết kế với cấu trúc phù hợp, cân đối giữa các khối kiến thức, đảm bảo thực hiện các CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm.	Khoa KT-QLCN Phòng ĐT	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR là rõ ràng

1. Mô tả hiện trạng

100% học phần trong CTDH có sự tương thích về nội dung và thể hiện sự đóng góp cụ thể của mỗi HP nhằm đạt được CĐR. CTDH ngành KTHTCN được rà soát, điều chỉnh và bổ sung vào các năm 2019, 2020 và 2022 (QĐ 666/QĐ-ĐHKTCN ngày 31/12/2019, QĐ 646/QĐ-ĐHKTCN ngày 31/12/2020 và QĐ 498/QĐ-ĐHKTCN ngày 27/6/2022). Sau mỗi lần rà soát, điều chỉnh, CTDH được cải tiến đáng kể tạo thuận lợi cho hoạt động ĐT của Trường, chú trọng phát huy năng lực của NH. Để đảm bảo các HP hướng đến đạt CĐR của CTĐT, 100% các HP trong CTDH đã xây dựng mục tiêu HP theo

hướng tương thích với các yêu cầu của CĐR CTĐT theo từng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, khả năng rèn luyện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của NH do Bộ GD&ĐT quy định. Mục tiêu của HP này được phân nhiệm với trình độ năng lực cụ thể, từ đó xác định CĐR HP phù hợp với mục tiêu HP đề ra (bảng 3.2.1). Dựa trên CĐR HP, nội dung bài giảng, phương pháp giảng dạy và học tập, cách thức kiểm tra đánh giá nhằm được xây dựng phù hợp. Điều này thể hiện rõ nét trong CTDH, ĐCHP, ma trận mối quan hệ giữa các HP và CĐR của CTĐT và ma trận mối liên hệ giữa CĐR và PP dạy - học, PPĐG. Mặt khác, các HP tự chọn sẽ giúp NH tự chọn những HP phù hợp với nguyện vọng, sở trường, cũng như định hướng công việc của bản thân. Mỗi HP tự chọn đều có đề cương được xây dựng theo hướng giúp NH đáp ứng những yêu cầu của CĐR của ngành, đảm bảo 100% các yêu cầu của kiến thức, kỹ năng, tự chủ tự chịu trách nhiệm và những mục tiêu khác của CĐR (bảng 3.2.1, bảng 3.2.2) [H3.03.02.01], [H3.03.02.02].

Bảng 3.2.1. Tỷ trọng các học phần đáp ứng CĐR

Khối kiến thức	CĐR	Số lượng HP	Tỷ trọng (%) (tính trên tổng số lượng HP là 83)
Kiến thức	K1	23	27,71
	K2	45	54,22
	K3	17	20,48
	K4	50	60,24
Kỹ năng	S1	13	15,66
	S2	41	49,40
	S3	39	46,99
	S4	49	59,04
	S5	29	34,94
Mức tự chủ và trách nhiệm	C1	77	92,77
	C2	49	59,04
	C3	34	40,96
	C4	49	59,04

(Nguồn: Khoa KT-QLCN, 2023)

Bảng 3.2.2. Mối liên hệ giữa CĐR và phương pháp dạy - học, phương pháp đánh giá

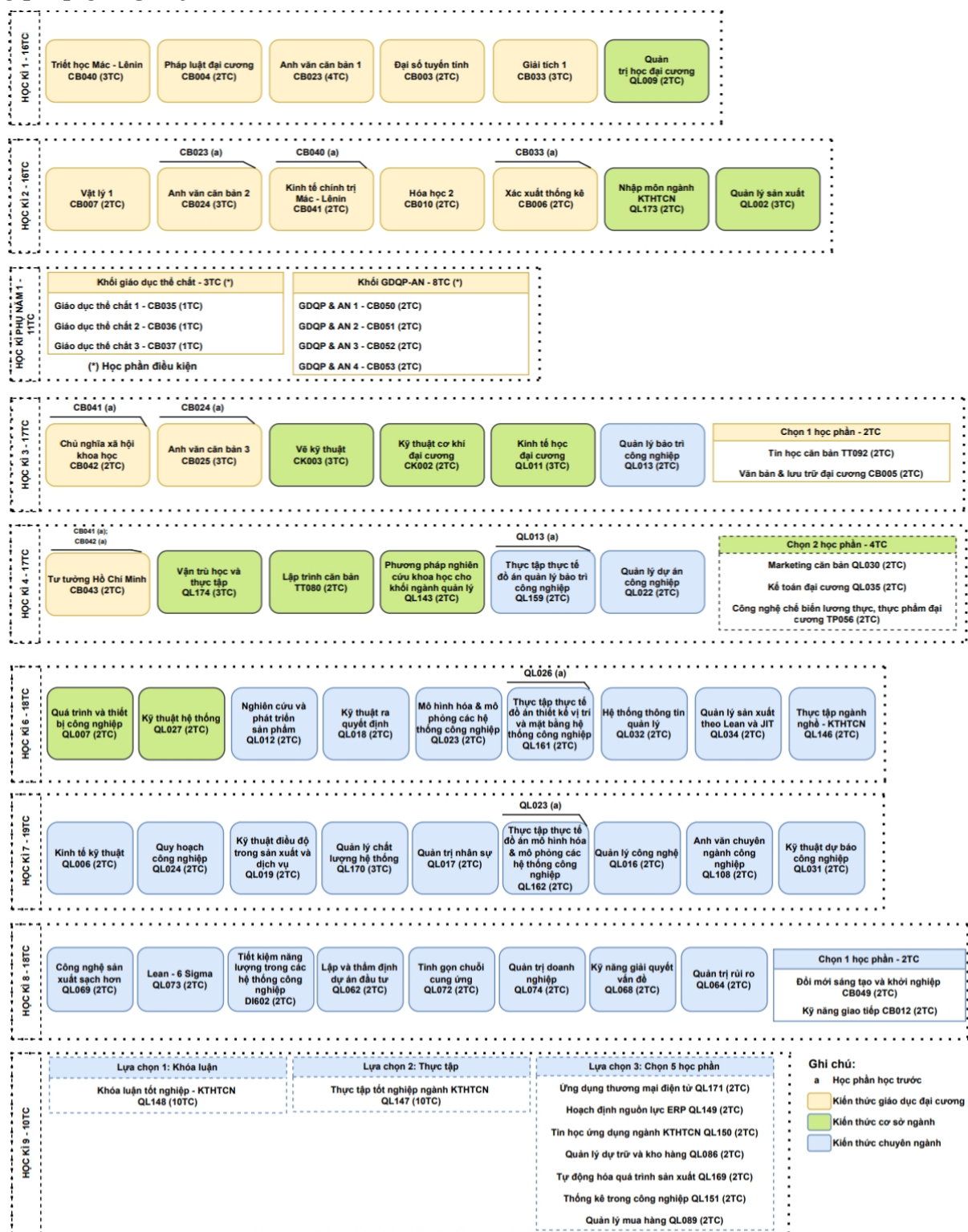
Chiến lược - phương pháp	CDR												
	Kiến thức				Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm			
	K1	K2	K3	K4	S1	S2	S3	S4	S5	C1	C2	C3	C4
Phương pháp dạy													
Nghiên cứu trường hợp (Case Study)	X		X	X	X					X	X		
Phát vấn	X	X	X	X	X	X	X			X	X	X	
Thuyết trình tích cực	X	X	X	X	X	X	X			X	X	X	
Giải quyết vấn đề	X	X	X	X	X	X				X	X	X	
Phương pháp học													
Tự học	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Thuyết trình	X	X	X	X	X	X				X	X		
Làm việc nhóm	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Trải nghiệm thực tế	X	X		X						X	X		
Thực tập	X	X		X						X	X		
Bài luận	X		X	X						X	X	X	X
Phương pháp đánh giá													
Đánh giá chuyên cần	X	X	X		X	X	X			X	X	X	
Đánh giá bài tập trên lớp	X	X	X		X	X	X			X	X	X	
Bài tập trên elearning	X	X			X	X				X	X	X	X
Đánh giá bài tiểu luận		X	X	X		X	X	X					
Đánh giá thuyết trình	X	X				X	X			X	X	X	X

Chiến lược - phương pháp	CDR												
	Kiến thức				Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm			
	K1	K2	K3	K4	S1	S2	S3	S4	S5	C1	C2	C3	C4
Kiểm tra trắc nghiệm	X	X	X		X	X	X			X	X	X	X
Kiểm tra tự luận	X	X	X		X	X	X			X	X	X	X
Báo cáo thực tập		X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X
Thi vấn đáp	X				X					X	X	X	X
Đánh giá làm việc nhóm	X	X			X	X	X			X	X		
Báo cáo thực tế		X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X
Đánh giá khóa luận tốt nghiệp	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

(Nguồn: Khoa KT-QLCN, 2023)

Tất cả ĐCCT HP (100%) đều tuân thủ quy định này, trong thiết kế từng buổi học đều có gắn mục tiêu riêng và mục tiêu của HP; đồng thời các buổi học có gắn các phương thức dạy và học thích hợp tạo mà GV xác định tổ hợp phương pháp dạy - học và phương pháp đánh giá theo CDR của học phần. Tất cả ĐCCT đều có phần mục tiêu và CDR được thể hiện rõ ràng, cụ thể nội dung cần đạt được khi kết thúc học phần về mặt kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm của NH. Đối với các học phần có mối liên hệ với nhau về nội dung đều được xác định rõ môn học tiên quyết. Các học phần được sắp xếp theo trình tự logic và khoa học, đảm bảo được tính kế thừa và bổ sung, nâng cao và chuyên sâu nhằm đáp ứng được CDR, cụ thể được mô tả ở hình 3.2.1. Nội dung mỗi học phần đều chú ý đến những đóng góp để đạt được CDR của CTĐT thể hiện qua ma trận CDR học phần với CDR của CTĐT. CDR có tính định lượng liên quan đến kiến thức, kỹ năng, phẩm chất cá nhân mà người học đạt được, thuận lợi trong việc đánh giá mức độ đạt được theo CDR của từng học phần. Ngoài ra trong mỗi HP thể hiện các PPDH; phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp và hỗ trợ cho nhau để tăng độ tin cậy cho việc đạt CDR. Trường quy định cụ thể CTDH các học phần ngành KTHTCN được thiết kế đảm bảo việc đạt được CDR; có quy trình biên soạn CDR và ĐCHP. Đề cương các học phần đã thể hiện mức độ đóng góp của học phần đó vào việc đạt CDR của CTĐT

thông qua ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT, ma trận phương pháp giảng dạy [H3.03.02.03].



Hình 3.2.1. Sơ đồ tiến trình đào tạo ngành KTHTCN

Trường và Khoa đã thực hiện hoạt động khảo sát ý kiến phản hồi từ các BLQ về nội dung của các HP trong CTDH thể hiện đạt được CDR. Năm 2022, kết quả ý kiến của GV đánh giá sự hài lòng của GV về “Quy trình thiết kế và phát triển CTDH rõ ràng” đạt từ 4,6; “Các phương pháp dạy học, kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của người học

theo từng môn học/học phần trong CTDH là phù hợp, góp phần đạt yêu cầu CĐR”: 4,6 - 4,7. DN đánh giá sự hài lòng về CTĐT: 4,1 - 4,3. CSV đánh giá về CTĐT: 3,6 - 4,4. SV đánh giá: 3,9 - 4,1 [H3.03.02.04], [H3.03.02.05]. Việc lấy ý kiến các BLQ được thực hiện, tuy nhiên, nội dung khảo sát còn hạn chế. Do đó, khoa cần chủ động rà soát để xây dựng và bổ sung hoàn thiện bộ câu hỏi với đầy đủ nội dung yêu cầu, phù hợp với sự phát triển của xã hội thông qua sự tư vấn hỗ trợ của đơn vị làm bảo đảm chất lượng.

2. Điểm mạnh

Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR là rõ ràng. 100% các học phần có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR. ĐCCT của mỗi học phần trong khối kiến thức đều thể hiện tính gắn kết giữa hoạt động dạy, học và PP KTĐG để đạt được CĐR.

Các học phần trong CTDH ngành được xây dựng và điều chỉnh dựa trên việc lấy ý kiến phản hồi của các BLQ.

3. Điểm tồn tại

Việc thu thập thông tin, ý kiến của NTD, cựu NH, NH phục vụ cho công tác xây dựng CĐR của CTĐT và CĐR của các học phần còn hạn chế, chủ yếu là các ý kiến đóng góp về cấu trúc CTĐT.

4. Kế hoạch hành động

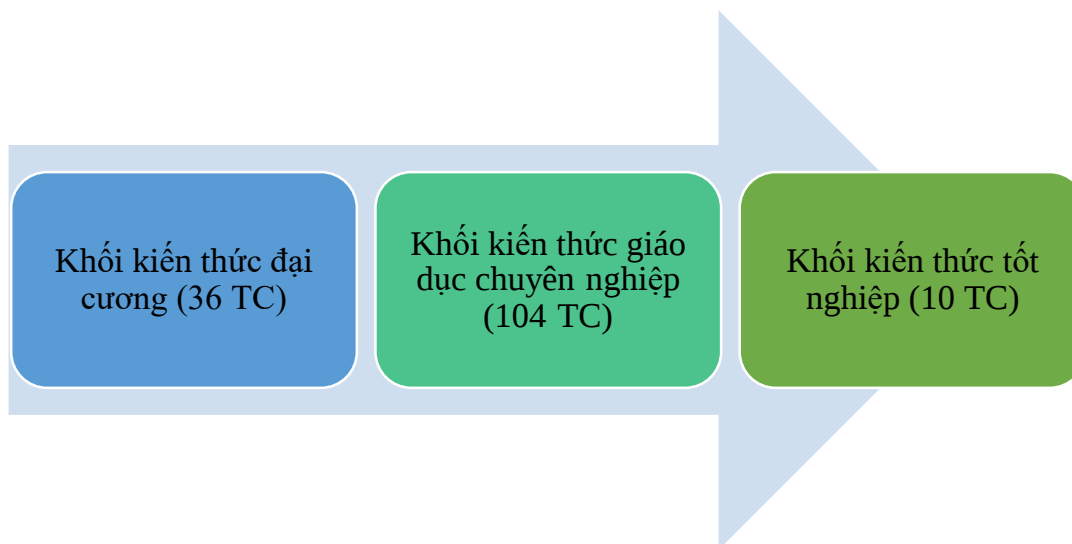
TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Khoa KT-QLCN tiếp tục tổ chức hội nghị, hội thảo và tăng cường số lượng các BLQ tại các hội nghị, hội thảo do Khoa tổ chức nhằm tăng cường lấy ý kiến góp ý của nhà tuyển dụng và cựu NH về CTDH ngành KTHTCN.	Khoa KT-QLCN Các đơn vị liên quan	Hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường và Khoa KT-QLCN tiếp tục rà soát CTDH, trong đó bảo đảm tất cả ĐCCT học phần trong CTDH ngành KTHTCN xác định rõ tổ hợp các PPDH, phương pháp KTĐG phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR.	Khoa KT-QLCN Phòng ĐT	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 3.3. CTDH có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp

1. Mô tả hiện trạng

Tất cả các học phần trong CTDH được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất. Qua đó, cấu trúc CTDH ngành KTHTCN được thiết kế cân đối với sự phân bổ phù hợp giữa các khối kiến thức để NH được trang bị đầy đủ những kiến thức chuyên môn và rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho công việc trong lĩnh vực KTHTCN. Hình 3.3.1 thể hiện rõ CTDH ngành KTHTCN được xây dựng và có sự phân bổ các khối kiến thức: kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành và học phần tốt nghiệp và gắn kết chặt chẽ với nhau theo trình tự logic [H3.03.03.01].



Hình 3.3.1. Mối liên kết giữa các khối kiến thức

Quá trình xây dựng CTDH được thực hiện theo quy định của Trường và của Khoa nhằm đảm bảo tính hợp lý và minh bạch. 100% các HP trong CTDH được bố trí hợp lý nhằm đảm bảo NH tiếp thu kiến thức theo trình tự nhất định. Các HP được sắp xếp logic, có quy định cụ thể về HP tiên quyết nhằm phù hợp với khả năng tiếp thu và tích lũy kiến thức của NH trong suốt thời gian đào tạo là 4,5 năm. Theo lộ trình dạy học, trong năm học đầu tiên, NH phải có kiến thức cơ bản nhất định như kiến thức đại cương. Những năm học tiếp theo, NH có thể tích lũy dần các kiến thức cơ sở ngành và dần dần đến các kiến thức chuyên sâu. Đồng thời, các học phần thực hành cũng được sắp xếp sau khi NH đã có được nền tảng kiến thức chuyên môn về lý thuyết trên giảng đường. Năm học cuối cùng sẽ là thời gian để NH thực tập tại các cơ sở sản xuất, các doanh nghiệp dịch vụ và làm khóa luận tốt nghiệp (hoặc học các môn thay thế). NH có thể rút ngắn lộ trình học tập nhưng phải đảm bảo thực hiện đúng thời lượng của từng HP và yêu cầu tiên quyết hoặc môn học trước. Thông qua đó, kết quả đánh giá NH được phản ánh trung

thực và thể hiện được năng lực nghề nghiệp của NH qua quá trình tích lũy kiến thức và kỹ năng cần thiết để thực hiện các công việc về lĩnh vực KTHTCN trong tương lai. Chương trình dạy học có 150 tín chỉ, được chia thành 09 học kỳ, thực hiện theo trình tự từ cơ bản đến phát triển nâng cao kiến thức và kỹ năng cho NH. Cụ thể: CTDH thể hiện học phần được sắp xếp theo trình tự từ kiến thức chung đến kiến thức cơ sở ngành và tiếp theo là kiến thức chuyên ngành. Các học phần ở học kỳ trước là nền tảng cho các học phần ở học kỳ tiếp theo [H3.03.03.02].

Các HP thuộc khối kiến thức đại cương được giảng dạy ở các học kỳ của hai năm học đầu tiên (từ học kỳ 1 đến học kỳ 4). Các môn học cơ sở ngành được bố trí ở các học kỳ của năm nhất để thiết lập nền tảng kiến thức cho NH, ví dụ: như học phần Nhập môn ngành KTHTCN được giảng dạy ở học kỳ 2 của CTĐT để NH tiếp cận tổng quan với ngành học. Các học phần cơ sở ngành theo từng mức độ tiếp cận chuyên ngành được bố trí theo trình tự từ các học phần như Quản trị học đại cương cho đến các học phần Quá trình thiết bị công nghiệp hay Kỹ thuật hệ thống. Đến năm học thứ ba (học kỳ 5 đến học kỳ 9), NH tập trung học các học phần chuyên ngành để rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp cần thiết và thực hiện các đề tài thực tập, khóa luận tốt nghiệp vào những học kỳ cuối của CTĐT. Qua đó, NH có thể tích lũy được kiến thức chuyên môn và rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cần thiết để đáp ứng được CDR theo mức độ đóng góp của các HP [H3.03.03.03].

CTDH được rà soát, điều chỉnh định kỳ theo kế hoạch (Kế hoạch số 122/KH-ĐHKTCN ngày 09/5/2019, 63/KH-ĐHKTCN ngày 15/01/2020, 138/KH-ĐHKTCN 10/02/2022, 923/KH-ĐHKTCN ngày 26/9/2023) và quy trình hướng dẫn (Quyết định số 564/QĐ-ĐHKTCN ngày 31/12/2018, 396/QĐ-ĐHKTCN ngày 10/9/2020, 642/QĐ-ĐHKTCN ngày 31/12/2021, 103/QĐ-ĐHKTCN ngày 28/02/2023). Để tạo điều kiện cho các BLQ có thể tiếp cận CTDH thuận tiện, CDTH ngành KTHTCN được công bố thông qua các tài liệu quảng bá như tài liệu tuyển sinh, tài liệu sinh hoạt NH đầu khóa và trên trang thông tin điện tử của Khoa, Trường. Dựa trên kết quả phản hồi của các BLQ như NH, GV và nhà tuyển dụng, CTDH đã được điều chỉnh để phù hợp với những biến đổi về kinh tế - xã hội và nhu cầu của thị trường lao động. Tuy nhiên, việc sử dụng ý kiến của các BLQ trong cập nhật CTDH còn khá hạn chế do áp lực về thời gian cũng như cách thức vận hành chương trình [H3.03.03.04].

CTDH có thiết kế các môn học tự chọn để đảm bảo tính linh hoạt của quá trình dạy học. Theo đó, NH có thể lựa chọn các học phần phù hợp với năng lực cá nhân và định hướng phát triển nghề nghiệp như: Đổi mới sáng tạo khởi nghiệp hay kỹ năng giao tiếp, Marketing, kế toán hay công nghệ chế biến lương thực thực phẩm Ngoài ra, ở học kỳ cuối của CTDH, NH có thể lựa chọn làm Khóa luận tốt nghiệp (*nếu đủ điều kiện*) hoặc học các môn thay thế như: quản lý dự trữ kho hàng, quản lý mua hàng, ứng dụng

thương mại điện tử, hoạch định nguồn lực ERP, tự động hóa quá trình sản xuất, thống kê trong doanh nghiệp, quản lý mua hàng hay tin học ứng dụng ngành KTHTCN. Các HP này được lựa chọn tùy thuộc vào định hướng nghề nghiệp trong tương lai của NH. Tỷ lệ các môn học tự chọn được thiết kế hợp lý trong tổng số tín chỉ của CTDH chiếm 12%. Nhờ vậy, NH có thể đáp ứng được yêu cầu của từng vị trí công việc khác nhau. Từ năm 2018 đến nay, CTDH ngành KTHTCN đã trải qua những lần thay đổi lớn vào năm 2019, 2020 và 2022 được Hội đồng KH&ĐT Khoa KT-QLCN phê duyệt để triển khai chính thức. CTĐT khi được điều chỉnh có tham khảo các CTĐT tiên tiến trong và ngoài nước để đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp. Trong quá trình xây dựng và hoàn thiện CTDH, Khoa KT-QLCN đã tiến hành phân tích, đối sánh với CTĐT của một số CSGD uy tín khác trong nước như Trường Đại học Bách khoa TP.HCM và Đại học Bách khoa Đà Nẵng, Trường Đại học Quốc tế trực thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Điều này giúp đảm bảo CTĐT ngành KTHTCN, Trường ĐH KTCN CT phù hợp với trình độ chung của nguồn nhân lực ngành KTHTCN ở Việt Nam hiện nay. CTĐT ngành KTHTCN cũng được đối sánh với các trường quốc tế như Đại học San Diego hay Rutgers của Mỹ, tuy nhiên việc đối sánh chưa được cập nhật thường xuyên và với số lượng trường ít hơn so các trường trong nước (bảng 3.3.1) [H3.03.03.05].

Bảng 3.3.1. Bảng đối sánh các khối kiến thức trong CTDH ngành KTHTCN của một số trường ĐH và trường ĐH KTCN CT

Nội dung	Trường ĐH KTCN CT	Trường ĐH BK TP.HCM	Trường ĐH BK Đà Nẵng	Đại học San Diego (Mỹ)	Đại học Rutgers (Mỹ)
Tổng số tín chỉ	150	142	180	150,5	135
1. Kiến thức đại cương	36	58	44	29,5	39
2. Kiến thức chuyên nghiệp	114	84	136	121	96
Trong đó:					
<i>2.1 Số tín chỉ thuộc kiến thức tốt nghiệp</i>	<i>10</i>	<i>15</i>	<i>10</i>	<i>6</i>	<i>6</i>
<i>2.2 Số tín chỉ thực tập, thực tế</i>	<i>10</i>	<i>3</i>	<i>10</i>	<i>9</i>	<i>6</i>
3. Thời gian đào tạo	9 học kỳ, 4,5 năm	8 học kỳ, 4 năm	10 học kỳ, 5-5,5 năm	9 học kỳ, 4,5 năm	9 học kỳ, 4,5 năm

(Nguồn: Khoa KT-QLCN, 2023)

2. Điểm mạnh

Các HP trong CTDH ngành KTHTCN được thiết kế có 3 khối kiến thức: khối kiến thức giáo dục đại cương, giáo dục chuyên nghiệp và đồ án/khóa luận tốt nghiệp

đảm bảo sự gắn kết và liên mạch tạo thành một khối thống nhất.

CTDH được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật ít nhất 2 năm 1 lần. CTDH khi được điều chỉnh có tham khảo các CTDH tiên tiến trong nước.

3. Điểm tồn tại

Việc sử dụng ý kiến của các BLQ trong cập nhật CTDH còn hạn chế. Số lượng CTĐT của các trường ĐH quốc tế được Khoa KT-QLCN tham khảo để điều chỉnh CTDH ngành KTHTCN chưa được cập nhật thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Khoa KT-QLCN tăng cường tham khảo CTĐT của các trường ĐH quốc tế để điều chỉnh CTDH ngành KTHTCN theo hướng cập nhật liên tục, nhằm cải tiến chương trình một cách hiệu quả.	Khoa KT-QLCN	Hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường và Khoa KT-QLCN tiếp tục rà soát CTDH ngành KTHTCN đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất, trong đó tham khảo CTĐT của các trường ĐH trong nước và quốc tế để điều chỉnh CTDH đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp.	Khoa KT-QLCN	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 3

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn

Trường Đại học KTCN CT, Khoa KT-QLCN đã chú trọng xây dựng CTDH một cách bài bản nghiêm túc, đồng thời trong quá trình rà soát điều chỉnh có sự tham khảo chương trình dạy học của các trường ĐH có uy tín trong nước và khảo sát các bên có liên quan nhằm kịp thời đáp ứng nhu cầu xã hội. Ngành KTHTCN được tổ chức đào tạo theo tín chỉ và có mục tiêu rõ ràng, CTDH có cấu trúc logic và chặt chẽ. Chương trình sau khi xây dựng đã được rà soát điều chỉnh theo đúng mục tiêu đặt ra là đáp ứng nhu

cầu của xã hội do có sự đóng góp của các chuyên gia, các nhà quản lý và các DN sử dụng các NH của Trường sau khi tốt nghiệp.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn

Một số ĐCCT của học phần không thuộc ngành quản lý chưa có tổ hợp các PP KTĐG để đạt CĐR. Việc thu thập thông tin, ý kiến của NTD, cựu NH, NH phục vụ cho công tác xây dựng CĐR của CTĐT và CĐR của các học phần còn hạn chế, chủ yếu là các ý kiến đóng góp về cấu trúc CTĐT. Chưa tổ chức đánh giá một cách khoa học về sự tương thích giữa nội dung và sự đóng góp chi tiết của từng học phần để đạt CĐR của CTĐT. Việc sử dụng ý kiến của các BLQ trong cập nhật CTDH còn hạn chế.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 3

Có 3/3 tiêu chí đạt điểm 5,0. Mức trung bình: 5,00; Số tiêu chí đạt: 3/3; Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%): 100%

Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mở đầu: Trong đào tạo đại học, phương pháp tiếp cận dạy và học có vai trò quan trọng trong việc thực hiện mục tiêu giáo dục hay triết lý giáo dục là học tập chủ động, làm việc sáng tạo. Việc lựa chọn phương pháp tiếp cận đúng sẽ giúp cơ sở đào tạo xây dựng và thực hiện CTĐT, với các tiêu chí dạy và học phù hợp với triết lý hoặc mục tiêu giáo dục, Khoa KT-QLCN, cũng như nhiều khoa khác trong Trường chọn cách tiếp cận lấy NH làm trung tâm, tổ chức các hoạt động dạy học và các hoạt động ngoại khóa nhằm đạt được CĐR đã tuyên bố trong CTĐT, sử dụng các phương pháp dạy học đa dạng, nhằm phát triển tính chủ động sáng tạo trong học tập cho NH. Để làm được điều này, CTĐT xác định rõ mục tiêu và CĐR về kiến thức, kỹ năng, thái độ.

Cách tiếp cận này được cụ thể hóa ở việc thiết kế chương trình với các môn học kế tiếp nhau một cách logic, môn cơ sở là môn tiên quyết cho những môn học chuyên sâu, các hoạt động dạy và học đều phải cùng hướng đến CĐR. Thông điệp về cách tiếp cận, các hoạt động dạy học và CĐR của chương trình cần được mỗi GV và NH hiểu rõ để thực hiện tốt vai trò nhiệm vụ của mình, đồng thời thể hiện sự chủ động, làm việc sáng tạo theo triết lý giáo dục.

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các BLQ

1. Mô tả hiện trạng

Trường và Khoa có văn bản tuyên bố chính thức về TLGD hoặc mục tiêu giáo dục. Triết lý giáo dục của Trường Năm 2017 là “Lý thuyết đi đôi với ứng dụng thực tiễn” được thể hiện trong Brochure quảng bá tuyển sinh của Trường. Đến năm 2020 và năm 2021 Trường tiếp tục triển khai rà soát TN, SM, GTCL, TLGD và thông báo đến các đơn vị đóng góp ý kiến về TLGD của Trường. Căn cứ các ý kiến góp ý của các đơn vị và xu thế phát triển của Trường, Đảng ủy và BGH quyết định TLGD là “Đức

trí - Kỹ năng - Sáng tạo - Hội nhập” vì phù hợp với xu thế, định hướng phát triển của Trường cũng như xu hướng mới của giáo dục đại học. TLGD của Trường được xác định là: “Đức trí - Kỹ năng - Sáng tạo - Hội nhập” và được ban hành theo Quyết định số 18/QĐ-ĐHKTCN ngày 16 tháng 01 năm 2020, Quyết định số 331/QĐ-ĐHKTCN ngày 14 tháng 7 năm 2021 của Hiệu trưởng về việc điều chỉnh, bổ sung SM, TN của Trường ĐH KTCN CT. TLGD của Trường được Đảng ủy, Hội đồng Trường và BGH xác định dựa trên SM, TN và Kế hoạch định hướng phát triển của Trường hướng đến năm 2030 là trường đại học phát triển bền vững, đào tạo có chất lượng theo định hướng ứng dụng liên ngành kỹ thuật công nghệ phù hợp với xu thế phát triển trong thời kỳ Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đồng thời TLGD được công bố trên website của Trường. TLGD của Trường ban hành bằng văn bản, gửi đến các đơn vị để thông báo, phổ biến đến toàn thể CB, GV, NV, NH biết và thực hiện. Khoa thống nhất và truyền tải thành Chiến lược phát triển Khoa KT-QLCN giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến 2030 đối với các hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu, được Trường khoa ký ban hành năm 2020 [H4.04.01.01].

TLGD được truyền tải, phổ biến đến các GV, NH để hiểu rõ và thực hiện. Tại các cuộc họp giao ban, BGH Trường luôn yêu cầu lãnh đạo các đơn vị trực thuộc chú trọng phổ biến đến toàn thể CB, GV, NV, NH biết và hiểu về TLGD của Trường. Trong tuần sinh hoạt công dân đầu năm học, đầu khóa học, trong nội dung sinh hoạt lớp, CVHT phổ biến về TLGD của Trường, trên trang thông tin điện tử của Trường và Khoa [H4.04.01.02]. Ngoài ra, TLGD của Trường được đăng tải trên website Trường và các đơn vị, được niêm yết tại các bảng thông báo và được đặt tại những nơi dễ nhìn thấy trong khuôn viên Trường, sảnh, phòng họp trong Trường, Văn phòng khoa để phổ biến đến GV, NV, NH, doanh nghiệp, khách đến thăm và làm việc với Trường. Ngoài ra, TLGD cũng như in ấn trên các Brochure của Trường, Sổ tay SV. TLGD còn được lồng ghép vào trong hoạt động dạy và học, tại các buổi họp chuyên môn [H4.04.01.03].

Hàng năm, Trường ban hành kế hoạch và triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của các BLQ về hoạt động của Trường, trong đó có khảo sát ý kiến của GV, NH, cựu NH về TLGD. Kết quả khảo sát ý kiến của GV, NH, cựu NH thể hiện mức độ hài lòng đối với TLGD của Trường [H4.04.01.04]. Khoa đã khảo sát các BLQ về việc hiểu biết và thực hiện các hoạt động giảng dạy, học tập, NCKH phù hợp với Triết lý giáo dục của Trường. Kết quả khảo sát cho thấy: CB, VC và NLD tiếp cận những thông tin về Tầm nhìn sứ mạng, Giá trị cốt lõi và Triết lý giáo dục của Trường nhiều nhất qua trang thông tin điện tử của Trường/Khoa (100%); Đối với mức độ thấu hiểu về Tầm nhìn sứ mạng, Giá trị cốt lõi và Triết lý giáo dục của Trường, 100 % CB, VC và NLD trả lời có tìm hiểu [H4.04.01.05].

2. Điểm mạnh

TLGD của Trường được thảo luận, thống nhất để phù hợp và đặc trưng với môi trường, GV, NH của trường, được công bố công khai đến các BLQ bằng nhiều hình thức. Trường tuyên bố TLGD “Đức trí - Kỹ năng - Sáng tạo -Hội nhập” và áp dụng đa dạng các hình thức để phổ biến đến các BLQ bên trong và bên ngoài Trường. Triết lý giáo dục được cán bộ, GV, NH của Trường hiểu rõ và triển khai thực hiện. Hằng năm, trong nội dung khảo sát ý kiến của các BLQ về hoạt động của Trường có khảo sát về TLGD của Trường.

3. Điểm tồn tại

TLGD cần có nhiều thời gian hơn để hiểu và chuyển tải đồng bộ đối với các BLQ. Số lượng doanh nghiệp, nhà tuyển dụng và cựu NH tham gia khảo sát về TLGD của Trường còn quá ít.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Trường tăng cường số lượng doanh nghiệp, nhà tuyển dụng tham gia các hội thảo, hội nghị, các ngày hội việc làm. Trên cơ sở đó, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL phối hợp các đơn vị trong trường tiến hành khảo sát ý kiến của các nhà tuyển dụng về các lĩnh vực hoạt động của Trường, trong đó có nội dung khảo sát về TLGD của Trường. Trường và Khoa sẽ tiến hành thường xuyên công tác lấy ý kiến phản hồi của các nhà tuyển dụng, doanh nghiệp, NH trong việc xây dựng và hoàn thiện triết lý giáo dục của Trường và Khoa.	Khoa KT-QLCN Phòng TT-PC-KT-ĐBCL	Hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường và Khoa KT-QLCN tiếp tục tuyên bố TLGD “Đức trí - Kỹ năng - Sáng tạo - Hội nhập” và áp dụng đa dạng các hình thức để phổ biến đến các BLQ bên trong và bên ngoài Trường.	Khoa KT-QLCN	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Đối với CTĐT ngành KTHTCN là lĩnh vực kỹ thuật kết hợp quản lý và kinh tế, Khoa đã chỉ đạo, hướng dẫn và có nhiều thảo luận với Bộ môn, GV để xây dựng hoạt động dạy học/PPGD đa dạng, phù hợp bám sát mục tiêu, triết lý giáo dục của đề đạt CĐR. Trong quá trình giảng dạy, GV đã lựa chọn hoạt động giảng dạy và học tập thích hợp với đặc thù của từng HP, hướng dẫn NH sử dụng tổ hợp các phương pháp nghiên cứu, học tập hiệu quả, chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CĐR. Trong nội dung kế hoạch năm học của Trường và của đơn vị, Trường luôn chú trọng tạo dựng môi trường học tập đa dạng, tạo thuận lợi cho việc đạt được CĐR đã xác định. BCN Khoa KT-QLCN tổ chức hướng dẫn, thảo luận với GV về việc xác định các hoạt động dạy học và các PPGD đa dạng, phù hợp để đạt CĐR. Ngoài ra, GV Khoa KT-QLCN tích cực tham dự các hội nghị, hội thảo về PPGD và đổi mới PPGD, ... cũng như trong nội dung đào tạo nghiệp vụ sư phạm của GV có nội dung hướng dẫn về các PPGD tích cực, phù hợp CĐR. Trên cơ sở đó, GV Khoa KT-QLCN xác định các PPGD tích cực, phù hợp CĐR đã được ban hành cũng như thể hiện trong Bản mô tả CTĐT ngành KTHTCN. Trường hợp tác với nhiều doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho NH trong việc thực tập tốt nghiệp tại các doanh nghiệp phù hợp với ngành nghề đào tạo [H4.04.02.01]. Ma trận liên kết giữa CĐR HP và CĐR CTĐT được đánh giá, thể hiện tầm quan trọng của từng khối kiến thức trong việc đồng góp đạt được CĐR CTĐT, từ đó định hướng cho việc lựa chọn phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá phù hợp. Ma trận kỹ năng của CTDH (mối liên hệ giữa các kỹ năng của CTĐT) cho thấy sự phát triển tư duy của người học qua các kiến thức và kỹ năng được tích lũy vào trong từng HP truyền tải từ HK1 đến HK9 cho đến sự tập trung đỉnh cao là khóa học/đề án tốt nghiệp (10TC). Phương pháp giảng dạy được thiết kế theo cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm và là chủ thể của quá trình đào tạo, thúc đẩy NH phát huy tính chủ động và nỗ lực tham gia các hoạt động học tập. Cụ thể, CTDH thiết lập “Ma trận phương pháp dạy học của các học phần nhằm đáp ứng CĐR của CTĐT ngành KTHTCN” với các phương pháp dạy học như: Dạy trực tiếp (K1, K2); Dạy học dựa vào hoạt động (K3 - K4); Dạy kỹ năng tư duy (S1, S2); Dạy học tương tác (S3 - S5); Dạy học theo hướng nghiên cứu (C1 - C4). PPGD được mô tả rõ ràng trong ĐCCT các HP của các năm 2020, 2022. Với mỗi ĐCCT các HP đều thể hiện rõ số giờ tín chỉ đối với lý thuyết, thực hành và tự học phù hợp với điều kiện thực tế của Trường, Khoa [H4.04.02.02]. Trường đã xác định đổi mới phương pháp dạy và học là một trong những khâu đột phá nâng cao chất lượng đào tạo. Hằng năm, Trường, Khoa đã tổ chức những hội nghị tập huấn về đổi

mới phương pháp giảng dạy với sự tham gia của lãnh đạo các bộ môn, khoa, các GV, nhân viên phòng ban trong toàn trường. Hướng dẫn GV xác định và lựa chọn hoạt động dạy học cũng như phương pháp giảng dạy phù hợp, đa dạng để đạt được các CDR. Phương pháp giảng dạy được thiết kế theo cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm và là chủ thể của quá trình đào tạo, thúc đẩy NH phát huy - chủ động và nỗ lực tham gia các hoạt động học tập; các PPGD bao gồm: dạy học theo dự án, thuyết trình, làm việc nhóm, bài tập tư duy cá nhân, thực tập... Trường tổ chức các khóa tập huấn cho NH về kỹ năng tự học, phương pháp học tập đại học nhằm giúp NH chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CDR. GV Khoa KT-QLCN áp dụng đa dạng các hoạt động dạy học và tiếp cận các xu thế hiện đại như: dạy học theo dự án, hoạt động nhóm hiệu quả, ... được thể hiện trong DC học phần [H4.04.02.03].

Vào mỗi buổi học đầu tiên của HP, GV giới thiệu nội dung, chương trình, HP, các phương pháp học tập, tài liệu bắt buộc cho NH. Phương pháp học tập chủ động và tiếp cận giải quyết vấn đề của NH cũng thay đổi hoàn toàn từ việc học tập, nghiên cứu độc lập sang phối hợp nhóm, chia sẻ thông tin; từ tham gia thụ động sang chủ động vào các hoạt động học tập. Thay vì GV đóng vai trò giảng bài thì NH thay thế bằng cách thuyết trình các phần bài học, các trường hợp cụ thể trong thực tế, qua đó người học tự tìm hiểu, nắm vững kiến thức và chủ động học tập. Tùy theo đặc thù của mỗi HP, ngoài việc thay đổi phương pháp giảng dạy, GV đã tích cực ứng dụng CNTT để soạn bài điện tử, soạn bài giảng online, thông qua hệ thống E-learning của Trường [H4.04.02.04].

Ban Giám hiệu thường xuyên chỉ đạo các đơn vị thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho NH học tập, nghiên cứu một cách hiệu quả; yêu cầu các Phòng, Khoa, Bộ môn cần chú trọng đổi mới phương pháp dạy và học, nâng cao chất lượng đào tạo của Trường [H4.04.02.05].

Trong nội dung khảo sát ý kiến của GV, NH có nội dung khảo sát về hoạt động dạy và học, các PPGD được GV sử dụng trong CTĐT. Bên cạnh đó, trong nội dung khảo sát ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của GV có khảo sát về hoạt động dạy và học, các PPGD được GV sử dụng trong môn học. Kết quả khảo sát thể hiện sự hài lòng của GV, NH về hoạt động dạy và học, các PPGD được GV Khoa KT-QLCN sử dụng trong CTĐT ngành KTHTCN. Ngoài ra, Nhà trường và Khoa KT-QLCN tiếp thu ý kiến của NH về hoạt động dạy và học, các PPGD được GV sử dụng trong CTĐT thông qua diễn đàn đối thoại giữa BGH với NH hằng năm và tại các buổi sinh hoạt lớp. Đánh giá hoạt động giảng dạy của GV được Khoa tiến hành thường xuyên và định kỳ với nhiều hình thức khác nhau như: giám sát, kiểm tra hoạt động giảng dạy, trong đó có phần khảo sát NH về hoạt động dạy học/các PPDH được sử dụng trong CTĐT. Tỷ lệ NH tham gia đánh giá hoạt động dạy học/PPDH thể hiện sự quan tâm, hài

lòng với việc đánh giá. Phân tích kết quả khảo sát cho thấy hơn 90% hài lòng [H4.04.02.06].

2. Điểm mạnh

GV Khoa KT-QLCN xác định hoạt động dạy học, PPGD đa dạng, phù hợp để đạt được CĐR ngành KTHTCN và thể hiện trong ĐC học phần.

Trường tạo điều kiện để GV Khoa KT-QLCN tham dự các khóa tập huấn về đổi mới phương pháp dạy học và trên cơ sở đó, GV áp dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt CĐR.

GV Khoa KT-QLCN tích cực hướng dẫn NH sử dụng các hoạt động học tập phù hợp từ đó giúp NH chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CĐR. GV, NH Khoa KT-QLCN hài lòng với các hoạt động dạy và học, các phương pháp dạy và học được sử dụng trong CTĐT ngành KTHTCN.

3. Điểm tồn tại

Vẫn còn trường hợp SV năm thứ nhất chưa thật sự thích nghi với phương pháp học ở bậc đại học.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Trường và Khoa KT-QLCN tăng cường bồi dưỡng, tập huấn cho SV, đặc biệt SV năm thứ nhất về phương pháp học ở bậc đại học.	Khoa KT-QLCN	Hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường và Khoa KT-QLCN tiếp tục tạo điều kiện để GV Khoa KT-QLCN tham dự các khóa tập huấn về đổi mới phương pháp dạy học và chính sách khuyến khích GV áp dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt CĐR.	Khoa KT-QLCN	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học

1. Mô tả hiện trạng

Hoạt động dạy và học của GV, NH được thể hiện cụ thể trong các quy định quy chế giảng dạy, nghiên cứu, học tập tín chỉ của GV và SV [H4.04.03.01]. Để thúc đẩy

việc rèn luyện các kỹ năng, và nâng cao khả năng học tập của NH, trong nội dung CDR CTĐT ngành KTHTCN luôn nêu rõ về khả năng tiếp tục học tập lên những bậc học cao hơn nhằm tạo động lực để SV học tập suốt đời và đạt CDR. Bên cạnh đó, trong tất cả ĐC học phần của ngành KTHTCN có nội dung về PPGD, phương pháp học tập phù hợp nhằm đạt được CDR và thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm của SV. 100% đề cương chi tiết các HP của CTĐT ngành KTHTCN trình độ đại học được xây dựng, rà soát, cập nhật định kỳ. Bản Mô tả CTĐT đều mô tả cụ thể CTĐT, thể hiện rõ đến hoạt động tự nghiên cứu, tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho NH. Các hoạt động tự nghiên cứu, tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho NH trong ĐC học phần được thể hiện rõ thông qua việc xác định các PPGD, phương pháp học tập nhằm trang bị cho NH khả năng học tập suốt đời. 100% đề cương chi tiết các học phần mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp giảng dạy/học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm. ĐC học phần được thông báo, phổ biến đến NH bằng nhiều hình thức khác nhau [H4.04.03.02].

100% đề cương chi tiết HP đều có mô tả hoạt động tự nghiên cứu, tự học nhằm hướng người học đến nâng cao khả năng học tập suốt đời. Điều này được quy định cụ thể trong Quy chế đào tạo trình độ đại học Quyết định số 400/QĐ-ĐHKTCN ngày 01 tháng 9 năm 2021 cũng quy định rõ thời lượng NH phải sử dụng cho việc tự học, tự nghiên cứu, ôn tập, củng cố và chuẩn bị bài. GV của Khoa KT-QLCN sử dụng đa dạng, phù hợp các PPGD để đạt CDR như: thuyết giảng, tiếp cận cá nhân, thảo luận theo cặp hoặc theo nhóm, thuyết trình cá nhân hoặc theo nhóm, dự án, thực tập, thực hành, thực tế tại doanh nghiệp,... Trong giai đoạn 2018 - 2023, Trường ký kết hợp tác với các cơ quan, doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho NH trong việc thực tập tốt nghiệp tại các cơ quan, doanh nghiệp phù hợp với ngành nghề đào tạo. Bên cạnh đó, NH năm 3 và năm cuối được tiếp cận trực tiếp với DN thông qua các hoạt động tham quan, thực tập ngành nghề, thực tập tốt nghiệp, ví dụ: Công ty Acecook Việt Nam - nhà máy Vĩnh Long, Công ty Ajinomoto Việt Nam, Công ty Yakult Việt Nam, Công ty cổ phần mía đường Sóc Trăng, Nhà máy đường Phụng Hiệp v.v... Để tăng cường tính chủ động học tập của NH, Trường triển khai cổng thông tin đào tạo trực tuyến Elearning. Ngoài ra, Trường thành lập câu lạc bộ học thuật như: Câu lạc bộ Tiếng Anh, Câu lạc bộ Tin học, Câu lạc bộ SV 5 tốt,... nhằm động viên, khuyến khích NH rèn luyện kỹ năng học tập suốt đời cũng như tích cực học tập nhằm đạt được CDR. Hằng năm, Trường tổ chức chuyên đề, hội nghị, hội thảo NCKH nhằm tạo điều kiện để NH có cơ hội thực hiện và báo cáo kết quả sản phẩm NCKH, đồng thời khuyến khích khả năng tự học, tự nghiên cứu của NH. Các phương pháp thảo luận nhóm giúp cho NH hiểu sâu sắc hơn kiến thức, đồng thời rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình; các bài tập cá nhân, tự học

có tác dụng phát triển năng lực của NH về nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng; thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác [H4.04.03.03].

Trong quá trình dạy học, GV sử dụng các hoạt động dạy học/phương pháp giáo dục lấy NH làm trung tâm, dạy NH tự học, tự nghiên cứu ĐCCT, tài liệu học tập và sử dụng các PPDH như: thuyết giảng, nêu vấn đề và giải quyết vấn đề, thảo luận ... đối với HP lý thuyết; làm bài tập tình huống, bài tập nhóm, bài tập lớn, trình bày, thuyết trình... để rèn luyện các kỹ năng cho các HP thực hành; sử dụng phần mềm học tập trực tuyến để nâng cao kết quả học tập tại nhà. Trong suốt khóa học, NH được tư vấn, hỗ trợ trong hoạt động học tập bởi GV, CVHT về đăng ký HP, NCKH; tư vấn cho NH tham gia các hoạt động học thuật, NCKH, rèn luyện kỹ năng thu thập, xử lý thông tin, phương pháp học tập theo hình thức tín chỉ giúp NH chủ động trong quá trình học tập [H4.04.03.04]. Trường định kỳ tiến hành khảo sát của NH và cựu NH về việc sử dụng PPDH và phương pháp kiểm tra đánh giá của GV. Kết quả khảo sát cho thấy: 100% NH và cựu NH đều hài lòng về tổ chức hoạt động dạy và học của GV. Trường ký kết hợp tác với các trường đại học quốc tế để NH có cơ hội trao đổi học tập trong môi trường quốc tế. Trong giai đoạn 2018 - 2023, Trường trao đổi NH tham gia học tập tại các quốc gia như: Thái Lan, Đài Loan, đồng thời tiếp nhận SV Hàn Quốc, Thái Lan tham gia các hoạt động tình nguyện tại Trường, bao gồm: Trường Đại học Rajabhat Rajanagarindra: Giảng dạy tiếng Thái giao tiếp và giao lưu văn hóa, Cơ quan thông tin xã hội quốc gia Hàn quốc (KIV)/Hàn Quốc: giảng dạy CNTT, giới thiệu văn hóa Hàn Quốc, Đoàn Trường Đại học MIYAGI/Nhật Bản: thực hiện chương trình giao lưu sinh viên. Ngoài ra, GV Khoa KT-QLCN sử dụng đa dạng các nguồn tư liệu, sách báo, phim ảnh phục vụ hoạt động dạy và học. Kết quả khảo sát ý kiến của GV, NH thể hiện GV Khoa KT-QLCN sử dụng đa dạng các PPGD phù hợp nhằm hỗ trợ NH rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời [H4.04.03.05], [H4.04.03.06].

2. Điểm mạnh

Các hoạt động dạy và học tạo điều kiện cho người học ngành KTHTCN mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp giảng dạy và học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm cho NH. Môi trường học tập được tổ chức đa dạng khuyến khích tinh thần tự học, tự nghiên cứu của NH. GV sử dụng thành thạo, hiệu quả tổ hợp các PP giảng dạy đang áp dụng.

Tất cả ĐC học phần ngành KTHTCN mô tả và nhấn mạnh đến hoạt động tự nghiên cứu, tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho NH.

GV Khoa KT-QLCN sử dụng đa dạng, phù hợp các PPGD để đạt CDR như: Dự án, thực tập, thực hành, thực tế tại doanh nghiệp.

Trường tăng cường ký kết hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước và triển khai nhiều hoạt động đào tạo nhằm hỗ trợ NH rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

Kết quả khảo sát ý kiến của GV, NH thể hiện GV Khoa KT-QLCN sử dụng đa dạng các PPGD phù hợp nhằm hỗ trợ NH rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

3. Điểm tồn tại

Số lượng các hội nghị, hội thảo về đổi mới, cải tiến phương pháp dạy và học do Khoa KT-QLCN tổ chức chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Khoa KT-QLCN tổ chức hội nghị, hội thảo về đổi mới, cải tiến phương pháp dạy học.	Khoa KT-QLCN	Hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường và Khoa KT-QLCN tiếp tục rà soát ĐCCT học phần bảo đảm mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp giảng dạy và học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm cho NH, đồng thời tăng cường ký kết hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước và triển khai nhiều hoạt động đào tạo nhằm hỗ trợ NH rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.	Khoa KT-QLCN Phòng CTCT&QLSV	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

Những điểm mạnh nổi bật

GV Khoa KT-QLCN xác định hoạt động dạy học, PPGD đa dạng, phù hợp để đạt được CDR ngành KTHTCN và thể hiện trong ĐC học phần. Trường tạo điều kiện để GV Khoa KT-QLCN tham dự các khóa tập huấn về đổi mới phương pháp dạy học và trên cơ sở đó, GV áp dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt CDR. GV Khoa KT-QLCN tích cực hướng dẫn NH sử dụng các hoạt động học tập

phù hợp từ đó giúp NH chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CĐR. GV, NH Khoa KT-QLCN hài lòng với các hoạt động dạy và học, các phương pháp dạy và học được sử dụng trong CTĐT ngành KTHTCN.

Tất cả ĐC học phần ngành KTHTCN mô tả rõ việc sử dụng các PPDH và học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm cho NH, đồng thời mô tả và nhấn mạnh đến hoạt động tự nghiên cứu, tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho NH. GV Khoa KT-QLCN sử dụng đa dạng, phù hợp các PPGD để đạt CĐR như: Dự án, thực tập, thực hành, thực tế tại doanh nghiệp, ... Trường tăng cường ký kết hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước và triển khai nhiều hoạt động đào tạo nhằm hỗ trợ NH rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời. Kết quả khảo sát ý kiến của GV, NH thể hiện GV Khoa KT-QLCN sử dụng đa dạng các PPGD phù hợp nhằm hỗ trợ NH rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

Những tồn tại cơ bản

Trường chưa khảo sát mức độ hiểu biết của các nhà tuyển dụng về TLGD của Trường; Vẫn còn trường hợp SV năm thứ nhất chưa thật sự thích nghi với phương pháp học ở bậc đại học. Số lượng các hội nghị, hội thảo về đổi mới, cải tiến phương pháp dạy và học do Khoa KT-QLCN tổ chức chưa nhiều.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn

Có 2 tiêu chí đạt 5/7 điểm và 1 tiêu chí đạt 4/7 điểm. Mức trung bình của tiêu chuẩn đạt: 4,67 điểm; Số tiêu chí đạt: 3/3; Tỷ lệ số tiêu chí đạt: 100%.

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu: Đánh giá kết quả học tập của người học là một trong những yếu tố quan trọng giúp người dạy cũng như người học gắn kết những kiến thức, kỹ năng được học trong trường với cuộc sống thực, giúp người học có ý thức hơn với những nhiệm vụ mà họ sẽ phải thực hiện khi tốt nghiệp. Việc đánh giá kết quả học tập của người học ngành KTHTCN được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học. Phương pháp đánh giá KQHT ngành KTHTCN đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập và người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.

Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Căn cứ các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL xây dựng dự thảo Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo

hệ thống tín chỉ, thông qua cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, trình Hiệu trưởng ký ban hành. Trường ban hành Quy trình coi thi kết thúc (Quyết định số 354/QĐ-ĐHKTCN ngày 30/8/2019); Quy định tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ (Quyết định số 22/QĐ-ĐHKTCN ngày 20/01/2020); Hướng dẫn tạm thời tổ chức thi theo hình thức trực tuyến năm học 2021-2022 (Quyết định số 578/ QĐ-ĐHKTCN ngày 25/11/2021); Quy trình chấm bài thi kết thúc học phần hình thức tự luận, trắc nghiệm kết hợp tự luận (Quyết định số 497/QĐ-ĐHKTCN ngày 08/10/2021). Các Quy định về việc tổ chức thi kết thúc, coi thi, chấm thi học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ đến các đơn vị để thực hiện và phổ biến đến GV, NH biết và thực hiện. Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ đồng thời được đăng trên website của Trường và Phòng TT-PC-KT-ĐBCL [H5.05.01.01], [H5.05.01.02].

Để đáp ứng các CĐR kiến thức, trong thời gian học chính thức, các văn bản hướng dẫn nêu trên có mô tả cụ thể về quy trình và hướng dẫn phương pháp kiểm tra đánh giá. Trong đề cương HP cũng có quy định về phương pháp kiểm tra đánh giá và các tiêu chí đánh giá như: chuyên cần, quá trình, kết thúc HP..., Trường có xây dựng tiêu chí, thang đánh giá (Rubric) để đánh giá các CĐR về nhận thức cấp độ cao, các CĐR về kỹ năng mềm và các CĐR về mức tự chủ và trách nhiệm của NH. Trong quá trình xây dựng các phương pháp kiểm tra đánh giá đều gắn với CĐR của HP và CĐR của CTĐT, mỗi nội dung của HP chỉ ra mối liên hệ giữa PP KTĐG với nội dung kiến thức HP và để đạt được CĐR nào của HP và đạt được CĐR nào của CTĐT [H5.05.01.03].

Cách thức đánh giá được áp dụng phù hợp với từng mục đích đánh giá:

i) Đối với các CĐR kiến thức: bao gồm kiến thức chung (lý luận chính trị, thể dục thể thao, quốc phòng an ninh, chuyên môn...), kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành, việc kiểm tra mức độ đạt được các CĐR kiến thức này được thông qua bài thi kết thúc học phần, điểm quá trình và điểm chuyên cần để tính điểm thành phần.

ii) Đối với các CĐR kỹ năng: đánh giá thông qua việc vận dụng, đánh giá được chất lượng của công việc, đề xuất được hướng cải tiến hệ thống sản xuất trong tương lai; Thiết kế mới, tái thiết kế hiệu quả, mô hình hóa hệ thống sản xuất dịch vụ nhằm giảm chi phí, tăng năng suất và hiệu quả và kích cầu sản phẩm dịch vụ; Vận dụng hiệu quả kiến thức phụ trợ (quản lý kinh tế, điều hành doanh nghiệp, quy trình sản xuất) giúp ra quyết định và kích cầu sản phẩm trong toàn hệ thống chuỗi cung ứng hướng đến hoàn thiện hệ thống sản xuất và dịch vụ.

iii) Đối với các CĐR tự chủ: đánh giá được thực hiện thông qua các nhiệm vụ NH được giao trong quá trình học tập một HP, thái độ khi thi cử, đặc biệt là thái độ làm việc nhóm, thái độ ứng xử khi tham gia thực tập tốt nghiệp, bảo vệ Khóa luận tốt

nghiệp... Tính kết nối giữa phương pháp kiểm tra đánh giá để đạt được CĐR CTĐT thể hiện rõ trong Bản mô tả CTĐT và ĐCCT của HP.

Tổ hợp các PP KTĐG của Trường gồm đánh giá quá trình lên lớp tham gia vào quá trình chuẩn bị, thảo luận, đến việc thi kết thúc HP, làm khóa luận. Các HP đều được đánh giá bởi 02 loại điểm, điểm quá trình (chiếm 40%) và điểm thi kết thúc HP (chiếm 60%). Hình thức đánh giá quá trình tùy thuộc vào đặc thù môn học, được quy định cụ thể trong ĐCCT HP. Mức độ đánh giá bao gồm kiểm tra tại lớp, thi kết thúc HP phù hợp với quá trình học tập, tiếp thu kiến thức của NH cả về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm của NH. Các hoạt động/phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của NH được thiết kế phù hợp để đo lường được mức độ đạt CĐR, hướng dẫn xác định các phương pháp giảng dạy, học tập, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên Trường ĐH KTCN CT (Hướng dẫn số 845/HD-ĐHKTCNCT ngày 30/10/2020). Thực hiện khóa luận nhằm giúp NH hình thành và phát triển khả năng tự nghiên cứu, tự học tập, tự chủ và có trách nhiệm. Để chuẩn bị cho việc thực hiện khóa luận, NH luôn được thông báo kế hoạch thực hiện, được CVHT triển khai các công việc liên quan, được phổ biến các quy trình xét duyệt đề tài, phân công giảng viên hướng dẫn, quy trình bảo vệ khóa luận, quy định về bảo vệ khóa luận/đồ án tốt nghiệp (Quyết định số 407/QĐ-ĐHKTCN ngày 06/9/2021) [H5.05.01.04]. Tất cả các nội dung về đánh giá kết quả, hình thức đánh giá để đáp ứng CĐR đều được GV thông báo cho NH vào đầu khóa học, buổi học, và trong Sổ tay Sinh viên [H5.05.01.05].

2. Điểm mạnh

Trường xây dựng và ban hành Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường, trong đó có sự phân công nhiệm vụ cụ thể đối với các đơn vị.

Trường thông báo Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường đến các Khoa, GV, NH thực hiện.

Trường tổ chức tập huấn về nội dung xác định loại hình, phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp CĐR và yêu cầu các Khoa triển khai thực hiện.

Hình thức thi, KTĐG KQHT được thể hiện rõ trong ĐC học phần ngành KTHTCN và GV Khoa KT-QLCN thông báo cho NH ngay trong buổi học đầu tiên.

Trong giai đoạn 2018 - 2023, GV Khoa KT-QLCN áp dụng đa dạng các hình thức thi, KTĐG học phần phù hợp và đo lường được mức độ đạt CĐR.

3. Điểm tồn tại

Các phương pháp KTĐG được xác định phù hợp và đo lường mức độ đạt CĐR, tuy nhiên số lượng các phương pháp KTĐG được xác định chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Trường và Khoa KT-QLCN triển khai để GV tiếp tục rà soát các phương pháp KTĐG để bổ sung các phương pháp KTĐG phù hợp và đo lường CĐR.	Khoa KT-QLCN Phòng TT-PC-KT-ĐBCL	Hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường và Khoa KT-QLCN tiếp tục áp dụng đa dạng các hình thức thi, KTĐG học phần phù hợp và đo lường được mức độ đạt CĐR, đồng thời rà soát Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường phù hợp với quy định hiện hành.	Khoa KT-QLCN Phòng TT-PC-KT-ĐBCL	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học

1. Mô tả hiện trạng

Trong Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường ban hành có phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị thực hiện, trong đó Phòng TT-PC-KT-ĐBCL là đơn vị xây dựng kế hoạch thi kết thúc học phần của toàn Trường. Hằng năm, căn cứ kế hoạch học kỳ, vào khoảng giữa học kỳ, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL dự thảo lịch thi kết thúc học phần, gửi đến các đơn vị để góp ý và trên cơ sở đó điều chỉnh, tổng hợp lịch thi, trình Hiệu trưởng phê duyệt lịch thi chính thức, gửi đến các đơn vị để thông báo, phổ biến đến toàn thể CB, GV, NH biết và thực hiện theo kế hoạch. Theo Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ (Quyết định số 22/QĐ-ĐHKTCN ngày 20/01/2020) chậm nhất 10 ngày kể từ ngày thi học phần cán bộ chấm thi phải hoàn thành công tác chấm thi và nhập điểm kết thúc học phần hoàn chỉnh lên hệ thống Education, lãnh đạo Khoa/Bộ môn có trách nhiệm quản lý và rà soát việc nhập điểm và công bố kết quả thi đến NH các lớp học phần do Khoa quản lý. Bên cạnh đó, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL là đơn vị tổ chức thi, chấm thi và quản lý kết quả chấm thi, bài thi theo quy định. Các Khoa cử cán bộ coi thi, chấm thi, nhập điểm lên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo đúng theo

thời gian quy định [H5.05.02.01]. Phòng ĐT chịu trách nhiệm xử lý dữ liệu, đánh giá kết quả học tập của người học trên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo. Trong Quyết định số 400/QĐ-ĐHKTCN ngày 01/9/2021 Quy định về đào tạo trình độ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường ban hành có quy định cụ thể về trọng số đánh giá học phần có tổ chức thi kết thúc học phần, cụ thể: Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành: tùy theo tính chất của học phần, điểm tổng hợp đánh giá học phần được tính căn cứ vào một phần hoặc tất cả các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm: điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần thực hành, điểm chuyên cần; điểm thi giữa học phần, điểm tiểu luận, điểm thi kết thúc học phần, trong đó điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp và có trọng số không dưới 50%; đối với các học phần thực hành, NH phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của điểm các bài thực hành trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành; đối với học phần thực hành phải thi kết thúc học phần, cách tính điểm tổng hợp đánh giá học phần do GV đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt và phải được quy định trong ĐC học phần. Ngoài ra, việc chọn các hình thức đánh giá bộ phận, phương pháp thi, KTĐG học phần được thể hiện trong ĐC học phần được thông qua BCN Khoa, Hội đồng KH&ĐT và được Hiệu trưởng phê duyệt [H5.05.02.02].

Căn cứ Quy định về đào tạo trình độ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ, Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ, Quy định về xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT cũng như Quy trình biên soạn, hiệu chỉnh, thẩm định đề cương chi tiết học phần, các Khoa triển khai xây dựng ĐC học phần, trong đó có nội dung xác định các phương pháp KTĐG phù hợp để đạt CDR. Khi thông qua ĐC học phần do GV biên soạn, Khoa KT-QLCN, Hội đồng KH&ĐT luôn chú trọng sự tương thích của các phương pháp KTĐG để đạt CDR học phần được thể hiện đầy đủ trong ĐCCT và Bản Mô tả CTĐT. Trong nội dung sinh hoạt tuần công dân đầu năm học, đầu khóa học và các buổi sinh hoạt lớp, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL, Khoa KT-QLCN, CVHT phổ biến, lưu ý NH thực hiện các nội dung của Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường. Ngay buổi học đầu tiên, GV Khoa KT-QLCN thông báo đến NH các phương pháp KTĐG học phần đã được xác định trong ĐC học phần [H5.05.02.03].

Trường thông báo Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ đã được điều chỉnh đến toàn thể các đơn vị, CB, GV, NV thông qua trang hành chính điện tử nội bộ (EGOV). Ngoài ra, Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường ban hành được niêm yết trong Sổ tay GV, Sổ tay SV, Sổ tay CTĐT [H5.05.02.04]. Về thời gian, điểm quá trình được GV giảng dạy đánh giá trong suốt quá trình giảng dạy theo quy

định trong ĐCCT, GV sẽ nhập điểm quá trình để xét điều kiện thi kết thúc cho NH theo quy định hiện hành. Thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi các nội dung liên quan đến kỳ thi cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Trường [H5.05.02.05]. Tiêu chí cụ thể để đánh giá các học phần được quy định cụ thể trong ĐCCT môn học [H5.05.02.06]. Tất cả thông tin về việc đánh giá đều được thông tin đến NH. Trong quá trình giảng dạy, GV thường xuyên nhắc nhở NH quy định kiểm tra/ đánh giá KQHT, đồng thời các quy định này được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Trường [H5.05.02.07]. Chính vì vậy, 100% người học hiểu và nắm rõ các quy định này. NH xem kết quả thông qua trang thông tin điện tử của Trường, Cổng thông tin sinh viên, phần mềm được cài đặt trên điện thoại [H5.05.02.08]. Kết quả khảo sát cho thấy có 100% NH Khoa KT-QLCN cho rằng NH được thông báo đầy đủ về tiêu chí đánh giá từng môn học [H5.05.02.09].

2. Điểm mạnh

Trường ban hành Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ, trong đó xác định rõ ràng về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá và kết quả học tập của người học.

Trường tổ chức tập huấn về nội dung xác định loại hình, phương pháp KTĐG phù hợp CĐR và yêu cầu Khoa KT-QLCN triển khai thực hiện.

Trường, Khoa KT-QLCN áp dụng nhiều hình thức thông báo, phổ biến đến NH Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ do Trường ban hành.

3. Điểm tồn tại

Khoa KT-QLCN chưa đánh giá mức độ hiểu biết của NH các văn bản quy định về KTĐG KQHT của người học.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Khoa KT-QLCN triển khai khảo sát, đánh giá mức độ hiểu biết của NH của Khoa đối với các văn bản quy định về KTĐG KQHT của NH.	Khoa KT-QLCN Phòng TT-PC-KT-ĐBCL	Hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Phòng TT-PC-KT-ĐBCL phối hợp các khoa tiến hành rà soát Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần hệ chính quy đào	Phòng TT-PC-KT-ĐBCL Khoa KT-QLCN	Hằng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
		tạo theo hệ thống tín chỉ do Trường ban hành và phổ biến đến NH bằng nhiều hình thức.			

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

1. Mô tả hiện trạng

Trường ban hành Quy trình coi thi kết thúc (Quyết định số 354/QĐ-ĐHKTCN ngày 30/8/2019); Quy định tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ (Quyết định số 22/QĐ-ĐHKTCN ngày 20/01/2020); Hướng dẫn tạm thời tổ chức thi theo hình thức trực tuyến năm học 2021-2022 (Quyết định số 578/QĐ-ĐHKTCN ngày 25/11/2021); Quy trình chấm bài thi kết thúc học phần hình thức tự luận, trắc nghiệm kết hợp tự luận (Quyết định số 497/QĐ-ĐHKTCN ngày 08/10/2021) [H5.05.03.01]. Trong đó, phương pháp kiểm tra đánh giá của CTĐT được GV thực hiện tương đối đa dạng đảm bảo đo lường được CĐR; việc đánh giá được áp dụng phù hợp với từng mục đích đánh giá. Các PPĐG được thực hiện theo từng HP, tùy thuộc nội hàm của HP là lý thuyết thuần túy hay có ứng dụng thực tế. PPĐG được lựa chọn có thể là thuyết trình đề tài theo nhóm, thực hiện tiểu luận nhóm hoặc cá nhân đề tài áp dụng giải quyết vấn đề thực tế, vấn đáp, hoặc làm bài thi viết, trắc nghiệm Ngoài ra, các bảng tiêu chí đánh giá và thang điểm tương thích với từng loại HP và PPĐG được sử dụng cũng góp phần đảm bảo tính tin cậy và công bằng trong đánh giá KQHT. Trong số 83 học phần của ngành KTHTCN, có 06 học phần sử dụng hình thức thi tự luận đánh giá điểm thi kết thúc học phần (chiếm 7,2%), 34 học phần thi trắc nghiệm (chiếm 41%), 26 học phần sử dụng thi trắc nghiệm kết hợp tự luận (chiếm 31,3%), 04 học phần cho SV làm đồ án (chiếm 4,8%), 04 học phần kết hợp thi lý thuyết và thực hành (chiếm 4,8%), 03 học phần thực hành (chiếm 3,6%), 05 học phần làm báo cáo kết thúc môn học (chiếm 6,0%), 01 học phần khóa luận tốt nghiệp/thực tập tốt nghiệp (chiếm 1,2%) [H5.05.03.02].

Để đảm bảo sự công bằng và độ tin cậy trong đánh giá KQHT, công tác tổ chức thi luôn đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan, đúng quy định. Trường xây dựng hệ thống ngân hàng đề thi kết thúc HP để phục vụ công tác kiểm tra, đánh giá theo đúng quy định và hướng dẫn của Trường. Quy trình ra đề thi đảm bảo được độ bảo mật cao của đề. Đối với các môn thi có đề thi trắc nghiệm, các bộ môn đã trao đổi, thống nhất về hình thức thi, cấu trúc đề thi để đảm bảo đo lường được đúng mục đích, yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm hướng tới CĐR trong chương trình môn

học, sau đó giao cho từng cá nhân GV biên soạn đề thi. Các đề thi sau khi GV biên soạn được thông qua bởi Bộ môn và Khoa, sau đó nộp về Phòng TT-PC-KT-ĐBCL để quản lý và sử dụng [H5.05.03.03], [H5.05.03.04]. Trường đã ban hành văn bản hướng dẫn, có quy định và yêu cầu cụ thể về nội dung, hình thức, quy trình làm khóa luận/đề án tốt nghiệp. Khi chấm khóa luận, đề án tốt nghiệp, Trường đều thành lập Hội đồng và có các tiêu chí chấm điểm cụ thể về hình thức; nội dung (bao gồm tính cấp thiết của đề tài, phương pháp nghiên cứu, kết quả nghiên cứu, kết luận, kiến nghị phù hợp với nội dung nghiên cứu) và việc trả lời câu hỏi của NH; Các tiêu chí này đảm bảo độ giá trị và công bằng trong đánh giá luận văn. Điểm chấm khóa luận/đề án tốt nghiệp được các Hội đồng xem xét, đánh giá công bằng và khách quan. Sau mỗi mỗi học kỳ, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL đều tiến hành phân tích, đánh giá phổ điểm đối với từng học phần, đây là cơ sở để Khoa và bộ môn đánh giá chất lượng đề thi, phương pháp đánh giá [H5.05.03.05].

Hàng năm, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL tổ chức khảo sát ý kiến các BLQ về các phương pháp và Quy trình KTĐG, độ chính xác và độ tin cậy của kết quả đánh giá, sự hài lòng về nội dung công tác thi và kiểm tra, đánh giá. Trong giai đoạn đánh giá, không có tình trạng khiếu nại, phản nản của người học về sự thiếu công bằng, minh bạch trong sử dụng các PP đánh giá KQHT, nội dung được hỏi cho thấy người học khá hài lòng với PP KTĐG và kết quả đánh giá từ GV. Quá trình kiểm tra đánh giá được thực hiện chính xác, khách quan, công bằng; Kết quả kiểm tra, đánh giá phản ánh đúng năng lực và trình độ của NH; NH hài lòng về các cách thức công bố, phản hồi kết quả kiểm tra, đánh giá; Kết quả kiểm tra, đánh giá được phản hồi kịp thời, giúp NH cải thiện KQHT. Qua kết quả khảo sát năm 2022, các BLQ đều đánh giá sự hài lòng về PPĐG ở mức trung bình 4,6 (thang đánh giá 5 mức độ) [H5.05.03.06].

2. Điểm mạnh

Trường ban hành Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường, trong đó có quy trình xây dựng và đánh giá độ tin cậy và độ chính xác của các phương pháp KTĐG người học, quy trình xây dựng đề thi, đánh giá đề thi. GV Khoa KT-QLCN sử dụng đa dạng các phương pháp KTĐG khác nhau để kiểm tra, đánh giá KQHT của SV.

Kết thúc mỗi học kỳ, Trường tiến hành nghiên cứu, đánh giá phổ điểm của các học phần cũng như sự phù hợp về trọng số điểm trong KTĐG KQHT của người học.

Các phương pháp KTĐG KQHT của SV ngành KTHTCN được sử dụng đảm bảo đo lường được các yêu cầu, CDR cần đo (độ giá trị); đảm bảo độ tin cậy và có các tiêu chí đánh giá rõ ràng nhằm đảm bảo tính công bằng. Các phương pháp và hình thức KTĐG KQHT người học của Khoa được sử dụng đa dạng và thực hiện nghiêm túc, theo đúng quy định và theo ĐCCT được duyệt. Tiêu chí KTĐG KQHT của người học được xác định rõ và có phân định mức độ đạt/không đạt qua việc đánh giá liên tục của GV.

Đồng thời một đề thi chung sẽ xác định điểm đánh giá cuối kỳ của các SV tham dự cùng học phần, tham gia kiểm tra cùng thời điểm.

Tất cả các hình thức thi đều được bố trí 2 cán bộ coi thi đảm bảo tính công bằng và độ tin cậy về kết quả thi của NH.

3. Điểm tồn tại

Ngân hàng đề thi được triển khai từ năm 2019 và chưa có nhiều ngân hàng đề thi cho tất cả các học phần của ngành KTHTCN.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Trường chỉ đạo các khoa tăng cường xây dựng ngân hàng đề thi cho các học phần trong CTĐT, đồng thời chỉ đạo Phòng QLKH-HTQT phối hợp Khoa KT-QLCN tiến hành triển khai nghiệm thu ngân hàng đề thi cho các học phần.	Khoa KT-QLCN Phòng TT-PC-KT-ĐBCL	Hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Khoa KT-QLCN tiếp tục sử dụng đa dạng các phương pháp KTĐG khác nhau để kiểm tra, đánh giá KQHT của SV.	Khoa KT-QLCN	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập

1. Mô tả hiện trạng

Trường đã ban hành các quy định về việc phản hồi kết quả đánh giá của NH, được thể hiện trong quy chế đào tạo và quy định đảm bảo bảo chất lượng công tác KTĐG kết quả học tập. Trong Quy định về đào tạo trình độ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ và Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường ban hành có quy định GV công bố điểm quá trình cho SV trên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo (Education) chậm nhất trước 03 ngày kể từ ngày kết thúc học phần giảng dạy. Điểm thi kết thúc học phần được công bố cùng với điểm tổng kết của học phần. Đối với học phần vấn đáp, điểm thi của SV được công bố ngay sau kết thúc buổi thi vấn đáp. Việc công bố điểm học phần được công bố chậm nhất 10 ngày kể từ ngày thi kết thúc học phần và được cập nhật lên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo và cổng thông tin của Trường. Mỗi SV được Trường cấp 01 tài khoản và sử

dụng để xem kết quả thi, KTĐG các học phần. Đối với việc phúc khảo bài thi kết thúc học phần, SV nộp đơn phúc khảo về Phòng TT-PC-KT-ĐBCL trong thời gian 03 ngày kể từ ngày công bố kết quả thi kết thúc học phần. Thời hạn chấm phúc khảo và công bố kết quả phúc khảo không quá 10 ngày kể từ ngày nhận đơn phúc khảo của SV. Các Khoa phân công GV chấm phúc khảo không phải là GV chấm thi lần đầu tiên và nếu có thay đổi điểm phải có biên bản đối chất giữa GV chấm lần đầu và GV chấm phúc khảo. Trường hợp có sự khác biệt giữa phiếu ghi điểm đã công bố và điểm được nhập lưu trữ trong hệ thống quản lý đào tạo, Phòng ĐT có trách nhiệm kiểm tra và điều chỉnh (nếu có sai sót) theo quy định của Trường [H5.05.04.01].

Trường gửi văn bản Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ, trong đó có quy định cụ thể về phản hồi kết quả đánh giá đến các Khoa để phổ biến GV, SV của Khoa biết và thực hiện. Văn bản Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường ban hành được thể hiện trong Sổ tay GV, Sổ tay SV cũng như đăng tải trên website của Trường, của Khoa và trong phần mềm quản lý đào tạo. Trong nội dung tuần sinh hoạt công dân đầu năm học, đầu khóa học và các buổi sinh hoạt lớp, Phòng CTCT&QLSV, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL, Khoa KT-QLCN, CVHT thông báo, phổ biến cụ thể quy định thi, KTĐG KQHT của người học đến SV [H5.05.04.02].

NH được phản hồi kết quả đánh giá kịp thời. Việc phản hồi nếu đưa ra quá muộn sẽ không mang lại tác dụng đối với NH. Kết quả đánh giá của NH được phản hồi thông qua GV trực tiếp giảng dạy trong suốt quá trình học thông qua điểm chuyên cần, thực hiện kiểm tra giữa kỳ với các hình thức đa dạng như bài tự luận, thuyết trình, tiểu luận. Trước khi kết thúc HP, GV phải thông báo điểm chuyên cần và điểm giữa kỳ đến NH. NH có tài khoản riêng để theo dõi kết quả môn học trên hệ thống phần mềm “Quản lý đào tạo” của Trường. Hồ sơ, KQHT của NH được lưu giữ đầy đủ theo đúng tiến trình của người học, rõ ràng, dễ dàng tiếp cận, tra cứu. Thông tin phản hồi về kết quả đánh giá được sử dụng để cải thiện việc học tập. NH nhận được phản hồi của GV trong suốt quá trình học, thể hiện qua việc đánh giá quá trình. GV đánh giá NH về thái độ thông qua điểm chuyên cần, thực hiện kiểm tra giữa kỳ và phản hồi kết quả đến NH. Như vậy, ngay trong quá trình học tập của HP, thông qua các hình thức đánh giá đa dạng, NH đã nhận biết được điểm mạnh của bản thân để tạo tự tin trong học tập, thúc đẩy NH nâng cao thành tích học tập. Bên cạnh đó, SV cũng nhận biết được điểm yếu của bản thân để khắc phục. Việc phản hồi sớm cũng giúp SV nhận thức rõ hơn về yêu cầu của học phần, từ đó NH có thể kịp thời điều chỉnh việc học tập nhằm cải thiện kết quả ở các bài kiểm tra, bài thi tiếp theo [H5.05.04.03].

Kết thúc mỗi học kỳ, Phòng CTCT&QLSV sẽ gửi danh sách sinh viên bị cảnh báo học vụ tới Khoa KT-QLCN đối với các trường hợp cảnh báo theo quy định đào tạo;

NH bị cảnh báo học vụ 2 lần liên tiếp với hình thức buộc thôi học; NH vượt quá thời gian được phép học tại trường. NH có kết quả học tập từ khá trở lên được Trường xem xét học bổng để khích lệ tinh thần học tập và tặng giấy khen của Hiệu trưởng với những thành tích học tập, nghiên cứu nổi bật [H5.05.04.04]. Sau khi nhận kết quả học tập, NH có thể phản hồi về kết quả học tập bằng việc phúc khảo, đánh giá môn học, toàn khóa học [H5.05.04.05].

2. Điểm mạnh

Trong Quy định về đào tạo trình độ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ và Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ do Trường ban hành có các quy định cụ thể về việc phản hồi kết quả đánh giá của NH. Trường thông báo, phổ biến đến SV quy định về phản hồi kết quả đánh giá với nhiều hình thức khác nhau.

Trong giai đoạn 2018 - 2023, không có sinh viên ngành KTHTCN đề nghị phúc khảo kết quả đánh giá các học phần. Thông tin phản hồi về kết quả đánh giá được CVHT thông báo đến SV sử dụng để cải thiện việc học tập của SV.

3. Điểm tồn tại

Khoa KT-QLCN chưa đánh giá mức độ SV sử dụng thông tin phản hồi về kết quả đánh giá để cải thiện việc học tập.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Khoa KT-QLCN phối hợp với Phòng TT-PC-KT-ĐBCL khảo sát đánh giá mức độ SV sử dụng thông tin phản hồi về kết quả đánh giá để cải thiện việc học tập.	Khoa KT-QLCN Phòng TT-PC-KT-ĐBCL	Hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường và Khoa KT-QLCN tiếp tục triển khai hiệu quả hơn việc phản hồi kết quả đánh giá của người học, nhằm góp phần cải thiện việc học tập của SV.	Khoa KT-QLCN	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 5.5. NH tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

1. Mô tả hiện trạng

Trong Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ do Nhà trường ban hành quy định rõ về việc khiếu nại KQHT đối với

người học. Trường gửi văn bản Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ đến các Khoa để phổ biến đến SV [H5.05.05.01]. Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ được thể hiện trong Sổ tay GV, Sổ tay SV cũng như đăng tải trên website của Trường, của Khoa và trong phần mềm quản lý đào tạo [H5.05.05.02]. Phòng ĐT, Khoa KT-QLCN phổ biến Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Nhà trường đến SV tại tuần sinh hoạt công dân đầu năm học, đầu khóa học [H5.05.05.03]. Bên cạnh đó, CVHT thông báo, phổ biến cụ thể đến SV Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ đến SV tại các buổi sinh hoạt lớp.

Trường chú trọng đến việc giải quyết khiếu nại của SV đối với kết quả thi, KTĐG và phân công trách nhiệm cụ thể cho Phòng ĐT, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL và các Khoa trong việc giải quyết khiếu nại, phản ánh của SV về kết quả thi, KTĐG. Trong giai đoạn 2018 - 2023, Khoa KT-QLCN không có trường hợp khiếu nại về KQHT [H5.05.05.04], [H5.05.05.05].

2. Điểm mạnh

Trường, Khoa KT-QLCN, CVHT phổ biến đầy đủ các quy định, quy trình về khiếu nại KQHT đến SV thông qua nhiều hình thức khác nhau.

Trường luôn quan tâm và yêu cầu các đơn vị giải quyết kịp thời và hợp lý các trường hợp phúc khảo về kết quả thi, KTĐG KQHT của SV.

Trong giai đoạn 2018 - 2023, không có trường hợp khiếu nại về KQHT.

3. Điểm tồn tại

Quy định về việc khiếu nại KQHT của người học còn phân định rõ việc xử lý các trường hợp khiếu nại đúng/sai, chưa phân định rõ trách nhiệm của người chấm khi có sự chênh lệch điểm số trước và sau khiếu nại.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Khoa KT-QLCN có kế hoạch giám sát, kiểm tra GV nhập điểm giữa kỳ, cuối kỳ đúng theo kế hoạch và quy định của Trường.	Khoa KT-QLCN Phòng TT-PC-KT-ĐBCL	Hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường và Khoa KT-QLCN tiếp tục tuyên truyền, phổ biến các quy định, quy trình về khiếu nại KQHT đến SV thông qua nhiều	Khoa KT-QLCN	Hằng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
		hình thức khác nhau; giải quyết kịp thời và hợp lý các trường hợp phức tạp về kết quả thi, KTĐG KQHT của SV.			

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

Những điểm mạnh nổi bật

Trường đã ban hành đầy đủ quy định về việc tổ chức thi, kiểm tra nhằm đánh giá KQHT. Kế hoạch thi, kiểm tra được công bố công khai, rộng rãi đến người học ngay từ đầu học kỳ thông qua ĐCCT các học phần. GV được tập huấn, hướng dẫn, bồi dưỡng kiến thức về các PP KTĐG. Triển khai các quy chế, quy định về KTĐG KQHT của người học, cụ thể về thời gian, hình thức, PP, tiêu chí đánh giá, trọng số, cơ chế phản hồi của người học và các nội dung liên quan khác một cách đầy đủ, rõ ràng. Tất cả các quy chế, quy định về KTĐG đều được GV, Khoa, Trường công bố công khai tới người học vào đầu khóa học và trước mỗi kỳ KTĐG bằng nhiều hình thức khác nhau nhằm đảm bảo người học hiểu và nắm rõ các quy chế, quy định này. Các phương pháp và hình thức KTĐG KQHT người học của Khoa được sử dụng đa dạng và thực hiện nghiêm túc, theo đúng quy định và theo ĐCCT được duyệt. Tiêu chí KTĐG KQHT của người học được xác định rõ và có phân định mức độ đạt/không đạt qua việc đánh giá liên tục của GV. Đồng thời một đề thi chung sẽ xác định điểm đánh giá cuối kỳ của các NH tham dự cùng học phần, tham gia kiểm tra cùng thời điểm. Tất cả các hình thức thi đều được bố trí 2 cán bộ coi thi đảm bảo tính công bằng và độ tin cậy về kết quả thi của SV. Ban hành Quy chế ĐT, các QT liên quan đến các công tác ĐT, trong đó nêu rõ quy định về việc phản hồi kết quả đánh giá của người học. Các quy chế quy định này được công bố công khai trên các phương tiện truyền thông của Khoa/Trường. Các thông tin phản hồi kết quả đánh giá kịp thời đã giúp SV biết để cải thiện việc học tập của mình. Người học hài lòng về cách thức, thời gian phản hồi KQHT. Có đầy đủ các quy định, QT khiếu nại về KQHT và công bố công khai để người học dễ dàng tiếp cận. Người học được Khoa, Trường phổ biến đầy đủ các quy định, QT khiếu nại về KQHT trước mỗi khóa học, mỗi học kỳ. Trong giai đoạn 2018 - 2023, không có trường hợp sinh viên ngành KTHTCN khiếu nại về việc đánh giá kết quả học tập.

Những tồn tại cơ bản

Các phương pháp KTĐG được xác định phù hợp và đo lường mức độ đạt CĐR, tuy nhiên số lượng các phương pháp KTĐG được xác định chưa nhiều. Khoa KT-QLCN chưa đánh giá mức độ hiểu biết của SV các văn bản quy định về KTĐG KQHT của

người học. Ngân hàng đề thi được triển khai từ năm 2019 và chưa có nhiều ngân hàng đề thi cho tất cả các học phần của ngành KTHTCN. Khoa KT-QLCN chưa đánh giá mức độ SV sử dụng thông tin phản hồi về kết quả đánh giá để cải thiện việc học tập. Một số học phần công bố điểm kết thúc học phần còn chậm so với kế hoạch, quy định của Trường. Quy định về việc khiếu nại KQHT của người học còn phân định rõ việc xử lý các trường hợp khiếu nại đúng/sai, chưa phân định rõ trách nhiệm của người chấm khi có sự chênh lệch điểm số trước và sau khiếu nại.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn

Có 5/5 tiêu chí đạt điểm 5,0. Mức trung bình của tiêu chuẩn đạt: 5,00 điểm; Số tiêu chí đạt: 5/5; Tỷ lệ số tiêu chí đạt: 100%.

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Mở đầu: Khoa KT-QLCN có một đội ngũ GV giàu kinh nghiệm, với trình độ TS, ThS, với nhiều năm làm việc thực tế tại các doanh nghiệp, nhà máy, xí nghiệp thuộc lĩnh vực kinh tế. Đội ngũ GV trong khoa trẻ trung, năng động, nhiệt tình, ham học hỏi, trau dồi kiến thức, đam mê nghiên cứu khoa học, có thành tích xuất sắc trong hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Đội ngũ GV được quy hoạch, tuyển dụng đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ GV của Khoa có năng lực chuyên môn cao, tích cực tham gia vào các loại hình nghiên cứu khoa học khác nhau. Việc tuyển dụng, đề bạt cán bộ được thực hiện công khai, đúng quy định và dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy và thành tích học thuật. Việc phân công trách nhiệm đào tạo và mối quan hệ công tác được phân định rõ ràng, phù hợp với trình độ, kinh nghiệm kỹ năng của GV. Việc quản lý theo kết quả công việc và ghi nhận thành tích của giảng viên tạo động lực cho việc hoàn thành trách nhiệm giảng dạy, nghiên cứu và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ GV, NCV (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Khoa có kế hoạch phát triển đội ngũ GV, thực hiện chương trình (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) căn cứ nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Từ khi thành lập đến nay lãnh đạo Trường luôn xác định việc quy hoạch và phát triển đội ngũ GV, NCV là nhiệm vụ trọng tâm của Trường. Đề án “Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ Trường ĐH KTCN CT giai đoạn 2011 - 2020” và “Chiến lược phát triển Trường ĐH KTCN CT giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030” (Quyết định 14/QĐ-HĐT ngày 20/4/2020), “Chiến lược phát triển Khoa KT-QLCN giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến 2030 (Quyết định 631/QĐ-ĐHKTCN ngày 31/12/2020) [H6.06.01.01] và bản mô

tả công việc cá nhân, quy định về chỉ tiêu, số lượng, chất lượng và tiêu chuẩn nghề nghiệp cụ thể của đội ngũ GV, đáp ứng về nhu cầu đào tạo; Trường và Khoa đã cụ thể hóa thành Kế hoạch phát triển nhân sự của Khoa định kỳ hàng năm [H6.06.01.02]. Đến tháng 12/2023, Khoa KT-QLCN có 66 GV, gồm 11 TS, 54 ThS, 01 cử nhân. 100% giảng viên của Khoa đều có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm, có nhiều GV được đào tạo ở nước ngoài và đào tạo theo chương trình liên kết với nước ngoài, có khả năng tham gia giảng dạy bằng ngoại ngữ về công tác tại Khoa. GV của Khoa được bố trí theo chuyên ngành phù hợp nhằm phát huy hiệu quả năng lực của GV; Trường cũng có kế hoạch nâng cao năng lực tiếng Anh của đội ngũ GV, NV định kỳ để đánh giá năng lực tiếng Anh của đội ngũ GV và có kế hoạch hỗ trợ, đào tạo [H6.06.01.03]. Định kỳ nhà trường tổ chức các hoạt động học tập, bồi dưỡng để nâng cao trình độ và kỹ năng nghề nghiệp cho GV [H6.06.01.04]. Hoạt động này được thực hiện theo Kế hoạch và kinh phí đào tạo, phát triển đội ngũ GV [H6.06.01.05].

Bảng 6.1.1. Bảng thống kê số lượng GV Khoa KT-QLCN theo trình độ trong 5 năm gần đây

Năm học	Số lượng GV	Giới tính		Độ tuổi			GS	PGS	TS	ThS	KS/CN
		Nam	Nữ	< 35	35-45	>45					
2018-2019	25	8	17	14	8	3	-	1	3	18	3
2019-2020	36	11	25	19	12	5	-	1	6	23	6
2020-2021	65	27	38	25	24	16	-	1	9	50	5
2021-2022	63	26	37	22	23	18	-	1	10	51	1
2022-2023	66	27	39	22	32	12	-	1	10	54	1

(Nguồn: Phòng TC-HC, 2023)

Bảng 6.1.2. Bảng thống kê số lượng GV của ngành KTHTCN theo trình độ trong 5 năm gần đây

Năm học	Số lượng GV	Giới tính		Độ tuổi			GS	PGS	TS	ThS	KS/CN
		Nam	Nữ	< 35	35-45	>45					
2018-2019	7	1	6	6	1	0	0	0	1	5	1
2019-2020	12	2	10	10	2	0	0	0	3	7	2
2020-2021	10	2	8	8	1	1	0	0	2	8	0
2021-2022	10	3	7	6	4	0	0	0	2	8	0
2022-2023	10	2	8	6	4	0	0	0	2	8	0

(Nguồn: Phòng TC-HC, 2023)

Việc quy hoạch đội ngũ GV được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Việc quy hoạch đội ngũ GV được Khoa chú trọng từ khâu tuyển dụng: Khoa có kế hoạch tuyển dụng được thực hiện dựa trên quy định tuyển dụng nhân sự được công khai trên Egov với các tiêu chí rõ ràng về trình độ chuyên môn, tin học, ngoại ngữ và kinh nghiệm giảng dạy, làm việc cho từng vị trí một cách phù hợp; GV

được lựa chọn và phân công giảng dạy phù hợp với từng chuyên ngành cụ thể [H6.06.01.06]. Khoa có 03 Bộ môn bao gồm Bộ môn QLCN-QTKD, Bộ môn TC-KT và Bộ môn KTHT-LOG. GV được bố trí phù hợp với chuyên ngành cho từng bộ môn [H6.06.01.07]. Bên cạnh đó, Khoa cũng chú trọng bổ sung đội ngũ GV đến từ cơ quan, tổ chức các ngành nghề có liên quan đến kinh tế, kỹ thuật và công nghệ theo định hướng phát triển đào tạo sinh viên có khả năng ứng dụng, thực hành của Khoa [H6.06.01.08]. Khoa có chính sách hợp lý để thu hút những GV có trình độ tiến sĩ, có khả năng NCKH và tham gia hoạt động cộng đồng. Trong các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, Khoa cũng chú trọng đến việc GV có kết quả NCKH đáp ứng tiêu chuẩn của GV theo năm học [H6.06.01.09], [H6.06.01.10]. Ngoài những kinh nghiệm thực tiễn, khả năng phục vụ cộng đồng của GV được thể hiện cụ thể qua việc phối hợp với GV thực hiện các phần việc theo đúng chuyên môn và theo kế hoạch của khoa và hỗ trợ các hoạt động Đoàn, Hội của Khoa.

Hiện nay, tại Trường ĐHKTCNCT việc tuyển dụng, bổ nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động và cho nghỉ hưu đối với GV đều có qui định rõ ràng thực hiện theo đúng quy định của Luật Lao động và quy định cụ thể của Trường [H6.06.01.11].

2. Điểm mạnh

Trường ban hành đầy đủ quy chế, quy định về phát triển đội ngũ GV và thông báo, phổ biến đến toàn thể GV biết và thực hiện.

Trường thực hiện quy hoạch phát triển đội ngũ GV công khai, minh bạch, theo đúng quy định và đáp ứng nhu cầu ĐT, NCKH, PVCD.

Đội ngũ GV Khoa KT-QLCN có trình độ chuyên môn cao, đáp ứng các yêu cầu giảng dạy, NCKH và các hoạt động chuyên môn khác.

Bộ môn KTHT-LOG có đủ GV cơ hữu có trình độ chuyên môn cao, đáp ứng các yêu cầu giảng dạy, NCKH.

3. Điểm tồn tại

Việc nâng cao trình độ tiến sĩ đảm bảo theo quy định đối với ngành KTHTCN còn gặp nhiều khó khăn nhất định. GV của Bộ môn quản lý ngành KTHTCN vẫn còn trong giai đoạn đi học tập nâng cao trình độ tiến sĩ. Kế hoạch phát triển Khoa chưa thể hiện rõ việc quy hoạch đội ngũ GV cho hoạt động phục vụ cộng đồng, NCKH... kế hoạch vẫn đang được cải tiến nhiều hơn trong thời gian sắp tới.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm	Từ năm học 2024 - 2025, Trường và Khoa tăng cường các hình thức hỗ trợ GV học tập nâng cao trình	Khoa KT-QLCN Phòng TC-HC	Hằng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
	tồn tại	độ và đẩy mạnh kế hoạch sắp xếp GV đăng ký ngành học TS đúng với các chuyên ngành đang ĐT.			
2	Phát huy điểm mạnh	Trường và Khoa KT-QLCN tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ GV cơ hữu có trình độ chuyên môn cao, đáp ứng các yêu cầu giảng dạy, NCKH và PVCD.	Khoa KT-QLCN	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ GV/NH và khối lượng công việc của đội ngũ GV, NCV được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Để đảm bảo về mặt số lượng và chất lượng đội ngũ, dựa trên Kế hoạch chiến lược phát triển của Trường và Khoa, BCN Khoa KT-QLCN đã xây dựng lộ trình phát triển cán bộ dài hạn, chú trọng đảm bảo đội ngũ kế cận, đảm bảo cơ cấu độ tuổi, dựa trên khối lượng công việc đang thực hiện của GV và lực lượng cán bộ sắp nghỉ hoặc đã nghỉ hưu. Tỷ lệ GV/SV của ngành KTHTCN đảm bảo duy trì được chất lượng đào tạo và phù hợp với quy định của Bộ GD&ĐT hiện nay. Tỷ lệ GV/SV của CTĐT đáp ứng yêu cầu theo quy định hiện hành. Tổng số GV của Khoa là 66 người, gồm 11 TS (chiếm tỷ lệ 16,4% so với tổng số GV của Khoa), 54 ThS (81,8%), 01 cử nhân (1,5%). Hiện Khoa KT-QLCN có 01 GV đang theo học NCS ở trong nước, 02 GV đang theo học NCS ở nước ngoài. Trong giai đoạn đánh giá, tỷ lệ GV/NH chính quy ngành KTHTCN được quy đổi lần lượt: năm học 2018 - 2019 là 0,05; 2019 - 2020 là 0,07; 2020 - 2021 là 0,15; 2021 - 2022 là 0,11; 2022 - 2023 là 0,07 đảm bảo với tỷ lệ quy định của Bộ GD&ĐT. SV được đảm bảo khả năng tương tác, học tập kiến thức khoa học và thực tiễn từ GV, đảm bảo chất lượng đào tạo theo mục tiêu của Khoa theo tỉ lệ bảng 6.2.1.

Bảng 6.2.1. Tỷ lệ GV/NH của khoa KT-QLCN qua từng năm học

Năm học	Tổng số FTEs của GV	Tổng số FTEs của NH	Tỷ lệ GV/NH
---------	---------------------	---------------------	-------------

2018 - 2019	27,9	536	0,05
2019 - 2020	39,8	603	0,07
2020 - 2021	72,5	491	0,15
2021 - 2022	74,3	662	0,11
2022 - 2023	77,3	1042	0,07

(Nguồn: Phòng TC-HC, 12/2023)

Tiêu chuẩn của GV đáp ứng theo quy định của Bộ GD&ĐT và tình hình thực tế tại đơn vị. Đội ngũ cơ hữu, Khoa KT-QLCN còn có 10 GV thỉnh giảng đến từ cơ quan, tổ chức, công ty doanh nghiệp lĩnh vực kỹ thuật, kinh tế tham gia giảng dạy, hướng dẫn thực hành, đánh giá kết quả học tập của SV theo thỏa ước gắn kết đào tạo giữa Trường với doanh nghiệp [H6.06.02.01], [H6.06.02.02].

Việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV theo giờ chuẩn được hướng dẫn chi tiết và được triển khai thực hiện. Trường ban hành văn bản quy định chi tiết về khối lượng công việc của đội ngũ GV, bao gồm: các hoạt động giảng dạy, NCKH và công tác khác như phụ trách cố vấn học tập, coi thi, chấm bài, tuyển sinh,... Qua đó, GV có nghĩa vụ thực hiện giờ giảng dạy, NCKH và công tác khác theo định mức cụ thể mỗi năm: Giảng dạy: 300 giờ; NCKH: 150 giờ; Công tác khác (cố vấn học tập, coi thi kết thúc học phần, tham gia hoạt động tuyển sinh...) theo Quy định chế độ làm việc của GV hiện hành (Quyết định số 160/QĐ-ĐHKTCN ngày 08/3/2022, Quyết định số 49/QĐ-ĐHKTCN 31/01/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định 160/QĐ-ĐHKTCN). Khối lượng công việc đối với đội ngũ GV, NCV được giám sát để cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Kết thúc mỗi học kỳ, Khoa tiến hành họp để tổng kết khối lượng giảng dạy, NCKH trên cơ sở đối chiếu với kết quả thống kê khối lượng giảng dạy của các Phòng TT-PC-KT-ĐBCL, Phòng QLKH-HTQT và xác nhận từ giảng viên. Qua đó, xác định được tỷ lệ vượt giờ của GV và có kế hoạch phân công khối lượng giảng dạy, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công tác khác (coi thi, cố vấn học tập, hướng dẫn thực tập, hướng dẫn khóa luận,...) công việc cụ thể cho GV ở học kỳ tiếp theo. Liên tục từ 2019 đến 2022, hằng năm Trường đều cải tiến, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ để xác định nghĩa vụ và quyền lợi được hưởng của các đối tượng liên quan, trong đó có GV, NCV (Quyết định số 56/QĐ-ĐHKTCN ngày 09/02/2018 ĐHKTCN, 317/QĐ- ĐHKTCN ngày 30/7/2018, 83/QĐ-ĐHKTCN ngày 04/03/2019 ĐHKTCN, 20/QĐ- ĐHKTCN ngày 16/01/2020 ĐHKTCN, 145/QĐ-ĐHKTCN, ngày 26/3/2021 ĐHKTCN; 212/QĐ-ĐHKTCN, ngày 30/3/2022). Ngoài ra, Khoa đã tham gia vào các hoạt động cộng đồng kh naac như: các hoạt động giao lưu, hỗ trợ cho cộng đồng, tư vấn hướng dẫn về kỹ thuật. Các phòng ban liên quan chịu trách nhiệm triển khai thực hiện việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV trong phạm vi toàn trường [H6.06.02.03], [H6.06.02.04], [H6.06.02.05].

Việc đánh giá GV được thực hiện định kỳ hàng tháng qua thông qua bảng tự đánh giá kết quả xếp loại chất lượng công việc dựa trên bản mô tả công việc của GV [H6.06.02.06], [H6.06.02.02]. Sau khi GV tự đánh giá thì Trường Khoa sẽ đánh giá lại, xác nhận vào Phiếu đánh giá xếp loại kết quả lao động. Kết quả đánh giá được chuyển về Phòng TC-HC để xếp loại thi đua khen thưởng cho GV. Cuối mỗi năm học, Hội đồng thi đua khen thưởng cấp trường đánh giá, bình xét kết quả thi đua cho các cá nhân và tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ mục tiêu của năm.

2. Điểm mạnh

Tỉ lệ NH/GV học của CTĐT ngành KTHTCN đáp ứng yêu cầu theo quy định về xác định chỉ tiêu đào tạo trình độ đại học hiện hành.

Trường ban hành văn bản liên quan đến việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV theo giờ chuẩn được hướng dẫn chi tiết và được triển khai thực hiện.

Quy định chế độ làm việc của GV được Trường ban hành, trong đó có quy định về số giờ giảng/khối lượng công việc tiêu chuẩn/tối thiểu quy đổi đối với đội ngũ GV.

Khối lượng công việc của đội ngũ GV được đo lường, giám sát cụ thể làm căn cứ để có kế hoạch phân công, giám sát và kiểm tra chuyên môn định kỳ nhằm cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Việc đánh giá GV có tiêu chí rõ ràng, cụ thể tạo điều kiện để GV có những điều chỉnh phù hợp và tạo được động lực phát triển cho GV.

GV Khoa KT-QLCN luôn tích cực hưởng ứng và tham gia đầy đủ các hoạt động PVCD do Trường, phòng CTCT&QLSV cũng như các cơ quan đoàn thể phát động và tổ chức.

Trong giai đoạn 2018 - 2023, GV Khoa KT-QLCN được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên và hầu hết các ý kiến của SV ngành KTHTCN hài lòng về hoạt động giảng dạy của GV.

3. Điểm tồn tại

Trong giai đoạn 2018 - 2023, số lượng GV có học hàm, học vị cao của Khoa KT-QLCN không ngừng được nâng lên tuy nhiên để không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo và quy mô đào tạo thì trong giai đoạn sắp đến Trường, Khoa, Bộ môn cần đẩy mạnh hơn nữa việc phát triển đội ngũ GV trình độ cao.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Trường tăng cường chế độ chính sách nhằm tăng cường số lượng GV có học hàm, học vị cao cho Khoa	Khoa KT-QLCN Phòng TC-HC	Hằng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
		KT-QLCN. Khoa tiến hành xây dựng các tiêu chí đánh giá mang tính định lượng trong việc thực hiện các nhiệm vụ PVCD và nhiệm vụ chuyên môn khác của GV.			
2	Phát huy điểm mạnh	Trường và Khoa KT-QLCN tiếp tục triển khai giám sát khối lượng công việc đối với đội ngũ GV để cải tiến chất lượng hoạt động ĐT, NCKH và PVCD.	Khoa KT-QLCN	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả hiện trạng

Trường có các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển rõ ràng, cụ thể, trong đó chú trọng các tiêu chí trình độ chuyên môn, phẩm chất đạo đức, thâm niên giảng dạy, NCKH, khả năng sử dụng ngoại ngữ trong giảng dạy và NCKH. Quy chế tuyển dụng trường ĐHKTCNCT đã quy định rõ các tiêu chuẩn chung và tiêu chí, yêu cầu cụ thể đối với từng vị trí tuyển dụng và lựa chọn GV (Quyết định số 418/QĐ-ĐHKTCN ngày 31/12/2016 Quy định tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức Trường ĐH KTCN CT; Quyết định số 470/QĐ-ĐHKTCN ngày 09/11/2018 về thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Trường ĐH KTCN CT). Quy trình bổ nhiệm chặt chẽ, đúng quy trình quy định tại Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 115/2020/NĐ-CP về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức [H6.06.03.01].

Tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV được phổ biến công khai trên trang thông tin điện tử của Trường và khoa; gửi thông báo bằng văn bản về các đơn vị trong Trường, được đăng tải trên báo chí và website nội bộ trường khi có các đợt tuyển dụng tập trung [H6.06.03.02]. Bên cạnh đó, Trường cũng có những chính sách ưu tiên tuyển dụng đối với nhân lực có trình độ cao cho ngành KTHTCN [H6.06.03.03]. Tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn GV được cập nhật, điều chỉnh theo từng thời kỳ phát triển của Trường, phù

hợp với yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ và phù hợp với quy định chung của Nhà nước. Để thực hiện việc tuyển dụng, lựa chọn GV, Trường thành lập Hội đồng tuyển dụng để đảm bảo việc tuyển dụng được chính xác khách quan và có sự đồng thuận tập thể. Trong thành phần Hội đồng luôn có thành viên là các khoa chuyên môn có liên quan. Ngoài ra, Trường còn có chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng nhân sự nhằm nâng cao hiệu quả tuyển dụng. Căn cứ chiến lược phát triển của Trường, Khoa, kế hoạch đào tạo bồi dưỡng hằng năm, khoa có đề xuất nhân sự để phát triển đội ngũ GV [H6.06.03.04]. Căn cứ quy mô TS hằng năm, các HP trong CTĐT ngành KTHTCN, nhu cầu ĐTBĐ đội ngũ, Khoa KT-QLCN có kế hoạch tuyển dụng, kế hoạch ĐTBĐ một số vị trí nhân sự của Khoa trình BGH phê duyệt và thông báo rộng rãi [H6.06.03.05]. Trong các thông báo KH tuyển dụng hằng năm từ 2018 - 2023 của Trường đã ghi chi tiết về tiêu chuẩn đối với từng vị trí tuyển dụng và quy trình tuyển dụng. Kết quả tuyển dụng được công bố công khai. Đối với tuyển dụng GV, ứng viên phải trải qua phần thực hành giảng dạy và trả lời các câu hỏi về chuyên môn của Hội đồng sát hạch. Sau khi trúng tuyển, các GV được giao nhiệm vụ biên soạn đề cương bài giảng, thông qua bài giảng ở bộ môn và tiến hành giảng thử tại bộ môn rồi mới được lên lớp chính thức. Trong 01 năm tập sự, khoa sẽ cử 01 GV hướng dẫn trực tiếp cho GV tập sự.. [H6.06.03.06].

Việc bổ nhiệm, điều chuyển GV của CTĐT ngành KTHTCN được thực hiện theo Quy định nêu trên; việc bổ nhiệm các chức danh nghề nghiệp cho GV vào các ngạch bậc GV chính, GV cao cấp có được thực hiện theo quy định của Thông tư 40/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập và các quy định khác của Bộ chủ quản và của Trường. Việc bổ nhiệm viên chức lãnh đạo, quản lý còn dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế và trên cơ sở quy hoạch cán bộ đã được phê duyệt cho từng giai đoạn [H6.06.03.08].

2. Điểm mạnh

Trường ban hành đầy đủ các tài liệu, văn bản quy định về các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV để bổ nhiệm, điều chuyển.

Việc tuyển dụng GV hằng năm được tổ chức đúng theo quy định, nghị định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật để bổ nhiệm, điều chuyển được phổ biến và thông báo công khai thông qua trang thông tin nội bộ, website của Trường và của Phòng TC-HC.

3. Điểm tồn tại

Hằng năm, thông báo tuyển dụng được phổ biến, công khai bằng nhiều hình thức đa dạng nhằm đảm bảo toàn thể CB, GV, NCV có đủ thông tin, nhận thức về các quy

định, tuy nhiên, số lượng ứng viên nộp hồ sơ ứng tuyển ở các đợt tuyển dụng của Trường vẫn còn hạn chế, nhất là nguồn nhân lực có trình độ cao của ngành KTHTCN.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Trường tăng cường chế độ chính sách nhằm tuyển dụng, thu hút GV có học hàm, học vị cao. Khoa KT-QLCN đã rà soát, đổi mới các phương thức, hình thức thông báo tuyển dụng nhằm tăng số lượng ứng tuyển. Cụ thể hóa tiêu chí tuyển dụng GV đảm bảo đúng yêu cầu tuyển dụng về chuyên ngành được đào tạo để đáp ứng ngay được yêu cầu của CTĐT.	Khoa KT-QLCN Các đơn vị liên quan	Hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường và Khoa KT-QLCN rà soát văn bản quy định về các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV của Trường để bổ nhiệm, điều chuyển đúng theo quy định, nghị định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.	Khoa KT-QLCN	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ GV, NCV được xác định và được ĐG

1. Mô tả hiện trạng

GV là nguồn lực rất quan trọng trong việc tạo ra chất lượng đào tạo. Trong định hướng phát triển CTĐT ngành KTHTCN, việc đầu tư, tăng cường đội ngũ GV cả về số lượng và đặc biệt về chất lượng luôn là một trong những mục tiêu then chốt. Tiêu chí đánh giá năng lực đội ngũ GV, NCV được quy định trong Hệ thống chỉ số đánh giá thực hiện công việc (KPIs) áp dụng tại Trường ĐH KTCN CT (Quyết định 490/QĐ-ĐHKTCN ngày 27/6/2022), bao gồm các năng lực thực hiện các nhiệm vụ của GV: Năng lực NCKH; năng lực phát triển CTĐT; năng lực giảng dạy; năng lực giám sát và TĐG chất lượng công việc; năng lực nghiên cứu và đóng góp cho cộng đồng... Trường có quy định rõ năng lực của GV, NCV trong Quy chế về tổ chức và hoạt động của Trường (Quyết định số 54/QĐ-ĐHKTCN ngày 26/4/2022); Quy chế tuyển dụng và Bản

mô tả công việc của vị trí việc làm CB, GV, NV...; Quy định tiêu chuẩn về chế độ làm việc, nghỉ ngơi đối với VC, NLĐ thuộc Trường (Quyết định số 160/QĐ-ĐHKTCN ngày 08/3/2022, Quyết định số 49/QĐ-ĐHKTCN 31/01/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định 160/QĐ-ĐHKTCN); Quy chế hoạt động KHCN (Quyết định 66/QĐ-ĐHKTCN ngày 06/02/2023) [H6.06.04.01], [H6.06.04.02].

Năng lực NCKH được xác định thông qua việc viết báo cáo khoa học, giáo trình, sách; công bố các kết quả NC, chuyển giao các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn; khả năng hướng dẫn NH thực tập, hoàn thành luận văn tốt nghiệp. Đội ngũ GV cũng rất tích cực tham gia NCKH và có nhiều công trình khoa học có chất lượng. Như vậy, về cơ bản, trình độ chuyên môn của GV luôn được xác định rõ ràng và đáp ứng được yêu cầu của công việc. Việc đánh giá năng lực đội ngũ GV trong công tác giảng dạy và NCKH, được Nhà trường xác định rõ trong Quy định tiêu chuẩn, chế độ làm việc, nghỉ ngơi đối với viên chức, người lao động thuộc Trường. Hằng năm, Trường đều ban hành Bộ tiêu chuẩn đánh giá kết quả thực hiện công việc, trong đó, nêu rõ quy trình đánh giá, hình thức đánh giá; sử dụng kết quả đánh giá. Việc đánh giá năng lực của GV được căn cứ trên kết quả công việc được giao như khối lượng, chất lượng giảng dạy, NCKH, tiến độ và hiệu quả của công việc trong từng năm học; thực hiện và hướng dẫn thực hiện hoạt động xã hội, PVCD [H6.06.04.03], [H6.06.04.04].

Hằng năm, Trường/Khoa thực hiện đánh giá năng lực của GV, NCV qua các hình thức: Đánh giá CLGD của GV, NCV qua quá trình DH của GV, dự giờ theo từng học kỳ và kiểm tra hồ sơ chuyên môn của GV, qua phản hồi của NH, cựu NH, NTD và kết quả thanh tra KL và CL công việc; đánh giá hoạt động NCKH của GV qua kết quả số lượng và chất lượng sản phẩm NCKH như: các bài báo quốc tế, kết quả đánh giá các đề tài NCKH của Hội đồng nghiệm thu, đánh giá các sách chuyên khảo, giáo trình, các sản phẩm khoa học được ứng dụng của GV; các công bố khoa học; qua kết quả hướng dẫn luận văn... Bên cạnh việc đánh giá năng lực của GV, cuối mỗi năm học, tất cả GV đều được đánh giá, xếp loại. Kết quả đánh giá năng lực được xem xét để có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng; khen thưởng hoặc phân loại; cân nhắc bổ nhiệm... [H6.06.04.05].

Kết quả đánh giá xếp loại viên chức hàng năm của khoa đều đạt ở mức cao, năm học 2018 - 2019 có 47% GV HTXSNV, 53% GV HTTNV; năm học 2019 - 2020 có 22% HTXSNV, 77% GV HTTNV; năm học 2020 - 2021 có 20% HTXSNV, 80% GV HTTNV; năm học 2021 - 2022 có 26% HTXSNV, 74% GV HTTNV; năm học 2022 - 2023 có 30% HTXSNV, 70% GV HTTNV [H6.06.04.06].

2. Điểm mạnh

Trường ban hành đầy đủ văn bản, quy định về quản lý nhân sự, trong đó thể hiện rõ về tiêu chuẩn, năng lực của đội ngũ GV.

Hằng năm, Trường luôn triển khai đánh giá năng lực của GV để xem xét đề bạt,

đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ kế thừa.

Kết quả đánh giá hiệu quả công việc của GV được thông báo đến GV và lưu trữ trong dữ liệu về kết quả đánh giá hiệu quả công việc của GV hằng năm.

3. Điểm tồn tại

Năng lực ngoại ngữ của một số GV Khoa KT-QLCN còn hạn chế nhất định. Việc đánh giá GV có nhiều tiêu chí tương tự đánh giá NV, chưa xây dựng hoàn chỉnh bộ tiêu chí đánh giá đặc thù cho GV.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Trường tăng cường chế độ hỗ trợ GV học ngoại ngữ và chỉ đạo Trung tâm NNTH thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng ngoại ngữ cho GV nhằm nâng cao năng lực ngoại ngữ cho GV Khoa KT-QLCN. Khoa đang tiến hành rà soát, đánh giá lại năng lực của GV. Đồng thời, Khoa sẽ kết hợp nhiều hình thức khảo sát để đạt hiệu quả cao trong việc đánh giá GV.	Khoa KT-QLCN Các đơn vị liên quan	Hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường và Khoa KT-QLCN tiếp tục nâng cao hiệu quả đánh giá năng lực của GV để xem xét đề bạt, đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ kế thừa.	Khoa KT-QLCN	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, NCV được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả hiện trạng

Hằng năm, Trường có xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ CB, GV, NV để nâng cao trình độ về chuyên môn, nghiệp vụ cho GV. Qua đó, thông qua các buổi họp tổng kết năm, khoa KT-QLCN đã quan tâm đến việc xây dựng kế hoạch đào tạo và phát triển chuyên môn cho GV. Trường đã ban hành và triển khai thực hiện các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng viên chức và người lao động với các giải pháp cụ thể phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là đội ngũ giảng viên, nhằm đáp ứng nhu

cầu đào tạo, NCKH và PVCD của Trường. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CB, GV, NV (Quyết định số 21/KH-ĐHKTCN ngày 25/01/2018, 07/KH-ĐHKTCN ngày 10/01/2019, 214/KH-TCHC ngày 09/3/2020, 18/KH-ĐHKTCN ngày 06/01/2021, 30/KH-ĐHKTCN ngày 10/01/2022), cùng với Chiến lược phát triển Khoa KT-QLCN đến năm 2025, tầm nhìn 2030 (Quyết định số 630/QĐ-ĐHKTCN ngày 31/12/2020) đã giúp Khoa có kế hoạch và giải pháp nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ cho GV trong giai đoạn phát triển mới [H6.06.05.01].

Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ GV của khoa luôn bám sát quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức của Trường. Hằng năm, Khoa KT-QLCN tiến hành họp/tổng kết, đánh giá năng lực GV, căn cứ vào KH ĐTBĐ; tiêu chí về trình độ, năng lực đội ngũ, GV tự nguyện đăng ký nhu cầu ĐTBĐ, hoặc Khoa chỉ định CB, GV phải đi ĐTBĐ đáp ứng yêu cầu CTĐT, NCKH; sau đó, Khoa lập kế hoạch ĐTBĐ của đơn vị chuyển cho P.TC-HC tổng hợp thành KH ĐTBĐ chung của Trường. Tổng hợp giai đoạn 2018 - 2023, 100% GV của ngành KTHTCN có chứng chỉ BD chuyên môn, nghiệp vụ; văn bằng; có 3 lượt GV đi bồi dưỡng về công tác KĐCL, có 100% số GV, NCV được ĐTBĐ và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ theo kế hoạch của Trường và kinh phí dành cho ĐTBĐ mỗi năm theo quy chế hiện hành và thực tế của Trường. Gần 100% GV của Trường (trong đó có GV Khoa KT-QLCN) được ĐT, BD và phát triển chuyên môn, trong đó có khoảng 200 GV được đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn từ 2 lần trở lên, đạt tỷ lệ 82% [H6.06.05.02], [H6.06.05.03], [H6.06.05.04].

Trường và khoa KT-QLCN có chính sách và biện pháp tạo điều kiện cho cán bộ quản lý và GV tham gia các hoạt động chuyên môn ở trong nước và nước ngoài. Trường và khoa KT-QLCN công khai thông báo các chương trình học bổng nước ngoài nhằm tạo điều kiện để cán bộ GV trẻ tham gia dự tuyển. Chương trình đào tạo ngành KTHTCN luôn khuyến khích GV phối hợp, liên kết nghiên cứu với các GV từ các trường đại học có uy tín từ nước ngoài để nâng cao trình độ nghiên cứu và giảng dạy và học tập tại chương trình. GV trong chương trình thường xuyên liên kết nghiên cứu với các GV, nhà khoa học từ các trường đại học có uy tín [H6.06.05.05], [H6.06.05.06].

Kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV, NCV được giám sát, đánh giá hằng năm. Phòng TCHC giám sát, đánh giá thực hiện KH ĐTBĐ, theo dõi quá trình thực hiện công tác ĐTBĐ từ việc XD và ban hành các quy định, lập KH, thực hiện so với KH, đánh giá kết quả ĐTBĐ, việc sử dụng kết quả ĐTBĐ; khảo sát nhu cầu, đánh giá kết quả ĐTBĐ. Kết quả ĐTBĐ là một trong tiêu chí đánh giá hoàn thành nhiệm vụ của CB, GV và sử dụng để xét thi đua khen thưởng hằng năm [H6.06.05.07].

2. Điểm mạnh

Trường triển khai khảo sát, đánh giá nhu cầu ĐT, BD chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV. Hằng năm, Trường xây dựng kế hoạch về ĐT, BD và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV dựa trên yêu cầu của CTĐT. Kế hoạch ĐT, BD và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV được triển khai thực hiện theo kế hoạch hằng năm.

Kết quả thực hiện kế hoạch ĐT, BD và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV được Trường giám sát, đánh giá hằng năm thông qua báo cáo tổng kết năm học, báo cáo hội nghị CB, CC, VC.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động đánh giá hiệu quả sau mỗi khóa/đợt tập huấn/ đào tạo hoặc sau mỗi đợt cử người đi tập huấn/đào tạo tuy có thực hiện nhưng chưa có chiều sâu, chi tiết.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Trường, Khoa KT-QLCN tăng cường chính sách khuyến khích, hỗ trợ và tạo điều kiện kết hợp chế tài để các GV học tập nghiên cứu sinh kết hợp công tác thu hút, tuyển dụng GV có học hàm, học vị cao đúng chuyên ngành đào tạo. Khoa tiến hành đánh giá hiệu quả sau mỗi khóa/đợt tập huấn/đào tạo hoặc sau mỗi đợt cử người đi tập huấn/đào tạo và sử dụng kết quả này để hoạch định và triển khai kế hoạch tiếp theo.	Khoa KT-QLCN Phòng TT-PC-KT-ĐBCL Phòng ĐT	Hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường và Khoa KT-QLCN tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV.	Khoa KT-QLCN	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, NCV (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Khoa KT-QLCN có kế hoạch công tác cụ thể hằng năm đối với GV. Việc triển

khai công việc của GV trong hoạt động giảng dạy, NCKH cũng như các công việc liên quan được Khoa KT-QLCN và Trường xác định rõ ràng bởi các tiêu chí cụ thể, chức năng, nhiệm vụ của GV phải đáp ứng mức tối thiểu theo quy định của Trường và bảng mô tả công việc của GV. Từ đó, Khoa phân công công việc cụ thể cho từng GV theo năm học [H6.06.06.01].

Trường đã triển khai thực hiện quản trị theo kết quả công việc. Theo Quy chế thi đua khen thưởng của Trường [H6.06.06.02], việc quản trị theo kết quả công việc của GV, NCV (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực hỗ trợ cho đào tạo. Việc đánh giá công việc của GV được thực hiện theo các bước: Định kỳ hàng tháng GV thực hiện báo cáo công việc và đưa ra kế hoạch làm việc cho tháng tiếp theo để Trưởng Bộ môn, Lãnh đạo Khoa theo dõi, quản lý công việc, GV tự đánh giá kết quả lao động hàng tháng và làm cơ sở để đánh giá theo năm và Lãnh đạo Khoa xác nhận [H6.06.06.03], [H6.06.06.04]. Kết quả công việc của GV, NCV được triển khai để tạo động lực hỗ trợ NCKH: Khối lượng giờ dạy, NCKH và công tác khác mỗi học kỳ của GV được thống kê. Qua đó, Khoa KT-QLCN tiến hành đánh giá năng lực giảng viên thông qua hoạt động dự giờ, kiểm tra chuyên môn định kỳ và theo dõi phản hồi của người học liên quan đến phương pháp giảng dạy của GV [H6.06.06.05]. Hằng năm, Bộ môn, Khoa KT-QLCN tiến hành họp với toàn bộ GV để thống nhất lấy ý kiến bình xét thi đua theo đúng quy định của Trường và gửi kết quả cho Hội đồng thi đua - khen thưởng cấp trường để bình xét kết quả thi đua cuối năm. Bên cạnh đó, việc đánh giá chuyên môn, phương pháp sư phạm của GV qua các hoạt động dự giờ, khảo sát ý kiến sinh viên, kiểm tra chuyên môn định kỳ cũng góp phần thúc đẩy GV nâng cao chuyên môn nghiệp vụ. Đối với GV có tham gia các hoạt động cộng đồng sẽ được Khoa và Trường hỗ trợ kinh phí, khen thưởng khuyến khích [H6.06.06.06], [H6.06.06.07].

GV hài lòng về kết quả đánh giá đặc biệt là việc thi đua, khen thưởng và công nhận của CSGD và các cấp có thẩm quyền. Khi xây dựng các tiêu chí, quy trình đánh giá hiệu quả công việc, Trường và Khoa KT-QLCN đều lấy ý kiến đóng góp của GV để việc đánh giá được khách quan, dân chủ và phản ánh đúng năng lực, hiệu quả công việc của GV. Việc phản hồi, đóng góp ý kiến được thực hiện thông qua Egov của Trường. Do đó, các GV hài lòng về kết quả đánh giá. Việc quản trị theo kết quả công việc của GV đang được triển khai tại Trường và Khoa giúp tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng [H6.06.06.08]. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi về công tác quản lý, chế độ, chính sách và các hoạt động phục vụ DT của Nhà trường, trong đó có khảo sát ý kiến của GV về việc quản trị theo kết quả công việc thể hiện GV hài lòng về kết quả đánh giá, đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của Nhà trường. Khảo sát báo cáo tổng kết và biên bản hội nghị cán bộ viên chức của Trường và Khoa cho thấy không có ý kiến phản đối hoặc thắc mắc của GV về kết quả

đánh giá thi đua khen thưởng trong các năm vừa qua [H6.06.06.09].

2. Điểm mạnh

Trường ban hành đầy đủ hệ thống văn bản quản lý nhân sự và triển khai quản trị theo công việc.

Hằng năm, GV Khoa KT-QLCN thực hiện đăng ký thi đua vào đầu năm học.

Trường phân công Phòng TC-HC là đơn vị tham mưu và giúp việc cho BGH triển khai công tác đánh giá hằng năm của GV.

Hằng năm, Trường triển khai đánh giá kết quả công việc của GV và thông báo đến các đơn vị để thực hiện.

GV Khoa KT-QLCN hài lòng về kết quả đánh giá đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của Trường và các cấp có thẩm quyền.

Trong giai đoạn 2018 - 2023, đội ngũ GV của Trường và của Khoa KT-QLCN đạt được nhiều hình thức, danh hiệu khen thưởng các cấp.

3. Điểm tồn tại

Các hình thức khen cao của GV Khoa KT-QLCN còn chưa nhiều. Chưa có đội ngũ NCV chuyên trách, còn kiêm nhiệm.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Trường tiếp tục duy trì các chính sách về chế độ thi đua khen thưởng để tạo động lực cho GV tích cực tham gia NCKH và các hoạt động PVCĐ. Cần có chính sách về cơ chế phối hợp nghiên cứu, đăng tải công trình nghiên cứu giữa các tổ bộ môn và các GV của khoa KT-QLCN. Trường, Phòng TC-HC, Khoa KT-QLCN tăng cường động viên, khuyến khích GV tham gia các hình thức khen cao.	Khoa KT-QLCN Phòng TT-HC	Hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường và Khoa KT-QLCN phát động phong trào thi đua dạy tốt, học tốt trong toàn thể viên chức, GV. Nhiều chính sách khen thưởng, động viên kịp thời, tạo	Khoa KT-QLCN	Hằng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
		động lực cho GV hoàn thành khối lượng công việc theo quy định.			

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV và NCV được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Trường đã ban hành văn bản quy định cụ thể về các loại hình và số lượng sản phẩm NCKH mà GV phải thực hiện theo năm học. Theo đó, số giờ nghĩa vụ NCKH của GV được thể hiện cụ thể trong Quy chế GV: GV hạng I: 250 giờ; GV hạng II: 210 giờ; GV hạng III (tiến sĩ): 170 giờ; GV hạng III (thạc sĩ): 150 giờ; GV hạng III (chưa có thạc sĩ): 50; Trợ giảng: 40 giờ (Quyết định 160/QĐ-ĐHKTCN ngày 08 tháng 3 năm 2022 về việc ban hành Quy định Chế độ làm việc của giảng viên Trường ĐH KTCN CT), được tính trên các hoạt động nghiên cứu trong trường và ngoài trường. Nếu số giờ NCKH vượt trên mức tối thiểu quy định, GV sẽ được thanh toán phần vượt trên [H6.06.07.01]. Các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của GV được quy định và hướng dẫn cụ thể trong các văn bản của Trường ĐHKTCNCT [H6.06.07.02]. Hoạt động NCKH được quản lý bởi Phòng QLKH-HTQT, được quy định trong sổ tay NCKH. Ngoài ra, Hội đồng KH&ĐT Khoa KT-QLCN được thành lập bao gồm 06 thành viên và 01 thư ký Hội đồng, có nhiệm vụ định hướng và triển khai các hoạt động NCKH của Khoa KT-QLCN [H6.06.07.03]. Để hoạt động NCKH được đa dạng và thúc đẩy việc trao đổi học thuật, Khoa KT-QLCN cũng quan tâm và khuyến khích các GV tham dự hội thảo NCKH, viết bài NCKH ở các trường khác có đào tạo ngành KTHTCN.

Hàng năm, Khoa KT-QLCN tổ chức các hội thảo chuyên ngành cấp Khoa và Trường để các GV có điều kiện trao đổi lẫn nhau về chuyên môn và nâng cao chất lượng NCKH. Kết quả NCKH của GV có sự cải tiến về chất lượng và số lượng qua từng năm. Bên cạnh các công trình nghiên cứu được công bố trong nước, từ năm 2019 GV trong Khoa đã có những bài nghiên cứu được đăng trên các tạp chí quốc tế. Tính đến năm 2023, Khoa KT-QLCN đã có 12 đề tài cấp trường, 26 bài báo trong nước và 21 bài báo quốc tế do giảng viên Khoa thực hiện hoặc tham gia thực hiện, xuất bản 06 giáo trình và 05 sách chuyên khảo phục vụ giảng dạy, nghiệm thu 18 bài giảng cấp Khoa và có 46 báo cáo khoa học cấp Khoa, cấp Trường với nhiều sáng kiến của GV được áp dụng vào cải tiến hoạt động giảng dạy và học tập. Trong đó, nhiều bài nghiên cứu được đăng trên các tạp chí chuyên ngành và ứng dụng vào công tác giảng dạy. Bên cạnh đó, mỗi GV tự trang bị tài liệu hướng dẫn học tập như giáo trình, sách hướng dẫn trong công tác giảng dạy. Nhiều GV của Khoa có tham gia viết bài tham luận hội thảo trong và ngoài trường,

nhiều bài tham luận được lựa chọn đăng trên các tạp chí trong nước và quốc tế. Kết quả đánh giá về mức độ đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng các hoạt động NCKH của GV được giám sát và đối sánh hằng năm để cải tiến chất lượng hoạt động NCKH: Nhằm cải tiến chất lượng hoạt động NCKH của GV, Trường luôn quan tâm, giám sát và đối sánh hằng năm, từ đó, có những điều chỉnh kịp thời định mức thời lượng hoạt động NCKH cũng như các chính sách khen thưởng cho GV [H6.06.07.04].

2. Điểm mạnh

Các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của GV Khoa KT-QLCN được cải tiến hàng năm. Hoạt động NCKH của GV đa dạng về nội dung và hình thức, Trường có chính sách để thu hút GV tiếp tục tham gia viết bài trên các tạp chí quốc tế.

3. Điểm tồn tại

Hiện nay số lượng GV Khoa KT-QLCN chưa có nhiều đề tài NCKH cấp thành phố do GV tham gia các hoạt động giảng dạy, NCKH, công tác theo phân công và học tập nâng cao trình độ đã chiếm phần lớn thời gian.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Trường có chính sách động viên, khuyến khích GV thực hiện các đề tài NCKH cấp Bộ, cấp thành phố và tương đương, đồng thời tăng cường các đề tài NCKH từ các cấp với sự tham gia thực hiện của SV, và tăng cường đăng tải kết quả các công trình khoa học lên các tạp chí trong nước và quốc tế có chỉ số cao. Đồng thời kiến nghị Trường có thêm các chính sách hỗ trợ cho các GV có nhiều công trình NCKH.	Khoa KT-QLCN Phòng QLKH-HTQT Phòng TC-KT	Hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường và Khoa KT-QLCN luôn cải tiến các chính sách về tài chính nhằm động viên, khuyến khích GV tham gia NCKH, đầu tư CSVC trang thiết bị phục vụ hoạt động NCKH của GV.	Khoa KT-QLCN Phòng QLKH-HTQT	Hằng năm	

5. *Tự đánh giá: Đạt (5/7)*

Kết luận về Tiêu chuẩn 6

Những điểm mạnh nổi bật

Công tác quy hoạch đội ngũ được thực hiện đồng bộ từ Trường đến Khoa. Trường đã xây dựng đầy đủ kế hoạch phát triển nhân sự của Trường và của Khoa qua các giai đoạn. Các kế hoạch tuyển dụng được xây dựng, căn cứ vào báo cáo đánh giá nhu cầu nguồn nhân lực của từng đơn vị để đáp ứng tốt các yêu cầu về ĐT, NCKH và PVCĐ. Có chính sách nhân sự trong đó thể hiện rõ các quyền lợi về thu nhập, cơ hội thăng tiến và phúc lợi khác cho GV. Tỷ lệ GV/người học của CTĐT đáp ứng yêu cầu về xác định chỉ tiêu ĐT trình độ DH theo quy định. Việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV được hướng dẫn chi tiết và triển khai thực hiện. Có quy định xác định năng lực của GV thông qua các tiêu chí đánh giá chất lượng công tác bên cạnh yêu cầu về khối lượng công việc, có quy định về chất lượng công việc đối với đội ngũ GV hướng tới việc cải tiến chất lượng hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ và định kỳ hằng năm đều có đánh giá. Có đầy đủ quy định về tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV để bổ nhiệm, điều chuyển. Các quy định này được lấy ý kiến của toàn thể CB-GV-NV và được thông báo công khai. Đội ngũ GV tích cực tham gia các hoạt động ĐT, bồi dưỡng do Trường triển khai và cũng chủ động tự học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ. Có hệ thống quy định, quy trình để đánh giá chất lượng hoàn thành công việc của GV. Các quy định này được bổ sung, hiệu chỉnh theo từng giai đoạn cụ thể, đáp ứng được các yêu cầu, nguyện vọng của CB-GV-NV trong toàn Trường. Công tác đánh giá hiệu quả công việc của GV, NCV triển khai rất nghiêm túc, hiệu quả, tạo động lực hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ. Trong giai đoạn 2018 - 2023, GV Khoa KT-QLCN được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên và hầu hết các ý kiến của NH ngành KTHTCN hài lòng về hoạt động giảng dạy và đánh giá của GV.

Trường triển khai khảo sát, đánh giá nhu cầu ĐT, BD chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV. Hằng năm, Trường xây dựng kế hoạch về ĐT, BD và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV dựa trên yêu cầu của CTĐT. Kế hoạch ĐT, BD và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV được triển khai thực hiện theo kế hoạch hằng năm, trong đó gần 100% GV của Trường được ĐT, BD và phát triển chuyên môn, trong đó có khoảng 200 GV được đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn từ 2 lần trở lên, đạt tỷ lệ 82%. Kết quả thực hiện kế hoạch ĐT, BD và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV được Trường giám sát, đánh giá hằng năm thông qua báo cáo tổng kết năm học, báo cáo hội nghị CB, CC, VC.

Những tồn tại cơ bản

Việc nâng cao trình độ tiến sĩ đảm bảo theo quy định đối với một số chuyên ngành còn gặp nhiều khó khăn nhất định. Số lượng GV có học hàm, học vị cao của Khoa

KT-QLCN còn ít. Do những khó khăn về chính sách thu hút nên Trường chưa tuyển được nhiều GV có học hàm, học vị cao. Năng lực ngoại ngữ của GV Khoa KT-QLCN còn những hạn chế nhất định. Các hình thức khen cao của GV Khoa KT-QLCN chưa nhiều. Khoa KT-QLCN chưa có nhiều đề tài NCKH cấp thành phố.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn

Có 6/6 tiêu chí đạt điểm 5,0. Mức trung bình của tiêu chuẩn đạt: 5,00 điểm; Số tiêu chí đạt: 7/7; Tỷ lệ số tiêu chí đạt: 100%.

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Mở đầu: Đội ngũ NV giữ vị trí và vai trò quan trọng trong nhiều hoạt động của Trường và Khoa. Đội ngũ NV của Khoa bao gồm: thư ký, giáo vụ và NV các phòng ban liên quan như thư viện, phòng QT-TB, phòng thực hành...., hệ thống công nghệ thông tin, các dịch vụ hỗ trợ khác; đội ngũ này có nhiệm vụ góp phần hỗ trợ cho công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng của GV và SV. Nhận thức được điều đó, Trường luôn chú trọng xây dựng và hoàn thiện các chính sách về tuyển dụng, lựa chọn và quy hoạch đội ngũ NV của Trường và Khoa KT-QLCN. Hằng năm, chất lượng đội ngũ NV của Trường không ngừng được nâng cao thông qua các chương trình, kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng và thông qua việc tổ chức thường xuyên những hoạt động đánh giá khảo sát mức độ hài lòng của các BLQ nhằm kịp thời điều chỉnh, hướng đến mục tiêu đạt được chất lượng hỗ trợ tốt nhất. Ngoài ra, Trường cũng ban hành nhiều chính sách khen thưởng và công nhận những tập thể và cá nhân hoàn thành tốt công việc được giao nhằm tạo động lực cho đội ngũ NV làm việc tích cực, hiệu quả hơn.

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thực hành, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Chiến lược phát triển của Trường ĐH KTCN CT giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030 (Quyết định số 14/QĐ-HĐT ngày 20/4/2020 đã xây dựng Quy hoạch phát triển đội ngũ cán bộ, nhân viên là cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Trường; Chiến lược phát triển Khoa KT-QLCN giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến 2030 (Quyết định số 631/QĐ-ĐHKTCN ngày 31/12/2020). Đây là cơ sở để phát triển và đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD [H7.07.01.01].

Hằng năm, Trường đưa ra kế hoạch tuyển dụng để lựa chọn ra đội ngũ hỗ trợ phục vụ công tác đào tạo, NCKH, PVCD cũng như hoàn thành nhiệm vụ chung của Trường để làm tốt công tác quy hoạch [H7.07.01.02]. Công tác tuyển dụng được cụ thể hóa trong Quy chế tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc, lao động, tập sự, bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp (Quyết định số 418/QĐ-ĐHKTCN ngày 31/12/2016 Quy định

tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức Trường ĐH KTCN CT) [H7.07.01.03]. Mỗi vị trí công việc được mô tả chi tiết trong Bản mô tả vị trí công việc của NV, khung năng lực (Quyết định số 131/QĐ-ĐHKTCN ngày 25/3/2019); quy định trong danh mục vị trí việc làm (Quyết định số 70/QĐ-HĐT ngày 14/02/2023, 93/QĐ-HĐT ngày 15/10/2023) và trong các đề án: “Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ Trường ĐH KTCN CT, giai đoạn 2011 - 2020” (Quyết định số 1605/QĐ-UBND ngày 04/7/2012), đề án việc làm năm 2020, 2021, 2022 (Đề án số 271/ĐA-ĐHKTCN ngày 31/3/2020, 188/ĐA-ĐHKTCN ngày 12/3/2021, 594/ĐA-ĐHKTCN ngày 11/7/2022) [H7.07.01.04].

Khoa KT-QLCN đã xây dựng đội ngũ GV kiêm nhiệm hỗ trợ gồm các công tác như: đội ngũ CVHT, công tác Đoàn, phong trào thanh niên và sinh viên (02 GV, Công đoàn Khoa (01 GV), 01 cán bộ phụ trách công tác giáo vụ Khoa. Bên cạnh đội ngũ cán bộ hỗ trợ, các GV giảng dạy của Khoa KT-QLCN và người học còn được hỗ trợ về tài liệu, thông tin về các lĩnh vực cũng như chuyên môn thông qua đội ngũ nhân viên kỹ thuật của Trung tâm thông tin Thư viện, NV hỗ trợ từ các phòng ban khác như: Phòng CTCT&QLSV, Phòng QLKH-HTQT, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học, Trung tâm Đào tạo Bồi dưỡng, Trung tâm TN-KTNL-CGCN. Các phòng ban và trung tâm được bố trí đủ số lượng cán bộ, đáp ứng được nhu cầu về năng lực và phẩm chất công tác trong các hoạt động hỗ trợ NH trong học tập và nghiên cứu (02 NV CNTT, 11 NC hành chính ở các phòng ban, 02 NV hỗ trợ NH). Trong đó, có 12 NV có trình độ thạc sĩ, 01 NV có trình độ đại học [H7.07.01.05]. Số lượng nhân viên Thư viện của Trường là 02 người. Đội ngũ nhân viên thư viện của Trường có trình độ, chuyên môn nghiệp vụ và trình độ tin học, ngoại ngữ đáp ứng tốt nhu cầu khai thác tài liệu sách báo của bạn đọc. Thư viện Trường bố trí tại tòa nhà có 2 tầng, với diện tích hơn 900m². Tầng trệt gồm kho sách, phòng đọc được trang bị máy lạnh, khu vực tra cứu OPAC được trang bị 10 máy vi tính, khu vực để báo, tạp chí và luận văn, tiểu luận tốt nghiệp của sinh viên chính quy. Tầng một có 01 phòng máy tính với 40 máy, 01 phòng hội thảo và 01 phòng thảo luận. Thư viện đơn vị tham mưu giúp lãnh đạo Trường thực hiện công tác quản lý thư viện, triển khai ứng dụng KHCN tổ chức các hoạt động thu thập, khai thác, lưu trữ cung cấp thông tin tư liệu phục vụ giảng dạy, học tập, đào tạo, NCKH của Trường [H7.07.01.06]. Các đơn vị phòng ban hỗ trợ trong Trường có đội ngũ cán bộ đủ trình độ chuyên môn nghiệp vụ và có sự phân công công việc cho từng chuyên viên/nhân viên một cách rõ ràng và chi tiết theo chuyên môn và nghiệp vụ của từng chuyên viên/nhân viên. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Trường đáp ứng được yêu cầu đào tạo, NCKH và đáp ứng được nhu cầu của cộng đồng [H7.07.01.07].

Để đánh giá khả năng đáp ứng nhu cầu của đội ngũ cán bộ hỗ trợ, hằng năm, Trường tiến hành khảo sát lấy ý kiến đánh giá hoạt động hỗ trợ của đội ngũ cán bộ, nhân viên từ GV và NH. Kết quả khảo sát sự hài lòng của GV và NH về các dịch vụ hỗ trợ

NH cũng như hệ thống giám sát NH được triển khai đáp ứng nhu cầu của các BLQ. Kết quả khảo sát NH và GV về các dịch vụ hỗ trợ từ NV đều đạt tỷ lệ hài lòng từ 60% trở lên: NV làm việc tại thư viện (GV: 69%, NH 60,6%), NV làm việc tại phòng thí nghiệm GV: 75%, NH: 63,9%), NV CNTT GV: 73%, NH: 63,1%), [H7.07.01.08].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ NV cấp Trường có trình độ và kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ phù hợp với yêu cầu của từng chức danh và vị trí công việc tại các phòng ban. Mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của NV không ngừng được hoàn thiện nhờ công tác tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên. Việc giải đáp thắc mắc của SV được thực hiện tích cực bởi đội ngũ NV, giúp SV học tập và rèn luyện tốt hơn.

3. Điểm tồn tại

Trong một số trường hợp, việc truyền đạt thông tin và phối hợp trong công việc giữa các nhân viên và các bộ phận khác nhau còn gặp khó khăn. Điều này có thể tạo ra ảnh hưởng hiệu quả và đồng nhất của công việc.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Trường tiếp tục xây dựng môi trường giao tiếp mở và thuận lợi giữa các nhân viên và các bộ phận khác nhau thông qua các buổi gặp gỡ giữa BGH, VC, NLD được tổ chức định kỳ, các hoạt động xây dựng đội nhóm, tăng cường sự hiểu biết và tin tưởng, tạo ra một môi trường làm việc tích cực và hỗ trợ. Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công cụ và nền tảng truyền thông, chuyển đổi số vào giao tiếp và phối hợp công việc. Quản lý hiệu quả công việc, thời gian	Khoa KT-QLCN Các đơn vị liên quan	Hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường tiếp tục đẩy mạnh chính sách thu hút và công tác đào tạo và phát triển đội ngũ CB thư viện, CNTT và các bộ phận dịch vụ hỗ trợ NH thành thạo nghiệp	Khoa KT-QLCN	Hằng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
		vụ, đáp ứng yêu cầu thực hiện CTĐT ngành.			

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn NV để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả hiện trạng

Trường có quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV. Nhằm đảm bảo chất lượng của công tác tuyển dụng, Trường ban hành nhiều văn bản cụ thể, chi tiết quy định về các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn đội ngũ NV. Theo đó, đội ngũ NV của Trường phải đáp ứng được các tiêu chí về phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhiệm công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động khác. Cụ thể, theo Quyết định 418/QĐ-ĐHKTCN ngày 31/12/2016 ban hành Quy định tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức Trường ĐH KTCN CT quy định điều kiện chung của người đăng ký dự tuyển. Mỗi vị trí công việc được mô tả chi tiết trong Bản mô tả vị trí công việc của NV, khung năng lực (Quyết định số 131/QĐ-ĐHKTCN ngày 25/3/2019) và trong các đề án: “Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ Trường ĐH KTCN CT, giai đoạn 2011 - 2020” (Quyết định số 1605/QĐ-UBND ngày 04/7/2012), đề án việc làm năm 2020, 2021, 2022 (Đề án số 271/ĐA-ĐHKTCN ngày 31/3/2020, 188/ĐA-ĐHKTCN ngày 12/3/2021, 594/ĐA-ĐHKTCN ngày 11/7/2022). Trường quy định những tiêu chí tuyển dụng riêng nhằm đảm bảo tuyển dụng nguồn nhân lực phù hợp với chuyên môn và yêu cầu của vị trí, công việc. Ngoài ra, quy trình tuyển dụng cũng được thể hiện cụ thể trong danh mục vị trí việc làm (Quyết định số 70/QĐ-HĐT ngày 14/02/2023, 93/QĐ-HĐT ngày 15/10/2023) [H7.07.02.01]. Hằng năm, Nhà trường có kế hoạch tuyển dụng nhân sự, trong đó có đội ngũ NV hỗ trợ, nhằm đáp ứng nhu cầu ĐT, NCKH, PVCĐ theo đề xuất của các Khoa và đơn vị. Trường gửi thông báo kế hoạch tuyển dụng cho các đơn vị liên quan và công khai trên website của Trường (số 71a/TB-ĐHKTCN ngày 26/3/2018; 145a/TB- ĐHKTCN ngày 29/5/2019; 591/TB-ĐHKTCN ngày 27/7/2020; 27/TB-ĐHKTCN ngày 11/01/2021; 49/TB-ĐHKTCN ngày 16/1/2022). Nội dung thông báo nêu đầy đủ kế hoạch, quy trình, tiêu chí tuyển dụng cho từng vị trí việc làm được xác định theo quy định tuyển dụng đã được. Đội ngũ NV được Phòng TC-HC tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển đúng theo tiêu chí và trình tự, thủ tục được thể hiện trong những quy định đã được ban hành [H7.07.02.02], [H7.07.02.03]. Theo đó, NV Khoa KT-QLCN đáp ứng các tiêu chí trong văn bản Quy định tuyển dụng nói trên và được tuyển dụng theo quy trình chặt chẽ (quy trình tuyển dụng gồm 3 vòng như sau: gặp gỡ phòng Đào tạo, tiếp xúc khoa chuyên môn, làm việc với phòng TC-

HC). Trường đã ban hành Quy định về tiêu chuẩn và quy trình về công tác cán bộ của Trường ĐH KT-CN CT nhằm giúp NV nắm rõ được các quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV, trách nhiệm và quyền lợi của mình, để từ đó hoàn thành tốt công việc hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Qua đó, đội ngũ NV của Trường và Khoa được tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển theo đúng các kế hoạch tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV của Trường với quy trình chặt chẽ, đảm bảo chất lượng và đảm bảo phù hợp với vị trí công việc và pháp luật [H7.07.02.04], [H7.07.02.05].

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV được xác định rõ ràng trên cơ sở phân tích, khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý của các BLQ. Đối với từng nhóm NV, các tiêu chí tuyển dụng được quy định cụ thể trong bản mô tả công việc:

i) *Chức danh thuộc Khối cán bộ quản lý cao cấp (trừ chức danh Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng), Khối cán bộ quản lý học vụ, đào tạo, Khối GV:* Có phẩm chất đạo đức tốt, có chuyên môn phù hợp nhu cầu từng vị trí (có giới hạn về độ tuổi), có trình độ tiếng Anh, vi tính, sức khỏe đáp ứng yêu cầu công việc.

ii) *Chức danh cán bộ, NV các phòng, ban khác thuộc khối hành chính:* có phẩm chất đạo đức tốt, năng lực chuyên môn phù hợp với vị trí công việc, trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu công việc, kinh nghiệm quản lý, thái độ tích cực và cầu tiến ...

iii) *Chức danh NV giáo vụ, hỗ trợ của Khoa:* Có trình độ từ ĐH trở lên, có kiến thức, siêng năng cần cù, vui vẻ hòa nhã, biết lắng nghe, có lập trường về chính trị, thái độ tích cực và cầu tiến...

iv) *Chức danh NV hỗ trợ phòng thực hành nghề của Khoa KT-QLCN:* Có trình độ từ ĐH trở lên, có kiến thức từ cơ bản đến chuyên sâu về lĩnh vực Kỹ thuật hệ thống công nghiệp, Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng, Quản lý công nghiệp và Kinh doanh, có kỹ năng ứng dụng CNTT.

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV nói trên được xây dựng trên cơ sở phân tích, khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý của các BLQ nhằm đảm bảo tính thiết thực và hiệu quả của các vị trí việc làm [H7.07.02.06]. Việc tuyển dụng, điều chuyển, bổ nhiệm NV được thực hiện theo đúng Nội quy lao động của Trường phù hợp với quy định pháp luật [H7.07.02.07]; được phổ biến tới toàn thể cán bộ, GV, NV và được công khai bằng nhiều hình thức trong đó bao gồm cả trên trang thông tin điện tử của Trường và Khoa nhằm đảm bảo quyền lợi cho NV. Đến tháng 12/2023, số lượng NV của trường là 81 NV (trong đó NV hỗ trợ là 5; NV thư viện có trình độ ĐH là 2; NV phòng thí nghiệm là 25 (01 tiến sĩ, 23 thạc sĩ, 01 ĐH); NV CNTT có trình độ thạc sĩ là 7; NV hành chính là 43 (01 tiến sĩ, 29 thạc sĩ, 13 ĐH). Ngoài ra, nhằm hỗ trợ cho công tác tìm kiếm nguồn nhân lực chất lượng Trường, căn cứ vào Chiến lược phát triển của Trường và Khoa, các tiêu chí tuyển dụng còn được phổ biến công khai ở quy mô lớn trên trang thông tin điện tử của Trường và trên các phương tiện thông tin đại chúng như website

của Phòng TC-HC và Khoa KT-QLCN [H7.07.02.08]. Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển được xác định dựa trên ý kiến của các BLQ [H7.07.02.09].

2. Điểm mạnh

Tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn NV để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định rõ ràng trong quy định, được công bố và phổ biến rộng rãi. Các tiêu chí tuyển dụng NV được điều chỉnh kịp thời, cập nhật thường xuyên để phù hợp với nhu cầu thực tế.

3. Điểm tồn tại

Tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn NV để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định rõ ràng trong quy định, nhưng chưa cụ thể hoá về số lượng. Hoạt động đánh giá hiệu quả của công tác bổ nhiệm, điều chuyển có thực hiện nhưng chưa được thường xuyên để kịp thời điều chỉnh.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Trường cần tập trung vào những giải pháp: (1) Trong các văn bản quy định về công tác cán bộ được điều chuyển nên được lượng hóa cụ thể hơn và thường xuyên đánh giá hiệu quả của công tác bổ nhiệm, điều chuyển; (2) Công khai những quy định về đào tạo đối với cán bộ trong quy hoạch để những cán bộ còn lại có hướng tiếp cận và đào tạo bản thân phù hợp với yêu cầu luân chuyển, bổ nhiệm.	Khoa KT-QLCN Phòng TC-HC	Hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đẩy mạnh công tác phổ biến công khai các tiêu chí tuyển chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển rộng rãi trên các kênh thông tin đại chúng và thời gian đăng tuyển dài hơn.	Khoa KT-QLCN	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 7.3: Năng lực của đội ngũ NV được xác định và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

Khoa KT-QLCN và các Phòng ban xác định và đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên/cán bộ hỗ trợ theo chất lượng công việc, trình tự từ cấp Bộ môn, cấp Khoa/Trung tâm đến cấp Trường theo các thông báo hướng dẫn về việc xét thi đua khen thưởng hàng năm và Quyết định ban hành quy định tiêu chuẩn, chế độ làm việc & nghỉ ngơi đối với VC NLD thuộc Trường đối với công chức viên chức [H7.07.03.01]. Bên cạnh đó, năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá thông qua Bản phân công công việc của đội ngũ nhân viên, đề án và các quy định mô tả vị trí việc làm. Các cán bộ hỗ trợ được quản lý thông qua bảng cấp và lý lịch viên chức được cập nhật hằng năm. Đề án vị trí việc làm và Bản mô tả công việc, khung năng lực theo vị trí việc làm của Trường ĐH Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ (Đề án số 161/ĐA- ĐHKTCN ngày 28/7/2017, 271/ĐA-ĐHKTCN ngày 31/3/2020, 188/ĐA-ĐHKTCN ngày 12/3/2021, 594/ĐA-ĐHKTCN ngày 11/7/2022; Quyết định số 131/QĐ-ĐHKTCN ngày 25/3/2019, 70/QĐ-HĐT ngày 14/02/2023, 93/QĐ-HĐT ngày 15/10/2023) có xác định năng lực của NV bao gồm: Tiêu chí đánh giá trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức, trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ [H7.07.03.02]. Hằng năm, năng lực của đội ngũ nhân viên được đánh giá thông qua Bản tiêu chí năng lực của đội ngũ nhân viên. Trong đó, phản ánh rõ chuyên môn, quá trình công tác và quá trình tự học nâng cao trình độ bằng biểu mẫu tự nhận xét cuối năm của viên chức hành chính. Kế hoạch đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên (tự đánh giá, cấp trên đánh giá, đồng nghiệp đánh giá được Trường phổ biến và công khai trước kết thúc mỗi năm học. Kết quả đánh giá cán bộ hỗ trợ của Khoa KT-QLCN đều đạt mức hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Điều đó cho thấy đội ngũ cán bộ hỗ trợ của Khoa hoàn toàn đáp ứng được các công việc được giao [H7.07.03.03], [H7.07.03.04], [H7.07.03.05].

Kết quả đánh giá được phổ biến cho tất cả cán bộ nhân viên. Trong giai đoạn đánh giá, có 52 lượt NV HTXS NV, 212 lượt NV HTTNV, 01 lượt HTNV, 9 lượt không xét vì lý do khách quan. Dựa vào đánh giá hàng tháng và kết quả công tác trong năm học, cán bộ hỗ trợ của Khoa KT-QLCN được đánh giá phân loại hằng năm nhằm làm rõ ưu điểm, khuyết điểm, mặt mạnh, mặt yếu về tư tưởng, phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao. Kết quả trong giai đoạn đánh giá, NV của khoa KT-QLCN có 16 lượt đạt danh hiệu Lao động tiên tiến, 06 lượt Chiến sĩ thi đua cơ sở. Việc đánh giá có tiêu chí rõ ràng và cụ thể, các cá nhân đạt thành tích sẽ có Quyết định công nhận các danh hiệu thi đua, khen thưởng do Hiệu trưởng tặng cho tập thể và các cá nhân. Quy trình đánh giá cán bộ hỗ trợ cuối năm được thực hiện như sau: (i) Làm báo cáo tự đánh giá kết quả công tác theo nhiệm vụ được giao; (ii) Quyết định đánh giá, phân loại của trưởng đơn vị; (iii) Đánh giá ở Hội đồng cấp đơn vị; (iv) Đánh giá ở Hội đồng cấp Trường [H7.07.03.06].

2. Điểm mạnh

Trường đã có quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí rõ ràng để đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên. Hoạt động đánh giá và phân loại đội ngũ CB hỗ trợ của Khoa đảm bảo chính xác, công bằng, công khai và phù hợp với quy định của Trường.

3. Điểm tồn tại

Năng lực chuyên môn, ngoại ngữ, tin học của cán bộ hỗ trợ ở các đơn vị chưa đồng đều. Mức hài lòng chung của toàn trường chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Khoa đề xuất Trường tiếp tục có các hoạt động rà soát, đánh giá năng lực của đội ngũ NV, có chính sách đào tạo bồi dưỡng, tập huấn và khuyến khích NV tự trau dồi, nâng cao năng lực.	Khoa KT-QLCN	Hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục điều chỉnh, bổ sung đầy đủ các tiêu chuẩn nhằm đánh giá, phân loại đội ngũ CB hỗ trợ, có chế độ khen thưởng CB, NV hoàn thành tốt nhiệm vụ. Chính sách đào tạo, nâng cao năng lực của đội ngũ nhân viên về chuyên môn, ngoại ngữ, tin học để đáp ứng CV hỗ trợ NH tốt hơn.	Khoa KT-QLCN Phòng TC-HC	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của NV được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả hiện trạng

Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực là các hoạt động để duy trì và nâng cao chất lượng đội ngũ CB, công nhân viên, là điều kiện quyết định để Trường thực hiện tốt công tác đào tạo và các hoạt động của Trường. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định, Trường và Khoa KT-QLCN khuyến khích và tạo điều kiện cho CB hỗ trợ được đi học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ với sự hỗ trợ về thời gian và kinh phí được quy định cụ thể trong văn bản Quy định về đào tạo bồi dưỡng của Trường [H7.07.04.01].

Hằng năm, trên cơ sở nhu cầu xây dựng và phát triển đội ngũ NV được Trường xác định trong các văn bản: Đề án thành lập Trường, Đề án nâng cao năng lực đội ngũ,

Chiến lược phát triển Trường, Đề án vị trí việc làm,...Phòng TC-HC ban hành Thông báo triển khai đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng (số 215/TB-ĐHKTCN ngày 09/10/2017, 257/TB-ĐHKTCN ngày 25/10/2018, 299/TB-ĐHKTCN ngày 24/10/2019, 790/TB-ĐHKTCN ngày 14/10/2019, 800/TB-ĐHKTCN ngày 04/10/2021) gửi các đơn vị thuộc Trường biết và thực hiện. Trên cơ sở nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của các đơn vị, Trường xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức hằng năm (số 21/KH-ĐHKTCN ngày 25/1/2018, 07/KH-ĐHKTCN ngày 10/1/2019, 214/KH-ĐHKTCN ngày 09/3/2020, 18/KH-ĐHKTCN ngày 06/1/2021, 30/KH-ĐHKTCN ngày 10/1/2022). Giai đoạn 2018 - 2023, hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ NV của Khoa chủ yếu tập trung vào các nội dung và hình thức: 03 lượt nâng cao trình độ chuyên môn (học sau đại học); 01 lượt tham dự các lớp tập huấn về trình độ chính trị, quốc phòng và an ninh; 04 lượt tập huấn về văn phòng điện tử E-office; 03 lượt văn thư lưu trữ; 25 lượt cán bộ hỗ trợ tập huấn an toàn lao động, PCCC; nhiều lượt tham dự chương trình đào tạo kiểm định viên kiểm định CLGD/CTĐT, kỹ năng thuyết trình, nâng ngạch chuyên viên, phương pháp và công cụ giảng dạy, tư vấn tuyển sinh, nghiệp vụ thư viện.... NV sau khi tham gia các hoạt động bồi dưỡng, tập huấn đã tổng hợp thông tin, tài liệu, nội dung có thể vận dụng vào thực tiễn trong báo cáo và chia sẻ đến toàn thể giảng viên trong Trường [H7.07.04.02].

Việc đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CB hỗ trợ được Trường thực hiện có kế hoạch và được xác định rõ ràng. Kế hoạch của Trường được hoạch định dựa vào kế hoạch đào tạo từ các phòng, khoa và trung tâm [H7.07.04.03], các kết quả đào tạo, bồi dưỡng [H7.07.04.04], danh sách nhân sự thuộc diện quy hoạch [H7.07.04.05]; báo cáo khảo sát nhu cầu học tập bồi dưỡng, nâng cao trình độ của CB, VC, NLD của Trường. Nhà trường đã sử dụng nguồn kinh phí của CSGD cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ NV là 697.374.500 VNĐ (2017-2018:114.360.000; 2018-2019: 190.453.000; 2019-2020: 237.817.500; 2020-2021: 53.507.000; 2021-2022: 101.237.000), [H7.07.04.06]. Các quyết định cử cán bộ tham dự đào tạo được gửi đến Khoa và các phòng ban để theo dõi, đánh giá việc đào tạo [H7.07.04.07]. Định kỳ giữa năm và cuối năm, người được cử đi học sẽ báo cáo kết quả đào tạo cho Trường để giám sát và có biện pháp kịp thời xử lý. Cán bộ nhân viên được cử đi học tập nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ có trách nhiệm hoàn thành nhiệm vụ học tập và áp dụng vào công tác hàng năm đều được Trường và Khoa thống kê [H7.07.04.08].

2. Điểm mạnh

Trường có các kế hoạch để đánh giá nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ NV. Công tác đào tạo, bồi dưỡng NV luôn được Trường đầu tư và quan tâm. Bên cạnh cán bộ hỗ trợ của Khoa, còn có đội ngũ kỹ thuật

viên, nhân viên của Nhà trường đảm bảo đủ về số lượng, có năng lực chuyên môn phù hợp, hỗ trợ có hiệu quả cho việc giảng dạy, học tập và NCKH tại trường.

3. Điểm tồn tại

Chưa khảo sát việc áp dụng các nội dung được tập huấn vào công việc của NV.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm 2024 - 2025, Khoa đề xuất Trường có kế hoạch khảo sát việc áp dụng các nội dung tập huấn vào công việc của NV sau các đợt tập huấn.	Khoa KT-QLCN	Hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục giám sát, đánh giá hiệu quả của các loại hình đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ, các buổi tập huấn, tọa đàm, chuyên đề, phân tích, đối sánh mức độ tham dự để đánh giá, cải tiến.	Khoa KT-QLCN	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Trường có quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với NV và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV, trong đó có các quy định về khen thưởng và công nhận nhằm đảm bảo công việc được thực hiện đúng tiến độ, hiệu quả và khuyến khích đội ngũ NV tích cực thi đua, làm việc, gồm: nội quy lao động quy định chi tiết về kỷ luật lao động, quy định về việc thực hiện báo cáo công việc hàng tuần, đánh giá công việc hàng tháng theo các tiêu chí để quản trị công việc của đội ngũ NV. Khối lượng công việc được quy định cụ thể trong Quy chế làm việc (Quyết định số 160/QĐ-ĐHKTCN ngày 08/3/2022, Quyết định số 49/QĐ-ĐHKTCN 31/01/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định 160/QĐ-ĐHKTCN), Hệ thống chỉ số đánh giá thực hiện công việc (KPIs) áp dụng tại Trường ĐH KTCN CT (Quyết định 490/QĐ-ĐHKTCN ngày 27/6/2022), Quy chế thi đua khen thưởng của Trường ĐH KTCN CT (Quyết định số 607/QĐ-ĐHKTCN ngày 12/12/2019, 302/QĐ-ĐHKTCN

ngày 30/6/2021, 47/QĐ-ĐHKTCN ngày 17/01/2023) [H7.07.05.01], [H7.07.05.02], [H7.07.05.03].

Trường đã xây dựng hệ thống quản lý hành chính điện tử Egov trong đó thể hiện rõ khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết... qua đó giúp Phòng TCHC tổng hợp, giám sát, đánh giá các hoạt động trong công việc của đội ngũ NV. Đồng thời, Trường có quy định về khen thưởng và công nhận đối với những NV hoàn thành tốt nhiệm vụ cụ thể trong Bản mô tả vị trí công việc. Trường có triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV bằng nhiều biện pháp như đội ngũ thanh tra tiến hành kiểm tra, giám sát việc nghiêm túc chấp hành Nội quy lao động, việc tổ chức, thực hiện nhiệm vụ được phân công; thư ký, giáo vụ Khoa phải báo cáo hàng tuần, hàng tháng về cho Trường về tiến độ hoàn thành công việc công việc. Trường còn có cơ chế Khen thưởng đột xuất, cụ thể như sau: i) Thi đua - Khen thưởng dành cho các cá nhân và tập thể đạt thành tích tốt trong năm học (Tập thể lao động xuất sắc/Tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, Bằng khen các cấp...); ii) Khen thưởng đột xuất những cá nhân có thành tích nổi bật trong công tác và đạt thành tích tốt trong công tác thực hiện Mục tiêu chất lượng năm học Trong giai đoạn đánh giá, NV của khoa KT-QLCN có 16 lượt đạt danh hiệu Lao động tiên tiến, 06 lượt Chiến sĩ thi đua cơ sở [H7.07.05.04] [H7.07.05.05].

Tất cả NV có kế hoạch cụ thể trong đó thể hiện rõ khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết... để thuận tiện cho việc theo dõi, giám sát tạo động lực hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Căn cứ vào những quy định của Nhà Trường về khối lượng công việc cụ thể đối với đội ngũ NV, các NV sẽ tự xây dựng kế hoạch, tiến độ hoàn thành công việc cho mình. Khi tiến độ công việc được thể hiện chi tiết, rõ ràng, NV sẽ có định hướng tốt hơn để hoàn thành công việc; ngoài ra, đó cũng là cơ sở tạo điều kiện cho cấp quản lý có thể theo dõi, đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV. Từ đó, mỗi NV nghiêm túc thực hiện đúng kế hoạch theo nhiệm vụ của mình. Việc thực hiện các nhiệm vụ này được theo dõi, giám sát và đánh giá thông qua các báo cáo, biên bản [H7.07.05.06].

Để tất cả NV được tham gia xây dựng, góp ý trong quá trình xây dựng quy định đánh giá hiệu quả công việc, Nhà trường cũng ban hành Quy chế dân chủ tại Trường theo quy định của pháp luật, do đó tất cả NV và GV làm việc tại Trường đều được quyền giám sát, kiểm tra, đánh giá, phổ biến và góp ý trực tiếp (tổ chức họp lấy ý kiến) hoặc gián tiếp khi xây dựng, ban hành các quy định, tiêu chí, quy trình trước khi áp dụng tại trường; ngăn chặn các biểu hiện tiêu cực, thực hiện nhiệm vụ giáo dục theo mục tiêu, định hướng giáo dục đã đề ra; ngăn chặn và chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, phiến hà, sách nhiễu người học, gia đình SV và các đối tượng khác [H7.07.05.07].

Trong giai đoạn 2018 - 2023, nhân viên hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của Trường và các cấp có thẩm quyền. Không có trường hợp nào khiếu nại về kết quả đánh giá hoặc xét thi đua khen thưởng. Hơn nữa, sự công nhận và khen thưởng hằng năm được triển khai chính là động lực cho cán bộ hỗ trợ tích cực hơn trong công tác. Đồng thời, các quy định/Quy chế của Nhà trường luôn được lấy ý kiến rộng rãi trong toàn bộ CB, NV [H7.07.05.07].

2. Điểm mạnh

Các quy định của Trường về đánh giá, quản lý NV được quy định rõ ràng, công khai và có ghi nhận ý kiến đóng góp của người lao động. NV được tham gia đóng góp ý kiến trong quá trình xây dựng tiêu chí đánh giá của Trường.

3. Điểm tồn tại

Lịch công tác hàng tuần của đội ngũ NV chưa cụ thể nên gây khó khăn trong việc giám sát. Chưa có báo cáo công việc hàng tuần để nâng cao hiệu quả công việc.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Trường và Khoa nên đưa ra các yêu cầu cụ thể hơn để lịch công tác hàng tuần của đội ngũ nhân viên rõ ràng và chi tiết hơn, thuận lợi cho công tác giám sát, quản lý.	Khoa KT-QLCN Phòng TT-HC	Hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục nâng cao công tác quản lý cán bộ hỗ trợ có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng.	Khoa KT-QLCN	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 7

Những điểm mạnh nổi bật

Trường có kế hoạch phát triển nhân sự và có chính sách phù hợp để thực hiện kế hoạch. Đội ngũ cán bộ thư viện, phòng thực nghiệm, CNTT và các bộ phận dịch vụ hỗ trợ người học đủ về số lượng, bằng cấp thích hợp và thành thạo nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu thực hiện CTĐT. Các tiêu chí tuyển chọn NV để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định rõ ràng, có sự đóng góp ý kiến của CB-GV-NV và được phổ biến công khai trong toàn trường. Có quá trình, phương pháp, công cụ xác nhận và đánh giá năng lực đội ngũ NV với các tiêu chí rõ ràng, minh bạch. Hoạt động đánh giá và phân loại đội NV hỗ trợ của Khoa đảm bảo chính xác, công bằng, công khai và phù hợp với quy định của Trường.

Thực hiện xác định nhu cầu về đào tạo bồi dưỡng để triển khai kế hoạch và thực hiện đào tạo, bồi dưỡng hiệu quả theo nhu cầu. Có phân bổ ngân sách hoạt động này. Có quy định cụ thể về khối lượng công việc với NV và quy định về đánh giá mức độ hoàn thành công việc. Có triển khai đánh giá hiệu quả công việc của NV. Tất cả NV đều có bản mô tả công việc thể hiện rõ khối lượng và các nguồn lực cần thiết để thuận tiện cho việc theo dõi.

Những tồn tại cơ bản

Chưa phân tích sâu nhu cầu nhân lực dựa trên chiến lược của Trường và Khoa về mục tiêu ĐT, NCKH và hợp tác quốc tế. Chưa thu được nhiều ý kiến đóng góp của CB-GV-NV cho quy định tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân NV. Thiếu quy định để đánh giá chất lượng hoàn thành công việc của NV như đánh giá trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp,... vì thế, năng lực hiện nay của đội ngũ NV được đánh giá chỉ dựa vào khối lượng công việc hoàn thành. Công tác khảo sát nhu cầu ĐT, bồi dưỡng hiện nay đang được thực hiện chung cho các đối tượng có những nhu cầu khác nhau là CB-GV-NV nên kết quả đem lại sau khảo sát có một số phần chưa thực sự hợp lý. Công tác quản trị theo kết quả công việc chưa dựa vào các tiêu chí đánh giá chất lượng công việc nên chưa tạo được sự công bằng giữa các NV trong khen thưởng và công nhận.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn

Có 5/5 tiêu chí đạt điểm 5,0. Mức trung bình của tiêu chuẩn đạt: 5,00 điểm; Số tiêu chí đạt: 5/5; Tỷ lệ tiêu chí đạt: 100%

Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu: Xác định người học là chủ thể của quá trình đào tạo, là yếu tố quyết định đến sự phát triển và chất lượng đào tạo của Trường. Trường và Khoa KT-QLCN luôn quan tâm, chú trọng triển khai nhiều hoạt động và hỗ trợ người học. Trường xây dựng đề án tuyển sinh rõ ràng, đúng theo quy định của Bộ GD&ĐT, trong đó xác định cụ thể phương pháp xét tuyển công khai, vùng tuyển sinh, đối tượng xét tuyển. Đồng thời, Trường ứng dụng CNTT quản lý, hỗ trợ và giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học một cách minh bạch; các hoạt động tư vấn và hỗ trợ NH được thực hiện một cách kịp thời, thường xuyên; môi trường tâm lý xã hội tích cực nhằm nâng cao chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Trường nói chung và chất lượng đào tạo của ngành KTHTCN nói riêng.

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Trường xây dựng chính sách và quy định về tuyển sinh rõ ràng, đúng các quy định hiện hành và được cập nhật hằng năm. Dựa trên các quy định về tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và quy trình xây dựng đề án tuyển sinh chính sách tuyển sinh của các ngành

đào tạo nói chung và ngành KTHTCN nói riêng được quy định một cách rõ ràng, chi tiết và đầy đủ, bao gồm: văn bằng, thời gian đào tạo, chỉ tiêu, hình thức thi/xét tuyển, thời gian xét tuyển, chính sách học phí, học bổng thông qua các kênh tuyển sinh đa dạng nhằm hỗ trợ thí sinh có thể tiếp cận thông tin dễ dàng và hiệu quả. Các thông tin chính sách, quy định đều được thể hiện rõ ràng cụ thể trong đề án tuyển sinh trong giai đoạn đánh giá 2018 - 2023. Khoa KT-QLCN chủ động xây dựng chương trình tuyển sinh, tích cực phối hợp cùng Ban Tư vấn tuyển sinh của Trường để triển khai chính sách tuyển sinh thông qua những hoạt động cụ thể: i) Thiết lập đội ngũ tuyển sinh với thành phần đa dạng, gồm: GV cơ hữu, sinh viên; ii) Tạo điều kiện cho GV, SV tham gia các đợt tập huấn về nội dung kỹ năng tư vấn hướng nghiệp tuyển sinh do Ban Tư vấn tuyển sinh tổ chức để cập nhật thông tin; iii) Xây dựng tài liệu tuyển sinh ngành KTHTCN với nội dung đa dạng, phong phú như video giới thiệu ngành KTHTCN; tờ rơi, cẩm nang tuyển sinh; iv) Tham gia hoạt động tư vấn tuyển sinh trực tuyến tại các trường THPT qua hoạt động tư vấn dưới cờ, hướng nghiệp cho học sinh; tham gia các chương trình giao lưu, hội thảo tư vấn tuyển sinh cùng các trường ĐH, Cao đẳng; trong các buổi tham quan Trường của học sinh THPT trong địa bàn thành phố và các tỉnh [H8.08.01.01].

Hằng năm, Trường đã xây dựng đề án tuyển sinh, kế hoạch tuyển sinh chung. Từ đó, Khoa KT-QLCN triển khai các hoạt động tuyển sinh theo kế hoạch tuyển sinh chung và các hoạt động riêng trên các kênh truyền thông. Khoa KT-QLCN được xét tuyển thông qua các hình thức theo từng năm của Trường. Chế độ ưu tiên trong tuyển sinh ngành KT-QLCN (điểm, đối tượng ưu tiên..) được thực hiện theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Chính sách và quy định về tuyển sinh của Trường và Khoa được cập nhật hàng năm để phù hợp với yêu cầu của Bộ GD&ĐT và xu thế tuyển sinh chung của các trường ĐH trong cả nước. Phương thức tuyển sinh thay đổi theo từng năm, từ 01 phương thức trong năm học 2018 - 2019 (13 điểm thi THPT); 02 phương thức trong năm học 2019 - 2020 (18 điểm thi THPT, 13 điểm thi xét học bạ) và năm học 2020 - 2021 (18 điểm thi THPT, 17 điểm xét học bạ); 04 phương thức trong năm học 2021 - 2022 (18 điểm thi THPT, 19,3 điểm xét học bạ); 03 phương thức trong năm học 2022 - 2023 bao gồm các hình thức: điểm xét kết quả kỳ thi THPT Quốc gia (26; 21,2 điểm), điểm xét học bạ THPT (19,01; 26 điểm), điểm từ kỳ thi tuyển đầu vào của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (600 điểm) và xét tuyển thẳng [H8.08.01.02]. Trường, Khoa triển khai công tác tư vấn tuyển sinh thông qua các kênh như Tư vấn theo kế hoạch do Sở GD&ĐT tỉnh Vĩnh Long tổ chức, tư vấn theo chương trình do Báo Tuổi trẻ tổ chức; tham gia tư vấn tuyển sinh và hướng nghiệp tại các trường THPT tại thành phố Cần Thơ và các tỉnh ĐBSCL, truyền thông trên báo chí (Báo Tuổi trẻ, Báo Thanh niên, Báo Người lao động), trên không gian mạng, facebook, zalo, youtube, tổng đài VNPT qua hình thức tin nhắn SMS, phát sóng trên Đài phát thanh và Truyền hình

thành phố Cần Thơ và các ấn phẩm quảng cáo (bìa sơ mi xếp, Tờ thông tin tuyển sinh, băng rôn, standee, pano). Trường thực hiện các chính sách thu hút NH thông qua các chương trình học bổng dành cho đối tượng học sinh khác nhau như: học bổng cho các thủ khoa đầu vào của Trường trên cơ sở điểm thi THPT và điểm học bạ lớp 12, học bổng dành cho sinh viên nữ theo học các ngành khoa học kỹ thuật, học bổng dành cho sinh viên khối ngành nghệ thuật [H8.08.01.03].

Hàng năm, Trường tổ chức cuộc họp tổng kết tuyển sinh để đánh giá kết quả thực hiện công tác tuyển sinh, kết quả trúng tuyển và nhập học, những thuận lợi, khó khăn, phân tích nguyên nhân và hạn chế, đề ra phương hướng và các giải pháp thực hiện để nâng cao công tác tuyển sinh trong năm học tới. Trường đã điều chỉnh chính sách tuyển sinh về phạm vi tuyển sinh, phương thức xét tuyển và tổ hợp xét tuyển phù hợp tình hình thực tế và quy định của Bộ GD&ĐT [H8.08.01.04].

Trường căn cứ Nghị quyết của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển Thành phố Cần Thơ đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045 và quyết định phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch Thành phố Cần Thơ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 của Chính phủ nhằm phân tích và dự báo ngành đào tạo cung cấp nguồn nhân lực thành phố Cần Thơ và vùng ĐBSCL giai đoạn 2020 - 2025, đến 2030 để xây dựng chính sách tuyển sinh. Chính sách tuyển sinh của Trường có sự góp ý của các BLQ và phân tích, dự báo nhu cầu nhân lực và được cập nhật hàng năm. Kết thúc mỗi đợt tuyển sinh hàng năm, Khoa và Trường tiến hành việc lấy ý kiến của các BLQ cũng như tham khảo dự báo nhu cầu nhân lực, từ đó, Khoa đề xuất những cải tiến cập nhật Chính sách tuyển sinh cho năm học tiếp theo để nâng cao hoạt động tuyển sinh về số lượng cũng như chất lượng. Năm 2018, 2019, Trường thực hiện khảo sát SV năm thứ nhất, kết quả khảo sát, cho thấy kênh thông tin tuyển sinh mà SV tiếp nhận được đề biết đến Trường nhiều nhất là trang website ctuet.edu.vn (17,3% - 19,37%); trên internet, báo điện tử (14,6%-14,07%); qua facebook (14,6% - 10,68%); tiếp đến là các kênh thông tin như: Người thân, anh chị khóa trước, bạn bè giới thiệu, Thầy cô các trường THPT giới thiệu hay Tư vấn trực tiếp tại Trường THPT biến động từ 4,48% đến 12,28; rất ít SV tiếp nhận qua kênh thông tin tuyển sinh trên báo tuổi trẻ, báo thanh niên (3,3% - 2,11%) (Báo cáo kết quả khảo sát SV năm thứ nhất về công tác tuyển sinh, nhập học tháng 5/2019 và tháng 5/2020). Từ năm 2020, Trường mở rộng khảo sát đối với thí sinh về phương thức tiếp cận thông tin tuyển sinh, kết quả khảo sát cho thấy kết quả tương đồng với kết quả khảo sát năm 2018, 2019: Kênh thông tin tuyển sinh mà thí sinh tiếp cận đề biết đến Trường nhiều nhất là Tìm kiếm trên Google (từ 29,78% đến 54,04%), tiếp đến là qua facebook (từ 25,33% đến 50,2%), thầy cô Trường THPT tư vấn, người thân đã học tại trường giới thiệu, tư vấn trực tiếp tại Trường THPT, Ngày hội tuyển sinh biến động (từ 4,56% đến 11,97%); truyền hình (1,88% đến 5,03%); rất ít SV tiếp nhận qua kênh thông tin tuyển sinh trên

báo chí (3,1% đến 3,39%), youtube (từ 3,39% đến 4,3%), zalo (từ 0,2% đến 3,08%) (Báo cáo công tác tuyển sinh, nhập học các năm 2020, 2021, 2022 và 2023) [H8.08.01.05], [H8.81.01.06], [H8.08.01.07].

2. Điểm mạnh

Trường và Khoa KT-QLCN xây dựng đề án tuyển sinh, trong đó thể hiện chính sách và quy định về tuyển sinh rõ ràng, đúng các quy định hiện hành và được cập nhật hằng năm.

Trường công bố công khai chính sách và quy định tuyển sinh bằng nhiều hình thức khác nhau, góp phần đáng kể vào kết quả tuyển sinh của Trường.

Hằng năm, Nhà trường tổ chức họp tổng kết công tác tuyển sinh, trong đó tiếp thu ý kiến góp ý, trao đổi, thảo luận của các đơn vị và CB, GV tham gia công tác tuyển sinh của Trường.

3. Điểm tồn tại

Trường chưa triển khai khảo sát ý kiến các BLQ bên ngoài một cách có hệ thống về chính sách tuyển sinh của Trường.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL phối hợp với Phòng ĐT và các Khoa triển khai khảo sát ý kiến các BLQ bên ngoài về chính sách tuyển sinh của Trường để có thêm cơ sở điều chỉnh chính sách tuyển sinh cho phù hợp.	Khoa KT-QLCN Phòng TT-PC-KT-ĐBCL Phòng ĐT	Hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường và Khoa KT-QLCN tiếp tục cải tiến chính sách và quy định về tuyển sinh phù hợp theo quy định hiện hành.	Khoa KT-QLCN Phòng ĐT HĐTS	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được xác định rõ ràng và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

Trường Đại học KTCN CT thực hiện chính sách tuyển sinh, tổ chức thi và xét tuyển người học theo quy chế tuyển sinh ĐH hàng năm của Bộ GD&ĐT (Thông tư 09/2020/TT-BGDĐT ngày 07/5/2020 về Quy chế tuyển sinh trình độ ĐH); Quy chế

tuyển sinh đại học của Trường Đại học KTCN CT (Quyết định số 258/QĐ-ĐHKTCN ngày 14/6/2023); Quy trình xây dựng đề án tuyển sinh (Quyết định 03/QĐ-ĐHKTCN ngày 03/01/2024) [H8.08.02.01]. Các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh được xác định rõ ràng và được kiểm tra, đánh giá hàng năm để tuyển chọn được người học có được năng lực phù hợp với ngành nghề đào tạo. Quá trình xây dựng tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được tuân thủ theo đề án tuyển sinh và kế hoạch tuyển sinh hàng năm của Trường qua các năm 2019, 2020, 2021, 2022 và 2023 [H8.08.02.02], [H8.08.02.03]. Từ năm 2018 về trước, phương thức tuyển sinh của Trường là dựa vào kết quả thi tuyển đại học theo khối ngành của thí sinh. Hiện nay, Trường thực hiện tuyển sinh theo 4 phương thức như sau: xét tuyển thí sinh theo kết quả điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2022 theo các tổ hợp môn xét tuyển từng ngành học; xét tuyển học bạ THPT các năm; xét tuyển thí sinh theo kết quả điểm bài thi đánh giá năng lực ĐH Quốc gia TPHCM, xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh đại học của Bộ Giáo dục & Đào tạo và xét học bạ lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12. Trong mỗi phương thức sẽ xét theo các tiêu chí cụ thể được quy định tại Mục 2 trong đề án tuyển sinh hàng năm [H8.08.01.02]. Các tổ hợp môn xét tuyển các ngành đại học tại trường được chi tiết hóa và công khai để cho các thí sinh được biết và lựa chọn tổ hợp môn xét tuyển. Các điều chỉnh của Trường từ năm 2018 đến nay như sau: trước năm 2019, nhà trường sử dụng 4 tổ hợp môn thi A00, A02, C01 và D01 để xét tuyển đối với ngành KTHTCN, năm 2019, nhà trường đã điều chỉnh tổ hợp xét tuyển của ngành (thay tổ hợp A02 bởi A01) và năm 2020 tiếp tục điều chỉnh (thay tổ hợp A01 bởi C02). Trường cũng tăng cường chính sách học bổng cho SV để thu hút SV vào Trường như: Từ năm 2019, Trường bổ sung thêm chính sách tặng học phí đối với SV thủ khoa và học bổng khuyến tài cho SV đạt loại giỏi, xuất sắc để thu hút người học. Các dữ liệu về số lượng tuyển sinh và điểm chuẩn xét tuyển hàng năm cũng được Trường cập nhật trên website trường [H8.08.02.04].

Sau mỗi đợt tuyển sinh, Hội đồng tuyển sinh trường có những buổi họp để phân tích đánh giá kết quả tuyển sinh, đánh giá kết quả thực hiện công tác tuyển sinh, kết quả trúng tuyển và nhập học, những thuận lợi, khó khăn, phân tích nguyên nhân và hạn chế, đề ra phương hướng từ đó đề ra các giải pháp tuyển sinh tốt hơn trong các năm tiếp theo [H8.08.02.05], [H8.08.02.06]. Trong báo cáo có thống kê, phân tích số liệu tuyển sinh và nhập học, đối sánh kết quả so với chỉ tiêu đã xác định. Số liệu trúng tuyển, nhập học các ngành ĐT được công bố, theo đó, số lượng, tỷ lệ nhập học của ngành KTHTCN theo từng năm 48 SV/60 chỉ tiêu, đạt 80% (năm 2019), 52 SV/50 chỉ tiêu, đạt 104% (năm 2020), 61 SV/50 chỉ tiêu, đạt 122% (năm 2021), 61 SV/60 chỉ tiêu, đạt 102% (năm 2022), 60 SV/60 chỉ tiêu, đạt 100% (2023). Bên cạnh đó, trường đã tổ chức lấy ý kiến các BLQ để làm cơ sở điều chỉnh các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được phù hợp hơn, công bằng và dân chủ [H8.08.02.07], [H8.08.02.08].

2. Điểm mạnh

Hàng năm, Trường xây dựng và ban hành đề án tuyển sinh đúng theo quy định, trong đó có tiêu chí và phương pháp tuyển sinh, tuyển chọn người học rõ ràng.

Hàng năm, Trường rà soát các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh, tuyển chọn NH và trên cơ sở đó có những điều chỉnh kịp thời để nâng cao chất lượng tuyển sinh.

Kết quả tuyển sinh của Trường luôn đạt chỉ tiêu đề ra, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của Trường.

3. Điểm tồn tại

Điểm tuyển sinh đầu vào có cải thiện so với các năm trước, tuy nhiên điểm chất lượng đầu vào ngành KTHTCN vẫn chưa cao như các trường đại học danh tiếng trên địa bàn.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Trường đa dạng hóa các phương thức tuyển sinh đồng thời tăng cường công tác truyền thông nhằm cải thiện điểm chuẩn đầu vào của Trường.	Khoa KT-QLCN Phòng ĐT	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường và Khoa KT-QLCN cải tiến các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh, tuyển chọn người học và trên cơ sở đó có những điều chỉnh kịp thời để nâng cao chất lượng tuyển sinh.	Khoa KT-QLCN Phòng ĐT HĐTS	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH

1. Mô tả hiện trạng

Trường có bộ phận và GV, NV chuyên trách được phân công giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH, cảnh báo học vụ nhằm hỗ trợ NH từng bước tiến bộ. Việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của NH được phân công cho các phòng ban như: Phòng Đào tạo, Phòng CTCT&QLSV, CVHT (GV của khoa) và các phòng ban khác liên quan (Quyết định số 64/QĐ-ĐHKTCN ngày 21/02/2020 về Quy định công tác phục vụ, hỗ trợ, giám sát

người học tại Trường ĐH KTCN CT; Quyết định số 493/QĐ-ĐHKTCN ngày 07/10/2021 Quy định về công tác CVHT của Trường ĐH KTCN CT) [H8.08.03.01].

Năm học đầu tiên, Phòng Đào tạo và Phòng CTCT&QLSV phối hợp với Khoa tổ chức Tuần sinh hoạt công dân - HSSV để hướng dẫn, tư vấn, hỗ trợ thông tin cho NH trong quá trình học tập tại Trường. NH tham dự Lễ đón tân sinh viên do Trường và Khoa tổ chức và được giới thiệu tổng quan về các phòng ban quản lý học tập và rèn luyện của Trường, tổng quan về Khoa, đội ngũ GV cơ hữu của Khoa, CVHT của từng lớp, tổng quan về CTĐT ngành KTHTCN và phương pháp học tập ở môi trường ĐH, xác định được kế hoạch học tập phù hợp để hoàn thành khối lượng học tập cần thiết trong từng năm học. Đội ngũ CVHT tại Khoa KT-QLCN được thiết lập gồm các GV cơ hữu của Khoa. Nội dung CVHT sinh hoạt lớp hàng tháng được gửi tới các Khoa trong tuần đầu tiên mỗi tháng bao gồm những vấn đề học vụ do các phòng chức năng tổng hợp. CVHT triển khai thực hiện nội dung sinh hoạt CVHT. Mỗi CTVH duy trì lịch sinh hoạt CVHT với NH hàng tháng, đảm bảo thực hiện 05 buổi sinh hoạt CVHT trong một học kỳ để hỗ trợ và tư vấn về quy định và hoạt động của Trường/Khoa, tiến độ CTĐT và giải đáp thắc mắc học vụ của SV. Trường hợp có những vấn đề thắc mắc, kiến nghị của NH cần giải quyết ngay, CVHT phụ trách tại Khoa tổng hợp báo cáo và gửi tới các đơn vị liên quan để giải quyết kịp thời cho NH. CVHT thực hiện việc giám sát quá trình học tập và rèn luyện của NH để kịp thời tư vấn cho NH thực hiện đúng tiến độ của CTĐT [H8.08.03.02], [H8.08.03.03]. Trường đã ban hành văn bản trong hệ thống giám sát gồm: Quy định DT trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (Quyết định số 400/QĐ-ĐHKTCN ngày 01/9/2021), Quy định tổ chức thi kết thúc học phần hệ chính quy DT theo hệ thống tín chỉ (Quyết định số 22/QĐ-ĐHKTCN ngày 20/01/2020), Quy định công tác cố vấn học tập (Quyết định số 493/QĐ-ĐHKTCN ngày 07/10/2021), Hướng dẫn thực hiện quy trình đánh giá kết quả rèn luyện của SV chính quy (Quyết định số 428/QĐ-ĐHKTCN ngày 24/10/2018), Hướng dẫn các chế độ chính sách cho SV chính quy miễn, giảm học phí và trợ cấp xã hội (Hướng dẫn số 1259/HD-ĐHKTCN ngày 29/12/2021), Quy định thực hiện luận văn tốt nghiệp, tiểu luận tốt nghiệp đại học chính quy (Quyết định số 407/QĐ-ĐHKTCN ngày 06/9/2021), Quy định việc cấp học bổng khuyến khích học tập cho SV (Quyết định số 386/QĐ- ĐHKTCN ngày 04/9/2019), Quy trình quản lý học vụ SV chính quy (Quyết định số 352/QĐ- ĐHKTCN ngày 27/8/2019), Quy trình tổ chức quản lý DT (Quyết định số 609/QĐ-ĐHKTCN ngày 12/12/2019), Quy định về công tác y tế học đường (Quyết định số 98/QĐ-ĐHKTCN ngày 17/3/2020), các quy định CDR ngoại ngữ và chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT (Quyết định số 255/QĐ- ĐHKTCN ngày 21/6/2018, 145/QĐ-ĐHKTCN ngày 25/3/2020; 778/QĐ- ĐHKTCN ngày 15/11/2022), Quy định công tác phục vụ, hỗ trợ, giám sát người học (Quyết định số 64/QĐ-ĐHKTCN ngày 21/02/2020), Quyết định phân công

CVHT hàng năm cùng nhiều văn bản khác về tư vấn ĐT, giải quyết các thủ tục hành chính, hỗ trợ SV vay vốn, hoạt động ngoại khóa,.. [H8.08.03.04]. Bên cạnh đó, giáo vụ Khoa cũng tham gia hỗ trợ, tư vấn NH giải quyết học vụ và phối hợp với các phòng ban liên quan của Trường để giải quyết vấn đề học vụ cho NH. Trên cơ sở CTĐT và kế hoạch do phòng ĐT công bố vào mỗi học kỳ, các Bộ môn, giáo vụ Khoa phối hợp xây dựng thời khóa biểu, lịch thi, lịch thực tập phù hợp ở từng học kỳ, giúp NH có điều kiện hoàn thành CTĐT đúng thời hạn. Việc học tập và rèn luyện của NH được thực hiện nghiêm túc theo Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường. Khối lượng học tập được quy định cụ thể trong CTĐT khung của Khoa sẽ được phân bổ theo giai đoạn từng năm học, từng học kỳ, kết quả học tập, rèn luyện của từng NH có thể tra cứu thông qua phần mềm quản lý đào tạo PMT-EMS. Toàn bộ hoạt động này được thực hiện thông qua hệ thống cơ sở dữ liệu bao gồm hồ sơ thông tin của NH, các thông báo của Trường, thời khóa biểu, lịch học, lịch thi, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, thông báo công nợ... [H8.08.03.05], [H8.08.03.06].

Trong giai đoạn đánh giá, Trường xây dựng và ban hành quy trình quy định về việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH. Quy trình xử lý cảnh báo học vụ, thống kê kết quả học tập của NH để giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của NH, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH [H8.08.03.07], [H8.08.03.08], [H8.08.03.09]. Sau khi NH tiến hành việc đăng ký học trên hệ thống quản lý đào tạo, NH có thể xác định kế hoạch học tập của từng học kỳ và theo dõi tiến độ hoàn thành khối lượng học tập và rèn luyện của bản thân theo giai đoạn đào tạo. GV phụ trách HP có danh sách NH tham dự lớp học phần và giám sát sự tiến bộ trong quá trình học tập của NH thông qua điểm thường kỳ và điểm giữa kỳ Trường, Khoa thực hiện các chính sách khuyến khích học bổng, khen thưởng đối với NH có kết quả học tập khá, rèn luyện tốt trở lên, các học bổng từ nhiều nguồn khác nhau [H8.08.03.10], [H8.08.03.11], [H8.08.03.12]. Phòng TT-PC-KT-ĐBCL tổng hợp ghi nhận của GV giảng dạy ở từng buổi giảng để thống kê SV vắng học thường xuyên, từ đó thông tin cho CVHT và phụ huynh để tìm hướng giải quyết phù hợp. Định kỳ hàng năm, BGH, Ban chủ nhiệm khoa và Phòng CTCT&QLSV tổ chức gặp mặt để trực tiếp giải đáp các thắc mắc của NH, đề xuất các biện pháp hỗ trợ NH [H8.08.03.13].

2. Điểm mạnh

Trường phân công trách nhiệm rõ ràng cho Phòng ĐT giám sát về kết quả học tập của SV; Phòng CTCT&QLSV giám sát kết quả rèn luyện của SV; các Khoa đồng thời giám sát kết quả học tập và rèn luyện của SV do Khoa quản lý; ở lớp học, CVHT giám sát kết quả học tập và rèn luyện của SV được phân công phụ trách.

Trường ban hành văn bản quy định về việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của SV và triển khai thực hiện.

Trường đầu tư phần mềm quản lý giáo dục, trong đó có cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của SV trong học tập và rèn luyện; theo dõi tỷ lệ chậm tiến độ, thôi học.

3. Điểm tồn tại

Việc tổ chức hội nghị CVHT toàn trường chưa được duy trì định kỳ thường xuyên. Chưa có giải pháp cụ thể hỗ trợ NH.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Trường, Phòng CTCT&QLSV thường xuyên tổ chức tập huấn nâng cao kỹ năng cho CVHT và dành thời gian để CVHT tăng cường giám sát, hỗ trợ NH. Hoàn thiện hệ thống giám sát NH.	Khoa KT-QLCN Phòng CTCT&QLSV CVHT	Hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường và Khoa KT-QLCN cải tiến văn bản của Trường quy định về việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của SV; đồng thời nâng cấp phần mềm quản lý giáo dục để quản lý hiệu quả hơn quá trình học tập và rèn luyện của NH.	Khoa KT-QLCN Phòng CTCT&QLSV CVHT	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của NH

1. Mô tả hiện trạng

Trường và Khoa có các bộ phận chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của NH:

i) Về trách nhiệm tư vấn học tập, các phòng ban như Phòng Đào tạo, Phòng CTCT&QLSV được phân công quản lý việc học tập và rèn luyện của NH trong toàn trường. Khoa trực tiếp quản lý NH thông qua hoạt động của CVHT và giáo vụ khoa [H8.08.04.01].

ii) Về hoạt động ngoại khóa, thi đua, Lãnh đạo Khoa, đội ngũ GV phối hợp với Đoàn Khoa và Liên chi hội Khoa để tổ chức và triển khai các hoạt động ngoại khóa cho NH [H8.08.04.02].

iii) Về các dịch vụ hỗ trợ khác cho NH, Trường phân công bộ phận thư viện hỗ trợ NH trong việc tra cứu và tìm hiểu các tài liệu học tập cần thiết. Qua đó, NH có thể chủ động học tập và tự tích lũy các kiến thức để cải thiện quá trình học tập của mình [H8.08.04.03]. Trường có bộ phận chịu trách nhiệm vấn việc làm cho NH là Phòng CTCT&QLSV đảm trách hoạt động liên kết với các doanh nghiệp để hỗ trợ giới thiệu việc làm cho NH sau khi tốt nghiệp [H8.08.04.04]. Phòng TT-PC-KT-ĐBCL đảm nhiệm việc lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, khảo sát đánh giá và báo cáo kết quả về quan hệ doanh nghiệp: hợp tác đào tạo với doanh nghiệp, giới thiệu SV tới thực hành, thực tập, kiến tập; khảo sát và báo cáo nhu cầu tìm việc và tình hình việc làm của SV được giới thiệu việc làm; đánh giá của doanh nghiệp về chất lượng của SV thực hành, thực tập; Đánh giá của nhà tuyển dụng về chất lượng của SV tốt nghiệp. Phòng CTCT&QLSV quản lý vận hành cổng thông tin việc làm, tư vấn giới thiệu việc làm, giới thiệu SV đến thực tập tại doanh nghiệp và quản lý danh sách SV thực tập; kết nối các hoạt động hợp tác với doanh nghiệp; tổ chức các hoạt động cộng đồng, gắn kết SV với doanh nghiệp và thế giới việc làm, như: tham quan nhà máy sản xuất, ngày hội việc làm, phỏng vấn tuyển dụng nhân lực, huấn luyện kỹ năng hội nhập việc làm, qua đó xây dựng thương hiệu Trường đến doanh nghiệp và cộng đồng [H8.08.04.05], [H8.08.04.06].

Hàng năm, Khoa có kế hoạch và triển khai nhiều hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ khác để giúp cải thiện việc học tập của NH theo các quy định chung của Trường [H8.08.04.07]. Trong đó, đội ngũ CVHT giữ vai trò đặc biệt quan trọng. Đội ngũ CVHT là GV cơ hữu của Khoa thực sự là cầu nối hiệu quả giữa Trường và Khoa trong giám sát việc học tập của NH, đồng thời nắm bắt tâm tư nguyện vọng, ưu, nhược điểm của NH để định hướng NH tham gia những hoạt động phù hợp của Trường/Khoa, tạo nên tập thể lớp đoàn kết, năng động và cùng tiến bộ. Để thực hiện thống nhất trong toàn trường, hàng tháng, Trường đã ban hành Nội dung sinh hoạt CVHT bao gồm các chủ điểm quan trọng, các lưu ý về hoạt động học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các hoạt động khác do các phòng ban chức năng cung cấp như: Phòng Đào tạo, Phòng CTCT&QLSV, Tổ Y tế... làm cơ sở cho CVHT sinh hoạt với NH. Khoa tổ chức buổi lễ chào đón tân SV vào đầu khóa học để tư vấn, định hướng cho NH và tạo động lực cho NH hòa nhập với môi trường mới. NH được hướng dẫn phương pháp học ĐH hiệu quả phù hợp với ngành KHTTCN [H8.08.03.08], [H8.08.04.09].

Trong giai đoạn đánh giá, Khoa có kế hoạch và triển khai hoạt động thăm quan, kiến tập dành cho NH nhằm cung cấp cho NH những hiểu biết về tổ chức, hoạt động,

cơ sở vật chất và tiêu chí tuyển dụng của các cơ quan, nhà máy, công ty. Khoa phối hợp với các đơn vị chức năng có kế hoạch và triển khai các hoạt động hỗ trợ việc làm cho NH. Nhằm thực hiện định hướng ứng dụng - thực hành của Trường, Khoa tiến hành hoạt động liên kết với các cơ quan, tổ chức hành nghề ...trên địa bàn thành phố và các tỉnh để tạo điều kiện cho SV thực tập, tiếp xúc thực tế, từ đó tăng cường kỹ năng để xin việc làm. Qua đó, giúp NH có định hướng nghề nghiệp trong tương lai, kế hoạch phấn đấu trong quá trình học tập, cũng như tăng niềm đam mê và tình yêu đối với chuyên ngành được đào tạo, tạo động lực trong học tập cho NH [H8.08.04.10], [H8.08.04.11].

Trường và Khoa xây dựng kế hoạch tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học của NH gồm: Liên chi hội sinh viên khoa KT-QLCN, Đoàn Khoa KT-QLCN, Ban cán sự lớp, Bí thư Chi đoàn lớp, là “cánh tay nối dài” kết nối thông tin giữa Trường, Khoa với NH. Thành lập các CLB ngoại khóa với những hoạt động sôi nổi để thu hút sự tham gia của NH. Khoa chú trọng triển khai các hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua theo chủ đề từng tháng nhằm tạo sân chơi và rèn luyện cho NH, thu hút sự tham gia nhiệt tình và tích cực của NH ngành KTHTCN. Trên cơ sở tổng kết các hoạt động này, Trường có chính sách hỗ trợ và khen thưởng, tặng giấy khen cho CVHT, Ban Cán sự lớp, Bí thư Chi Đoàn lớp hoàn thành tốt nhiệm vụ và được công khai rộng rãi trên các trang thông tin của Trường, Khoa, các đơn vị liên quan [H8.08.04.12], [H8.08.04.13], [H8.08.04.14], [H8.08.04.15], [H8.08.04.16].

Trong giai đoạn đánh giá, NH tốt nghiệp ngành KTHTCN có việc làm ngay khi tốt nghiệp từ 70% trở lên. Khi được NH tốt nghiệp được khảo sát hài lòng về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm đều đánh giá sự hài lòng từ mức 4,0 trở lên (thang đánh giá 5 mức độ). Kết quả khảo sát cho thấy mức độ hài lòng của SV sinh viên năm cuối ngành KTHTCN có giá trị từ 3,68 đến 3,9 (thang đánh giá 5 mức độ) (Theo báo cáo kết quả khảo sát tháng 01/2020 của Trường). Theo kết quả khảo sát mới nhất của Trường, 77% cựu NH được hỏi hài lòng về các hoạt động phục vụ và hỗ trợ, giám sát người học và chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm (Báo cáo kết quả khảo sát tháng 03/2023); 75,1% NH đang học hài lòng về các hoạt động phục vụ và hỗ trợ, giám sát người học và chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm (Báo cáo kết quả khảo sát tháng 11/2022) cho thấy các hoạt động tư vấn học tập và hỗ trợ việc làm của NH hàng năm của Khoa đã có hiệu quả nhất định, đồng thời là cơ sở để Khoa xem xét những điều chỉnh phù hợp để nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm trong năm học tới [H8.08.04.17]. Hằng năm, đại diện các phòng ban và đại diện Khoa thường xuyên gặp gỡ ban cán sự các lớp để nắm bắt thông tin và hỗ trợ. Khoa và phòng CTSV phối hợp các buổi đối thoại giữa BCN Khoa, BGH với NH toàn Khoa. Từ các ý kiến trong các

Hội nghị này, Khoa, Trường sẽ xem xét, đề ra các giải pháp cải tiến phù hợp [H8.08.04.18].

2. Điểm mạnh

Trường thành lập đơn vị chuyên trách và giao trách nhiệm cụ thể về tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của người học. Trường giao nhiệm vụ cho Phòng CTCT&QLSV, các Khoa chịu trách nhiệm tổ chức các hoạt động tư vấn việc làm cho người học.

Hằng năm, Trường ban hành kế hoạch và triển khai các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập của người học.

Khoa KT-QLCN có kế hoạch và triển khai nhiều hoạt động tư vấn, hỗ trợ việc làm cho người học. Kết quả sát ý kiến của SV, cựu NH cho thấy trên 85 % số NH, cựu NH tốt nghiệp được khảo sát hài lòng về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm của Trường.

3. Điểm tồn tại

Vẫn còn một số hoạt động phong trào chưa thu hút đông đảo NH tham gia.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Phòng CTCT&QLSV phối hợp Đoàn TN, Hội SV, các Khoa đổi mới hình thức tổ chức các hoạt động phong trào nhằm thu hút đông đảo SV tham gia, góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của NH.	Khoa KT-QLCN Phòng CTCT&QLSV Đoàn TN Hội SV	Hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường và Khoa KT-QLCN tăng cường nhiều hoạt động tư vấn, hỗ trợ việc làm cho người học.	Khoa KT-QLCN Phòng CTCT&QLSV CVHT	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân NH

1. Mô tả hiện trạng

Khoa KT-QLCN luôn tạo môi trường học tập thoải mái thân thiện, tạo không khí

làm việc để GV, NV và NH thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Cơ sở đào tạo của Khoa KT-QLCN được bố trí tại cơ sở I. Trên diện tích 96 m², Trường và Khoa đã ban hành bộ Quy tắc ứng xử cho SV, trong đó nhấn mạnh đến quy tắc ứng xử của SV đối với GV, NV và trang phục, tác phong trong môi trường sư phạm tạo nề nếp, trật tự, quy định trong Trường. Thông qua giao tiếp lịch sự, tôn trọng của Ban chủ nhiệm Khoa, GV, giáo vụ Khoa với NH tạo ra môi trường thân thiện, gần gũi với NH khiến NH thêm tin yêu và tự hào về Khoa, Trường (Quyết định số 903/QĐ-BGDDĐT ngày 31/3/2020, Kế hoạch số 140/KH-ĐHKTCN ngày 18/02/2023 tăng cường công tác xây dựng văn hóa học đường tại Trường ĐH KTCN CT) [H8.08.05.01], [H8.08.05.02]. Trường và Khoa thành lập các CLB ngoại khóa với những hoạt động sôi nổi để thu hút sự tham gia của NH. Thông tin về các CLB được đăng trên website của nhà trường để SV dễ dàng tìm hiểu. Khoa chú trọng triển khai các hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua nhằm tạo sân chơi và rèn luyện sau giờ học trên giảng đường cho NH, thu hút sự tham gia nhiệt tình và tích cực của NH ngành KTHTCN. Công đoàn Trường phối kết hợp với các phòng ban khác trong Trường tổ chức các hoạt động xã hội, từ thiện và thu hút sự tham gia của NV, GV để chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho NV, GV, luôn đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục, xây dựng đội ngũ NV, GV... Tổ trưởng Công đoàn Khoa cùng với Ban chủ nhiệm Khoa cải thiện điều kiện việc làm, chăm lo đời sống cho NV, GV trong Khoa. Thu hút NV, GV tham gia các hoạt động do Công đoàn Trường phát động. Trường phối hợp với cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Cần Thơ tổ chức khám sức khỏe cho các tân SV thuộc Trường. Theo thống kê hàng năm, 100% SV của Trường tham gia bảo hiểm y tế học đường [H8.08.05.03], [H8.08.05.04].

Cảnh quan sư phạm của Trường sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thuận lợi cho GV, NV và NH về điều kiện học tập, sinh hoạt trong khuôn viên trường có nhiều cây xanh, hoa, ghế đá, mái che nắng, tạo môi trường thoải mái, mát mẻ, thân thiện cho NH. Cantin trong khuôn viên trường để phục vụ cho GV, NV và NH [H8.08.05.06], [H8.08.5.07], [H8.08.5.08]. Bộ phận y tế học đường trực thuộc Phòng CTSV phụ trách việc chăm sóc sức khỏe cho GV và NH [H8.08.05.05]. Thư viện lớn với các phòng làm việc khép kín tạo điều kiện cho NH làm việc nhóm. Tại khu vực Văn phòng Khoa KT-QLCN Ban chấp hành Chi Đoàn khoa phụ trách nội bảng thông tin cho SV trước văn phòng Khoa với nội dung và hình ảnh được trang trí phong phú, sinh động, cập nhật các sự kiện trong năm học. Hằng năm, Trường tổ chức kiểm tra về công tác phòng cháy chữa cháy, an toàn học đường và vệ sinh an toàn thực phẩm để đảm bảo xây dựng một môi trường học tập tốt nhất cho NH [H8.08.05.09], [H8.08.05.10], [H8.08.05.11].

Để đánh giá sự hài lòng của người học về môi trường tâm lý, xã hội, cảnh quan... hàng năm, Khoa và Trường đã lấy ý kiến trực tiếp của người học thông qua các buổi đối thoại NH, các buổi sinh hoạt lớp [H8.08.05.12]. Ngoài ra, Trường tiến hành khảo sát

dạng phiếu để lấy ý kiến của người học được khách quan hơn về môi trường học tập, điều kiện học tập và hoạt động ngoại khóa để từ đó những giải pháp điều chỉnh, cải tiến môi trường cảnh quan học tập tốt nhất cho người học. Khảo sát ý kiến của CBVC về môi trường tâm lý, môi trường làm việc thực hiện trong năm 2019 cho thấy mức độ hài lòng ở hầu hết các các tiêu chí đạt trên 70%: hài lòng về mức lương, bổng và phúc lợi xã hội là 77,63%; hài lòng với cấp quản lý trực tiếp là 74,71%; hài lòng với đồng nghiệp là 88,21%; mức độ hài lòng về công việc là 86,79%; hài lòng đối với điều kiện hỗ trợ giảng dạy, nghiên cứu được đánh giá ở mức thấp nhất là 67,45% (Báo cáo khảo sát ý kiến CBVC về môi trường làm việc tháng 5/2020). Trong các báo cáo khảo sát CB, GV, NV về lĩnh vực hoạt động của Trường năm 2020, 2021 cho thấy mức độ hài lòng về môi trường tâm lý, XH, môi trường làm việc được cải thiện hơn (năm 2020: 85,3% và năm 2021: 84,5%). Kết quả khảo sát NH cho thấy mức độ hài lòng của NH được cải thiện dần từ năm 2021 đến năm 2022, cụ thể: 75% (năm 2021) và 75,7% (năm 2022) NH hài lòng về môi trường tâm lý, XH, môi trường làm việc; 74% (năm 2021) và 76,2% (năm 2022) NH hài lòng về cảnh quan SP sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn tạo sự thuận lợi cho tất cả các đối tượng trong trường; 69% (năm 2021) và 72,2% (năm 2022) NH hài lòng với môi trường, cảnh quan (khu vui chơi, giải trí, căn tin, nhà xe,...) (Báo cáo khảo sát SV về các lĩnh vực hoạt động của Trường tháng 12/2021 và tháng 11/2022). Ý kiến đánh giá của cựu NH về môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc đạt trên 75% (Theo báo cáo kết quả khảo sát tháng 12/2021 và tháng 3/2023 của Trường) [H8.08.05.13].

2. Điểm mạnh

Với phương châm “Tất cả vì Sinh viên thân yêu!”, Trường luôn tạo môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái, để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu.

Đảng ủy, BGH Trường luôn quan tâm xây dựng môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho NH.

Trường phân công trách nhiệm cụ thể các đơn vị xây dựng môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.

Trường có hợp đồng thuê Công ty TNHH một thành viên XD-TM-DV Thành Đồng, Công ty CP ĐTPT Giáo dục TPN để chăm lo cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thuận lợi cho tất cả các đối tượng trong toàn Trường.

Nhà trường có môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan sư phạm sạch sẽ, an toàn, tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.

3. Điểm tồn tại

Không gian sinh hoạt chung còn hạn chế so với nhu cầu của GV, SV.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Trường tích cực đề nghị UBND thành phố Cần Thơ đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng Cơ sở II tại phường Long Tuyền, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.	Khoa KT-QLCN Và các đơn vị liên quan	Hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường và Khoa KT-QLCN đẩy mạnh hơn môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái, để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu.	Khoa KT-QLCN Phòng CTCT&QLSV Phòng QT-TB	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 8

Những điểm mạnh nổi bật

Trường và Khoa KT-QLCN xây dựng đề án tuyển sinh, điều chỉnh và cập nhật các chính sách tuyển sinh, phương thức tuyển sinh đúng với quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT, đồng thời phù hợp với thực tiễn. Trường đã xây dựng Kế hoạch tuyển sinh hằng năm để thực hiện Đề án. Tiêu chí và phương thức tuyển sinh được xác định rõ ràng, được rà soát, cải tiến và được công bố rộng rãi, công khai trên cổng thông tin điện tử của Trường và các phương tiện thông tin đại chúng hằng năm. Trường thực hiện chính sách học bổng cho SV để thu hút SV vào Trường. Hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, KQHT, khối lượng học tập của NH, cảnh báo học vụ được nhà trường phân nhiệm cụ thể, rõ ràng tới từng đơn vị và cá nhân. Trường đã ban hành hệ thống văn bản, quy trình, sử dụng phần mềm quản lý ĐT để giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, KQHT, khối lượng học tập của người học. Trường đã phân công các đơn vị, cá nhân hỗ trợ SV trong học tập và rèn luyện, tư vấn học tập, hoạt động ngoại khoá, hoạt động thi đua, và các dịch vụ hỗ trợ khác ... để giúp cải thiện việc học tập của người học. Nhiều hoạt động tình nguyện, CLB, hỗ trợ SV thực tập và tìm kiếm việc làm được tổ chức. Kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ NH tốt nghiệp có việc làm khá cao và NH, cựu NH hài lòng về lòng về chất lượng hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm của Trường. Cảnh quan môi trường sạch sẽ, an toàn, tạo thuận lợi cho người học, CB, GV và các đối tượng bên ngoài trường đến liên hệ công tác. Nhà trường thực hiện khảo sát ý kiến của CBVC, cựu NH, NH về môi trường, cảnh quan, an ninh trật tự

của nhà trường, mức độ hài lòng của CBVC, NH, cựu NH đạt trên 70%.

Những tồn tại cơ bản

Trường chưa triển khai khảo sát ý kiến các BLQ bên ngoài một cách có hệ thống về chính sách tuyển sinh của Trường. Điểm tuyển sinh đầu vào có cải thiện so với các năm trước, tuy nhiên điểm chất lượng đầu vào ngành KTHTCN vẫn chưa cao như các trường đại học danh tiếng trên địa bàn. Bên cạnh, một số CVHT chưa được tập huấn nâng cao kỹ năng nghiệp vụ. Vẫn còn một số hoạt động phong trào chưa thu hút đông đảo SV tham gia. Không gian sinh hoạt chung, sân thể thao còn hạn chế so với nhu cầu của GV, SV.

Trường chưa lấy ý kiến các BLQ là phụ huynh học sinh khi xây dựng các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh để đánh giá được hiệu quả của công tác tuyển sinh một cách bài bản mà chỉ thông qua phỏng vấn, chưa có chính sách rõ ràng trong việc thu hút học sinh giỏi. Trường chưa chú trọng phân tích tương quan giữa các tổ hợp xét tuyển và phương thức xét tuyển với số SV thi học và chất lượng SV năm 1 để làm cơ sở cho điều chỉnh chính sách và cải tiến công tác tuyển sinh.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn

Có 5/5 tiêu chí đạt điểm 5,0. Mức trung bình của tiêu chuẩn đạt: 5,00 điểm; Số tiêu chí đạt: 5/5; Tỷ lệ số tiêu chí đạt: 100%.

Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu: Cơ sở vật chất và trang thiết bị là những điều kiện cần thiết để triển khai các hoạt động đào tạo ở Trường và Khoa KT-QLCN. Trường cần có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Bên cạnh đó, thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị cũng như hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Ngoài ra, các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng

Trường có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp và đảm bảo tỉ lệ diện tích/NH theo quy định để hỗ trợ các hoạt động đào tạo phục vụ CTĐT ngành KTHTCN theo quy định hiện hành. Trường hiện đang đào tạo nhiều ngành và bậc học với số lượng hơn 5184 SV, với tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục là 1.252,5 ha, cơ sở II là 17,69 ha, trong đó Khoa KT-QLCN có tổng diện tích đất sử dụng là 96 m². Các phòng học phục vụ công việc đào tạo, giảng dạy và học tập

của khoa được bố trí, sắp xếp tại cơ sở I tại số 256 Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Cụ thể, văn phòng Khoa được đặt tại cơ sở I; Phòng thực hành mô phỏng - Logistics; 2 hội trường lớn trên 200 chỗ, 13 phòng học từ 100 - 200 chỗ, 33 phòng học từ 50 - 100 chỗ, 14 phòng học dưới 50 chỗ, 2 phòng học đa phương tiện, 27 phòng làm việc (diện tích 12.199,26 m²); 01 thư viện (diện tích 1554 m²); 42 phòng thí nghiệm thực hành (diện tích 6240 m²). Ngoài ra, một số phòng được bố trí sử dụng chung với Trường như hệ thống phòng học, giảng đường, phòng hội thảo, khu tự học, phòng máy tính, phòng đọc, thư viện ... tổng diện tích sử dụng hiện tại Trường Đại học KTCN Cần Thơ có 28.018 m² đáp ứng được với tỉ lệ 5,4 m² đáp ứng theo Thông tư 24/2015/TT-BGDĐT ngày 23/9/2015, và đủ điều kiện đáp ứng khi Thông tư 01/2024/TT-BGDĐT ngày 05/02/2024 có hiệu lực [H9.09.01.01].

Sơ đồ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng của Nhà trường được niêm yết tại lối ra vào của trường, của khu nhà và từng tầng cụ thể. Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị (bao gồm cả hệ thống chiếu sáng, thông gió, an toàn, ...) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu phục vụ CTĐT. Các thiết bị trên hỗ trợ tối đa cho các công tác hành chính, công tác tiếp sinh viên và giải quyết học vụ, tiếp đón các đoàn khách đến công tác tại Khoa, Trường. Về hệ thống phòng học, cũng như các khoa khác trực thuộc Trường đều sử dụng chung cơ sở vật chất của Trường dưới sự điều phối chính của Phòng ĐT. Khoa KT-QLCN sử dụng hệ thống phòng học tại cơ sở chính đảm bảo chức năng của một phòng học tiêu chuẩn; đảm bảo tốt chất lượng cho công tác dạy và học, hệ thống phòng học của Trường. Các phòng học đều được trang bị đầy đủ như hệ thống máy chiếu, âm thanh, chiếu sáng, mạng wifi... thiết kế có nhiều cửa sổ, đảm bảo thông gió, ánh sáng tự nhiên và thiết bị PCCC đảm bảo an toàn cho quá trình dạy và học [H9.09.01.02]. Bên cạnh đó, Phòng QT-TB phối hợp các đơn vị triển khai sổ theo dõi sử dụng phòng thực hành, phòng máy tính, mượn và trả trang thiết bị của Trường. Trên cơ sở đó, hằng năm, Phòng QT-TB thực hiện báo cáo theo dõi, đánh giá sử dụng trang thiết bị phục vụ ĐT, NCKH, PVCD của Trường. Tại các dãy phòng học, phòng thực hành, cầu thang máy của Trường luôn có số điện thoại liên lạc khẩn để GV, SV liên hệ trong trường hợp cần sự hỗ trợ của cán bộ, nhân viên kỹ thuật hoặc sự cố khẩn cấp [H9.09.01.03]. Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Phòng TC-KT tham mưu cho BGH thực hiện báo cáo đánh giá về hiệu quả đầu tư và cải thiện CSVC và cơ sở hạ tầng, các phương tiện dạy và học, các phòng thực hành, thí nghiệm, thiết bị. Ngoài ra, trong báo cáo tổng kết năm học và báo cáo Hội nghị viên chức và người lao động hằng năm của Trường có nội dung đánh giá về hiệu quả đầu tư và sử dụng CSVC và cơ sở hạ tầng, các trang thiết bị phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCD của Trường. Nhằm định hướng phát triển và mở rộng quy mô đào tạo, Trường ban hành Kế hoạch về CSVC

của Trường giai đoạn 2020 - 2025 với các mục tiêu, chỉ tiêu cơ sở hạ tầng của Trường ĐH KTCN CT trong đó tập trung phát triển đầu tư Cơ sở II với 17,72 ha tại phường Long Tuyền, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ, điều chỉnh lại quy hoạch không gian cơ sở đúng theo quy định của Luật Giáo dục đại học, Điều lệ trường đại học và dự kiến di dời về cơ sở mới vào năm 2025. Trong kế hoạch ngân sách hằng năm của Trường luôn dành kinh phí cho đầu tư, bảo trì, nâng cấp CSVC, trang thiết bị dạy học. Trong giai đoạn 2018 - 2023, Trường đã xây dựng mới 02 dãy nhà học 01 trệt 06 lầu, nâng cấp hệ thống wifi, đầu tư bổ sung thiết bị phòng thí nghiệm, đồng thời tiến hành giải phóng mặt bằng Cơ sở II với hơn 5,7 ha trên tổng thể 17,72 ha [H9.09.01.04], [H9.09.01.05].

Trong năm 2023, Trường đã xây dựng phòng thực hành mô phỏng phục vụ cho sinh viên ngành KTHTCN với các phần mềm mô phỏng đáp ứng cho chương trình đào tạo ngành. Nhằm giúp cho SV trong ngành KTHTCN có điều kiện tiếp cận hơn với thực tế, thực hành trực tiếp với công việc ngay khi còn ngồi trên ghế giảng đường, dễ dàng bắt nhịp với công việc sau khi tốt nghiệp ra trường. Trường đã trang bị phòng thực hành mô phỏng - Logistics [H9.09.01.06].

Với phương châm lấy người học làm trung tâm, Trường rất chú trọng việc phục vụ cho người học. Những năm qua, Trường và khoa ... thường xuyên phối hợp với các phòng ban chức năng trong trường tổ chức hội nghị đối thoại với SV cũng như lấy ý kiến phản hồi của người học về cơ sở vật chất và trang thiết bị. Kết quả thu được từ các hội nghị đối thoại và khảo sát này là cơ sở để Khoa và Trường đầu tư mạnh mẽ hơn vào việc nâng cấp, cải thiện cơ sở vật chất để phục vụ người học ngày càng tốt hơn [H9.09.01.07].

2. Điểm mạnh

Trường có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp và đảm bảo tỉ lệ diện tích/người học theo quy định để hỗ trợ các hoạt động đào tạo phục vụ CTĐT ngành KTHTCN theo quy định hiện hành.

Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị (bao gồm cả hệ thống chiếu sáng, thông gió, an toàn,...) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu phục vụ CTĐT ngành KTHTCN.

Hằng năm, Trường dành kinh phí cho hoạt động nâng cấp CSVC và trang thiết bị cho phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng nhằm phục vụ hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ.

3. Điểm tồn tại

Do những khó khăn về giải phóng mặt bằng nên việc phát triển đầu tư Cơ sở II với 17,72 ha tại phường Long Tuyền, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ bị chậm so với tiến độ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Trường tích cực làm việc với UBND thành phố Cần Thơ đẩy nhanh việc giải phóng mặt bằng và đầu tư xây dựng Cơ sở II với 17,72 ha tại phường Long Tuyền, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.	Khoa KT-QLCN Và các đơn vị liên quan	Hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường và Khoa KT-QLCN cải tiến hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp và đảm bảo tỉ lệ diện tích/người học theo quy định để hỗ trợ các hoạt động đào tạo phục vụ CTĐT ngành KTHTCN theo quy định hiện hành.	Khoa KT-QLCN Phòng QT-TB	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ liên kết đào tạo, Trung tâm Đại học Tại chức (tiền thân của Trường ĐH KTCN CT) thành lập bộ phận Thư viện và giao nhiệm vụ quản trị nguồn lực học tập để phục vụ nhu cầu học tập của các sinh viên các trường liên kết đào tạo. Sau khi thành lập Trường, căn cứ tình hình và điều kiện hoạt động thực tế của Trường, Trường bố trí Thư viện trực thuộc Phòng Đào tạo từ năm 2013 - 2016; trực thuộc Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm từ 2017 - 2018 và từ 2019 đến hiện nay, Thư viện trực thuộc Phòng QLKH-HTQT. Các mục tiêu, chỉ tiêu đầu tư về thư viện và nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến được thể hiện trong Đề án thành lập Trường, Chiến lược phát triển trường giai đoạn 2020 - 2025 định hướng đến năm 2030 và các kế hoạch năm học đã được ban hành. Đồng thời, các nội dung tăng cường nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến còn được thể hiện trong Kế hoạch về CSVC của Trường giai đoạn 2018 - 2020 và 2020 - 2025. Thư viện Trường tọa lạc tại tòa nhà có 2 tầng, với diện tích hơn 1554m². Tầng trệt gồm kho sách, phòng đọc được trang bị máy lạnh, khu vực tra cứu OPAC được trang bị 10 máy vi tính, khu vực để báo, tạp chí và luận văn, tiểu luận tốt nghiệp của sinh viên chính quy. Tầng một có 01 phòng máy tính với 40 máy, 01 phòng hội thảo và 01 phòng thảo

luận.[H9.09.02.01].

Trường ban hành nội quy của Thư viện, gửi đến các đơn vị để thông báo, phổ biến CB, GV, NV, SV biết và thực hiện. Thư viện Trường áp dụng các quy trình nghiệp vụ trong quản trị nguồn lực học tập của Trường. Hằng năm, Thư viện Trường tiến hành kiểm kê nguồn tài liệu học tập của Trường. Bên cạnh đó, Thư viện sử dụng sổ theo dõi bạn đọc, quản lý nguồn lực học tập cũng như sử dụng các dịch vụ của thư viện. Trên cơ sở đó, hằng năm, Thư viện Trường thực hiện báo cáo, theo dõi, đánh giá các nguồn lực học tập cũng như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến. Ngoài ra, trong báo cáo tổng kết năm học và báo cáo Hội nghị viên chức và người lao động hằng năm của Trường có nội dung đánh giá về hiệu quả đầu tư và sử dụng nguồn lực học tập của Trường. Thư viện, phòng đọc có nội quy và các các trang thiết bị để hoạt động nhằm đảm bảo được công suất sử dụng tối đa hiệu quả của thư viện, phòng đọc của Trường, như chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính bàn, thiết bị quét thẻ sinh viên, phần mềm tra cứu... Thư viện triển khai các hoạt động tập huấn như giới thiệu thư viện trong tuần sinh hoạt HSSV đầu khóa, hướng dẫn kỹ năng tra cứu thông tin và sử dụng thư viện cho SV, cung cấp thông tin hướng dẫn sử dụng, chỉ dẫn tra cứu các cơ sở dữ liệu trên website nhằm giúp người đọc khai thác và sử dụng hiệu quả nguồn tài liệu và các dịch vụ hiện có [H9.09.02.02], [H9.09.02.03].

Hiện tại, Thư viện Trường có 7.064 đầu sách, đề tài khoa học, luận văn tiểu luận tốt nghiệp với 19.652 bản; bản tin khoa học: 7.000; 5 loại báo, tạp chí, 01 CSDL trực tuyến nhằm phục vụ và đáp ứng hoạt động động ĐT, NCKH, PVCD của Trường. Bên cạnh đó, Thư viện Trường thiết lập mối quan hệ liên kết với Thư viện của Trường Đại học Cần Thơ để tiếp nhận nhiều sách và CSDL trực tuyến. Với số lượng sách, giáo trình, tài liệu tham khảo hiện có, Thư viện Trường đảm bảo nguồn học liệu cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT ngành KTHTCN [H9.09.02.04], [H9.09.02.05]. Nhằm học tập chia sẻ kinh nghiệm và nâng cao năng lực của cán bộ nhân viên của Trung tâm, hằng năm, Trường thường xuyên cử cán bộ, nhân viên của Trung tâm học liệu tham gia các hội thảo, hội nghị về Thư viện, các lớp tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ. Hằng năm, nhằm mở rộng nguồn tài liệu phục vụ cho công tác dạy học và NCKH, Thư viện gửi thông báo về việc bổ sung nguồn tài liệu phục vụ hoạt động giảng dạy và học tập, NCKH đến các Khoa. Căn cứ đề xuất của các khoa về dự kiến nhu cầu nguồn tài liệu phục vụ hoạt động giảng dạy và học tập, NCKH, Thư viện tổng hợp kế hoạch đầu tư, bảo trì và mua sắm các nguồn lực học tập, trình Hiệu trưởng phê duyệt và triển khai thực hiện. Hằng năm, Phòng TC-KT tham mưu BGH dự toán kinh phí cho việc mua sắm, đầu tư, bảo trì các nguồn lực học tập của Trường. Trường đầu tư thư viện số phục vụ hoạt động giảng dạy và học tập, NCKH của Trường. Bên cạnh đó Trường cũng giành kinh phí để mua CSDL trực tuyến nhằm phục vụ hoạt động giảng dạy và học tập, NCKH của GV

và SV. Trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường, Quy định chế độ làm việc của GV và Quy định biên soạn, chọn lựa giáo trình của Trường có quy định chế độ khuyến khích GV biên soạn và xuất bản giáo trình Thư viện số trường ĐH KTCN CT. Trong giai đoạn 2018 - 2023, hằng năm, Thư viện Trường cập nhật, bổ sung giáo trình, tài liệu, sách tham khảo. Số lượng tài nguyên thông tin (bao gồm giáo trình, sách, tài nguyên thông tin số, tài liệu nội sinh...) phục vụ giảng dạy, học tập, tham khảo đáp ứng Thông tư 14/2023/TT-BGDĐT ngày 17/7/2023 [H9.09.02.06], [H9.09.02.07].

Trường đầu tư phần mềm quản lý thư viện, trên cơ sở đó, Thư viện thực hiện lưu trữ CSDL về nguồn lực học tập và dữ liệu theo dõi, đánh giá hiệu quả sử dụng các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến. Bên cạnh đó, Thư viện triển khai thực hiện sổ góp ý để tiếp thu ý kiến bạn đọc. Hằng năm, Thư viện Trường phối hợp các đơn vị triển khai kế hoạch khảo sát các BLQ trong trường, trong đó có nội dung khảo sát mức độ đáp ứng của các nguồn lực học tập đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCD của Trường. Trong giai đoạn 2015 - 2019, ý kiến của CB, GV, NV, SV hài lòng về mức độ đáp ứng của các nguồn lực học tập của Trường đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCD. Định kỳ hằng năm, Phòng QT-TB phối hợp các đơn vị tiến hành kiểm kê tài sản, cơ sở vật chất, trang thiết bị, trong đó có kiểm kê nguồn lực học tập phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCD và dựa trên kết quả kiểm kê, rà soát, đánh giá hằng năm về các nguồn lực học tập phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCD, Trường áp dụng nhiều biện pháp tăng cường, bổ sung nguồn lực học tập phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCD của Trường và được thể hiện trong kế hoạch năm học. Qua thống kê kinh phí đầu tư, mua sắm hằng năm của Phòng TC-KT, Trường chi cho việc tăng cường, bổ sung nguồn lực học tập tăng qua từng năm [H9.09.02.08].

2. Điểm mạnh

Trường đầu tư nâng cấp thư viện, trang bị phòng đọc máy lạnh, phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT. Trường ban hành nội quy, quy định, hướng dẫn sử dụng thư viện, thư viện số và các trang thiết bị.

Thư viện Trường có đủ học liệu bao gồm giáo trình, tài liệu, sách tham khảo phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT ngành KTHTCN. Nguồn học liệu (giấy và điện tử, CSDL trực tuyến) phù hợp, đầy đủ và được cập nhật, đảm bảo phục vụ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu, định kỳ được bổ sung. Tài liệu học tập và nghiên cứu được cung cấp đầy đủ theo từng học kỳ bao gồm cả nguồn bên ngoài và nội sinh của trường.

Hằng năm, Trường dành kinh phí chi cho việc mua sắm, bổ sung nguồn học liệu của Thư viện. Thư viện Trường có đầy đủ sổ sách, dữ liệu theo dõi về hoạt động của thư viện để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

3. Điểm tồn tại

Số lượng giáo trình, tài liệu tham khảo do GV biên soạn còn hạn chế. Công tác liên kết với các các tổ chức Thông tin - Thư viện trong và ngoài nước chưa được phát triển đúng tiềm lực.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, tiếp tục đề xuất đầu tư kinh phí, trang bị hạ tầng đủ tiêu chuẩn kết nối với các trung tâm thư viện lớn trong và ngoài nước. Trường tăng cường áp dụng các chế độ động viên, khuyến khích GV biên soạn giáo trình, tài liệu tham khảo. Bên cạnh đó sẽ tăng cường liên kết sử dụng chung cơ sở dữ liệu; xây dựng kế hoạch tham gia làm thành viên các tổ chức, hiệp hội lớn về thư viện, các trung tâm chuyên đào tạo ngành KTHTCN trong nước và quốc tế.	Khoa KT-QLCN Phòng QT-TB Phòng TC-KT Thư viện	Hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường cải tiến đầu tư nâng cấp thư viện, bố trí phòng đọc, phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT. Thư viện tiếp tục kết nối chặt chẽ với các Khoa trong vấn đề bổ sung, cập nhật tài liệu tham khảo về chuyên ngành đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu.	Khoa KT-QLCN Phòng QT-TB Phòng TC-KT Thư viện	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng

Trường hiện có 42 phòng thí nghiệm, phòng thực hành với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu, đáp ứng yêu cầu của ngành học và các trang thiết bị cần thiết cho hoạt động giảng dạy và nghiên cứu của GV, NH các ngành

đào tạo của Trường trong đó có ngành KTHTCN. Trong năm 2023, Trường đã đầu tư và trang bị một phòng thực hành mô hình hóa mô phỏng Logistics với 10 máy tính cấu hình cao và các phần mềm bản quyền để phục vụ các ngành học của Khoa, trong đó, có ngành KTHTCN [H9.09.03.01]. Các phòng thí nghiệm, thực hành được trang bị các thiết bị hiện đại phục vụ cho việc học tập, giảng dạy và nghiên cứu gắn liền với thực tế thiết kế và bố trí khoa học, có sơ đồ hệ thống đáp ứng được các tiêu chuẩn về phòng thí nghiệm, thực hành. Bên cạnh đó, Nhà trường hiện có khoảng 320 máy tính, 13 máy chiếu, 41 tivi thông minh đảm bảo hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của các Khoa đào tạo CTĐT nói chung và Khoa KT-QLCN nói riêng. Các phòng thí nghiệm, phòng thực hành của Nhà trường được bố trí phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của GV và NH. Khoa cũng được Trường giao trọng trách thực hiện các công việc giảng dạy, đào tạo và hỗ trợ hoạt động NCKH [H9.09.03.02], [H9.09.03.03], [H9.09.03.04]. Để đảm bảo cho hoạt động giảng dạy và nghiên cứu, hàng năm Trường luôn có kế hoạch sửa chữa, bảo trì bảo dưỡng trang thiết bị. Đồng thời Trường cũng có kế hoạch bổ sung, mua mới dụng cụ, máy móc, thiết bị hàng năm dựa trên dự trù và đề xuất của các Khoa [H9.09.03.05].

Trong phòng thí nghiệm có Tài liệu hướng dẫn, quy định của phòng thực hành, thí nghiệm rõ ràng, chính xác, dễ thực hiện. Có nội quy riêng của phòng thí nghiệm thực hành trực thuộc Khoa [H9.09.03.06]. Để theo dõi tình hình giảng dạy cũng như việc sử dụng, thực trạng trang thiết bị, Phòng QT-TB sử dụng Sổ theo dõi/ nhật ký sử dụng trang thiết bị; Sổ nhật ký theo dõi tình hình giảng dạy tại các phòng; Sau mỗi buổi học hoặc sử dụng trang thiết bị thí nghiệm, đều phải ghi sổ nhật ký sử dụng [H9.09.03.07]. Phòng QT-TB và Khoa đều có cán bộ phụ trách phòng, thiết bị riêng. Để đảm bảo quản lý, vận hành và khai thác hiệu quả trang thiết bị phòng thí nghiệm, phòng thực hành ngành KTHTCN, trên cơ sở đề xuất của Khoa KT-QLCN, Trường phân công các GV khoa kiêm nhiệm trợ lý phụ trách phòng thí nghiệm, phòng thực hành và giao nhiệm vụ theo dõi, quản lý và đánh giá hiệu quả sử dụng các trang thiết bị [H9.09.03.08], [H9.09.03.09], [H9.09.03.10], [H9.09.03.11].

Để đánh giá mức độ đáp ứng về hoạt động giảng dạy thí nghiệm thực hành hàng năm Trường có tổ chức đối thoại SV. Để kịp thời cập nhật và sửa chữa các phòng thực hành, thí nghiệm và các trang thiết bị, Khoa tiến hành phát phiếu khảo sát ý kiến của SV về phòng thực hành, thí nghiệm và các trang thiết bị ở mỗi học kỳ. Đây là cơ sở để Khoa điều chỉnh và định hướng đầu tư các phòng thực hành, thí nghiệm và các trang thiết bị trong các học kỳ tiếp theo. Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Phòng QT-TB có trách nhiệm xây dựng CSDL theo dõi, đánh giá hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất và hạ tầng các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị đối với từng loại hình đào tạo, NCKH và PVCD Để đánh giá sự hài lòng của CB, GV, SV về CSVC

và trang thiết bị của Trường trong giai đoạn 2018 - 2023, Trường ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các BLQ, trong đó có nội dung khảo sát mức độ đáp ứng của CSVC, trang thiết bị của Trường đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCD. Trong giai đoạn 2018 - 2023, ý kiến của CB, GV, NV, NH hài lòng về mức độ đáp ứng CSVC, trang thiết bị của Trường đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCD. Theo kết quả khảo sát sự hài lòng của GV, NH về CSVC (hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng về việc trang thiết bị, hệ thống chiếu sáng, thông gió, an toàn và phù hợp các hoạt động giảng dạy và NCKH) có tỷ lệ từ 62,2% đến 82%; Phòng thực hành, thí nghiệm đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCD từ 62,5% - 78% (Báo cáo kết quả khảo sát qua các năm). Định kỳ hằng năm thông qua kết quả kiểm kê, rà soát, đánh giá hằng năm về CSVC và cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCD, Phòng QT-TB phối hợp các phòng, khoa, trung tâm tham mưu BGH và đề xuất Trường áp dụng nhiều biện pháp tăng cường, cải thiện CSVC, cơ sở hạ tầng và trang thiết bị phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCD của Trường và được thể hiện trong kế hoạch năm học [H9.09.03.12], [H9.09.03.13].

2. Điểm mạnh

Trường đầu tư, mua sắm đảm bảo có đủ phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu của CTĐT ngành KTHTCN. Phòng thí nghiệm, thực hành của Trường được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Hằng năm, Trường tiến hành kiểm kê tài sản, rà soát, đánh giá trang thiết bị trong phòng thí nghiệm, phòng thực hành để có kế hoạch duy tu, bảo dưỡng và cập nhật, nâng cấp để đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu. Trường có phân công cụ thể người phụ trách phòng thí nghiệm, thực hành và ở mỗi phòng thí nghiệm, thực hành đều có hồ sơ theo dõi, quản lý và đánh giá hiệu quả việc sử dụng các trang thiết bị.

Trong giai đoạn 2018 - 2023, hằng năm, Trường đầu tư, nâng cấp, bổ sung trang thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của các CTĐT nói chung và CTĐT ngành KTHTCN nói riêng.

3. Điểm tồn tại

Do khó khăn về kinh phí nên việc mua sắm mới các trang TB hiện đại còn chậm so với tiến độ. Nhiều ý kiến phản hồi của NH về CSVC chưa được kịp thời cập nhật.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm	Từ năm học 2024 - 2025, Trường bổ sung trang thiết bị hiện đại phục vụ hoạt động đào tạo và	Khoa KT-QLCN Phòng QT-TB	Hằng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
	tồn tại	nghiên cứu của CTĐT ngành KTHTCN. Phối hợp với các phòng chức năng tiến hành báo cáo phân tích chi tiết khảo sát hiệu quả sử dụng phòng thí nghiệm, thực hành theo công năng và hạng mục sử dụng. Đồng thời tăng cường theo dõi tình trạng sử dụng, nghiên cứu nhu cầu sử dụng phòng thí nghiệm, thực hành và TTB để có những bổ sung, cải tiến kịp thời.	Phòng TC-KT Phòng TT-PC-KT-ĐBCL		
2	Phát huy điểm mạnh	Trường tăng cường kinh phí đầu tư, mua sắm đảm bảo có đủ phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu của CTĐT cho ngành ĐT.	Khoa KT-QLCN Phòng QT-TB Phòng TC-KT Thư viện	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 9.4. Hệ thống CNTT (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng

Ngay sau khi thành lập trường, năm 2013, Trường xây dựng hạ tầng CNTT và truyền thông phục vụ cho đào tạo của Trường, trong đó có đầu tư mua sắm hệ thống phần mềm quản lý giáo dục, máy chủ, thiết bị kết nối mạng,... và giao cho Ban Quản trị hệ thống thông tin là đơn vị chuyên trách phụ trách về CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT để khai thác và vận hành máy chủ, hạ tầng mạng, các phần mềm quản lý giáo dục, các trang thông tin điện tử, trang hành chính điện tử, hệ thống Email và xây dựng kế hoạch, bảo trì, kiểm soát, nâng cấp các thiết bị CNTT (Quyết định số 802/QĐ-ĐHKTCN ngày 06/12/2022 thành lập Ban Quản trị Cơ sở dữ liệu Trường ĐH KTCN CT; Bản mô tả công việc và khung năng lực của Ban Quản trị HTTT Trường ĐH KTCN CT) [H9.09.04.01]. Trong Đề án thành lập Trường, Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2020 - 2025 định hướng đến năm 2030 cũng như kế hoạch năm học đã được ban hành và thực hiện luôn luôn có các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể về thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập. Bên cạnh đó, kế hoạch về CSVC giai đoạn 2020 - 2025 có các nội dung về tăng cường thiết bị

CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT, đặc biệt năm học 2021 - 2022 Trường triển khai hệ thống học tập trực tuyến Elearning phục vụ công tác giảng dạy và đánh giá kết quả học tập. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm, hệ thống mạng Internet, trang thông tin điện tử, ...) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu [H9.09.04.02]. Trong giai đoạn đánh giá, hoạt động học tập trực tuyến, SV được sử dụng máy tính có kết nối internet và tích hợp phần mềm CNTT đáp ứng tốt nhu cầu tra cứu thông tin và tham gia các kỳ thi online. Năm 2021, Khoa triển khai đào tạo E-Learning các học phần trong giai đoạn dịch bệnh, đến nay vẫn tiếp tục được duy trì [H9.09.04.03].

Hàng năm, để chuẩn bị xây dựng kế hoạch đầu tư, mua sắm trang thiết bị, Phòng QT-TB gửi công văn đến các đơn vị về việc đề xuất nhu cầu về trang thiết bị CNTT phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCD. Tổng hợp các đề xuất của các đơn vị và dự kiến nhu cầu thực tiễn về thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập, Phòng QT-TB tham mưu BGH duyệt kế hoạch đầu tư, nâng cấp, bảo trì thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập và triển khai thực hiện]. Hàng năm, Trường luôn dành kinh phí cho hoạt động trang bị, nâng cấp, bảo trì thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập. Căn cứ chức năng và nhiệm vụ được giao, Ban Quản trị hệ thống tham mưu BGH ban hành văn bản quy định về việc sử dụng CNTT, trong đó có quy định rõ về cơ chế bảo mật và quyền truy cập. Trường thông báo Quy định về việc sử dụng CNTT đến các đơn vị để phổ biến CB, GV, NV, SV thực hiện. Trường cấp địa chỉ email công vụ cho tất cả CB, GV, NV, SV và yêu cầu sử dụng trong quá trình trao đổi công việc nhằm đảm bảo tính bảo mật của thông tin [H9.09.04.04]. Bên cạnh đó, Trường trang bị các phần mềm diệt virus và giao Ban Quản trị hệ thống phối hợp các đơn vị thường xuyên cập nhật chương trình diệt virus có bản quyền để bảo đảm các trang thiết bị CNTT và hạ tầng CNTT của Trường và máy tính tại phòng làm việc của đơn vị. Trường trang bị ổ cứng di động để Ban Quản trị hệ thống thường xuyên sao lưu dữ liệu, đồng thời máy chủ có cơ chế sao lưu dữ liệu tự động theo định kỳ. Đối với hệ thống mạng, Trường hợp đồng với công ty viễn thông VNPT, Viettel để cung cấp hệ thống mạng và phủ sóng cho toàn Trường. Trong giai đoạn 2018 - 2023, Trường đầu tư mới hệ thống wifi sử dụng cho toàn Trường, đồng thời nâng cấp thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT. Ngoài ra, hàng năm, Trường luôn triển khai công tác bảo trì trang thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của Trường [H9.09.04.05], [H9.09.04.06].

Kết thúc năm tài chính, Phòng QT-TB phối hợp với Ban Quản trị hệ thống tiến hành triển khai kiểm kê số lượng trang thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT như máy chủ, hạ tầng mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập hạ tầng CNTT và

truyền thông của Trường. Bên cạnh đó, Phòng QT-TB phối hợp các đơn vị triển khai sổ theo dõi sử dụng trang thiết bị CNTT của Trường và trên cơ sở đó, hằng năm Phòng QT-TB thực hiện báo cáo theo dõi, đánh giá sử dụng các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT phục vụ cho hoạt động ĐT, NCKH, PVCD của Trường. Bên cạnh đó, Phòng TC-KT đánh giá về hiệu quả đầu tư và cải thiện các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT. Ngoài ra, trong báo cáo tổng kết năm học và báo cáo Hội nghị viên chức và người lao động hằng năm của Trường có nội dung đánh giá về hiệu quả đầu tư và sử dụng các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCD của Trường.

Hằng năm, Trường ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các BLQ, trong đó có nội dung khảo sát mức độ đáp ứng của các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của Trường đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCD. Trong giai đoạn 2018 - 2023, ý kiến của GV, SV hài lòng về mức độ đáp ứng của các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của Trường đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCD. Ngoài ra, ý kiến của GV tại Hội nghị viên chức và người lao động hằng năm và ý kiến của SV tại diễn đàn đối thoại giữa BGH với SV hằng năm thể hiện sự hài lòng của hệ thống CNTT của Trường đối với hoạt động ĐT và nghiên cứu [H9.09.04.07].

2. Điểm mạnh

Trường đầu tư hạ tầng CNTT và truyền thông (bao gồm hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm, hệ thống mạng Internet, trang thông tin điện tử, ...) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Trường thành lập Ban Quản trị HTTT và giao nhiệm vụ vận hành, khai thác, hướng dẫn sử dụng hệ thống CNTT và truyền thông đảm bảo hoạt động ổn định, an toàn để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Hằng năm, Trường luôn rà soát hệ thống CNTT và truyền thông để kịp thời sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng và cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Trường triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của các BLQ, trong đó có nội dung khảo sát mức độ đáp ứng của các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của Trường đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCD.

Trong giai đoạn 2018 - 2023, ý kiến của GV, SV hài lòng về mức độ đáp ứng của các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của Trường đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCD.

3. Điểm tồn tại

Vẫn còn trường hợp SV chưa khai thác tối đa các ứng dụng hiện có trên hệ thống quản lý giáo dục của Trường. Do số lượng người dùng lớn, khối lượng và số lượng các hoạt động nhiều nên có đôi lúc việc truy cập wifi và internet còn chậm.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Trường, Khoa KT-QLCN, CVHT tăng cường hướng dẫn để SV hiểu rõ và khai thác tối đa các ứng dụng hiện có trên hệ thống quản lý giáo dục của Trường. Thường xuyên nâng cấp hệ thống CNTT, nâng cao hơn nữa tốc độ đường truyền giúp cho việc tìm kiếm thông tin và phục vụ hoạt động dạy và học hiệu quả hơn. Tăng cường sử dụng thông tin phản hồi của các BLQ để phục vụ cho việc rà soát, điều chỉnh, cải tiến hệ thống CNTT bên trong.	Khoa KT-QLCN Phòng QT-TB Phòng TC-KT Ban QT HTTT CVHT	Hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường tăng cường đầu tư hạ tầng CNTT và truyền thông (bao gồm hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm, hệ thống mạng Internet, trang thông tin điện tử, ...) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	Khoa KT-QLCN Phòng QT-TB Phòng TC-KT Ban QT HTTT	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật

1. Mô tả hiện trạng

Căn cứ các văn bản pháp quy của Nhà nước về môi trường, sức khỏe, an toàn trong cơ sở giáo dục như: Nghị định quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường (Nghị định số 80/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017); Thông tư ban hành Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy (Thông tư 10/2016/TT-BGDĐT ngày 05/4/2016), Trường đã ban hành các quy định, tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn theo quy định hiện hành. Các quy định, tiêu chuẩn được ban hành nhằm đảm bảo thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe; kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện các nội dung trong công tác Y tế, vệ sinh môi trường, an toàn trong trường học của các đơn vị, GV, NV và NH

[H9.09.05.01].

Trường phân công Phòng TC-HC là đơn vị chịu trách nhiệm về hoạt động quản lý môi trường; Bộ phận Y tế thuộc Phòng CTCT&QLSV chịu trách nhiệm về sức khỏe; Phòng QT-TB chịu trách nhiệm về an toàn của những người có nhu cầu đặc biệt. Các Phòng TC-HC, Phòng CTCT&QLSV, Phòng QT-TB phân công nhân sự của phòng để triển khai và phối hợp triển khai các hoạt động quản lý môi trường, sức khỏe, an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt của Trường (Quyết định số 70/QĐ-HĐT ngày 14/02/2023 phê duyệt Danh mục vị trí việc làm của Trường ĐH KTCN CT; Quyết định số 613/QĐ-ĐHKTCN ngày 29/8/2022 ban hành Quy chế công tác y tế Trường ĐH KTCN CT; Quyết định số 902/QĐ-ĐHKTCN ngày 31/12/2022 quy định về công tác môi trường học tập của Trường ĐH KTCN CT). Hằng năm, các nhân sự quản lý môi trường, sức khỏe, an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt của Trường được cử tham dự các khóa bồi dưỡng, tập huấn, hội nghị, hội thảo về quản lý môi trường, sức khỏe, an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt. Quy định, tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn được triển khai thực hiện trong phạm vi toàn trường. Trường giao nhiệm vụ cho các phòng ban như: Phòng QT-TB, Phòng CCTCT&QLSV, Bộ phận Y tế, Tổ Bảo vệ có chức năng chịu trách nhiệm về môi trường, sức khỏe và an toàn học đường, gồm:

i) *Về môi trường*: GV và NH có điều kiện tham gia đào tạo và nghiên cứu trong khuôn viên trường với nhiều cây xanh, cây cảnh, ghế đá, mái che nắng... tạo cảnh quan thoáng đãng, thoải mái cho GV và NH, tạo môi trường học tập, giảng dạy hiệu quả. Trường đảm bảo vệ sinh khuôn viên trường học thông qua các hợp đồng ký kết với Trường hợp đồng với công ty TNHH một thành viên XD-TM-DV Thành Đồng, Công ty CP ĐTPT Giáo dục TPN để bảo vệ môi trường, an toàn vệ sinh các phòng học, nhà vệ sinh phục vụ cho toàn thể CB, GV, NV, SV của Trường như thu gom rác thải, vệ sinh phòng học và có kế hoạch cải tiến cơ sở vật chất. Bên cạnh đó, Trường quan tâm đến những đối tượng đặc biệt người khuyết tật như thiết kế cơ sở vật chất có khu vực dành riêng cho người khuyết tật (lối đi riêng, khu vực vệ sinh...). Thực hiện theo quy định của Trường về việc miễn, giảm học phí cho SV hệ chính quy tại Trường. Qua đó, SV là người khuyết tật sẽ được xem xét hỗ trợ tùy theo mức độ như: miễn, giảm học phí; miễn giảm một số HP mà SV không đủ năng lực để tham gia học tập. [H9.09.05.02].

ii) *Về sức khỏe*: Bộ phận Y tế tại trường với đầy đủ trang thiết bị, dụng cụ y tế theo quy định của Bộ, các ngành liên quan để sơ cứu khi xảy ra các sự cố về an toàn và sức khỏe.

iii) *Về đảm bảo an toàn, khuôn viên*: Trường có tường rào bao quanh và được lực lượng bảo vệ theo dõi thường xuyên 24/24. Đồng thời, kiểm soát an ninh thông qua các biện pháp như: lắp đặt camera an ninh, theo dõi người ra - vào. Trường phối hợp với

Công an và chính quyền địa phương về việc tập huấn cho lực lượng tự vệ của Trường hằng năm nhằm bảo đảm an ninh, trật tự, đảm bảo đúng theo quy định. Liên quan hoạt động phòng chống cháy nổ, các cơ sở được Trường trang bị trang thiết bị PCCC theo đúng tiêu chuẩn hiện hành và được kiểm tra định kỳ. Đồng thời, Trường phối với Công an PCCC tổ chức nhiều đợt tập huấn, diễn tập PCCC nhằm ứng phó khẩn cấp với các tai nạn cháy nổ [H9.09.05.03], [H9.09.05.04].

Trường thực hiện báo cáo giai đoạn 2018 - 2023 về việc đầu tư cho môi trường, sức khỏe, an toàn của người học và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt. Ngoài ra, việc đánh giá về môi trường, sức khỏe, an toàn của người học và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học và báo cáo Hội nghị viên chức và người lao động hằng năm, Hội nghị đối thoại và gặp gỡ giữa Ban Giám hiệu và sinh viên hàng năm. Phòng CTCT&QLSV là đơn vị thực hiện lưu trữ CSDL về người học có nhu cầu đặc biệt, đồng thời phối hợp Phòng TC-KT lưu trữ dữ liệu theo dõi, đánh giá, cải thiện hiệu quả đầu tư cải tiến môi trường, sức khỏe, an toàn của người học và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt của Trường. Phòng CTCT&QLSV tiến hành thống kê số lượng người học có nhu cầu đặc biệt của Trường. Trong giai đoạn 2018 - 2023, Trường không có người học là những người có nhu cầu đặc biệt [H9.09.05.05], [H9.09.05.06]. Hằng năm, Trường ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các BLQ, trong đó có nội dung khảo sát về môi trường, sức khỏe, an toàn của người học và khả năng tiếp cận của những người học. Trong giai đoạn 2018 - 2023, ý kiến khảo sát của GV, SV Nhà trường hài lòng về môi trường, sức khỏe và an toàn, trong đó có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người học khuyết tật. Qua kết quả báo cáo khảo sát, Trường đã xây dựng các Kế hoạch và triển khai việc cải thiện tiêu chuẩn [H9.09.05.07].

2. Điểm mạnh

Trường quan tâm đến công tác vệ sinh môi trường, sức khỏe và an toàn cho CB, GV, SV, đặc biệt là nhu cầu đặc thù của người học khuyết tật.

Trong giai đoạn 2018 - 2023, Trường và các đơn vị triển khai nhiều hoạt động về môi trường, sức khỏe, an toàn và khả năng tiếp cận của người học có nhu cầu đặc biệt.

Môi trường, sức khỏe, an toàn và khả năng tiếp cận của người học có nhu cầu đặc biệt của Trường được đảm bảo và cải thiện.

Ý kiến khảo sát của GV, SV Nhà trường hài lòng về môi trường, sức khỏe và an toàn, trong đó có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người học khuyết tật.

3. Điểm tồn tại

CSVC của Trường chưa tối đa hóa các tiện ích đối với nhu cầu đặc thù của người học khuyết tật. Không gian xanh trong khu vực làm việc, học tập và các khu vực sinh hoạt chung của trường còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, đối với CSVN tại phường Long Xuyên, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ, Trường tăng cường các tiện ích phù hợp với nhu cầu đặc thù của người học khuyết tật. Trang bị thêm hệ thống cây xanh trong tất cả khu vực, tạo môi trường thân thiện, thoải mái phục vụ tốt cho hoạt động dạy và học. Trường sẽ triển khai đầy đủ các quy định về an toàn, sức khỏe và môi trường đến các BLQ, có lưu ý đến người có nhu cầu đặc biệt. Bên cạnh đó tiến hành thu thập ý kiến cũng như khảo sát các BLQ về môi trường, sức khỏe, an toàn để có những cải tiến, điều chỉnh phù hợp.	Khoa KT-QLCN Phòng CTCT&QLSV Phòng QT-TB Phòng TC-KT	Hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường cải tiến công tác vệ sinh môi trường, sức khỏe và an toàn cho CB, GV, nhân viên, SV, đặc biệt là nhu cầu đặc thù của người học khuyết tật.	Khoa KT-QLCN Phòng CTCT&QLSV Phòng QT-TB Phòng TC-KT	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 9

Những điểm mạnh nổi bật

Trường có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp và đảm bảo tỉ lệ diện tích/người học theo quy định để hỗ trợ các hoạt động đào tạo. Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị (bao gồm cả hệ thống chiếu sáng, thông gió, an toàn, ...) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu phục vụ CTĐT ngành KTHTCN. Thư viện được đầu tư nâng cấp thư viện, trang bị phòng đọc máy lạnh, có nội quy, quy định, hướng dẫn sử dụng thư

viện, thư viện số và các trang thiết bị. Thư viện Trường có đủ học liệu bao gồm giáo trình, tài liệu, sách tham khảo phù hợp phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT. Trường đầu tư, mua sắm đảm bảo có đủ phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu của CTĐT ngành KTHTCN. Phòng thí nghiệm, thực hành của Trường được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Hiện tại, ngành KTHTCN được trang bị một phòng thí nghiệm thực hành với 10 máy tính cấu hình cao và phần mềm có bản quyền. Hằng năm, Trường tiến hành kiểm kê tài sản, rà soát, đánh giá trang thiết bị trong phòng thí nghiệm, phòng thực hành để có kế hoạch duy tu, bảo dưỡng và cập nhật, nâng cấp để đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu. Trường có phân công cụ thể người phụ trách phòng thí nghiệm, thực hành và ở mỗi phòng thí nghiệm, thực hành đều có hồ sơ theo dõi, quản lý và đánh giá hiệu quả việc sử dụng các trang thiết bị. Trường dành kinh phí cho hoạt động nâng cấp CSVC và trang thiết bị cho phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng nhằm phục vụ hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ, và kinh phí cho việc mua sắm, bổ sung nguồn học liệu của Thư viện. Trong giai đoạn 2018 - 2023, Trường đầu tư hạ tầng CNTT và truyền thông (bao gồm hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm, hệ thống mạng Internet, trang thông tin điện tử, ...), thành lập Ban Quản trị HTTT vận hành, khai thác, hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Hằng năm, Trường luôn rà soát hệ thống CNTT và truyền thông để kịp thời sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng và cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Trường triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của các BLQ, trong đó có nội dung khảo sát mức độ đáp ứng của các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của Trường đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ. Trong giai đoạn 2018 - 2023, ý kiến của GV, SV hài lòng về mức độ đáp ứng của các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của Trường đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ.

Trường quan tâm đến công tác vệ sinh môi trường, sức khỏe và an toàn cho CB, GV, SV, đặc biệt là nhu cầu đặc thù của người học khuyết tật. Trong giai đoạn 2018 - 2023, Trường và các đơn vị triển khai nhiều hoạt động về môi trường, sức khỏe, an toàn và khả năng tiếp cận của người học có nhu cầu đặc biệt. Môi trường, sức khỏe, an toàn và khả năng tiếp cận của người học có nhu cầu đặc biệt của Trường được đảm bảo và cải thiện. Ý kiến khảo sát của GV, SV Nhà trường hài lòng về môi trường, sức khỏe và an toàn, trong đó có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người học khuyết tật.

Những tồn tại cơ bản

Những khó khăn về giải phóng mặt bằng nên việc phát triển đầu tư Cơ sở II với 17,72 ha tại phường Long Xuyên, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ bị chậm so với tiến độ. Số lượng giáo trình, tài liệu tham khảo do GV biên soạn còn hạn chế. Do khó khăn về kinh phí nên việc mua sắm mới các trang thiết bị hiện đại còn chậm so với tiến độ. Vẫn còn trường hợp SV chưa khai thác tối đa các ứng dụng hiện có trên hệ thống

quản lý giáo dục của Trường. CSVC của Trường chưa tối đa hóa các tiện ích đối với nhu cầu đặc thù của người học khuyết tật.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn

Có 4/5 tiêu chí đạt 5,0 điểm, 1/5 tiêu chí đạt 4,0 điểm. Mức trung bình của tiêu chuẩn đạt: 4,80 điểm; Số tiêu chí đạt: 5/5; Tỷ lệ số tiêu chí đạt: 100%

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Mở đầu: Sứ mạng của Trường là đào tạo nguồn nhân lực có đạo đức tốt, có chuyên môn cao, có khả năng tiếp cận nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ, đáp ứng nhu cầu phát triển của TP Cần Thơ, vùng ĐBSCL và cả nước. Đến năm 2030, Trường ĐH KTCN CT trở thành trường đại học theo định hướng ứng dụng, quản lý liên ngành kỹ thuật công nghệ phù hợp với xu thế phát triển trong thời kỳ Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Vì vậy, Trường ĐH KTCN CT và Khoa Kinh tế - Quản lý công nghiệp rất chú trọng đến việc nâng cao chất lượng đào tạo. Điều này thể hiện rõ thông qua việc xây dựng hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ để thiết kế và phát triển CTDH đến việc đảm bảo chất lượng trong kiểm tra, đánh giá, áp dụng các kết quả NCKH để cải tiến việc dạy và học cũng như đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, tạo cơ chế phản hồi cho các BLQ.

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH

1. Mô tả hiện trạng

Trường và Khoa có hệ thống thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực khi thiết kế CTDH và phản hồi từ các BLQ (gồm các chuyên gia, nhà quản lý, GV, nghiên cứu viên, NH, nhà tuyển dụng, HĐKH & ĐT cấp Khoa, Trường). Theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường và Quy định về chức năng và nhiệm vụ của các đơn vị, Phòng ĐT là đơn vị tham mưu BGH xây dựng hệ thống văn bản liên quan đến lĩnh vực đào tạo để thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và trình Hiệu trưởng ban hành các CTĐT và các học phần của Trường (Quy trình thiết kế xây dựng CTDH theo Quyết định số 564/QĐ-ĐHKTCN ngày 31/12/2018; Quyết định số 396/QĐ-ĐHKTCN ngày 10/09/2019 ban hành quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT của Trường ĐH KTCN CT năm 2020; Quyết định số 642/QĐ-ĐHKTCN ngày 31/12/2021 ban hành quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT của Trường ĐH KTCN CT năm 2021; Quyết định số 103/QĐ-ĐHKTCN ngày 28/02/2023 ban hành hướng dẫn xây dựng CDR CTĐT, CDR học phần, chuẩn đầu ra bài học năm 2023). Căn cứ các văn bản quy định về đào tạo trình độ đại học, Thông tư quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo

trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ, Trường ban hành Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường, Quy định khảo sát và các biểu mẫu các BLQ góp ý về CĐR, CTĐT, CTDH (Quyết định số 544/QĐ-ĐHKTCN ngày 11/11/2019 và số 478/QĐ-ĐHKTCN ngày 02/11/2020 ban hành Quy định về khảo sát ý kiến các BLQ trong công tác ĐBCL giáo dục năm 2019, năm 2020; Quyết định số 219/QĐ-ĐHKTCN ngày 27/5/2021 ban hành Quy định về hoạt động khảo sát phục vụ công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục Trường ĐH KTCN CT; Quyết định số 605/QĐ-ĐHKTCN ngày 10/12/2019 ban hành các mẫu phiếu khảo sát sự hài lòng các BLQ) [H10.10.01.01].

Bảng 10.1.1. Bảng thống kê nhu cầu của các BLQ trong chu kỳ đánh giá

BLQ	Yêu cầu	Cách thức tổ chức	Kết quả
Chuyên gia	Tập huấn các phương pháp, cách tiếp cận trong thiết kế CTDH	Tổ chức hoặc đăng ký tham dự các buổi tập huấn của chuyên gia	Bảng phân công nhân sự tổ soạn thảo CTĐT và ĐCCT các học phần ngành KTHTCN
Nhà tuyển dụng	- Xác định các năng lực và tố chất cần thiết của SV tốt nghiệp để đáp ứng với yêu cầu của thị trường lao động - Đánh giá mức độ đáp ứng của SV tốt nghiệp về kiến thức chuyên môn, kỹ năng, thái độ	Tổ chức khảo sát lấy ý kiến nhà tuyển dụng	Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá của nhà tuyển dụng về năng lực của SV tốt nghiệp chuyên ngành KTHTCN và những yêu cầu của họ đối với lao động
Giảng viên	- Thiết kế CĐR của CTDH, học phần. - Thiết kế ĐCCT, phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá học phần.	- Tổ chức họp nhóm thiết kế CTDH, họp bộ môn. - Tổ chức khảo sát lấy ý kiến GV	- CĐR của CTĐT - CĐR của học phần - Các phương pháp giảng dạy, kiểm tra – đánh giá học phần - ĐCCT học phần - Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến của GV về CTDH ngành KTHTCN
Người học	- SV phản hồi về nội dung giảng dạy, tài liệu học tập, phương pháp giảng dạy của các học phần trong CTDH; - SV đã tốt nghiệp phản hồi về CTDH ngành KTHTCN.	Tổ chức khảo sát lấy ý kiến người học về PP dạy học, kiểm tra đánh giá.	- Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến của SV về phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá trong CTDH ngành KTHTCN. - Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến của cựu SV về CTDH ngành KTHTCN

BLQ	Yêu cầu	Cách thức tổ chức	Kết quả
Các trường đại học khác	Mục tiêu đào tạo, CĐR, Cấu trúc CTDH ngành KTHTCN có liên quan	Đối sánh giữa các nội dung trong CTDH ngành KTHTCN của Trường với CTDH ngành này của Trường ĐH Bách khoa TP. Hồ Chí Minh, Trường Đại học Bách khoa Đà Nẵng, Trường Đại học San Diego (Mỹ), Trường Đại học Rutgers (Mỹ)	Bảng đối sánh giữa CTDH ngành KTHTCN của Khoa KT-QLCN
Hội đồng Khoa học cấp Khoa	Thống nhất CĐR của CTDH, khung CTĐT dự kiến, CTDH, ĐCCT các học phần ngành KTHTCN	Tổ chức họp Hội đồng KH Khoa KT-QLCN thông qua CTDH ngành KTHTCN	Dự thảo toàn bộ CTDH ngành KTHTCN
Trường	Sự phù hợp của CĐR ngành KTHTCN với Chiến lược phát triển của Trường	Họp BGH và lãnh đạo các phòng ban có liên quan	Phê duyệt và ban hành CTDH ngành KTHTCN mới

(Nguồn: Nhóm Chuyên trách tổng hợp, 2023)

Bảng 10.1.1 cho thấy việc thu thập thông tin phản hồi của các BLQ được thực hiện theo một quy trình có tính hệ thống. Trường ban hành Quy định về khảo sát các BLQ. Dựa trên các quy định, biểu mẫu đã ban hành về khảo sát các BLQ, Trường tiến hành khảo sát và chuyển dữ liệu về Khoa KT-QLCN để xử lý và sử dụng thông tin phản hồi từ các BLQ vào việc rà soát, cập nhật và phát triển CTDH ngành KTHTCN. Bảng 10.1.1 được cụ thể hóa như sau:

i) *Đối với các chuyên gia*: Trường đã tổ chức các buổi tập huấn về phương pháp, cách tiếp cận trong thiết kế CTDH. Khoa KT-QLCN tham gia đầy đủ các buổi tập huấn này. Dựa trên thông tin thu thập được từ các buổi tập huấn, Khoa KT-QLCN đưa ra các quyết định thiết kế CTDH, đồng thời phân công nhân sự tổ chức thực hiện soạn thảo, điều chỉnh CTDH và ĐCCT ngành KTHTCN.

ii) *Đối với nhà tuyển dụng*: Trường, Khoa đã ban hành quy định và kế hoạch khảo sát các BLQ nhằm đảm bảo chất lượng giáo dục, trong đó có khảo sát nhà tuyển dụng. Căn cứ vào các quy định và kế hoạch này, Trường tổ chức lấy ý kiến đánh giá của nhà tuyển dụng về năng lực và tố chất cần thiết của SV tốt nghiệp để đáp ứng với yêu cầu của thị trường lao động. Dựa trên dữ liệu khảo sát của Trường, Khoa KT – QLCN thực hiện phân tích và viết báo cáo đánh giá về năng lực và mức độ đáp ứng của SV tốt nghiệp

ngành KTHTCN về kiến thức chuyên môn, kỹ năng, thái độ trong hành nghề để thiết kế, hiệu chỉnh CTDH ngành KTHTCN phù hợp hơn.

iii) Đối với giảng viên: Khoa KT-QLCN tổ chức họp nhóm GV tham gia thiết kế CTDH ngành KTHTCN và họp Bộ môn KTHT - LOG nhằm xây dựng cơ sở thiết kế CDR của CTDH ngành này, thiết kế ĐCCT, phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá các học phần thuộc ngành KTHTCN. Ngoài ra, Trường còn thực hiện khảo sát lấy ý kiến GV về CTDH ngành KTHTCN và chuyển thông tin, dữ liệu về Khoa KT-QLCN phân tích và ứng dụng vào việc rà soát, cập nhật, hiệu chỉnh CTDH ngành KTHTCN.

iv) Đối với người học: Trường tổ chức khảo sát ý kiến người học về phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá. Dữ liệu, thông tin thu thập được chuyển về Khoa KT-QLCN để xử lý, phân tích và ứng dụng vào việc rà soát, cập nhật, điều chỉnh CTDH ngành KTHTCN.

v) Đối với các trường đại học khác: Trường có thực hiện đối sánh các CTDH tiên tiến trong nước và quốc tế khi xây dựng và điều chỉnh CTDH. Khoa KT-QLCN đã thực hiện đối sánh giữa các nội dung trong CTDH về mục tiêu đào tạo, CDR, cấu trúc CTDH ngành KTHTCN có liên quan và kết quả đối sánh này được tham khảo để thiết kế, điều chỉnh CTDH ngành KTHTCN phù hợp hơn.

vi) Đối với HĐKH & ĐT cấp Khoa: Khoa KT-QLCN có tổ chức họp HĐKH & ĐT của Khoa để thảo luận thống nhất CDR của CTDH, khung CTDH dự kiến, ĐCCT các học phần ngành KTHTCN. Từ đó, Trường và Khoa KT-QLCN đã xây dựng được dự thảo toàn bộ về CTDH và ĐCCT ngành KTHTCN.

vii) Đối với Trường: Trường đã tổ chức họp BGH và lãnh đạo các phòng ban có liên quan, thảo luận sự phù hợp của CDR với Chiến lược phát triển của Trường. Dựa trên kết luận từ các cuộc họp của BGH và lãnh đạo các đơn vị về CDR và ý kiến các BLQ có được qua khảo sát, Khoa KT-QLCN cập nhật, điều chỉnh CTDH của ngành KTHTCN và ĐCCT các học phần thuộc ngành này và trình BGH Trường phê duyệt và ban hành.

Định kỳ hằng năm, Khoa KT-QLCN phối hợp Phòng TT-PC-KT-ĐBCL thực hiện khảo sát ý kiến phản hồi của các BLQ về CTDH ngành KTHTCN thông qua nhiều hình thức như phiếu khảo sát, hội nghị, hội thảo về CTDH: Kế hoạch số 203/KH-ĐHKTCN ngày 23/07/2019 khảo sát ý kiến của sinh viên năm cuối khóa 2015; Kế hoạch khảo sát ý kiến của các BLQ trong đảm bảo chất lượng giáo dục các năm 2019 - 2020, năm 2020 - 2021, năm 2021 - 2022 và năm 2022 - 2023 (Kế hoạch 316/KH-ĐHKTCN ngày 11/11/2019, 393/KH-ĐHKTCN ngày 28/3/2021, 992/KH-ĐHKTCN ngày 11/11/2021 và 72/KH-ĐHKTCN ngày 31/01/2023); Kế hoạch khảo sát ý kiến của các BLQ về cập nhật chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra năm 2021 (Kế hoạch số 235/KH-ĐHKTCN ngày 26/03/2021); Kế hoạch khảo sát các BLQ của khoa KT-

QLCN. Kết quả khảo sát được Khoa KT-QLCN sử dụng làm căn cứ để rà soát, cập nhật và điều chỉnh CTDH ngành KTHTCN [H10.10.01.02], [H10.10.01.03]. Trong giai đoạn 2018 - 2023, Trường tổ chức tập huấn cho CBGV cách thức thiết kế CTDH [H10.10.01.04]. Việc thiết kế CTDH, Khoa KT-QLCN có tham khảo CTDH các CSĐT trong nước, đồng thời sử dụng, tham khảo ý kiến của các BLQ, đặc biệt là của cựu SV và các nhà tuyển dụng lao động và các kênh thông tin dự báo nhu cầu của thị trường lao động về ngành KTHTCN trong quá trình điều chỉnh CTDH ngành KTHTCN [H10.10.01.05], [H10.10.01.06], [H10.10.01.07]. CTĐT ngành KTHTCN được Bộ GD&ĐT cho phép năm 2013 (Quyết định 2949/QĐ-BGDĐT ngày 13/8/2013) và các phiên bản điều chỉnh được Hội đồng KH&ĐT Trường thông qua và trình Hiệu trưởng vào năm 2018, 2020, và năm 2022 (Quyết định số 283/QĐ-ĐHKTCN ngày 26/6/2018, 638/QĐ-ĐHKTCN ngày 31/12/2020, 495/QĐ-ĐHKTCN ngày 27/6/2020) [H10.10.01.08], [H10.10.01.09].

2. Điểm mạnh

Trường ban hành Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT, trong đó có yêu cầu các Khoa sử dụng thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực khi thiết kế CTDH và phản hồi từ các BLQ.

Trường ĐHKTCNCT đã ban hành Quy định về khảo sát các BLQ, các phiếu khảo sát và thực hiện khảo sát hàng năm, trong đó có khảo sát về CTĐT ngành KTHTCN.

Kết quả khảo sát ý kiến các BLQ về CTDH ngành KTHTCN và thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực được Khoa KT-QLCN tham khảo, sử dụng trong quá trình rà soát, điều chỉnh CTDH ngành KTHTCN.

3. Điểm tồn tại

Tuy Khoa KT-QLCN có lấy ý kiến các BLQ để cải tiến CTĐT nhưng phản hồi thu được còn hạn chế, đặc biệt là từ nhà tuyển dụng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL phối hợp Khoa triển khai đa dạng hình thức khảo sát ý kiến các BLQ, đặc biệt là các nhà tuyển dụng nhằm nâng cao số lượng các nhà tuyển dụng trả lời khảo sát.	Khoa KT-QLCN Phòng TT-PC-KT-ĐBCL	Hằng năm	
2	Phát	Trường tiếp tục rà soát, cải tiến	Khoa KT-	Hằng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
	huy động mạnh	quy định về khảo sát các BLQ, các phiếu khảo sát và triển khai khảo sát ý kiến các BLQ, trong đó có khảo sát về CTDH các ngành đào tạo.	QLCN		

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Phòng ĐT là đơn vị tham mưu BGH để phối hợp các Khoa rà soát quy trình thiết kế và quy trình đánh giá CTDH của Trường. Từ năm 2015, Trường ban hành Quy định về xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT của Trường trong đó thể hiện các bước cụ thể của quy trình thiết kế và phát triển CTDH. Phòng ĐT tổ chức họp với các đơn vị để rà soát Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT của Trường, tiếp thu ý kiến góp ý của các đơn vị để chỉnh sửa Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT và trình Hiệu trưởng ký ban hành Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT đã được điều chỉnh vào năm 2020 và 2021, trong đó có quy trình thiết kế và phát triển CTDH với các biểu mẫu cụ thể (Quy trình thiết kế xây dựng CTDH theo Quyết định số 564/QĐ-ĐHKTCN ngày 31/12/2018; Quyết định số 396/QĐ-ĐHKTCN ngày 10/09/2019 ban hành quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT của Trường ĐH KTCN CT năm 2020; Quyết định số 642/QĐ-ĐHKTCN ngày 31/12/2021 ban hành quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT của Trường ĐH KTCN CT năm 2021; Quyết định số 103/QĐ-ĐHKTCN ngày 28/02/2023 ban hành hướng dẫn xây dựng CDR CTĐT, CDR học phần, chuẩn đầu ra bài học năm 2023; Quy trình thiết kế và phát triển CTDH) [H10.10.02.01].

Năm 2018, 2020 và 2022, Trường tiến hành điều chỉnh CTĐT, trong đó có CTDH ngành KTHTCN và thông báo đến các khoa, GV, SV biết để thực hiện. Bên cạnh đó, trong Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT của Trường ban hành năm 2020 có sự điều chỉnh về quy trình xây dựng CTĐT và quy trình điều chỉnh CTĐT theo đúng Thông tư ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của GDDH và điều chỉnh cấu trúc của CDR theo đúng Khung trình độ Quốc gia Việt Nam. Định kỳ hằng năm, căn cứ Kế hoạch khảo sát ý kiến các BLQ, các khoa tiến hành khảo sát ý kiến các BLQ để thiết kế và phát triển CTDH (Kế hoạch 316/KH-ĐHKTCN ngày 11/11/2019, 393/KH- ĐHKTCN ngày 28/3/2021, 992/KH- ĐHKTCN ngày 11/11/2021 và 72/KH-

ĐHKTCN ngày 31/01/2023); Kế hoạch khảo sát ý kiến của các BLQ về cập nhật chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra năm 2021 (Kế hoạch số 235/KH-ĐHKTCN ngày 26/03/2021); Kế hoạch khảo sát các BLQ của khoa KT-QLCN [H10.10.02.02], [H10.10.02.03].

Trong giai đoạn 2018 - 2023, Trường ban hành kế hoạch rà soát, điều chỉnh, cải tiến CTDH của các CTĐT vào năm 2018, 2020 và 2022, trong đó có hướng dẫn quy trình thiết kế và phát triển CTDH, đồng thời thông báo đến các Khoa để triển khai rà soát các CTĐT đã ban hành. Trong kế hoạch rà soát, cập nhật, đánh giá CTDH, Trường yêu cầu các Khoa trong quá trình điều chỉnh CTDH phải tham khảo các CTDH tiên tiến trong nước và quốc tế, đồng thời lấy kiến phản hồi của các BLQ. Trong kế hoạch lấy ý kiến các BLQ của Trường có nội dung khảo sát về CĐR của CTĐT và đề cương học phần (Quyết định thành lập Ban chỉ đạo xây dựng, điều chỉnh CĐR, Tổ thư ký, Tổ điều chỉnh CTĐT năm 2018, 2019, 2020 và năm 2022: Quyết định số 93a/QĐ-ĐHKTCN ngày 10/3/2017, 161/QĐ-ĐHKTCN ngày 06/5/2019, 23/QĐ-ĐHKTCN ngày 18/01/2010, 395/QĐ-ĐHKTCN ngày 25/8/2020, 71/QĐ-ĐHKTCN ngày 10/01/2022) [H10.10.02.04], [H10.10.02.05], [H10.10.02.06]. Kết quả khảo sát ý kiến của các BLQ về CTDH được các Khoa tham khảo và sử dụng trong quá trình điều chỉnh CTDH. Ngoài ra, tại các hội nghị, hội thảo do Trường tổ chức, các khoa triển khai lấy ý kiến của các doanh nghiệp sử dụng lao động về CTDH. CTDH ngành KTHTCN đã tham khảo các CTDH tiên tiến trong nước và quốc tế, tiếp thu ý kiến của các BLQ khi điều chỉnh CTDH [H10.10.02.07], [H10.10.02.08], [H10.10.02.09], [H10.10.02.10].

2. Điểm mạnh

Quy định về xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường thể hiện quy trình các bước cụ thể của quy trình thiết kế và phát triển CTDH.

Trường triển khai rà soát, điều chỉnh và ban hành Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT, trong đó có sự điều chỉnh về quy trình xây dựng CTĐT và quy trình điều chỉnh CTĐT theo đúng Thông tư ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của GDĐH và điều chỉnh cấu trúc của CĐR theo đúng Khung trình độ Quốc gia Việt Nam.

3. Điểm tồn tại

Việc rà soát về quy trình thiết kế và phát triển CTDH còn chậm so với văn bản quy phạm pháp luật hiện hành. Số lượng BLQ tham gia khảo sát chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Phòng ĐT phối hợp các Khoa triển khai rà soát về quy trình thiết kế và phát triển CTDH để từ đó có những điều chỉnh thiết thực hơn. Phối hợp với các phòng ban chức năng khảo sát các BLQ về CTDH các ngành.	Khoa KT-QLCN Phòng ĐT	11/2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường và Khoa KT-QLCN rà soát điều chỉnh CTDH tất cả ngành đào tạo, trong đó có ngành KTHTCN.	Khoa KT-QLCN	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR

1. Mô tả hiện trạng

Trường ban hành các văn bản, quy định liên quan đến quá trình dạy và học, KTĐG KQHT của người học, trong đó yêu cầu các Khoa thường xuyên rà soát và đánh giá quá trình dạy và học, việc đánh giá KQHT của SV phải đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR, CTĐT: Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT của Trường ĐH KTCN CT năm 2020 (Quyết định số 396/QĐ-ĐHKTCN ngày 10/09/2020); Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT của Trường ĐH KTCN CT năm 2021 (Quyết định số 642/QĐ-ĐHKTCN ngày 29/12/2021); Quy định chế độ làm việc đối với GV của Trường ĐH KTCN CT (Quyết định số 160/QĐ-ĐHKTCN ngày 08/03/2022, Quyết định số 49/QĐ-ĐHKTCN ngày 31/01/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 160/QĐ-ĐHKTCN); Quyết định ban hành Quy định thực hiện Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp, Thực tập tốt nghiệp trong CTĐT trình độ đại học (Quyết định số 407/QĐ-ĐHKTCN ngày 06/9/2021); Quy chế đào tạo trình độ đại học (Quyết định 400/QĐ-ĐHKTCN ngày 01/9/2021); Quy định tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ (Quyết định số 22/QĐ-ĐHKTCN ngày 20/01/2020); Quy trình ra đề thi, sao in đề thi kết thúc học phần (Quyết định 25/QĐ-ĐHKTCN ngày 16/6/2020); Quy trình chấm bài thi kết thúc học phần hình thức tự luận, trắc nghiệm kết hợp tự luận (Quyết định số 497/QĐ-ĐHKTCN ngày 08/10/2021) [H10.10.03.01], Báo cáo tổng kết năm học của Khoa KT-QLCN hằng năm [H10.10.03.02]. Định kỳ hằng năm, Khoa KT-QLCN thường xuyên tiến hành dự giờ GV của Khoa (Hồ sơ dự giờ trong giai đoạn đánh giá) [H10.10.03.03]. Ngoài ra, Bộ phận Thanh tra của Trường thường xuyên kiểm tra

việc thực hiện giờ giấc giảng dạy của GV [H10.10.03.04]. Phòng ĐT là đơn vị giám sát về kết quả học tập của SV toàn Trường và Khoa KT-QLCN giám sát kết quả học tập của SV do Khoa quản lý [H10.10.03.05]. Định kỳ hằng năm, Phòng CTCT & QLSV thống kê danh sách SV bị cảnh báo học vụ và trình Hiệu trưởng ra quyết định cảnh báo học vụ SV, trong đó có SV ngành KTHTCN [H10.10.03.06].

Hằng năm, Trường luôn triển khai khảo sát chất lượng học phần giảng dạy của GV, đồng thời tiến hành hội nghị đối thoại giữa BGH với SV để làm cơ sở rà soát, đánh giá việc sử dụng các phương pháp đánh giá kết quả học tập của SV. Nội dung khảo sát ý kiến của GV, SV về chất lượng các hoạt động của Trường có nội dung khảo sát về độ tin cậy và độ chính xác của những loại hình, phương pháp KTĐG KQHT người học [H10.10.03.07]. Trong Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ và Quy định về biên soạn, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi kết thúc học phần của Trường ban hành có quy định rõ về quy trình thi và hướng đến đạt CĐR [H10.10.03.08]. Bên cạnh đó, Trường tổ chức tập huấn cho GV cách thức xây dựng chuẩn đầu ra; xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT; thiết kế Rubrics và ban hành ngân hàng câu hỏi (Hướng dẫn 147/HD-ĐHKTCN ngày 21/02/2023 xác định các phương pháp giảng dạy, học tập, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của NH tại Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ [H10.10.03.09].

2. Điểm mạnh

Trường ban hành hệ thống văn bản, quy định về việc rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy học; KTĐG KQHT của NH.

Trường, Khoa KT-QLCN triển khai rà soát, đánh giá việc sử dụng các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR.

Hằng năm, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL khảo sát ý kiến phản hồi của GV, SV về việc sử dụng các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của NH trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR với kết quả khảo sát thể hiện sự hài lòng về các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR.

3. Điểm tồn tại

Việc giải trình ý kiến của cựu NH về phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của NH trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR triển khai còn chậm.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Khoa KT-QLCN phối hợp các phòng chức năng để giải trình các ý kiến đóng góp của các BLQ, đồng thời triển khai hội thảo, chuyên đề về phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của NH trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR.	Khoa KT-QLCN Và các đơn vị liên quan	Tháng 7 hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường và Khoa KT-QLCN cải tiến khảo sát ý kiến phản hồi của GV, SV về việc sử dụng các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của NH trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR với kết quả khảo sát thể hiện sự hài lòng về các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR.	Khoa KT-QLCN Và các đơn vị liên quan	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 10.4. Các kết quả NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHKTCNCT đã ban hành Quy định chế độ làm việc đối với GV nêu rõ nhiệm vụ trọng tâm của GV là giảng dạy và NCKH; với các loại hình NCKH cụ thể được trình bày tại Quy định về việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Trường. Trong đó, Trường đã quy định rõ về nhiệm vụ thực hiện các đề tài NCKH liên quan đến việc dạy và học như: (i) Biên soạn sách, giáo trình, tài liệu tham khảo; (ii) Bài báo, báo cáo khoa học đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc đăng trên các kỷ yếu hội thảo trong nước và quốc tế; (iii) Đề tài NCKH các cấp; (iv) Hướng dẫn SV NCKH các cấp; (v) hướng dẫn SV làm luận văn tốt nghiệp, tiểu luận tốt nghiệp. Các hoạt động NCKH của GV được giám sát, đánh giá hàng năm thông qua quy đổi thành giờ chuẩn. Các đề tài NCKH cấp Trường từ khâu xét duyệt, thực hiện đến khâu nghiệm

thu đều yêu cầu phải có tính mới, tính sáng tạo và tính ứng dụng trong công tác dạy học. Thông tin sản phẩm đề tài NCKH được đăng tải trên website của Trường, của Phòng QLKH-HTQT, Khoa KT-QLCN để GV, SV dễ dàng tiếp cận và sử dụng trong quá trình [H10.10.04.01].

Tính đến năm 2023, GV Khoa KT-QLCN đã thực hiện 12 đề tài NCKH; trong đó, có những đề tài không chỉ phục vụ giảng dạy và học tập tại Trường mà còn mang tính thực tiễn rất cao như: “Phát triển hợp tác đào tạo cao học tại trường ĐH Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ”; “Giải pháp nâng cao ý định khởi nghiệp cho sinh viên mới tốt nghiệp tại trường ĐH Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ”; “Chiến lược phát triển nguồn nhân lực Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ đến năm 2025 tầm nhìn đến năm 2030”; “Phương pháp xây dựng hồ sơ đánh giá năng lực nâng cao đầu ra đối với sinh viên Khoa KT-QLCN”; “Xây dựng mô hình thu nhỏ, tối ưu vận chuyển hàng hóa nội bộ kho trong lĩnh vực kho vận Logistics” và “Đẩy mạnh hoạt động chuyển giao công nghệ sản phẩm khoa học Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ”. Ngoài ra, GV Khoa KT-QLCN còn tham gia 01 dự án xây dựng phòng thí nghiệm mô phỏng Logistics. GV của Khoa KT-QLCN đã thực hiện chuyển tải những sản phẩm NCKH đã nghiên cứu thành nội dung bài giảng, chuyên đề để ứng dụng vào cải tiến quá trình giảng dạy và học tập của Cụ thể, NCKH “Ứng dụng chương trình 5S tại văn phòng đoàn Trường ĐHKTCNCT” được bổ sung dưới dạng ví dụ thực tiễn vào nội dung bài giảng học phần Quản lý SX Lean & JIT và Lean Six Sigma. NCKH “Phương pháp xây dựng hồ sơ đánh giá năng lực đầu ra đối với sinh viên Khoa KT-QLCN” và “Phân tích những yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên chính quy trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ CT” được chuyển thành chuyên đề phổ biến đến GV và SV của Khoa ứng dụng đánh giá năng lực đầu ra của SV, cũng như giúp SV nâng cao kết quả học tập. NCKH “Giải pháp nâng cao ý định khởi nghiệp cho sinh viên mới tốt nghiệp tại trường ĐH Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ” được chuyển tải vào nội dung bài giảng học phần Đổi mới, sáng tạo và khởi nghiệp của ngành KTHTCN. Nội dung của NCKH “Chiến lược phát triển nguồn nhân lực Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ đến năm 2025 tầm nhìn đến năm 2030” đã được bổ sung làm phong phú nội dung bài giảng của học phần Quản trị nhân sự. NCKH “Xây dựng Website khoa Quản lý công nghiệp hỗ trợ hoạt động tuyển sinh và quảng bá thông tin” được chuyển tải thành một phần nội dung giảng dạy trong các học phần Marketing căn bản và học phần Hệ thống thông tin quản lý [H10.10.04.02], [H10.10.04.03], [H10.10.04.04].

Tính đến năm 2023, Khoa KT-QLCN đã có 26 bài báo trong nước và 21 bài báo quốc tế do giảng viên Khoa thực hiện hoặc tham gia thực hiện, xuất bản 06 giáo trình và 05 sách chuyên khảo phục vụ giảng dạy, nghiệm thu 18 bài giảng cấp Khoa và có 46 báo cáo khoa học cấp Khoa, cấp Trường với nhiều sáng kiến của GV được áp dụng vào

cải tiến hoạt động giảng dạy và học tập. Ngoài ra, Khoa KT-QLCN đã tổ chức thành công Chương trình Tọa đàm kết nối “Doanh nghiệp - Sinh viên” năm 2019 và 2020; chương trình Tọa đàm “Kết nối doanh nghiệp với sinh viên ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng” năm 2022. Về hội thảo khoa học, Khoa KT-QLCN đã tổ chức 03 hội thảo khoa học để chia sẻ kinh nghiệm về PPGD hiệu quả cũng như thảo luận kiến thức chuyên ngành: Hội thảo khoa học cấp khoa năm 2020 “Nâng cao năng lực tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ IV”; Hội thảo khoa học cấp trường “Quản trị rủi ro và nâng cao năng lực quản lý doanh nghiệp” năm 2022; Hội thảo khoa học cấp trường “Việc làm và kỹ năng mềm theo xu hướng của thị trường lao động” năm 2023. Hội thảo thu hút sự tham gia của các chuyên gia trong ngoài trường, sinh viên, cựu sinh viên, doanh nghiệp. Khoa cũng chủ động tham gia báo cáo trong hội thảo quốc gia do Bộ giáo dục và đào tạo, học viện QLGD, Trường ĐH KTCN CT phối hợp tổ chức năm 2019 với chủ đề “Bàn về các giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục” [H10.10.04.05], [H10.10.04.06].

2. Điểm mạnh

Trường đã ban hành Quy định chế độ làm việc đối với GV và Quy định về việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ rõ ràng và đã thực hiện phổ biến đầy đủ nhiệm vụ NCKH đến GV, SV.

Đến nay, GV Khoa KT-QLCN đã và đang thực hiện 12 đề tài NCKH, 46 báo cáo khoa học cấp khoa, cấp trường có áp dụng vào giảng dạy và học tập; xuất bản 06 giáo trình phục vụ giảng dạy.

Định kỳ Trường và Khoa KT-QLCN có tổ chức các hội thảo, sáng kiến kinh nghiệm để áp dụng kết quả NCKH vào cải tiến hoạt động GD của GV và HT của SV.

3. Điểm tồn tại

Tuy Khoa KT-QLCN có tích cực thực hiện nhiệm vụ NCKH nhưng số lượng đề tài NCKH vẫn còn ít và chưa tương xứng với tiềm năng của đội ngũ GV.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Trường tăng cường các chính sách động viên, khuyến khích kết hợp giao nhiệm vụ để nâng cao số lượng đề tài NCKH của GV Khoa KT-QLCN.	Khoa KT-QLCN Và các đơn vị liên quan	Tháng 12 hằng năm	
2	Phát huy điểm	Trường thực hiện rà soát, đánh giá lại và cải tiến Quy định về công tác NCKH của GV, nhất là	Khoa KT-QLCN Và các đơn vị	Hằng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
	manh	cải tiến chính sách khuyến khích GV tham gia NCKH.	liên quan		

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thực hành, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

Trường ban hành các văn bản, quy định công tác CVHT, công tác hướng nghiệp và việc làm, quy định về học bổng khuyến khích, quy chế quản lý, sử dụng tài sản của Trường, trong đó có nội dung đánh giá các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác [H10.10.05.01]. Các mục tiêu, chỉ tiêu đầu tư về thư viện và nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT được thể hiện Chiến lược phát triển trường giai đoạn 2020 - 2025 định hướng đến năm 2030 và các kế hoạch năm học về CSVCL đã được ban hành [H10.10.05.02].

Quy định về khảo sát ý kiến của các BLQ trong công tác ĐBCL của Trường ban hành có nội dung đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác. Căn cứ kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các BLQ về hoạt động của Trường đã được ban hành, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL phối hợp với các Khoa thực hiện khảo sát ý kiến của GV, SV về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thực hành, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của Trường [H10.10.05.03]. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của GV, SV được Phòng TT-PC-KT-ĐBCL gửi đến các đơn vị để có cơ sở áp dụng các biện pháp cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thực hành, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của Trường. Năm học 2018 - 2019 tỷ lệ SV hài lòng sự đáp ứng về vốn tài liệu của thư viện là 3,7/4, các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của phòng học, trang thiết bị là 3,9/4, phòng thực hành 3,7/4, các dịch vụ khác là 3,8/4; Năm học 2019 - 2020 tỷ lệ tỷ lệ SV hài lòng sự đáp ứng về vốn tài liệu của thư viện là 3,8/4, các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của phòng học, trang thiết bị là 3,7/4, phòng thực hành 3,8/4, các dịch vụ khác là 3,9/4 [H10.10.05.04].

Trong giai đoạn 2018 - 2023, ý kiến khảo sát của GV và SV thể hiện mức độ hài lòng đối với các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thực hành, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của Trường. Bên cạnh đó, ý kiến góp ý của GV tại Hội nghị viên chức và người lao động hằng năm và ý kiến của SV tại diễn đàn đối thoại giữa BGH với SV hằng năm thể hiện mức độ hài lòng đối với các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thực hành, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của Trường. Trường đầu tư, nâng

cấp hạ tầng CNTT - TT, trong đó có đầu tư phần mềm quản lý giáo dục, thư viện số, phần mềm quản lý thư viện, trên cơ sở đó, Thư viện thực hiện lưu trữ CSDL về nguồn lực học tập và dữ liệu theo dõi, đánh giá hiệu quả sử dụng các nguồn lực học tập như nguồn học liệu, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến. Mức độ hài lòng về tiện ích thư viện tăng từ 3,7/4 năm học 2019 - 2020, lên 3,8/4 năm học 2020 - 2021. các dịch vụ khác tăng từ 3,8/4 năm học 2019 - 2020, lên 3,9/4 năm học 2020 - 2021 [H10.10.05.05]. Nguồn kinh phí của Trường chi cho việc tăng cường, nâng cấp CSVC, cơ sở hạ tầng và trang thiết bị tăng qua từng năm. Trong giai đoạn 2018 - 2023, Trường đã xây dựng mới 02 dãy nhà học 01 trệt 06 lầu, nâng cấp hệ thống wifi, đầu tư bổ sung thiết bị phòng thí nghiệm, đồng thời tiến hành giải phóng mặt bằng Cơ sở II với hơn 5,7 ha trên tổng thể 17,72 ha [H10.10.05.06], [H10.10.05.07].

2. Điểm mạnh

Trường ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản và các văn bản quy định về việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác.

Hàng năm, Trường và Khoa KT-QLCN thực hiện khảo sát ý kiến của GV, SV về mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác (tư vấn NH, công tác sinh viên, các hoạt động đoàn thể, hoạt động ngoại khóa, ...).

Trong giai đoạn 2018 - 2023, ý kiến khảo sát của GV và SV thể hiện mức độ hài lòng đối với các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thực hành, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của Trường.

Trường thực hiện nhiều cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác nhằm phục vụ tốt hoạt động ĐT, NCKH và PVCD.

3. Điểm tồn tại

Tuy Trường ĐHKTCNCT có nỗ lực cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác nhưng do nguồn lực của Trường còn hạn chế nên kết quả cải tiến vẫn chưa đáp ứng được hoàn toàn nhu cầu của SV.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Trường thực hiện tăng cường xã hội hóa giáo dục để nâng cao nguồn lực phục vụ cải tiến dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí	Khoa KT-QLCN Phòng QLKH-HTQT	Tháng 12 hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
		nghiệm, hệ thống CNTT.	Ban QT HTTT		
2	Phát huy điểm mạnh	Trường thực hiện rà soát và cải tiến Quy chế quản lý, sử dụng tài sản và các văn bản quy định về việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác.	Phòng QT-TB Và các đơn vị liên quan	11/2024	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các BLQ có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

Cơ chế phản hồi của các BLQ đối với hoạt động đảm bảo chất lượng của Trường ĐHKTCNCT có tính hệ thống và được thể hiện rõ ràng trong Quy định về hoạt động ĐBCL do Trường ban hành. Quy định này nêu rõ Phòng TT-PC-KT-ĐBCL là đơn vị chủ trì thực hiện khảo sát ý kiến các BLQ thông qua phối hợp với các đơn vị khác trong trường. Cụ thể, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL phối hợp các đơn vị xây dựng các biểu mẫu khảo sát và trình Hiệu trưởng phê duyệt; Xây dựng kế hoạch khảo sát các BLQ, triển khai, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện của các đơn vị liên quan; Hỗ trợ các đơn vị phân tích số liệu khảo sát; Lưu trữ toàn bộ kế hoạch, biên bản, các văn bản triển khai thực hiện, phiếu khảo sát, dữ liệu thống kê, các báo cáo, văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện cải tiến chất lượng về công tác khảo sát trong thời hạn 05 năm. Phòng TC-HC có trách nhiệm triển khai, thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá cải tiến, báo cáo hoạt động khảo sát ý kiến các BLQ về tầm nhìn sứ mạng, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục; khảo sát ý kiến của viên chức về môi trường làm việc, chế độ chính sách, nhu cầu học tập, đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Phòng ĐT có trách nhiệm triển khai, thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá cải tiến, báo cáo hoạt động khảo sát ý kiến của SV năm thứ nhất về công tác tuyển sinh, công tác nhập học. Phòng QLKH-HTQT có trách nhiệm triển khai, thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá cải tiến, báo cáo hoạt động khảo sát ý kiến của cán bộ, giảng viên, sinh viên về công tác quản lý khoa học và công nghệ. Phòng CTCT&QLSV có trách nhiệm triển khai, thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá cải tiến, báo cáo hoạt động khảo sát ý kiến của cựu sinh viên về việc làm; khảo sát ý kiến của nhà tuyển dụng về chất lượng sinh viên tốt nghiệp. Bên cạnh đó, các khoa có trách nhiệm triển khai, thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá cải tiến, báo cáo hoạt động khảo sát ý kiến của sinh viên về chất lượng học phần đồ án, tiểu luận, khóa

luận tốt nghiệp; khảo sát ý kiến SV năm cuối về chất lượng đào tạo; khảo sát mở ngành đào tạo mới; khảo sát ý kiến về cập nhật chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra; khảo sát ý kiến của sinh viên về chất lượng giảng dạy của giảng viên, hoạt động dạy học và phương pháp đánh giá học phần, giáo trình, cơ sở vật chất phục vụ dạy học [H10.10.06.01]. Hằng năm, Trường ban hành và triển khai kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các BLQ trong công tác ĐBCL của Trường. Ngoài ra, Nhà trường ban hành Sổ tay chất lượng, trong đó thể hiện rõ sự tham gia của các BLQ trong các hoạt động ĐBCL của Trường [H10.10.06.02], [H10.10.06.03].

Năm 2020, Trường giao nhiệm vụ cho Phòng TT-PC-KT-ĐBCL triển khai rà soát cơ chế phản hồi của các BLQ. Phòng TT-PC-KT-ĐBCL tổ chức họp với các đơn vị để rà soát Quy định khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong đó có cơ chế phản hồi các bên liên quan được thể hiện trong quy trình thực hiện khảo sát. Dựa trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các đơn vị, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL xây dựng quy định về khảo sát ý kiến của các BLQ trong công tác ĐBCL được điều chỉnh, trình Hiệu trưởng ký ban hành. Định kỳ hằng năm, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL phối hợp các đơn vị triển khai khảo sát các BLQ về các hoạt động của Trường. Kết quả khảo sát được báo cáo BGH và gửi đến các phòng, khoa, trung tâm tham khảo, sử dụng trong quá trình cải tiến các lĩnh vực hoạt động được phân công phụ trách.. Bên cạnh đó, Kết quả khảo sát ý kiến của các BLQ được gửi đến các Khoa để tham khảo, sử dụng trong quá trình điều chỉnh CDR, CTĐT của Trường [H10.10.06.04].

Bảng 10.6.1. Quy trình thu thập thông tin phản hồi theo hệ thống

Đối tượng khảo sát	Nội dung khảo sát	Quy trình thu thập	Biểu mẫu	Thời gian thực hiện	Đơn vị phụ trách chính
Sinh viên	Khảo sát về các lĩnh vực hoạt động của Trường	Quy trình SV đánh giá về các hoạt động của Trường	BM02	1 lần/năm	Phòng TT-PC-KT-ĐBCL
	Khảo sát điều chỉnh CTĐT	Quy trình SV đánh giá CTĐT	BM05	ít nhất 1 lần/2 năm	Khoa KT-QLCN Phòng TT-PC-KT-ĐBCL
	Khảo sát về chất lượng học phần lý thuyết	Quy trình SV đánh giá về chất lượng học phần lý thuyết	BM09	1 lần/học kỳ	Khoa KT-QLCN Phòng TT-PC-KT-ĐBCL
	Khảo sát về chất lượng học phần đồ án, khóa luận	Quy trình SV đánh giá về chất lượng học phần đồ án, khóa luận	BM10	1 lần/học kỳ	Khoa KT-QLCN Phòng TT-PC-KT-ĐBCL

Đối tượng khảo sát	Nội dung khảo sát	Quy trình thu thập	Biểu mẫu	Thời gian thực hiện	Đơn vị phụ trách chính
Sinh viên năm nhất	Khảo sát về công tác tuyển sinh, nhập học	Quy trình SV năm nhất đánh giá về tuyển sinh, nhập học	BM08	1 lần/năm	Phòng Đào tạo
Sinh viên đã tốt nghiệp	Khảo sát về tình hình việc làm và chất lượng đào tạo	Quy trình SV đã tốt nghiệp phản hồi về tình hình việc làm và chất lượng đào tạo	BM03	1 lần/năm	Phòng CTCT&QLSV
	Khảo sát điều chỉnh CTĐT	Quy trình SV đã tốt nghiệp đánh giá CTĐT	BM06	ít nhất 1 lần/2 năm	Khoa KT-QLCN Phòng CTCT&QLSV
Cán bộ, viên chức, giảng viên	Khảo sát về các lĩnh vực hoạt động của Trường	Quy trình CBGV đánh giá về các hoạt động của Trường	BM01	1 lần/năm	Phòng TT-PC-KT-ĐBCL; Phòng TC-HC
Nhà tuyển dụng	Khảo sát về chất lượng đào tạo của Trường và nhu cầu tuyển dụng	Quy trình nhà tuyển dụng phản hồi về chất lượng đào tạo của Trường và nhu cầu tuyển dụng	BM04	1 lần/năm	Phòng CTCT&QLSV
	Khảo sát điều chỉnh CTĐT	Quy trình nhà tuyển dụng đánh giá CTĐT	BM07	ít nhất 1 lần/2 năm	Khoa KT-QLCN Phòng CTCT&QLSV

(Nguồn: Nhóm Chuyên trách tổng hợp, 2023)

Trong quy định về khảo sát ý kiến của các BLQ trong công tác ĐBCL của Trường ban hành sau rà soát, Trường bổ sung nội dung về việc Phòng TT-PC-KT-ĐBCL giám sát các đơn vị sử dụng kết quả khảo sát ý kiến của các BLQ để cải tiến các hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu của các BLQ. Hàng năm, Trường đều có ban hành kế hoạch khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các BLQ trong công tác ĐBCL. Quy định về khảo sát ý kiến của các bên liên quan trong công tác ĐBCL của Trường đã điều chỉnh, cải tiến cơ chế phản hồi của các bên liên quan và được gửi đến các đơn vị để thông báo đến GV, SV biết và thực hiện. Trong giai đoạn 2018 - 2023, Trường triển khai thực hiện tốt hoạt động khảo sát ý kiến phản hồi của các BLQ [H10.10.06.05].

2. Điểm mạnh

Cơ chế phản hồi của các BLQ đối với hoạt động ĐBCL của Trường có tính hệ thống, thể hiện rõ ràng trong Quy định về hoạt động ĐBCL do Trường ban hành.

Hàng năm, Trường định kỳ thực hiện khảo sát lấy ý kiến các BLQ trong công tác ĐBCL và gửi kết quả thống kê đến các đơn vị để ứng dụng cải tiến cơ chế phản hồi và chất lượng các hoạt động.

Cơ chế phản hồi của các BLQ đã được cải tiến dần sau khi tiếp thu ý kiến đóng góp từ kết quả khảo sát thu được mỗi năm.

3. Điểm tồn tại

Trường có thực hiện khảo sát lấy ý kiến các BLQ về công tác ĐBCL hàng năm nhưng số lượng các nhà tuyển dụng trả lời khảo sát vẫn chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Khoa KT-QLCN và Phòng TT-PC-KT-ĐBCL thực hiện đa dạng các hình thức khảo sát để nâng cao số lượng các nhà tuyển dụng trả lời khảo sát.	Khoa KT-QLCN Phòng TT-PC-KT-ĐBCL	Tháng 7 hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường định kỳ thực hiện rà soát quy định về khảo sát ý kiến của các BLQ trong công tác ĐBCL để cải tiến cơ chế phản hồi của các BLQ có tính hệ thống.	Phòng TT-PC-KT-ĐBCL Và các đơn vị liên quan	11/2024	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 10

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn

Việc thiết kế, xây dựng, cập nhật và đánh giá CTDH được thực hiện thống nhất theo lịch điều chỉnh toàn Trường, đúng QT, tuân thủ theo đúng quy định của Trường và BGD&ĐT. Hàng năm, Trường đều thực hiện rà soát, cập nhật lại QT xây dựng, thiết kế và QT cập nhật, đánh giá CDR, CTĐT, phù hợp với yêu cầu của BGD&ĐT, nhu cầu của các BLQ và với thực tế của Trường. Cụ thể, Trường đã ban hành Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT và Quy định về khảo sát các BLQ. Định kỳ hàng năm Trường có thực hiện khảo sát ý kiến các BLQ, trong đó có khảo sát về CTĐT ngành KTHTCN. Trường yêu cầu Khoa KT-QLCN sử dụng thông tin này trong việc thiết kế, xây dựng, phát triển CTĐT, CTDH ngành KTHTCN của Khoa. Hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ được tổ chức và thực hiện tốt. Các ý kiến phản hồi đều được Trường tổng hợp đầy đủ và gửi về Khoa KT-QLCN phân tích và vận dụng

vào quá trình thiết kế, xây dựng, phát triển CTĐT, CTDH ngành KTHTCN, đảm bảo đủ cơ sở, có tính khoa học, có tính khách quan và độ tin cậy khi phát triển CTDH ngành này. Trường đã triển khai rà soát, điều chỉnh và ban hành Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT; trong đó, có sự điều chỉnh về quy trình xây dựng CTĐT và quy trình điều chỉnh CTĐT theo đúng Thông tư ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà NH đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của GDĐH và điều chỉnh cấu trúc của CDR theo đúng Khung trình độ Quốc gia Việt Nam. Dựa trên Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT của Trường, Khoa KT-QLCN đã thực hiện rà soát, điều chỉnh CTĐT ngành KTHTCN vào năm 2018, 2020 và 2022.

Trường ban hành đầy đủ các văn bản, quy định về việc rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy học; KTĐG KQHT của NH. Dựa trên các văn bản, quy định hướng dẫn của Trường, Khoa KT-QLCN đã thực hiện rà soát, đánh giá việc sử dụng các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR. Cụ thể, hàng năm, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL khảo sát ý kiến phản hồi của GV, SV về việc sử dụng các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của NH trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR.

Hoạt động NCKH của Trường nói chung và Khoa KT-QLCN nói riêng ngày càng được quan tâm, lan tỏa và phát triển cả về số lượng lẫn chất lượng. Dựa trên các Quy định về công tác NCKH của GV, SV mà Trường đã ban hành, GV, SV của Khoa KT-QLCN đã tích cực tham gia NCKH; kết quả, sản phẩm NCKH được sử dụng làm tài liệu tham khảo giảng dạy của GV, học tập của SV. Cụ thể, trong giai đoạn 2018 - 2023, GV Khoa KT-QLCN đã và đang thực hiện 09 đề tài NCKH với nhiều đề tài ứng dụng vào cải tiến giảng dạy và học tập, 26 báo cáo khoa học cấp Khoa, cấp Trường, 15 bài báo trong nước và 16 bài báo quốc tế. Trường và Khoa KT-QLCN tổ chức các hội thảo, sáng kiến kinh nghiệm để áp dụng kết quả NCKH, đồng thời có sử dụng các kết quả NCKH để cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của SV.

Quy chế quản lý, sử dụng tài sản và các văn bản quy định về việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác của Trường ngày càng được hoàn thiện. Hệ thống CSVC, trang thiết bị dạy, chất lượng các dịch vụ, tiện ích được định kỳ rà soát, đánh giá mức độ đáp ứng và có kế hoạch cải tiến, sửa chữa, cải tạo để nâng cao chất lượng phục vụ cho hoạt động giảng dạy và học tập định kỳ. Hoạt động rà soát nhằm đánh giá chất lượng của các dịch vụ hỗ trợ ngày càng được chú trọng, được thực hiện một cách thường xuyên và bằng nhiều hình thức đa dạng khác nhau nhằm thu được kết quả phản hồi đáng tin cậy và đúng với thực tế. Cụ thể, hàng năm, Trường và Khoa KT-QLCN thực hiện khảo

sát lấy ý kiến của GV, SV về mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác (tư vấn NH, công tác sinh viên, các hoạt động đoàn thể, hoạt động ngoại khóa, ...) để chủ động cải tiến chất lượng các dịch vụ dựa trên kết quả phản hồi.

Việc cải tiến để nâng cao chất lượng đối với công tác đảm bảo chất lượng (ĐBCL) tại Trường được quan tâm sâu sát và thực thi đúng quy định của BGD&ĐT. Cụ thể, Trường đã ban hành Quy định về khảo sát ý kiến của các BLQ trong công tác ĐBCL, trong đó thể hiện cơ chế phản hồi của các BLQ có tính hệ thống. Hàng năm, Trường triển khai khảo sát ý kiến của các BLQ trong công tác ĐBCL và gửi kết quả khảo sát đến các đơn vị có liên quan để xây dựng kế hoạch cải tiến và tiến hành cải tiến chất lượng trong hoạt động của từng đơn vị. Năm 2020, Nhà trường triển khai rà soát cơ chế phản hồi của các BLQ và bổ sung vai trò giám sát của Phòng TT-PC-KT-ĐBCL đối với các đơn vị khác khi sử dụng kết quả khảo sát ý kiến của các BLQ để cải tiến các hoạt động. Trường đã ban hành cụ thể quy định, hướng dẫn thực hiện việc lấy ý kiến các BLQ và giao cho đơn vị chuyên trách thực hiện công tác này. Quy trình lấy ý kiến các BLQ được rà soát và cập nhật hằng năm phù hợp với tình hình thực tế của Trường.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn

Số lượng nhà tuyển dụng tham gia trả lời khảo sát đánh giá về CTĐT ngành KTHTCN chưa nhiều. Việc rà soát về quy trình thiết kế và phát triển CTĐT còn chậm so với văn bản quy phạm pháp luật hiện hành. Số lượng đề tài NCKH của Khoa KT-QLCN còn chưa tương xứng với tiềm năng nguồn nhân lực của Khoa. Việc cải tiến các dịch vụ hỗ trợ chưa đáp ứng được hoàn toàn nhu cầu của SV bởi giới hạn về nguồn lực tài chính.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn

Có 5/6 tiêu chí đạt điểm 5,0, 1/6 tiêu chí đạt điểm 4,0. Mức trung bình của tiêu chuẩn 10 đạt: 4,83 điểm; Số tiêu chí đạt: 6/6; Tỷ lệ số tiêu chí đạt: 100%.

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Mở đầu: Đánh giá chất lượng đầu ra có vai trò quan trọng trong hệ thống đảm bảo chất lượng của Trường. Hàng năm, Khoa KT-QLCN đã tổ chức thống kê tỷ lệ NH tốt nghiệp, thời gian hoàn thành chương trình, tỷ lệ NH thôi học, lượng NH tốt nghiệp xin được việc làm cũng được cập nhật thông qua sự kết nối chặt chẽ với cựu NH. Các hoạt động NCKH cho NH được quy định với trình tự chặt chẽ, đảm bảo phù hợp với CDR của ngành KTHTCN. Các hướng nghiên cứu ưu tiên của Trường được lên kế hoạch hàng năm và khuyến khích thực hiện. Trường và Khoa KT-QLCN đã xây dựng hệ thống thu thập và phân tích sự hài lòng của các BLQ là cơ sở quan trọng cho việc cải tiến chương trình, hoạt động và chất lượng của hệ thống đảm bảo chất lượng.

Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp đúng hạn (không kể thời gian kéo dài) được xác lập và được quy định trong Quy chế đào tạo trình độ đại học, Quy định công tác CVHT, Quy định công tác phục vụ, hỗ trợ, giám sát NH (Quyết định số 400/QĐ-ĐHKTCN ngày 01/9/2021; Quyết định số 493/QĐ-ĐHKTCN ngày 07/10/2021; Quyết định số 64/QĐ-ĐHKTCN ngày 21/02/2020). Danh sách thôi học, tốt nghiệp được cập nhật hằng năm. Thực tế, năm học đầu tiên luôn luôn là năm học có nhiều sự biến động lớn về tỷ lệ thôi học của NH. Chính vì vậy, Khoa KT-QLCN theo dõi tỷ lệ NH đang theo học tại Khoa thông qua các kênh thông tin, số liệu khảo sát của Phòng ĐT, Phòng CTCT & QLSV và báo cáo sinh hoạt CVHT hằng tháng của các CVHT. Hằng năm, trước khi bắt đầu năm học mới, Phòng ĐT xây dựng dự thảo kế hoạch đào tạo năm học và gửi đến các đơn vị trực thuộc để lấy ý kiến góp ý, trong đó yêu cầu các khoa chuyên môn phân tích và dự đoán tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học của các lớp chuyên ngành do khoa đang quản lý [H11.11.01.01]. Theo đó, đầu mỗi niên khóa, Khoa KT-QLCN phối hợp chặt chẽ với Phòng ĐT, Phòng CTCT & QLSV để theo dõi, giám sát tỷ lệ NH theo học bao gồm số lượng đầu vào của NH, tỷ lệ thôi học của NH [H11.11.01.02]. Tất cả các số liệu trên đều được Phòng ĐT quản lý thông qua phần mềm chuyên dụng với độ tin cậy và tính chính xác cao [H11.11.01.03].

Phòng ĐT và Khoa thường xuyên thống kê và giám sát chặt chẽ tỷ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp của SV ngành KTHTCN nhằm có sự đối sánh để cải tiến chất lượng ĐT. Phòng CTCT&QLSV chịu trách nhiệm khảo sát ý kiến NH, thống kê tình hình tốt nghiệp, việc làm SV; tổ chức đánh giá nội bộ, giám sát, rà soát việc ĐBCL trong công tác ĐT [H11.11.01.04].

Trường sử dụng phần mềm Education để lưu trữ dữ liệu SV, kết quả quá trình ĐT, học phí, học bổng, tình hình học tập rèn luyện, theo dõi điểm số của SV, xem xét tỷ lệ SV bị học lại, bỏ học, xét tốt nghiệp,... Thông qua phần mềm này giúp SV tra cứu nhanh (trực tuyến) KQHT, lịch học, lịch thi, điểm thi, đăng ký học phần và theo dõi, giám sát sự tiến bộ của mình một cách hiệu quả. Bên cạnh đó, Trường còn phát triển một số tính năng trong phần mềm nhằm phục vụ cho công tác tổng hợp thống kê báo cáo, chăm sóc SV nhằm phục vụ cho công tác quản lý và điều hành của lãnh đạo Trường [H11.11.01.05].

Mỗi học kỳ, tỷ lệ SV tốt nghiệp và thôi học các khoa được xác lập và giám sát chặt chẽ thông qua các báo cáo, phân tích kết quả ĐT theo từng học kỳ, năm học của Phòng ĐT. Cùng với báo cáo phân tích, đánh giá kết quả đào tạo và đề xuất cải tiến của Khoa KT-QLCN.

Bảng 11.1.1. Tỷ lệ SV tốt nghiệp ngành KTHTCN của 6 khóa

Khóa học	Thời gian đào tạo	Số lượng toàn khóa	NH hoàn thành chương trình trong thời gian									
			3 năm		4 năm		4,5 năm		Trên 4,5 năm		Tổng	
			SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)
2014	4 năm	53	0	0	21	39,6	9	17,0	11	20,8	41	77,4
2015	4 năm	73	0	0	31	42,5	4	5,5	15	20,5	50	68,5
2016	4 năm	27	0	0	14	51,9	5	18,5	3	11,1	22	81,5
2017	4 năm	33	0	0	13	39,4	5	15,2	6	18,2	24	72,7
2018	4 năm	80	0	0	38	47,5	4	5,0	5	6,3	47	58,8
2019	4,5 năm	48	0	0	0	0,0	21	43,8	0	0,0	21	43,8

(Nguồn: Nhóm Chuyên trách tổng hợp, cập nhật đến 12/2023)

Qua bảng số liệu về tỷ lệ SV tốt nghiệp ngành KTHTCN, tính cho đến thời điểm hiện tại ngành đã có 06 khóa có SV tốt nghiệp. CTĐT của các khóa 2014 đến 2018 là 4 năm nên tỷ lệ SV tốt nghiệp của các khóa này cũng tập trung là 4 năm, CTĐT của khóa 2019 là 4,5 năm nên có đến 43,8% SV tốt nghiệp trong thời gian 4,5 năm. Tuy nhiên, tỷ lệ SV tốt nghiệp của ngành KTHTCN từ khóa 2014 đến khóa 2019 ở mức thấp, chỉ từ 43,8% đến 81,5%. SV chưa tốt nghiệp còn trong thời gian đào tạo theo quy định, SV thôi học.

Bảng 11.1.2. Tỷ lệ SV thôi học ngành KTHTCN các khóa

Năm		2018		2019		2020		2021		2022		2023	
Khóa	SL toàn khóa	SL TH	Tỷ lệ (%)	SL TH	Tỷ lệ (%)	SL TH	Tỷ lệ (%)	SL TH	Tỷ lệ (%)	SL TH	Tỷ lệ (%)	SL TH	Tỷ lệ (%)
2014	53	6	11,3	0	0	4	8,5	0	0	0	0	2	4,7
2015	73	7	9,6	0	0	8	12,1	0	0	1	1,7	0	0
2016	27	0	0	0	0	5	18,5	0	0	0	0	0	0
2017	33	0	0	0	0	1	3,0	0	0	0	0	0	0
2018	80	0	0	0	0	8	10,0	9	12,5	2	3,2	1	1,6
2019	48	0	0	0	0	0	0	7	14,6	1	2,4	2	5,0

(Nguồn: Nhóm Chuyên trách tổng hợp, cập nhật đến 12/2023)

Qua bảng số liệu trên cũng cho thấy tỷ lệ thôi học của NH trong khoảng từ 1,6% - 18,5% từ khóa 2014 đến 2019. Khóa 2016 có tỷ lệ SV thôi học cao nhất, lên đến 18,5% vào năm 2020 là giai đoạn đại dịch phức tạp với nhiều khó khăn về điều kiện học tập, kinh tế và tâm lý nên có tỷ lệ thôi học cao. Sau đó, tỷ lệ SV thôi học giảm ở khóa 2018 và thấp nhất là khóa 2019.

Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp của SV được đánh giá, phân tích, giám sát. Nhằm giảm thiểu số lượng NH thôi học từ khóa 2014 trở đi, Ban chủ nhiệm Khoa KT-QLCN đã tiến hành rà soát dữ liệu tình hình học tập của từng niên khóa do giáo vụ Khoa cung cấp.

Hoạt động quản lý SV thôi học/SV tốt nghiệp được thực hiện qua nhiều cấp độ khác nhau: cấp khoa và cấp trường. Khoa là đầu mối thông tin về tình trạng sinh viên, tỷ lệ SV tốt nghiệp, thôi học, đang theo học. Thống kê của Phòng ĐT, Phòng CTCT&QLSV hàng tháng cũng là kết quả quan trọng thể hiện chính xác số liệu trạng thái NH [H11.11.01.05]. Ban chủ nhiệm Khoa cùng các CVHT đánh giá, dự đoán xu hướng tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học của NH tham gia CTĐT, từ đó xây dựng các giải pháp phù hợp nhằm giảm thiểu tỷ lệ thôi học và hỗ trợ SV tiếp tục quá trình học tập [H11.11.01.06]. Đối với các trường hợp NH có kết quả thuộc diện cảnh báo buộc thôi học, Phòng ĐT, Phòng CTCT&QLSV phối hợp Khoa KT-QLCN đề xuất giải pháp thông qua CVHT để trao đổi trực tiếp với NH về vấn đề học vụ; phối hợp với GV phụ trách để hỗ trợ thêm cho SV các phương pháp cải thiện kết quả học tập, hạn chế tình trạng cảnh báo học vụ. Các biện pháp này được triển khai cụ thể tại báo cáo đánh giá dự đoán xu thế tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học của NH tham gia CTĐT và các biện pháp cải tiến chất lượng phù hợp [H11.11.01.07]. Hằng năm, Khoa KT-QLCN đối sánh về tỷ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp để cải tiến chất lượng CTĐT. Đối sánh nội bộ trong Khoa KT-QLCN giữa 2 ngành KTHTCN và QLCN được thể hiện ở bảng 11.1.3 và 11.1.4. Việc đối sánh về tỷ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp được Phòng ĐT thực hiện với các ngành đào tạo khác trong phạm vi nhà Trường [H11.11.01.08].

Bảng 11.1.3. Đối sánh tỷ lệ SV tốt nghiệp của 6 khoá với ngành QLCN

Ngành	Khóa học	Thời gian đào tạo (năm)	Số lượng toàn khóa	NH hoàn thành chương trình trong thời gian									
				3 năm		4 năm		4,5 năm		Trên 4,5 năm		Tổng	
				SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)
KTHTCN	2014	4	53	0	0	21	39,6	9	17,0	11	20,8	41	77,4
	2015	4	73	0	0	31	58,5	4	7,5	15	28,3	50	68,5
	2016	4	27	0	0	14	26,4	5	9,4	3	5,7	22	81,5
	2017	4	33	0	0	13	24,5	5	9,4	6	11,3	24	72,7
	2018	4	80	0	0	38	71,7	4	7,5	5	9,4	47	58,8
	2019	4,5	48	0	0	0	0,0	21	39,6	0	0,0	21	43,8
QLCN	2014	4	78	0	0	48	61,5	6	7,7	5	6,4	59	75,6
	2015	4	123	0	0	71	57,7	6	4,9	10	8,1	87	70,7
	2016	4	26	0	0	16	61,5	2	7,7	2	7,7	20	76,9
	2017	4	56	0	0	28	50,0	9	16,1	10	17,9	47	83,9
	2018	4	69	0	0	53	76,8	2	2,9	1	1,4	56	81,2
	2019	4,5	85	0	0	0	0,0	54	63,5	0	0,0	54	63,5

(Nguồn: Nhóm Chuyên trách tổng hợp, cập nhật đến 12/2023)

Kết quả đối sánh giữa ngành đào tạo KTHTCN và ngành QLCN là 2 ngành thuộc Khoa KT-QLCN của Trường quản lý và đào tạo cho thấy, tỷ lệ SV tốt nghiệp ngành

QLCN cao hơn ngành KTHTCN và tỷ lệ SV ngành QLCN tốt nghiệp đúng với thời gian đào tạo (4 năm đối với khóa 2014 đến khóa 2018, 4,5 năm đối với khóa 2019).

Bảng 11.1.4. Đối sánh tỷ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn, thời gian TN trung bình với ngành QLCN

Khóa	Tỷ lệ thôi học		Tỷ lệ TN đúng hạn		Thời gian TNTB	
	Ngành kiểm định	Ngành đối sánh	Ngành kiểm định	Ngành đối sánh	Ngành kiểm định	Ngành đối sánh
2014	22,64	23,08	51,22	81,36	4,73	4,19
2015	30,14	29,27	60,78	81,61	4,78	4,28
2016	18,52	15,38	63,64	72,73	4,49	4,25
2017	3,03	12,5	40,63	57,14	4,43	4,29
2018	26,25	5,8	65,52	81,54	4,14	4,03
2019	20,83	12,94	55,26	72,97	4,25	4,25

(Nguồn: Phòng Đào tạo, cập nhật đến 12/2023)

Sau mỗi năm học, Phòng ĐT tiến hành đối sánh tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV học lại học phần trên thực tế. Phòng CTCT&QLSV tiến hành đối sánh tỷ lệ SV bị buộc thôi học, tỷ lệ SV bị cảnh báo học vụ, phổ điểm kết quả rèn luyện so với dự đoán trong kế hoạch đào tạo năm học. Sau mỗi đợt tốt nghiệp, Phòng ĐT tiến hành đối sánh tỷ lệ SV tốt nghiệp so với cùng kỳ các năm trước. Đồng thời sau mỗi học kỳ, Phòng ĐT tiến hành đối sánh tỷ lệ SV học lại, phổ điểm kết quả học tập so với cùng kỳ các năm trước. Ngoài ra, Phòng ĐT đối sánh tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học, tỷ lệ SV học lại học phần của các CTĐT tương ứng với Trường Đại học Cần Thơ. Kết quả đối sánh tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học, tỷ lệ SV học lại, thi lại học phần của Trường được báo cáo BGH Nhà trường và gửi đến các Khoa. Trong giai đoạn 2018 - 2023, Trường tập trung tăng cường đầu tư CSVC, trang thiết bị đáp ứng nhu cầu dạy và học, rà soát, điều chỉnh CTĐT nhằm phù hợp với yêu cầu xã hội, đổi mới PPDH, KTĐG, tăng tỷ lệ SV tốt nghiệp, giảm tỷ lệ SV thôi học cũng như giảm tỷ lệ SV học lại, thi lại các học phần của Trường [H11.11.01.09], [H11.11.01.10], [H11.11.01.11].

2. Điểm mạnh

Trường có bộ phận, công cụ để theo dõi, cập nhật danh sách, tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp. Có tiến hành thống kê danh sách, tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp mỗi khóa đào tạo. Có tìm hiểu, phân tích nguyên nhân thôi học.

3. Điểm hạn chế

SV tốt nghiệp và SV tốt nghiệp chưa đúng tiến độ của ngành KTHTCN vẫn còn ở tỷ lệ khá cao.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Các CVHT của từng lớp giám sát tình hình học tập của NH do mình phụ trách, nắm bắt nguyên nhân của từng trường hợp cụ thể bị chậm tiến độ để có các giải pháp giúp SV tốt nghiệp đúng tiến độ.	Khoa KT-QLCN Phòng TT-PC-KT-ĐBCL Phòng CTCT&QLSV CVHT	Định kỳ tháng 2 và tháng 7 hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường tăng cường kinh phí nâng cấp phần mềm quản lý giáo dục, trong đó có tăng cường phân công theo dõi, giám sát tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp đúng hạn và danh sách thôi học, tốt nghiệp.	Phòng ĐT Phòng QT-TB Ban QT HTTT Và các đơn vị liên quan	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Trường ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị, trong đó giao nhiệm vụ cho Phòng ĐT là đơn vị chủ trì phối hợp với Phòng CTCT&QLSV, các Khoa theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của SV trong các ngành đào tạo của Trường. BGH Trường phân công 01 lãnh đạo trường quản lý công tác đào tạo, chỉ đạo chung về hệ thống theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của SV. Thời gian tốt nghiệp trung bình của hình thức đào tạo chính quy ngành KTHTCN được Khoa KT-QLCN tính toán cụ thể. Qua đó, Khoa KT-QLCN tiến hành phân công bộ phận chuyên trách giám sát tốt nghiệp và thiết lập quy trình thực hiện giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình [H11.11.02.01]. Theo quy định của BGD & ĐT và căn cứ vào quy chế đào tạo tín chỉ của Trường, thời gian đào tạo trung bình của trình độ đại học ngành KTHTCN được xác lập là 4 năm, thời gian đào tạo tối đa cho phép là 8 năm áp dụng cho các khóa 2018 trở về trước [H11.11.02.02]. Đối với các khóa từ 2019 trở đi, thời gian đào tạo trung bình là 4,5 năm, thời gian đào tạo tối đa là 9 năm. Thời gian tốt nghiệp trung bình được giám sát thường xuyên thông qua hoạt động của Phòng ĐT và được theo dõi trên hệ thống cơ sở dữ liệu phần mềm ĐT và được báo cáo định kỳ [H11.11.02.03], [H11.11.02.04].

Bảng 11.2.1. Thời gian tốt nghiệp trung bình ngành KTHTCN

Khóa		2014	2015	2016	2017	2018	2019
Thời gian đào tạo		4 năm	4 năm	4 năm	4 năm	4 năm	4,25 năm
Số lượng tốt NH tốt nghiệp trong thời gian (năm)	4	21	31	14	13	38	0
	4,25	0	0	0	2	1	21
	4,5	9	4	5	3	3	0
	5	2	4	0	4	5	0
	5,5	2	1	0	0	0	0
	6	2	1	1	1	0	0
	6,25	0	0	0	1	0	0
	6,5	1	1	0	0	0	0
	7	0	5	1	0	0	0
	7,25	2	0	1	0	0	0
	7,5	1	0	0	0	0	0
	8	1	3	0	0	0	0
Thời gian tốt nghiệp trung bình		4,73	4,78	4,49	4,43	4,14	4,25

(Nguồn: Phòng Đào tạo, cập nhật đến 30/12/2023)

Kết thúc từng học kỳ, Phòng ĐT phối hợp Khoa KT-QLCN tiến hành đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình trên thực tế so với thời gian trung bình được dự đoán trong kế hoạch đào tạo năm học. Bên cạnh đó, Phòng ĐT tiến hành đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình trên thực tế so với thời gian tốt nghiệp trung bình của năm học trước. Ngoài ra, Phòng ĐT còn đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình với các CTĐT tương ứng của các trường ĐH trên địa bàn thành phố Cần Thơ và khu vực Đồng bằng sông Cửu Long [11.11.02.05], [11.11.02.06]. Việc thực hiện giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình được thực hiện theo Quy định về đối sánh về chất lượng giáo dục của Trường ban hành [11.11.02.07]. Định kỳ hằng năm, Trường tổ chức hội nghị đối thoại giữa BGH với SV để nắm bắt tâm tư nguyện vọng của SV, đồng thời trao đổi, hướng dẫn, hỗ trợ SV rút ngắn thời gian tốt nghiệp [11.11.02.08].

Căn cứ kết quả theo dõi, giám sát, đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của Trường, Phòng ĐT chủ trì và phối hợp với các Khoa đề xuất các biện pháp cải tiến chất lượng để nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp và rút ngắn thời gian tốt nghiệp của tất cả CTĐT và thể hiện trong kế hoạch năm học của Trường và của các đơn vị [11.11.02.09], [11.11.02.10]. Trong giai đoạn 2018 - 2023, các báo cáo tổng kết năm học của Trường có nội dung điều chỉnh CTĐT hướng đến nâng cao chất lượng, rút ngắn thời gian đào tạo [11.11.02.11], [11.11.02.12]. Trường điều chỉnh chuẩn đầu ra ngoại ngữ phù hợp với tình hình thực tế của trường [11.11.02.13]. Bên cạnh đó, Trường có chính sách hỗ trợ nhằm tạo điều kiện để SV rút ngắn thời gian tốt nghiệp CTĐT [11.11.02.14]. Sinh viên các khóa 2014, khóa 2015, khóa 2016, khóa 2017, 2018 có thời gian tốt nghiệp

trung bình lần lượt là 4,73; 4,78; 4,49; 4,43, 4,14 năm (thời gian đào tạo 4 năm), sinh viên khóa 2019 là 4,25 năm (thời gian đào tạo là 4,5 năm).

2. Điểm mạnh

Trường và Khoa có bộ phận, công cụ để theo dõi, thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình của NH các khóa học. Có các biện pháp hỗ trợ NH học vượt tiến độ để tốt nghiệp sớm tiến độ và cũng tìm hiểu nguyên nhân NH tốt nghiệp chậm tiến độ để có biện pháp khắc phục.

3. Điểm tồn tại

Một số NH chưa biết cách sắp xếp kế hoạch học tập cá nhân hiệu quả, bị ảnh hưởng bởi việc làm thêm nên không theo kịp tiến độ học tập ở những năm cuối. Thời gian tốt nghiệp trung bình của ngành KTHTCN còn cao so với thời gian dự kiến.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Khoa kết hợp với Phòng ĐT định kỳ tổng kết, đánh giá về NH tốt nghiệp trước hạn, đúng hạn, trễ hạn so với thiết kế CTĐT để có những điều chỉnh về CTĐT, hoạt động giảng dạy, đánh giá NH, hoạt động hỗ trợ một cách phù hợp, kịp thời giúp NH tốt nghiệp đúng hạn.	Khoa KT-QLCN Phòng ĐT Phòng CTCT&QLSV CVHT	Định kỳ tháng 7 hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường và Khoa KT-QLCN tiếp tục tăng cường các biện pháp cải tiến chất lượng để rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình của NH.	Khoa KT-QLCN Phòng ĐT Phòng CTCT&QLSV CVHT	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Phòng CTCT&QLSV là đơn vị được Trường giao nhiệm vụ theo dõi, giám sát tỷ lệ có việc làm của NH sau 01 năm tốt nghiệp của tất cả các CTĐT. Phòng CTCT&QLSV phân công 01 Phó trưởng phòng và 01 chuyên viên phụ trách việc theo dõi, giám sát tỷ lệ có việc làm của NH sau 01 năm tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của Trường. Hằng

năm, Phòng CTCT&QLSV phối hợp với các Khoa để theo dõi, liên hệ với SV tốt nghiệp và hỗ trợ SV tốt nghiệp chưa có việc làm [H11.11.03.01]. Định kỳ hằng năm, Phòng CTCT&QLSV thống kê và gửi kết quả SV có việc làm, vị trí làm việc, mức thu nhập bình quân của SN sau khi tốt nghiệp của tất cả các CTĐT đến các Khoa để tham khảo [H11.11.03.02]. Bên cạnh đó, các báo cáo kết quả khảo sát cựu SV của Trường thể hiện vị trí làm việc, mức thu nhập bình quân của cựu SV [H11.11.03.03].

Giai đoạn 2018 - 2023, Trường ban hành kế hoạch khảo sát các BLQ về các lĩnh vực hoạt động của Trường, trong đó có khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp [H11.11.03.04]. Kết quả khảo sát tình hình việc làm của SV sau 01 năm tốt nghiệp được gửi đến các Khoa chuyên môn [H11.11.03.05]. Qua kết quả khảo sát sinh viên tốt nghiệp năm 2020 có 641/671 (đạt 95,5%) ý kiến cựu SV trả lời, trong đó có việc làm đúng ngành đào tạo 251/641 (đạt 39,16%); liên quan đến ngành đào tạo 269/641 (đạt 41,97%); không liên quan đến ngành đào tạo 98/641 (đạt 15,29%); tiếp tục học nâng cao trình độ 1/641 (đạt 0,16%); chưa có việc làm 22/641 (đạt 3,43%).

Định kỳ hằng năm, Trường phối hợp các tổ chức xã hội nghề nghiệp, doanh nghiệp và nhà tuyển dụng thông qua tổ chức hội thảo, hội nghị việc làm nhằm tư vấn, hỗ trợ SV có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp [H11.11.03.06]. Căn cứ kết quả khảo sát tình hình việc làm của SV sau 01 năm tốt nghiệp, Phòng CTCT&QLSV tiến hành đối sánh tỷ lệ SV có việc làm sau 01 năm tốt nghiệp trên thực tế so với tỷ lệ được dự đoán trong kế hoạch đào tạo năm học. Bên cạnh đó, Phòng CTCT&QLSV tiến hành đối sánh tỷ lệ SV có việc làm sau 01 năm tốt nghiệp của các CTĐT tương ứng của các trường ĐH trên địa bàn thành phố Cần Thơ [H11.11.03.07].

Bảng 11.3.1. Thống kê môi trường làm việc của SV KTHTCN tốt nghiệp (%)

Năm học	SVTN phản hồi	Môi trường làm việc của NH tốt nghiệp											
		DN tư nhân		DN có vốn đầu tư nước ngoài		Các cơ quan Nhà nước		DN quốc doanh		Tự làm chủ		Loại hình khác	
		SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ
2018 - 2019	15	13	86,67		0,00	0	0,00	0	0	2	13,33	0	0
2019 - 2020	33	18	54,55	4	12,12	4	0,12	0	0	2	6,06	0	0
2020 - 2021	42	39	92,86	1	2,38	0	0,00	0	0	0	0,00	0	0
2021 - 2022	25	19	76,00	2	8,00	0	0,00	0	0	2	8,00	0	0
2022 - 2023	53	33	62,26	7	13,21	4	0,08	0	0	2	3,77	0	0

(Nguồn: Nhóm Chuyên trách tổng hợp, cập nhật đến 12/2023)

Đa phần SV KTHTCN tốt nghiệp làm việc ở khu vực tư nhân từ 54,55% (năm 2020) và cao nhất là 92,86% (năm học 2021); tiếp theo là doanh nghiệp có vốn đầu tư

nước ngoài. Thống kê từ khảo sát của khoa về tình hình SV tốt nghiệp đáp ứng nhu cầu của nhà tuyển dụng: 12% không phù hợp chuyên môn, 88% phù hợp chuyên môn; 40% cần đào tạo thêm; 60% không cần đào tạo thêm.

Căn cứ kết quả theo dõi, giám sát, đối sánh tỷ lệ SV có việc làm sau 01 năm tốt nghiệp, của Trường, Phòng CTCT&QLSV chủ trì và phối hợp với các Khoa đề xuất các biện pháp hướng nghiệp và hỗ trợ tìm việc làm cho SV để nâng cao tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp của tất cả các CTĐT [H11.11.03.08]. Các biện pháp hướng nghiệp và hỗ trợ tìm việc làm cho SV để nâng cao tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp của tất cả các CTĐT được thông qua cuộc họp giao ban giữa BGH Trường với lãnh đạo các đơn vị và thể hiện trong kết luận cuộc họp với việc phân công cụ thể các đơn vị thực hiện. Hằng năm, Trường dành kinh phí chi cho các hoạt động tư vấn, hỗ trợ việc làm cho SV, tổ chức Ngày hội việc làm đồng thời thông tin kịp thời các thông tin tuyển dụng đến SV [H11.11.03.09], [H11.11.03.10]. Bên cạnh đó, Nhà trường tăng cường đầu tư CSVC, trang thiết bị đáp ứng nhu cầu dạy và học, rà soát, điều chỉnh CTĐT nhằm phù hợp với yêu cầu xã hội, đổi mới PPDH, KTĐG,... nhằm nâng cao tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp của tất cả các CTĐT [H11.11.03.11], [H11.11.03.12], [H11.11.03.13]. Tất cả các thông tin tuyển dụng của các doanh nghiệp được Trường đăng đầy đủ trên website của Trường, của Khoa [H11.11.03.14]. Ngoài ra, Trường ký nhiều hợp tác với các cơ sở đào tạo, các khu công nghiệp nhằm thúc đẩy tạo điều kiện cho SV tiếp cận việc làm sau tốt nghiệp [H11.11.03.15].

2. Điểm mạnh

Trường có đơn vị phụ trách khảo sát NH tốt nghiệp về cải thiện cơ hội việc làm sau tốt nghiệp trong thời gian đánh giá, có số liệu tin cậy về việc làm của NH, có tổ chức thảo luận, phân tích nguyên nhân, đề xuất các biện pháp khắc phục.

Tỷ lệ NH có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập và giám sát. NH được đánh giá năng động, có kỹ năng mềm đáp ứng yêu cầu công việc.

Có sự gắn kết tốt giữa Trường và DN trong hoạt động kiên tập, thực tập của NH cũng như chia sẻ chuyên đề và tuyển dụng.

3. Điểm tồn tại

Hiện nay số lượng cựu NH phản hồi khảo sát về việc làm sau khi tốt nghiệp còn chưa đầy đủ. NH ngành KTHTCN làm việc ở ngành gần hoặc chưa đúng ngành đào tạo còn nhiều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Trường phối hợp cùng các Khoa đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động gắn kết với cựu SV để đánh giá rõ nét kết quả ĐT của Trường, từ đó tiếp tục đổi mới CTĐT nhằm đáp ứng nhu cầu hiện tại của XH.	Khoa KT-QLCN Phòng ĐT Phòng CTCT&QLSV CVHT	Hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường và Khoa KT-QLCN tăng cường các biện pháp cải tiến tỷ lệ SV có việc làm sau khi tốt nghiệp, tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp của các CTĐT, mức độ hài lòng của các BLQ đối với chất lượng của NH tốt nghiệp của các CTĐT.	Khoa KT-QLCN Phòng ĐT Phòng CTCT&QLSV CVHT	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH được xác lập. Mục tiêu chính của NCKH ở bậc đại học là trang bị cho SV các kiến thức, kỹ năng NCKH độc lập để hỗ trợ cho hoạt động học tập, chuẩn bị cho SV hành trang tốt nhất sau khi ra trường. Sản phẩm từ các hoạt động NCKH từ NH là tiêu chí quan trọng thể hiện chất lượng đào tạo của Khoa. Với những ý nghĩa quan trọng trên, Trường luôn quan tâm và chú trọng công tác NCKH của SV thông qua việc ban hành Quy định quản lý hoạt động NCKH của SV có nêu rõ nội dung về loại hình, số lượng và chất lượng NCKH mà NH phải thực hiện [H11.11.04.01]. Bên cạnh đó, trong quy chế rèn luyện của SV có điểm thưởng dành cho SV có tham gia NCKH [H11.11.04.02]. Trong Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030; kế hoạch tổ chức các hoạt động khoa học - công nghệ hằng năm, kế hoạch năm học hằng năm của Trường và của các Khoa đều có chỉ tiêu về số lượng và chất lượng NCKH của SV [H11.11.04.03], [H11.11.04.04].

Trường xác định hệ thống theo dõi, giám sát loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu; các hoạt động NCKH của NH, trong đó cấp trường do Phòng QLKH-HTQT

thực hiện; cấp Khoa do Khoa và Bộ môn thực hiện. Về chuyên môn có các Hội đồng xét duyệt thuyết minh, Hội đồng nghiệm thu đề tài NCKH của SV. BGH Trường phân công 01 Phó Hiệu trưởng phụ trách hoạt động NCKH của Trường. Trên cơ sở đó, Phòng QLKH-HTQT phân công 01 chuyên viên thực hiện việc, theo dõi, giám sát hoạt động NCKH của SV [H11.11.04.05]. Theo đó, hoạt động NCKH của SV ngành KTHTCN được thực hiện với nhiều loại hình khác nhau như: thực hiện đề tài NCKH cấp cơ sở, bài kỹ yếu hội thảo khoa học, bài báo khoa học,... mang lại những ý nghĩa thiết thực cho SV [H11.11.04.06]. Tuy nhiên, giai đoạn 2018 - 2023 số lượng hoạt động NCKH và số SV tham gia các hoạt động NCKH của Khoa KT-QLCN nói chung, ngành KTHTCN nói riêng còn hạn chế về số lượng: 28 NH tham gia 23 tham luận tham gia Hội thảo cấp Trường, 03 NH tham luận Hội thảo trong nước, 03 tham luận Hội thảo quốc tế, 01 bản tin KHCN cấp trường, 05 NH tham gia 02 bài báo quốc tế, 09 NH tham gia 04 đề tài NCKH cơ sở.

Hàng năm, Phòng QLKH-HTQT tiến hành xây dựng CSDL về kết quả NCKH của SV toàn trường dựa trên báo cáo hằng năm của các Khoa. Bên cạnh đó, các Khoa đồng thời xây dựng CSDL về kết quả thực hiện NCKH của SV của Khoa. Định kỳ từng học kỳ và đặc biệt là cuối mỗi năm học, các Khoa tiến hành báo cáo kết quả thực hiện NCKH của SV về Phòng QLKH-HTQT để cập nhật CSDL cấp trường [H11.11.04.07], [H11.11.04.08], [H11.11.04.09]. Trường phân công nhiệm vụ cho Phòng TT-PC-KT-ĐBCL là đơn vị chủ trì việc thực hiện khảo sát các BLQ về chất lượng nghiên cứu của SV Trường [H11.11.04.09]. Trong nội dung khảo sát ý kiến của các BLQ có khảo sát ý kiến phản hồi của GV, SV, các doanh nghiệp sử dụng lao động về chất lượng NCKH của SV Trường. Kết quả khảo sát các BLQ đánh giá chất lượng nghiên cứu của SV Trường ở mức độ Khá [H11.11.04.10].

Hàng năm, Phòng QLKH-HTQT thực hiện đối sánh kết quả NCKH mà SV Trường đạt được so với quy định về loại hình, số lượng và chất lượng NCKH mà SV Trường phải thực hiện. Bên cạnh đó, Phòng QLKH-HTQT tiến hành đối sánh kết quả NCKH của SV đạt được so với các chỉ tiêu về NCKH của SV đã xác định trong kế hoạch năm học. Các Khoa chuyên môn đồng thời đối sánh kết quả NCKH SV của khoa đạt được so với các chỉ tiêu về NCKH của SV được xác định trong kế hoạch năm học của đơn vị. Ngoài ra, hằng năm, Trường thực hiện đối sánh kết quả NCKH của SV với các tiêu chí về NCKH trong tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD do Bộ GD&ĐT ban hành [H11.11.04.11].

Bảng 11.4.1. Thống kê hoạt động NCKH của SV các ngành khác của khoa

TT	Nội dung	Ngành						Tổng
		KTHTCN	QLCN	L&QLCCU	QTKD	KETO	TCNH	
1	Kỷ yếu khoa học quốc gia	1	2	0	0	0	0	3
2	Kỷ yếu khoa học quốc tế	0	1	0	0	0	0	1
3	Bài báo khoa học quốc tế	0	0	0	0	0	0	0
4	Bản tin khoa học cấp trường	1	0	0	0	0	0	1
5	Đề tài NCKH cấp cơ sở	2	7	0	0	0	0	9
6	Kỷ yếu Hội thảo khoa học cấp trường	7	18	3	2	0	0	30
	Tổng	11	28	3	2	0	0	

(Nguồn: Khoa KT-QLCN, 12/2023)

Căn cứ kết quả giám sát, đối sánh kết quả NCKH của SV Trường đạt được hằng năm, BGH trường hợp với lãnh đạo các đơn vị đề ra soát loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ SV và xác định các biện pháp cải tiến hoạt động NCKH của SV [H11.11.04.12]. Trong kết luận cuộc họp thể hiện các biện pháp cải tiến hoạt động NCKH của SV và phân công cụ thể để các đơn vị thực hiện. Bên cạnh đó, trong kế hoạch năm học của Trường, của Phòng QLKH-HTQT và của các Khoa có các nội dung, biện pháp cải tiến hoạt động NCKH của SV. Ngoài ra, Trường luôn cải tiến các chính sách về tài chính nhằm động viên, khuyến khích SV tham gia NCKH, đầu tư CSVC trang thiết bị phục vụ hoạt động NCKH của SV [H11.11.04.13]. Trong giai đoạn 2018 - 2023, hoạt động NCKH của đội ngũ SV Trường tăng lên qua từng năm về loại hình, số lượng, chất lượng nghiên cứu [H11.11.04.14].

2. Điểm mạnh

Trường có kế hoạch hoạt động NCKH của SV, có hệ thống theo dõi, giám sát loại hình nghiên cứu và các hoạt động NCKH của SV từ Trường tới Khoa. Khoa có sự tổ chức, hỗ trợ tư vấn đề tài nghiên cứu cho SV, các phòng chức năng luôn quan tâm hỗ trợ SV trong quá trình làm đề tài.

3. Điểm tồn tại

Vẫn còn một số SV còn chưa hiểu rõ vai trò của NCKH, chưa hào hứng với hoạt động NCKH.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm	Từ năm 2024 - 2025, Trường đẩy mạnh việc NCKH trong SV bằng việc tăng cường hỗ trợ tài chính	Khoa KT-QLCN Phòng QLKH-	Hằng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
	tồn tại	cho các đề tài tham gia. Bên cạnh đó, Trường và Khoa sẽ tiếp tục các hội đồng tư vấn đề tài NCKH cho SV nhằm mục đích định hướng nghiên cứu cho các đề tài triển khai đạt hiệu quả cao. Đoàn - Hội, Khoa triển khai mạnh mẽ các hoạt động truyền thông, tư vấn cho SV về vai trò của NCKH trong SV.	HTQT Phòng TC-KT Đoàn TN Hội SV		
2	Phát huy điểm mạnh	Khoa và Phòng QLKH-HTQT tiếp tục chuẩn hóa quy định NCKH NH, đẩy mạnh và thường xuyên tổ chức các lớp miễn phí về NCKH cho sinh viên.	Khoa KT-QLCN Phòng QLKH-HTQT	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các BLQ được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Trường phân công nhiệm vụ cho Phòng TT-PC-KT-ĐBCL là đơn vị xây dựng kế hoạch và phối hợp các phòng, khoa triển khai khảo sát mức độ hài lòng của các BLQ (cán bộ nhân viên, GV, NH, NH đã tốt nghiệp, nhà tuyển dụng) về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, SV, cơ sở vật chất,...). Định kỳ hằng năm, căn cứ quy định khảo sát các BLQ của Trường, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL xây dựng kế hoạch khảo sát và triển khai lấy ý kiến phản hồi của các đơn vị trực thuộc về kế hoạch khảo sát mức độ hài lòng của các BLQ về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, NH, cơ sở vật chất, trình Hiệu trưởng ký ban hành và thông báo đến các đơn vị thực hiện [H11.11.05.01]. Trong kế hoạch khảo sát mức độ hài lòng của các BLQ về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, SV, cơ sở vật chất,... có phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị trực thuộc thực hiện và phối hợp thực hiện khảo sát [H11.11.05.02]. Theo đó, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL phối hợp các đơn vị xây dựng các biểu mẫu khảo sát và trình Hiệu trưởng phê duyệt, đồng thời xây dựng kế hoạch khảo sát các BLQ, triển khai, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện của các đơn vị liên quan, hỗ trợ các đơn vị phân tích số liệu khảo sát, lưu trữ toàn bộ kế hoạch, biên bản, các văn bản triển khai thực hiện, phiếu khảo sát, dữ liệu thống kê, các báo cáo, văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện cải tiến chất lượng

về công tác khảo sát trong thời hạn 05 năm [H11.11.05.03]. Ngoài ra, Trường kết hợp khảo sát bằng phiếu khảo sát trực tiếp và khảo sát trực tuyến. Việc thực hiện khảo sát ý kiến của cựu SV, các nhà tuyển dụng còn được thực hiện thông qua Ngày hội việc làm, các hội nghị, hội thảo do Trường, Khoa tổ chức hoặc những dịp cựu SV về thăm Trường.

Kế hoạch công tác hằng năm của Trường, của Phòng TT-PC-KT-ĐBCL có nội dung giám sát sự hài lòng của các BLQ về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, NH, cơ sở vật chất. Kết quả kiểm tra, giám sát sự hài lòng của các bên liên về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, NH, cơ sở vật chất,... được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Trường và của Phòng TT-PC-KT-ĐBCL, đồng thời thể hiện trong báo cáo tại Hội nghị viên chức và người lao động hằng năm và trong báo cáo kết quả khảo sát các BLQ [H11.11.05.04] [H11.11.05.05]. Phòng ĐT phối hợp các Khoa thực hiện đối sánh sự hài lòng của các BLQ đối với chất lượng của SV tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của Trường đạt được so với các chỉ tiêu về sự hài lòng của các BLQ về chất lượng của SV tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của Trường đã xác định trong kế hoạch năm học. Các Khoa đồng thời đối sánh kết quả sự hài lòng của các BLQ đối với chất lượng của SV tốt nghiệp của các CTĐT đạt được so với các chỉ tiêu đã được xác định trong kế hoạch năm học của đơn vị [H11.11.05.06]. Ngoài ra, Trường thực hiện đối sánh sự hài lòng của các BLQ đối với chất lượng của SV tốt nghiệp của các CTĐT mà Trường đạt được so với các tiêu chí về sự hài lòng của các BLQ đối với chất lượng của SV tốt nghiệp của các CTĐT trong tiêu chuẩn ĐGCL trường ĐH do Bộ GD&ĐT ban hành.

Căn cứ kết quả giám sát, đối sánh, khảo sát ý kiến của các BLQ đối với chất lượng của SV tốt nghiệp của CTĐT ngành KTHTCN, Phòng ĐT phối hợp với Khoa KT-QLCN đề xuất các biện pháp cải tiến để nâng cao sự hài lòng của các BLQ đối với chất lượng của SV tốt nghiệp của CTĐT, thông qua cuộc họp giao ban giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị trực thuộc và thể hiện trong kết luận cuộc họp với sự phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị thực hiện [H11.11.05.07]. Trong giai đoạn 2018 - 2023, Trường áp dụng nhiều biện pháp cải tiến để nâng cao sự hài lòng của các BLQ đối với chất lượng của SV tốt nghiệp của Trường nói chung và của ngành KTHTCN nói riêng. Kết quả khảo sát ý kiến của cựu SV, các nhà tuyển dụng thể hiện mức độ hài lòng về chất lượng của SV tốt nghiệp CTĐT ngành KTHTCN.

2. Điểm mạnh

Trường và Khoa có bộ phận, quy trình, công cụ và phương pháp triển khai, tiếp nhận và giám sát sự phản hồi từ các BLQ. Ý kiến của các BLQ được khai thác đầy đủ ở nhiều khía cạnh khác nhau và đều được sử dụng trong cải tiến chất lượng các hoạt động ĐT, hỗ trợ NH và điều chỉnh CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Mức độ hài lòng của các BLQ chưa được rà soát, đánh giá về tính hệ thống để nâng cao hơn chất lượng ĐT và phục vụ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024-2025, Trường triển khai đánh giá tính hệ thống trong rà soát, đánh giá mức độ hài lòng của các BLQ để chất lượng ĐT, phục vụ NH ngày càng được nâng cao.	Khoa KT-QLCN Phòng TT-PC-KT-ĐBCL	Hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Khoa hoàn thiện CTDH và nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở có tham khảo kết quả khảo sát các BLQ để nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội.	Khoa KT-QLCN	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Kết luận Tiêu chuẩn 11

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn

Trường có bộ phận chuyên trách, có công cụ để theo dõi, cập nhật danh sách, theo dõi tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp, từ đó thực hiện tốt việc phân tích, đối sánh qua các năm. Triển khai nhiều biện pháp hiệu quả nhằm chăm sóc, hỗ trợ NH trong học tập và rèn luyện. Có bộ phận, công cụ để theo dõi, thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình của NH các khóa học. Có các biện pháp hỗ trợ NH học vượt tiến độ và tìm hiểu nguyên nhân NH tốt nghiệp muộn. Tỷ lệ NH có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập và giám sát. NH được đánh giá năng động, có kỹ năng mềm đáp ứng yêu cầu công việc. Có sự gắn kết tốt giữa Trường và DN trong hoạt động kiến tập, thực tập của NH cũng như chia sẻ chuyên đề và tuyển dụng. NH ngành KTHTCN nói riêng và SV của Khoa KT-QLCN nói chung tham gia hoạt động NCKH với nhiều hình thức khác nhau. Loại hình và số lượng NCKH của SV luôn được Khoa và Nhà trường hỗ trợ, giám sát bởi một hệ thống các văn bản, quy trình rõ ràng, được đối sánh và cải tiến hàng năm. Có bộ phận, quy trình, công cụ và phương pháp triển khai, tiếp nhận và giám sát sự phản hồi từ các BLQ. Ý kiến của các BLQ được khai thác đầy đủ ở nhiều khía cạnh khác nhau và đều được sử dụng trong cải tiến chất lượng các hoạt động ĐT, hỗ trợ NH và điều chỉnh CTĐT.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn

Chưa đối sánh chất lượng đầu ra của NH với các trường trong và ngoài nước. Một số SV chưa biết cách sắp xếp kế hoạch học tập cá nhân hiệu quả, bị ảnh hưởng bởi

việc làm thêm nên không theo kịp tiến độ học tập ở những năm cuối. Hiện nay, số lượng cựu SV phản hồi khảo sát về việc làm sau khi tốt nghiệp chưa đầy đủ. Vẫn còn một số SV chưa hiểu rõ vai trò của NCKH, chưa hào hứng với hoạt động NCKH. Mức độ hài lòng của các BLQ chưa được rà soát, đánh giá về tính hệ thống để nâng cao hơn chất lượng ĐT và phục vụ.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn

Có 3/5 tiêu chí đạt 5,0 điểm, 2/5 tiêu chí đạt 4,0 điểm. Mức trung bình của tiêu chuẩn đạt: 4,60 điểm; Số tiêu chí đạt: 5/5; Tỷ lệ số tiêu chí đạt: 100%.

PHẦN III. KẾT LUẬN

1. Tóm tắt những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của CTĐT

1.1. Về mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT ngành KTHTCN được xác định rõ ràng; phù hợp với SM và TN của Trường; phù hợp với mục tiêu của Luật GDĐH. Mục tiêu của CTĐT ngành KTHTCN tiếp thu ý kiến của các BLQ trong quá trình rà soát, điều chỉnh và thông báo, phổ biến bằng nhiều hình thức khác nhau. CĐR của CTĐT ngành KTHTCN được xác định rõ ràng, phản ánh được mục tiêu của CTĐT. CĐR của CTĐT ngành KTHTCN xác định cụ thể kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với NH tốt nghiệp do có tham chiếu dựa trên Khung trình độ quốc gia. CĐR của CTĐT ngành KTHTCN được xây dựng, rà soát, cập nhật đáp ứng yêu cầu của các BLQ do có tham khảo các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng, SV, cựu SV và nhu cầu của thị trường lao động. CĐR của CTĐT ngành KTHTCN được định kỳ rà soát, cập nhật ít nhất 2 năm một lần theo kế hoạch của trường dựa trên quy định của Bộ GD&ĐT. CĐR của CTĐT ngành KTHTCN được công bố công khai cho các BLQ trên các phương tiện thông tin và luôn được thể hiện trong CTĐT, trong đề cương học phần.

Để phát huy điểm mạnh, Trường và Khoa KT-QLCN tiếp tục tiếp thu ý kiến của các BLQ trong quá trình rà soát, điều chỉnh CTĐT, đồng thời phổ biến mục tiêu CTĐT bằng nhiều hình thức đa dạng. Định kỳ hằng năm Trường và Khoa KT-QLCN tiếp tục rà soát CĐR của CTĐT ngành KTHTCN phản ánh được mục tiêu của CTĐT, đáp ứng yêu cầu của các BLQ, có tham khảo các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng, SV, cựu SV và nhu cầu của thị trường lao động; xác định cụ thể kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với NH tốt nghiệp. Trường và Khoa KT-QLCN công bố công khai CĐR cho các BLQ trên các phương tiện thông tin và đảm bảo CĐR luôn được thể hiện trong CTĐT, trong đề cương học phần.

1.2. Về bản mô tả chương trình đào tạo

Trường ban hành Bản mô tả CTĐT ngành KTHTCN và thông báo đến các BLQ bên trong và bên ngoài trường bằng nhiều hình thức khác nhau. Năm 2020, Khoa KT-QLCN thực hiện điều chỉnh, cập nhật Bản mô tả CTĐT ngành KTHTCN với đầy đủ các

thông tin cần thiết theo quy định của tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH do Cục QLCL, Bộ GD&ĐT ban hành. ĐCCT học phần ngành KTHTCN được rà soát, điều chỉnh vào năm 2019, 2020 năm 2022. Bản mô tả CTĐT, ĐCCT học phần ngành KTHTCN được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau. ĐCCT học phần ngành KTHTCN được thông báo đến SV ngay tại buổi học đầu tiên. Hằng năm, Nhà trường khảo sát ý kiến phản hồi của các BLQ, trong đó có nội dung khảo sát về CTĐT với kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của các BLQ thể hiện các BLQ dễ dàng tiếp cận Bản Mô tả CTĐT và ĐCHP.

Để phát huy các điểm mạnh, định kỳ hằng năm Trường và Khoa KT-QLCN tiếp tục rà soát, ban hành hành đầy đủ ĐCCT học phần ngành KTHTCN, rà soát, cập nhật, ban hành Bản mô tả CTĐT đảm bảo đầy đủ thông tin theo quy định và công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau.

1.3. Về cấu trúc và nội dung CTDH

Căn cứ các quy định của Bộ GD&ĐT, Trường ban hành Quy định về xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT, trong đó thể hiện rõ quy trình xây dựng, rà soát, đánh giá CTDH và phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị, cá nhân thực hiện. Nhà trường triển khai xây dựng, rà soát, cập nhật CTDH theo văn bản của Trường ban hành, trong đó CTDH ngành KTHTCN được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. GV ngành KTHTCN xác định tổ hợp các PPGD, học tập, phương pháp KTĐG KQHT của SV trong CTDH phù hợp, góp phần đạt được CĐR. Các học phần trong CTDH ngành KTHTCN được cấu trúc thành từng khối kiến thức gắn kết giữa khối kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành. Tất cả các học phần trong CTDH ngành KTHTCN có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR. Tất cả ĐC học phần trong CTDH ngành KTHTCN xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp KTĐG phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR. Nội dung các môn học/học phần trong CTDH ngành KTHTCN thể hiện việc đạt được CĐR. Hằng năm, Trường triển khai lấy ý kiến phản hồi của các BLQ, trong đó có nội dung về CTDH ngành KTHTCN. Các học phần trong CTDH ngành KTHTCN được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất. Tất cả các học phần trong CTDH ngành KTHTCN được bố trí hợp lý, có tính hệ thống, đảm bảo học phần song hành, học trước và tiên quyết. CTDH ngành KTHTCN được rà soát, điều chỉnh vào năm 2020 và năm 2022. Khoa KT-QLCN tham khảo CTĐT của các trường ĐH trong nước và quốc tế để điều chỉnh CTDH đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp.

Để phát huy điểm mạnh, Trường và Khoa KT-QLCN tiếp tục triển khai xây dựng,

rà soát, cập nhật CTDH theo văn bản của Bộ GD&ĐT trong đó bảo đảm tất cả ĐCCT học phần trong CTDH ngành KTHTCN xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp KT&DG phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR, đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất, trong đó tham khảo CTĐT của các trường ĐH trong nước và quốc tế để điều chỉnh CTDH đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp.

1.4. Về phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Trường tuyên bố TLGD “Đức trí - Kỹ năng - Sáng tạo - Hội nhập” và áp dụng đa dạng các hình thức để phổ biến đến các BLQ bên trong và bên ngoài Trường. Triết lý giáo dục được cán bộ, GV, SV của Trường hiểu rõ và triển khai thực hiện. Hằng năm, trong nội dung khảo sát ý kiến của các BLQ về hoạt động của Trường có khảo sát về TLGD của Trường. GV Khoa KT-QLCN xác định hoạt động dạy học, PPGD đa dạng, phù hợp để đạt được CĐR ngành KTHTCN và thể hiện trong ĐC học phần. Trường tạo điều kiện để GV Khoa KT-QLCN tham dự các khóa tập huấn về đổi mới phương pháp dạy học và trên cơ sở đó, GV áp dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt CĐR. GV Khoa KT-QLCN tích cực hướng dẫn SV sử dụng các hoạt động học tập phù hợp từ đó giúp NH chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CĐR. GV, SV Khoa KT-QLCN hài lòng với các hoạt động dạy và học, các phương pháp dạy và học được sử dụng trong CTĐT ngành KTHTCN. Tất cả ĐC học phần ngành KTHTCN mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp giảng dạy và học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm cho SV, đồng thời mô tả và nhấn mạnh đến hoạt động tự nghiên cứu, tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho SV. GV Khoa KT-QLCN sử dụng đa dạng, phù hợp các PPGD để đạt CĐR như: Dự án, thực tập, thực hành, thực tế tại doanh nghiệp, ... Trường tăng cường ký kết hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước và triển khai nhiều hoạt động đào tạo nhằm hỗ trợ SV rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời. Kết quả khảo sát ý kiến của GV, SV thể hiện GV Khoa KT-QLCN sử dụng đa dạng các PPGD phù hợp nhằm hỗ trợ SV rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

Để tiếp tục phát huy điểm mạnh, định kỳ hằng năm Trường và Khoa KT-QLCN tiếp tục tuyên bố TLGD “Đức trí - Kỹ năng - Sáng tạo - Hội nhập” và áp dụng đa dạng các hình thức để phổ biến đến các BLQ bên trong và bên ngoài Trường. Bên cạnh đó, hằng năm Trường và Khoa KT-QLCN tiếp tục tạo điều kiện để GV Khoa KT-QLCN tham dự các khóa tập huấn về đổi mới PPDH và chính sách khuyến khích GV áp dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt CĐR. Định kỳ hằng năm, Trường và Khoa KT-QLCN tiếp tục rà soát ĐCCT học phần bảo đảm mô tả rõ

việc sử dụng các phương pháp giảng dạy và học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm cho SV, đồng thời tăng cường ký kết hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước và triển khai nhiều hoạt động đào tạo nhằm hỗ trợ SV rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

1.5. Về đánh giá kết quả học tập của NH

Trường xây dựng và ban hành Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường, trong đó có sự phân công nhiệm vụ cụ thể đối với các đơn vị, xác định rõ ràng về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá và kết quả học tập của NH; thông báo Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường đến các Khoa, GV, SV thực hiện. Trường tổ chức tập huấn về nội dung xác định loại hình, phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp CĐR và yêu cầu các Khoa triển khai thực hiện. Hình thức thi, KTĐG KQHT được thể hiện rõ trong ĐC học phần ngành KTHTCN và GV Khoa KT-QLCN thông báo cho SV ngay trong buổi học đầu tiên. Trong giai đoạn 2018 - 2023, GV Khoa KT-QLCN áp dụng đa dạng các hình thức thi, KTĐG học phần phù hợp và đo lường được mức độ đạt CĐR.

Trường ban hành Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ, trong đó xác định rõ ràng về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá và kết quả học tập của NH. Trong Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ do Trường ban hành có quy định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá và kết quả học tập của NH. Trường tổ chức tập huấn về nội dung xác định loại hình, phương pháp KTĐG phù hợp CĐR và yêu cầu Khoa KT-QLCN triển khai thực hiện. Trường, Khoa KT-QLCN áp dụng nhiều hình thức thông báo, phổ biến đến SV Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ do Trường ban hành.

Trong Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường có quy trình xây dựng và đánh giá độ tin cậy và độ chính xác của các phương pháp KTĐG NH, quy trình xây dựng đề thi, đánh giá đề thi. GV Khoa KT-QLCN sử dụng đa dạng các phương pháp KTĐG khác nhau để kiểm tra, đánh giá KQHT của SV. Kết thúc mỗi học kỳ, Trường tiến hành nghiên cứu, đánh giá phổ điểm của các học phần cũng như sự phù hợp về trọng số điểm trong KTĐG KQHT của NH. Các phương pháp KTĐG KQHT của SV ngành KTHTCN được sử dụng đảm bảo đo lường được các yêu cầu, CĐR cần đo (độ giá trị); đảm bảo độ tin cậy và có các tiêu chí đánh giá rõ ràng nhằm đảm bảo tính công bằng.

Trong Quy định về đào tạo trình độ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ và

Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ do Trường ban hành có các quy định cụ thể về việc phản hồi kết quả đánh giá của NH. Nhà trường thông báo, phổ biến đến SV quy định về phản hồi kết quả đánh giá với nhiều hình thức khác nhau. Trong giai đoạn 2018 - 2023, không có trường hợp khiếu nại về KQHT. Thông tin phản hồi về kết quả đánh giá được CVHT thông báo đến SV sử dụng để cải thiện việc học tập của SV.

Để phát huy điểm mạnh, định kỳ hằng năm Trường và Khoa KT-QLCN tiếp tục áp dụng đa dạng các hình thức thi, KTĐG học phần phù hợp và đo lường được mức độ đạt CĐR, đồng thời rà soát Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường phù hợp với quy định hiện hành. Bên cạnh đó, định kỳ hằng năm Phòng TT-PC-KT-ĐBCL phối hợp các khoa tiến hành rà soát Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ do Trường ban hành và phổ biến đến SV bằng nhiều hình thức. Hằng năm Khoa KT-QLCN tiếp tục sử dụng đa dạng các phương pháp KTĐG khác nhau để kiểm tra, đánh giá KQHT của SV. Trường và Khoa KT-QLCN tiếp tục triển khai hiệu quả hơn việc phản hồi kết quả đánh giá của NH, nhằm góp phần cải thiện việc học tập của SV. Trường và Khoa KT-QLCN cũng tiếp tục tuyên truyền, phổ biến các quy định, quy trình về khiếu nại KQHT đến SV thông qua nhiều hình thức khác nhau; giải quyết kịp thời và hợp lý các trường hợp phúc khảo về kết quả thi, KTĐG KQHT của SV.

1.6. Về đội ngũ GV, nghiên cứu viên

Trường ban hành đầy đủ quy chế, quy định về phát triển đội ngũ GV và thông báo, phổ biến đến toàn thể GV biết và thực hiện. Trường thực hiện quy hoạch phát triển đội ngũ GV công khai, minh bạch, theo đúng quy định và đáp ứng nhu cầu ĐT, NCKH, PVCĐ. Đội ngũ GV Khoa KT-QLCN có trình độ chuyên môn cao, đáp ứng các yêu cầu giảng dạy, NCKH và các hoạt động chuyên môn khác. Bộ môn KTHT-LOG có đủ GV cơ hữu có trình độ chuyên môn cao, đáp ứng các yêu cầu giảng dạy, NCKH.

Tỉ lệ GV/NH của CTĐT ngành KTHTCN đáp ứng yêu cầu theo quy định về xác định chỉ tiêu đào tạo trình độ đại học hiện hành. Trường ban hành văn bản liên quan đến việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV theo giờ chuẩn được hướng dẫn chi tiết và được triển khai thực hiện. Quy định chế độ làm việc của GV được Trường ban hành, trong đó có quy định về số giờ giảng/khối lượng công việc tiêu chuẩn/tối thiểu quy đổi đối với đội ngũ GV. Hằng năm, Trường có triển khai giám sát khối lượng công việc đối với đội ngũ GV để cải tiến chất lượng hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ. Trong giai đoạn 2018 - 2023, GV Khoa KT-QLCN được đánh giá HTTNV trở lên và hầu hết các ý kiến của SV ngành KTHTCN hài lòng về hoạt động giảng dạy của GV.

Trường ban hành đầy đủ các tài liệu, văn bản quy định về các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV để bổ nhiệm, điều chuyển. Việc tuyển dụng GV hằng năm được tổ chức

đúng theo quy định, nghị định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật để bổ nhiệm, điều chuyển được phổ biến và thông báo công khai thông qua trang thông tin nội bộ, website của Trường và của Phòng TC-HC. Trong giai đoạn 2018 - 2023, Trường tuyển dụng 59 CBVC, trong đó có 05 TS, 36 ThS và 18 ĐH; bổ nhiệm 68 CBQL, luân chuyển 08 CBQL.

Trường ban hành đầy đủ văn bản, quy định về quản lý nhân sự, trong đó thể hiện rõ về tiêu chuẩn, năng lực của đội ngũ GV. Hằng năm, Trường luôn triển khai đánh giá năng lực của GV để xem xét đề bạt, đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ kế thừa. Kết quả đánh giá hiệu quả công việc của GV được thông báo đến GV và lưu trữ trong dữ liệu về kết quả đánh giá hiệu quả công việc của GV hằng năm.

Trường triển khai khảo sát, đánh giá nhu cầu ĐT, BD chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV. Hằng năm, Trường xây dựng kế hoạch về ĐT, BD và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV dựa trên yêu cầu của CTĐT. Kế hoạch ĐT, BD và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV được triển khai thực hiện theo kế hoạch hằng năm, trong đó gần 100% GV của Trường được ĐT, BD và phát triển chuyên môn, trong đó có khoảng 200 GV được đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn từ 2 lần trở lên, đạt tỷ lệ 82%. Kết quả thực hiện kế hoạch ĐT, BD và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV được Trường giám sát, đánh giá hằng năm thông qua báo cáo tổng kết năm học, báo cáo hội nghị CB, CC, VC.

Trường ban hành đầy đủ hệ thống văn bản quản lý nhân sự và triển khai quản trị theo công việc. Hằng năm, GV Khoa KT-QLCN thực hiện đăng ký thi đua năm học. Trường phân công Phòng TC-HC là đơn vị tham mưu và giúp việc cho BGH triển khai công tác đánh giá hằng năm của GV. Hằng năm, Trường triển khai đánh giá kết quả công việc của GV và thông báo đến các đơn vị để thực hiện. GV Khoa KT-QLCN hài lòng về kết quả đánh giá đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của Trường và các cấp có thẩm quyền. Trong giai đoạn 2018 - 2023, đội ngũ GV của Trường và của Khoa KT-QLCN đạt được nhiều hình thức, danh hiệu khen thưởng các cấp.

Trường ban hành đầy đủ văn bản quy định cụ thể về các loại hình và số lượng sản phẩm NCKH mà GV phải thực hiện. Hoạt động NCKH của đội ngũ GV Trường, Khoa KT-QLCN tăng lên qua từng năm về loại hình, số lượng, chất lượng nghiên cứu. Nhà trường luôn cải tiến các chính sách về tài chính nhằm động viên, khuyến khích GV tham gia NCKH, đầu tư CSVC trang thiết bị phục vụ hoạt động NCKH của GV. Kết quả đánh giá về mức độ đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng các hoạt động NCKH của GV, NCV được giám sát, đối sánh hằng năm nhằm cải tiến hoạt động NCKH.

Để phát huy các điểm mạnh về đội ngũ GV, nghiên cứu viên, hằng năm Trường và Khoa KT-QLCN tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ GV cơ hữu có trình độ chuyên

môn cao, đáp ứng các yêu cầu giảng dạy, NCKH, tiếp tục triển khai giám sát khối lượng công việc đối với đội ngũ GV để cải tiến chất lượng hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ. Bên cạnh đó, định kỳ hằng năm Trường và Khoa KT-QLCN rà soát văn bản quy định về các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV của Trường để bổ nhiệm, điều chuyển đúng theo quy định, nghị định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức. Mỗi năm Trường và Khoa KT-QLCN cũng tiếp tục nâng cao hiệu quả đánh giá năng lực của GV để xem xét đề bạt, đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ kế thừa. Hằng năm Trường và Khoa KT-QLCN phát động phong trào thi đua dạy tốt, học tốt trong toàn thể viên chức, GV. Trường và Khoa KT-QLCN tiếp tục cải tiến các chính sách về tài chính nhằm động viên, khuyến khích GV tham gia NCKH, đầu tư CSVC trang thiết bị phục vụ hoạt động NCKH của GV.

1.7. Đội ngũ nhân viên

Trường xây dựng kế hoạch quy hoạch đội ngũ NV và triển khai hoạch đội ngũ NV dựa trên việc phân tích nhu cầu về đội ngũ NV của các đơn vị nhằm đáp ứng nhu cầu về ĐT, NCKH và các hoạt động PVCĐ. Trường triển khai công tác tuyển dụng, phát triển đội ngũ NV đáp ứng nhu cầu về ĐT, NCKH và các hoạt động PVCĐ. Trường triển khai quy hoạch, tuyển dụng đội ngũ NV đúng theo quy định. Đội ngũ NV làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, Ban quản trị hệ thống thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác của Trường đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng đáp ứng nhu cầu về ĐT, NCKH và các hoạt động PVCĐ. Kết quả khảo sát ý kiến của GV, SV thể hiện mức độ hài lòng về mức độ đáp ứng của NV của Nhà trường.

Trường ban hành hệ thống văn bản quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV. Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV được xác định rõ ràng trên cơ sở phân tích nhu cầu và ý kiến góp ý của các đơn vị và đội ngũ NV. Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được phổ biến tới toàn thể CB, GV, NV và được công khai bằng nhiều hình thức trong đó bao gồm cả trên trang thông tin điện tử của Trường và của Phòng TC-HC. Trong giai đoạn 2018 - 2023, Trường tuyển dụng 04 NV có trình độ ĐH.

Trường ban hành quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ NC, trong đó thể hiện rõ tiêu chí đánh giá chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức, trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ. Hằng năm, Trường tiến hành thực hiện việc đánh giá năng lực của đội ngũ NV về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành công việc và sự hài lòng của các BLQ. Kết quả đánh giá NV hằng năm được lưu trữ trong CSDL về kết quả đánh giá hiệu quả công việc hằng năm của CB, GV, NV của Trường và trong hồ sơ năng lực của NV.

Trường xây dựng Đề án “Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ, giai đoạn 2011 - 2020” có nội dung phát triển nhân sự của

Trường nói chung và phát triển đội ngũ NV nói riêng. Hằng năm, Trường xây dựng, ban hành và triển khai kế hoạch ĐT, BD và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ NV. Căn cứ kế hoạch ĐT, BD đã phê duyệt, Trường triển khai nhiều hoạt động ĐT, BD và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ NV để đáp ứng yêu cầu về ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường và các đơn vị. Trong giai đoạn 2018 - 2023, kết quả khảo sát ý kiến của đội ngũ NV thể hiện 100% ý kiến NV hài lòng về các hoạt động ĐT, BD và phát triển chuyên môn của Trường.

Trường ban hành quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với NV và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV, trong đó có cả các quy định về khen thưởng và công nhận. Trường triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV dựa trên quy định về khối lượng công việc cụ thể đã xác định và phân công. Các phòng, khoa, trung tâm đều có xây dựng kế hoạch năm và phân công công việc rõ ràng cho NV, trong đó thể hiện rõ khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết, ... để thuận tiện cho việc theo dõi, giám sát tạo động lực hỗ trợ ĐT, NCKH, PVCĐ. Tất cả đội ngũ NV được tham gia xây dựng, góp ý trong quá trình xây dựng quy định đánh giá hiệu quả công việc. Ý kiến khảo sát CB, GV, NV và ý kiến của CB, GV, NV tại hội nghị viên chức và người lao động hằng năm đều thể hiện sự hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của CSGD và các cấp có thẩm quyền.

Để tiếp tục phát huy các điểm mạnh, hằng năm Trường và Khoa KT-QLCN cải tiến công tác tuyển dụng, phát triển đội ngũ NV đáp ứng nhu cầu về ĐT, NCKH và các hoạt động PVCĐ; cải tiến các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV trên cơ sở phân tích nhu cầu và ý kiến góp ý của các đơn vị và đội ngũ NV; cải tiến quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ NV, trong đó thể hiện rõ tiêu chí đánh giá chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức, trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ. Ngoài ra, hằng năm Trường và Khoa KT-QLCN triển khai nhiều hoạt động ĐT, BD và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ NV để đáp ứng yêu cầu về ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường và các đơn vị. Trường và Khoa KT-QLCN cũng cải tiến việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV dựa trên quy định về khối lượng công việc cụ thể đã xác định và phân công.

1.8. Về NH và hoạt động hỗ trợ NH

Trường và Khoa KT-QLCN xây dựng đề án tuyển sinh, trong đó thể hiện chính sách và quy định về tuyển sinh rõ ràng, đúng các quy định hiện hành và được cập nhật hằng năm. Trường công bố công khai chính sách và quy định tuyển sinh bằng nhiều hình thức khác nhau, góp phần đáng kể vào kết quả tuyển sinh của Trường. Hằng năm, Nhà trường tổ chức họp tổng kết công tác tuyển sinh, trong đó tiếp thu ý kiến góp ý, trao đổi, thảo luận của các đơn vị và CB, GV tham gia công tác tuyển sinh của Trường.

Trường xây dựng và ban hành đề án tuyển sinh đúng theo quy định, trong đó có tiêu chí và phương pháp tuyển sinh, tuyển chọn NH rõ ràng. Hằng năm, Trường rà soát các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh, tuyển chọn người học và trên cơ sở đó có những điều chỉnh kịp thời để nâng cao chất lượng tuyển sinh. Kết quả tuyển sinh của Trường luôn đạt chỉ tiêu đề ra, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của Trường.

Trường phân công trách nhiệm rõ ràng cho Phòng ĐT giám sát về kết quả học tập của SV; Phòng CTCT&QLSV giám sát kết quả rèn luyện của SV; các Khoa đồng thời giám sát kết quả học tập và rèn luyện của SV do Khoa quản lý; ở lớp học, CVHT giám sát kết quả học tập và rèn luyện của SV được phân công phụ trách. Trường ban hành văn bản quy định về việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của SV và triển khai thực hiện. Trường đầu tư phần mềm quản lý giáo dục, trong đó có cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của SV trong học tập và rèn luyện; theo dõi tỷ lệ chậm tiến độ, thôi học.

Trường thành lập đơn vị chuyên trách và giao trách nhiệm cụ thể về tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của NH. Trường giao nhiệm vụ cho Phòng CTCT&QLSV, các Khoa chịu trách nhiệm tổ chức các hoạt động tư vấn việc làm cho NH. Hằng năm, Trường ban hành kế hoạch và triển khai các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập của NH. Khoa KT-QLCN có kế hoạch và triển khai nhiều hoạt động tư vấn, hỗ trợ việc làm cho NH. Kết quả sát ý kiến của SV, cựu SV cho thấy trên 85% số SV, cựu SV tốt nghiệp được khảo sát hài lòng về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm của Trường.

Với phương châm “Tất cả vì Sinh viên thân yêu!”, Trường luôn tạo môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái, để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Đảng ủy, BGH Trường luôn quan tâm xây dựng môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho NH. Nhà trường phân công trách nhiệm cụ thể các đơn vị xây dựng môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân NH. Trường có hợp đồng thuê Công ty Thành Đồng để chăm lo cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thuận lợi cho tất cả các đối tượng trong toàn Trường. Nhà trường có môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan sư phạm sạch sẽ, an toàn, tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân NH.

Nhằm phát huy các điểm mạnh, hằng năm Trường và Khoa KT-QLCN tiếp tục cải tiến chính sách và quy định về tuyển sinh phù hợp theo quy định hiện hành; cải tiến các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh, tuyển chọn người học và trên cơ sở đó có những điều chỉnh kịp thời để nâng cao chất lượng tuyển sinh; cải tiến văn bản của Trường quy

định về việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của SV; đồng thời nâng cấp phần mềm quản lý giáo dục để quản lý hiệu quả hơn quá trình học tập và rèn luyện của SV. Ngoài ra, Trường và Khoa KT-QLCN tăng cường nhiều hoạt động tư vấn, hỗ trợ việc làm cho NH. Trường và Khoa KT-QLCN tiếp tục đẩy mạnh hơn môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái, để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu.

1.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Trường có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp và đảm bảo tỉ lệ diện tích/NH theo quy định để hỗ trợ các hoạt động đào tạo phục vụ CTĐT ngành KTHTCN theo quy định hiện hành. Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị (bao gồm cả hệ thống chiếu sáng, thông gió, an toàn, ...) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu phục vụ CTĐT ngành KTHTCN. Hằng năm, Trường dành kinh phí cho hoạt động nâng cấp CSVC và trang thiết bị cho phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng nhằm phục vụ hoạt động ĐT, NCKH và PVCD.

Trường đầu tư nâng cấp thư viện, bố trí phòng đọc, phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT. Trường ban hành nội quy, quy định, hướng dẫn sử dụng thư viện, thư viện số và các trang thiết bị. Thư viện Trường có đủ học liệu bao gồm giáo trình, tài liệu, sách tham khảo phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT ngành KTHTCN. Hằng năm, Trường dành kinh phí chi cho việc mua sắm, bổ sung nguồn học liệu của Thư viện. Thư viện Trường có đầy đủ sổ sách, dữ liệu theo dõi về hoạt động của thư viện để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Trường đầu tư, mua sắm đảm bảo có đủ phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu của CTĐT ngành KTHTCN. Phòng thí nghiệm, thực hành của Trường và Khoa được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Hằng năm, Trường tiến hành kiểm kê tài sản, rà soát, đánh giá trang thiết bị trong phòng thí nghiệm, phòng thực hành để có kế hoạch duy tu, bảo dưỡng và cập nhật, nâng cấp để đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu. Trường có phân công cụ thể người phụ trách phòng thí nghiệm, thực hành và ở mỗi phòng thí nghiệm, thực hành đều có hồ sơ theo dõi, quản lý và đánh giá hiệu quả việc sử dụng các trang thiết bị. Trong giai đoạn 2018 - 2023, hằng năm, Trường đầu tư, nâng cấp, bổ sung trang thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của các CTĐT nói chung và CTĐT ngành KTHTCN nói riêng. Trường đầu tư hạ tầng CNTT và truyền thông (bao gồm hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm, hệ thống mạng Internet, trang thông tin điện tử, ...) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Trường thành lập Ban Quản trị hệ thống thông tin và giao nhiệm vụ vận hành, khai thác, hướng dẫn sử dụng hệ thống CNTT và truyền thông đảm bảo hoạt động ổn định, an toàn để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và

nghiên cứu. Hằng năm, Trường luôn rà soát hệ thống CNTT và truyền thông để kịp thời sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng và cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Trường triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của các BLQ, trong đó có nội dung khảo sát mức độ đáp ứng của các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của Trường đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ. Trong giai đoạn 2018 - 2023, ý kiến của GV, SV hài lòng về mức độ đáp ứng của các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của Trường đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ.

Trường quan tâm đến công tác vệ sinh môi trường, sức khỏe và an toàn cho CB, GV, SV, đặc biệt là nhu cầu đặc thù của NH khuyết tật. Trong giai đoạn 2018 - 2023, Trường và các đơn vị triển khai nhiều hoạt động về môi trường, sức khỏe, an toàn và khả năng tiếp cận của NH có nhu cầu đặc biệt. Môi trường, sức khỏe, an toàn và khả năng tiếp cận của NH có nhu cầu đặc biệt của Trường được đảm bảo và cải thiện. Ý kiến khảo sát của GV, SV Nhà trường hài lòng về môi trường, sức khỏe và an toàn, trong đó có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của NH khuyết tật.

Để phát huy các điểm mạnh, Trường và Khoa KT-QLCN thường xuyên cải tiến hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp và đảm bảo tỉ lệ diện tích/NH theo quy định để hỗ trợ các hoạt động đào tạo phục vụ CTĐT ngành KTHTCN theo quy định hiện hành; cải tiến đầu tư nâng cấp thư viện, bố trí phòng đọc, phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT. Trường tăng cường kinh phí đầu tư, mua sắm đảm bảo có đủ phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu của CTĐT cho tất cả ngành đào tạo; tăng cường đầu tư hạ tầng CNTT và truyền thông (bao gồm hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm, hệ thống mạng Internet, trang thông tin điện tử, ...) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Trường tiếp tục cải tiến công tác vệ sinh môi trường, sức khỏe và an toàn cho CB, GV, SV, đặc biệt là nhu cầu đặc thù của NH khuyết tật.

1.10. Nâng cao chất lượng

Trong Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT của Trường ban hành có yêu cầu các Khoa sử dụng thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực khi thiết kế CTDH và phản hồi từ các BLQ, thể hiện các bước cụ thể của quy trình thiết kế và phát triển CTDH. Trường ban hành quy định về khảo sát các BLQ, các phiếu khảo sát và hằng năm triển khai khảo sát ý kiến các BLQ, trong đó có khảo sát về CTDH ngành KTHTCN. Kết quả khảo sát ý kiến các BLQ về CTDH ngành KTHTCN và thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực được Khoa KT-QLCN tham khảo, sử dụng trong quá trình rà soát, điều chỉnh CTDH ngành KTHTCN. Năm 2020, Trường triển khai rà soát, điều chỉnh và ban hành Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT của Trường, trong đó có sự điều chỉnh về quy trình xây dựng CTĐT và quy trình điều chỉnh CTĐT theo đúng Thông tư ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà NH đạt

được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của GDĐH và điều chỉnh cấu trúc của CĐR theo đúng Khung trình độ Quốc gia Việt Nam. Khoa KT-QLCN triển khai rà soát, điều chỉnh CTDH ngành KTHTCN vào năm 2019, năm 2020 và năm 2022. Trường ban hành hệ thống văn bản, quy định về việc rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy học; KTĐG KQHT của NH. Trường, Khoa KT-QLCN triển khai rà soát, đánh giá việc sử dụng các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR. Hằng năm, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL khảo sát ý kiến phản hồi của GV, SV về việc sử dụng các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của NH trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR với kết quả khảo sát thể hiện sự hài lòng về các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR. Trường ban hành văn bản quy định về công tác NCKH của GV và triển khai thực hiện. Trong giai đoạn 2018 - 2023, GV Khoa KT-QLCN đã và đang thực hiện 09 đề tài NCKH, 38 báo cáo chuyên đề cấp khoa và trường có áp dụng trong dạy học. Trường và Khoa KT-QLCN tổ chức các hội thảo, sáng kiến kinh nghiệm để áp dụng kết quả NCKH, đồng thời có sử dụng các kết quả NCKH để cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của SV. Trường ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản và các văn bản quy định về việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác. Hằng năm, Trường và Khoa KT-QLCN thực hiện khảo sát ý kiến của GV, SV về mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác (tư vấn NH, công tác sinh viên, các hoạt động đoàn thể, hoạt động ngoại khóa, ...). Trong giai đoạn 2018 - 2023, ý kiến khảo sát của GV và SV thể hiện mức độ hài lòng đối với các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thực hành, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của Trường. Trường thực hiện nhiều cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác nhằm phục vụ tốt hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ.

Trường ban hành quy định về khảo sát ý kiến của các BLQ trong công tác ĐBCL, trong đó thể hiện cơ chế phản hồi của các BLQ có tính hệ thống. Hằng năm, Trường triển khai khảo sát ý kiến của các BLQ trong công tác ĐBCL và gửi kết quả khảo sát đến các đơn vị để xác định kế hoạch cải tiến và tiến hành cải tiến chất lượng hoạt động. Năm 2020, Nhà trường triển khai rà soát cơ chế phản hồi của các BLQ, trên cơ sở đó, Nhà trường bổ sung Phòng TT-PC-KT-ĐBCL giám sát các đơn vị sử dụng kết quả khảo sát ý kiến của các BLQ để cải tiến các hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu của các BLQ. Trong giai đoạn 2018 - 2023, Trường triển khai thực hiện tốt hoạt động khảo sát ý kiến phản hồi của các BLQ.

Nhằm tiếp tục phát huy các điểm mạnh, hằng năm Trường rà soát, cải tiến quy định về khảo sát các BLQ, các phiếu khảo sát và triển khai khảo sát ý kiến các BLQ, trong đó có khảo sát về CTDH các ngành đào tạo. Định kỳ hằng năm, Trường và Khoa KT-QLCN thực hiện rà soát điều chỉnh CTDH tất cả ngành đào tạo; cải tiến khảo sát ý kiến phản hồi của GV, SV về việc sử dụng các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của NH trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR với kết quả khảo sát thể hiện sự hài lòng về các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR. Trường thực hiện cải tiến quy định về công tác NCKH của GV, trong đó có cải tiến chính sách khuyến khích GV tham gia NCKH định kỳ hằng năm. Trường thường xuyên rà soát, cải tiến Quy chế quản lý, sử dụng tài sản và các văn bản quy định về việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác; thường xuyên rà soát, cải tiến quy định về khảo sát ý kiến của các BLQ trong công tác ĐBCL, trong đó thể hiện cơ chế phản hồi của các BLQ có tính hệ thống.

1.11. Kết quả đầu ra

Hằng năm, Trường ban hành kế hoạch đào tạo năm học, trong đó có dự đoán tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học của tất cả các CTĐT. Trường trang bị phần mềm quản lý giáo dục và triển khai theo dõi, giám sát tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp đúng hạn và danh sách thôi học, tốt nghiệp. Trường phân công nhiệm vụ cho các phòng, khoa theo dõi đánh giá, phân tích, giám sát tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp để nâng cao chất lượng đào tạo. Sau mỗi năm học, Trường tiến hành đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV học lại học phần trên thực tế để cải tiến chất lượng CTĐT. Hằng năm, Trường triển khai tổng hợp thời gian tốt nghiệp trung bình trong cùng CTĐT và trên cơ sở đó xác lập thời gian tốt nghiệp trung bình của CTĐT. Trường giao nhiệm vụ cho Phòng ĐT là đơn vị chủ trì phối hợp với Phòng CTCT&QLSV, các Khoa theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của SV trong các ngành đào tạo của Trường. Kết thúc từng học kỳ, Trường tiến hành đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình, đồng thời tổ chức tổng kết, đánh giá hiệu quả các biện pháp hỗ trợ người học rút ngắn thời gian tốt nghiệp. Nhà trường, Khoa KT-QLCN áp dụng nhiều biện pháp cải tiến chất lượng để rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình của người học. Trường triển khai để Phòng CTCT&QLSV phân tích, dự đoán tỷ lệ SV có việc làm sau khi tốt nghiệp, tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp của các CTĐT, mức độ hài lòng của các BLQ đối với chất lượng của người học tốt nghiệp của các CTĐT. Trường triển khai theo dõi, giám sát, đối sánh, khảo sát ý kiến các BLQ mức độ hài lòng về chất lượng của SV tốt nghiệp của các CTĐT. Căn cứ kết quả giám sát, đối sánh, khảo sát ý kiến các BLQ, Trường áp dụng các biện pháp cải tiến tỷ lệ SV có việc làm sau khi tốt

nghiệp, tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp của các CTĐT, mức độ hài lòng của các BLQ đối với chất lượng của người học tốt nghiệp của các CTĐT. Các biện pháp cải tiến đã góp phần tích cực nâng cao tỷ lệ SV có việc làm sau khi tốt nghiệp, tăng cường sự hài lòng của các BLQ về chất lượng của SV tốt nghiệp của các CTĐT của Trường. Loại hình, số lượng NCKH của SV được thể hiện cụ thể trong các văn bản quy định về NCKH của SV do Trường ban hành. Nhà trường triển khai và áp dụng nhiều biện pháp tạo điều kiện thuận lợi để SV đạt được loại hình, số lượng NCKH theo quy định. Trường xây dựng cơ sở dữ liệu về hoạt động NCKH của SV, trong đó có dữ liệu việc tổ chức các hội nghị tổng kết, báo cáo kết quả NCKH của SV phù hợp với mục tiêu, tầm nhìn, sứ mạng của Trường. Hằng năm, Trường thực hiện đối sánh loại hình, số lượng, chất lượng NCKH của SV. Trường triển khai rà soát, khảo sát ý kiến phản hồi của các BLQ về loại hình, số lượng, chất lượng hoạt động NCKH của SV, từ đó xây dựng kế hoạch và triển khai cải tiến để tăng số lượng, chất lượng hoạt động NCKH của SV Trường.

Trường ban hành quy định khảo sát các BLQ, trong đó phân công trách nhiệm các đơn vị thực hiện thống kê, phân tích, đánh giá mức độ hài lòng của các BLQ (cán bộ nhân viên, GV, SV, cựu SV, nhà tuyển dụng) về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, NH, cơ sở vật chất,... Hằng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các BLQ, trong nội dung khảo sát ý kiến phản hồi của các BLQ có nội dung khảo sát mức độ hài lòng về CTĐT, hoạt động giảng dạy, KTĐG, NCKH, CSVC và trang thiết bị, cảnh quan sư phạm, hỗ trợ người học, hoạt động kết nối và PVCD,... Báo cáo kết quả khảo sát thể hiện mức độ hài lòng được so sánh với kết quả khảo sát mức độ hài lòng trước đó của chính CTĐT ngành KTHTCN. Trường, Khoa KT-QLCN sử dụng kết quả khảo sát mức độ hài lòng và đối sánh để lập kế hoạch cải tiến chất lượng và cải tiến CTĐT ngành KTHTCN.

Phát huy điểm mạnh, định kỳ hằng năm Trường tăng cường kinh phí nâng cấp phần mềm quản lý giáo dục, trong đó có tăng cường phân công theo dõi, giám sát tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp đúng hạn và danh sách thôi học, tốt nghiệp. Trường và Khoa KT-QLCN tiếp tục tăng cường các biện pháp cải tiến chất lượng để rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình của người học, các biện pháp cải tiến tỷ lệ SV có việc làm sau khi tốt nghiệp, tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp của các CTĐT, mức độ hài lòng của các BLQ đối với chất lượng của người học tốt nghiệp của các CTĐT. Hằng năm, Trường và Khoa KT-QLCN thực hiện cải tiến hoạt động NCKH của SV, đối sánh loại hình, số lượng, chất lượng NCKH của SV; cải tiến phương pháp khảo sát các BLQ về CTĐT, hoạt động giảng dạy, KTĐG, NCKH, CSVC và trang thiết bị, cảnh quan sư phạm, hỗ trợ người học, hoạt động kết nối và PVCD.

2. Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của

CTĐT

2.1. Về mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Số lượng nhà tuyển dụng trả lời ý kiến phản hồi về CTĐT ngành KTHTCN chưa nhiều. Số lượng cựu NH, các nhà tuyển dụng tham gia khảo sát về CĐR của CTĐT ngành KTHTCN còn hạn chế do Trường chưa đẩy mạnh mạng lưới cựu sinh viên và nhà tuyển dụng. Số lượng các nhà tuyển dụng có thương hiệu trong ngành KTHTCN ký kết hợp tác với Khoa KT-QLCN chưa nhiều do Trường chưa đẩy mạnh mạng lưới nhà tuyển dụng.

2.2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Khoa KT-QLCN chưa tham khảo nhiều Bản mô tả CTĐT của các trường ĐH quốc tế để điều chỉnh Bản Mô tả CTĐT. Biểu mẫu ĐC học phần của ngành KTHTCN chưa tham khảo hoàn toàn ĐC học phần của CDIO. Trường chưa đánh giá tính hiệu quả của các hình thức phổ biến Bản mô tả CTĐT, ĐCCT học phần ngành KTHTCN đến các BLQ.

2.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Các PPGD hiện đại được GV Khoa KT-QLCN xác định trong ĐC học phần chưa nhiều. Số lượng nhà tuyển dụng và cựu SV góp ý về CTDH ngành KTHTCN tại các hội nghị, hội thảo do Khoa KT-QLCN tổ chức chưa nhiều. Số lượng CTĐT của các trường ĐH quốc tế được Khoa KT-QLCN tham khảo để điều chỉnh CTDH ngành KTHTCN chưa nhiều.

2.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Số lượng doanh nghiệp, nhà tuyển dụng và cựu SV tham gia khảo sát về TLGD của Trường còn quá ít.; Vẫn còn trường hợp SV năm thứ nhất chưa thật sự thích nghi với phương pháp học ở bậc đại học. Số lượng các hội nghị, hội thảo về đổi mới, cải tiến phương pháp dạy và học do Khoa KT-QLCN tổ chức chưa nhiều.

2.5. Đánh giá kết quả học tập của NH

Các phương pháp KTĐG được xác định phù hợp và đo lường mức độ đạt CĐR, tuy nhiên số lượng các phương pháp KTĐG được xác định chưa nhiều. Khoa KT-QLCN chưa đánh giá mức độ hiểu biết của SV các văn bản quy định về KTĐG KQHT của NH. Ngân hàng đề thi được triển khai từ năm 2019 và chưa có nhiều ngân hàng đề thi cho tất cả các học phần của ngành KTHTCN. Khoa KT-QLCN chưa đánh giá mức độ SV sử dụng thông tin phản hồi về kết quả đánh giá để cải thiện việc học tập. Một số học phần công bố điểm kết thúc học phần còn chậm so với kế hoạch, quy định của Trường.

2.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Việc nâng cao trình độ tiến sĩ đảm bảo theo quy định đối với một số chuyên ngành còn gặp nhiều khó khăn nhất định. Số lượng GV có học hàm, học vị cao của Khoa KT-QLCN còn ít. Do những khó khăn về chính sách thu hút nên Trường chưa tuyển

được nhiều GV có học hàm, học vị cao. Năng lực ngoại ngữ của GV Khoa KT-QLCN còn những hạn chế nhất định. Các hình thức khen cao của GV Khoa KT-QLCN chưa nhiều. Khoa KT-QLCN chưa có nhiều đề tài NCKH cấp thành phố.

2.7. *Đội ngũ nhân viên*

Công tác quy hoạch đội ngũ NV tuy đã được triển khai nhưng việc rà soát quy hoạch đội ngũ NV chưa được thực hiện thường xuyên. Vẫn còn trường hợp NV kiêm nhiệm các công tác khác. Hoạt động đánh giá đồng nghiệp tuy đã được triển khai nhưng chưa phát huy tối đa hiệu quả. Trường chưa thực hiện đánh giá hiệu quả công tác giảng dạy đối với nhân viên được chuyển sang ngạch giảng viên. Các hình thức khen thưởng cấp cao của GV Khoa KT-QLCN còn hạn chế.

2.8. *NH và hoạt động hỗ trợ NH*

Trường chưa triển khai khảo sát ý kiến các BLQ bên ngoài một cách có hệ thống về chính sách tuyển sinh của Trường. Điểm tuyển sinh đầu vào có cải thiện so với các năm trước, tuy nhiên điểm chất lượng đầu vào ngành KTHTCN vẫn chưa cao như các trường đại học danh tiếng trên địa bàn. Bên cạnh, một số CVHT chưa được tập huấn nâng cao kỹ năng nghiệp vụ. Vẫn còn một số hoạt động phong trào chưa thu hút đông đảo SV tham gia. Không gian sinh hoạt chung còn hạn chế so với nhu cầu của GV, SV.

2.9. *Cơ sở vật chất và trang thiết bị*

Do những khó khăn về giải phóng mặt bằng nên việc phát triển đầu tư Cơ sở II với 17,72 ha tại phường Long Xuyên, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ bị chậm so với tiến độ. Số lượng giáo trình, tài liệu tham khảo do GV biên soạn còn hạn chế. Do khó khăn về kinh phí nên việc mua sắm mới các trang thiết bị hiện đại còn chậm so với tiến độ. Vẫn còn trường hợp SV chưa khai thác tối đa các ứng dụng hiện có trên hệ thống quản lý giáo dục của Trường. CSVC của Trường chưa tối đa hóa các tiện ích đối với nhu cầu đặc thù của NH khuyết tật.

2.10. *Nâng cao chất lượng*

Số lượng các nhà tuyển dụng tham gia góp ý CTĐT ngành KTHTCN chưa nhiều. Việc rà soát về quy trình thiết kế và phát triển CTDH còn chậm so với văn bản quy phạm pháp luật hiện hành. Việc giải trình ý kiến của cựu SV về phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của NH trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR triển khai còn chậm. Số lượng đề tài NCKH của Khoa KT-QLCN còn ít và chưa tương xứng với tiềm năng của GV. Do nguồn lực có hạn nên việc cải tiến các dịch vụ hỗ trợ chưa đáp ứng hoàn toàn nhu cầu của SV. Số lượng các nhà tuyển dụng trả lời ý kiến khảo sát chưa nhiều.

2.11. *Kết quả đầu ra*

Hàng năm, vẫn có các trường hợp SV ngành KTHTCN bị thôi học. Thời gian tốt nghiệp trung bình của ngành KTHTCN còn cao so với thời gian dự kiến. Vẫn còn tỷ lệ

SV ngành KTHTCN làm việc chưa đúng chuyên ngành đào tạo. Số lượng SV Khoa KT-QLCN tham gia NCKH chưa nhiều so với tiềm năng của SV. Số lượng cựu SV, các nhà tuyển dụng trả lời khảo sát chưa nhiều và chưa thường xuyên.

3. Tóm tắt các kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT

3.1. Về mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Từ năm học 2024 - 2025, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL phối hợp với Khoa KT-QLCN đa dạng hóa hình thức khảo sát ý kiến nhằm tăng số lượng nhà tuyển dụng trả lời ý kiến phản hồi về CTĐT ngành KTHTCN. Phòng CTCT&QLSV, Phòng QLKH-HTQT triển khai hoạt động nối kết doanh nghiệp, nhà tuyển dụng thông qua hội thảo khoa học, ngày hội việc làm để nắm bắt nhu cầu thị trường lao động và góp ý về CTĐT.

Từ năm học 2024 - 2025, Trường kiện toàn mạng lưới cựu sinh viên, mở rộng hợp tác nhiều doanh nghiệp, nhà tuyển dụng. Trên cơ sở đó, Khoa KT-QLCN tích cực khảo sát ý kiến phản hồi của cựu NH, các nhà tuyển dụng về CDR của CTĐT ngành KTHTCN tại các hội nghị, hội thảo do Khoa tổ chức.

Từ năm học 2024 - 2025, Trường mở rộng quan hệ hợp tác, đối tác với doanh nghiệp, nhà tuyển dụng trên phạm vi cả nước. Trên cơ sở đó, Khoa KT-QLCN tăng cường ký kết hợp tác với các nhà tuyển dụng có thương hiệu trong ngành KTHTCN.

3.2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Từ năm học 2024 - 2025, Trường mở rộng quan hệ hợp tác, đối tác với các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước. Trên cơ sở đó, Khoa KT-QLCN tham khảo Bản Mô tả CTĐT của các trường ĐH quốc tế để điều chỉnh Bản Mô tả CTĐT.

Từ năm học 2024 - 2025, Trường tổ chức mời chuyên gia tập huấn xây dựng chuẩn chương trình đào tạo, CDR, ĐCHP. Trên cơ sở đó, Khoa KT-QLCN tham khảo ĐC học phần của CDIO để phục vụ rà soát, điều chỉnh ĐC học phần ngành KTHTCN.

Từ năm học 2024 - 2025, hằng năm, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL phối hợp với Khoa KT-QLCN đánh giá tính hiệu quả của các hình thức phổ biến Bản mô tả CTĐT, ĐCCT học phần ngành KTHTCN đến các BLQ.

3.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Từ năm học 2024 - 2025, Khoa KT-QLCN triển khai đề GV tăng cường xác định các PPGD hiện đại trong ĐC học phần để từ đó áp dụng trong quá trình giảng dạy nhằm đạt CDR.

Từ năm học 2024 - 2025, Khoa KT-QLCN tiếp tục tổ chức hội nghị, hội thảo và tăng cường số lượng các bên tham gia tại các hội nghị, hội thảo do Khoa tổ chức nhằm tăng số lượng nhà tuyển dụng và cựu SV góp ý về CTDH ngành KTHTCN.

Từ năm học 2024 - 2025, Khoa KT-QLCN tăng cường tham khảo CTĐT của các trường ĐH quốc tế để điều chỉnh CTDH ngành KTHTCN.

3.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Từ năm học 2024 - 2025, hằng năm, Trường tăng cường số lượng doanh nghiệp, nhà tuyển dụng tham gia các hội thảo, hội nghị, các ngày hội việc làm. Trên cơ sở đó, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL phối hợp các đơn vị trong trường tiến hành khảo sát ý kiến của các nhà tuyển dụng về các lĩnh vực hoạt động của Trường, trong đó có nội dung khảo sát về TLGD của Trường.

Từ năm học 2024 - 2025, Trường và Khoa KT-QLCN tăng cường bồi dưỡng, tập huấn cho SV, đặc biệt SV năm thứ nhất về phương pháp học ở bậc đại học.

Từ năm học 2024 - 2025, hằng năm, Khoa KT-QLCN tổ chức hội nghị, hội thảo về đổi mới, cải tiến phương pháp dạy học.

3.5. Đánh giá kết quả học tập của NH

Từ năm học 2024 - 2025, Trường và Khoa KT-QLCN triển khai đề GV tiếp tục rà soát các phương pháp KTĐG để bổ sung các các phương pháp KTĐG phù hợp và đo lường CDR.

Từ năm học 2024 - 2025, Khoa KT-QLCN triển khai khảo sát, đánh giá mức độ hiểu biết của SV của Khoa đối với các văn bản quy định về KTĐG KQHT của NH.

Từ năm học 2024 - 2025, Trường chỉ đạo các khoa tăng cường xây dựng ngân hàng đề thi cho các học phần trong CTĐT, đồng thời chỉ đạo Phòng QLKH-HTQT phối hợp Khoa KT-QLCN tiến hành triển khai nghiệm thu ngân hàng đề thi cho các học phần.

Từ năm học 2024 - 2025, Khoa KT-QLCN phối hợp với Phòng TT-PC-KT-ĐBCL khảo sát đánh giá mức độ SV sử dụng thông tin phản hồi về kết quả đánh giá để cải thiện việc học tập.

Từ năm học 2024 - 2025, Khoa KT-QLCN có kế hoạch giám sát, kiểm tra GV nhập điểm giữa kỳ, cuối kỳ đúng theo kế hoạch và quy định của Trường.

3.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Từ năm học 2024 - 2025, Trường và Khoa tăng cường các hình thức hỗ trợ GV học tập nâng cao trình độ và đẩy mạnh kế hoạch sắp xếp GV đăng ký ngành học TS đúng với các chuyên ngành đang đào tạo.

Từ năm học 2024 - 2025, Trường tăng cường chế độ chính sách nhằm tăng cường số lượng GV có học hàm, học vị cao cho Khoa KT-QLCN.

Từ năm học 2024 - 2025, Trường tăng cường chế độ chính sách nhằm tuyển dụng, thu hút GV có học hàm, học vị cao.

Từ năm học 2024 - 2025, Trường tăng cường chế độ hỗ trợ GV học ngoại ngữ và chỉ đạo Trung tâm NNTH thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng ngoại ngữ cho GV nhằm nâng cao năng lực ngoại ngữ cho GV Khoa KT-QLCN.

Từ năm học 2024 - 2025, Trường, Khoa KT-QLCN tăng cường chính sách khuyến khích, hỗ trợ và tạo điều kiện kết hợp chế tài để các GV học tập nghiên cứu sinh kết hợp công tác thu hút, tuyển dụng GV có học hàm, học vị cao đúng chuyên ngành

đào tạo.

Từ năm học 2024 - 2025, Trường, Phòng TC-HC, Khoa KT-QLCN tăng cường động viên, khuyến khích GV tham gia các hình thức khen cao.

Từ năm học 2024 - 2025, Trường có chính sách động viên, khuyến khích GV thực hiện các đề tài NCKH cấp Bộ, cấp thành phố và tương đương.

3.7. *Đội ngũ nhân viên*

Từ năm học 2024 - 2025, hằng năm, Phòng TC-HC phối hợp với các đơn vị đề ra soát đề án vị trí việc làm và thực hiện quy hoạch đội ngũ NV nhằm có những điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phù hợp.

Từ năm học 2024 - 2025, Nhà trường rà soát đề bố trí, sắp xếp nhằm đảm bảo NV thực hiện công tác chuyên trách theo chức năng, nhiệm vụ được phân công.

Từ năm học 2024 - 2025, Trường bổ sung các hình thức đánh giá đồng nghiệp một cách thường xuyên nhằm phát huy hiệu quả của hoạt động đánh giá đồng nghiệp.

Từ năm học 2024 - 2025, Trường và khoa triển khai đánh giá hiệu quả công tác giảng dạy đối với nhân viên được chuyển sang ngạch giảng viên.

Từ năm học 2024 - 2025, Trường, Phòng TC-HC, các đơn vị khuyến khích NV đăng ký thực hiện các hình thức thi đua.

3.8. *Người học và hoạt động hỗ trợ người học*

Từ năm học 2024 - 2025, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL phối hợp với Phòng ĐT và các Khoa triển khai khảo sát ý kiến các BLQ bên ngoài về chính sách tuyển sinh của Trường để có thêm cơ sở điều chỉnh chính sách tuyển sinh cho phù hợp.

Từ năm học 2024 - 2025, Trường đa dạng hóa các phương thức tuyển sinh đồng thời tăng cường công tác truyền thông nhằm cải thiện điểm chuẩn đầu vào của Trường.

Từ năm học 2024 - 2025, Trường, Phòng CTCT&QLSV thường xuyên tổ chức tập huấn nâng cao kỹ năng cho CVHT và dành thời gian để CVHT tăng cường giám sát, hỗ trợ SV.

Từ năm học 2024 - 2025, Phòng CTCT&QLSV phối hợp Đoàn TN, Hội SV, các Khoa đổi mới hình thức tổ chức các hoạt động phong trào nhằm thu hút đông đảo SV tham gia, góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của SV.

Từ năm học 2024 - 2025, Trường tích cực đề nghị UBND TPCT đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng Cơ sở II tại phường Long Xuyên, quận Bình Thủy, TPCT.

3.9. *Cơ sở vật chất và trang thiết bị*

Từ năm học 2024 - 2025, Trường tích cực làm việc với UBND thành phố Cần Thơ đẩy nhanh việc giải phóng mặt bằng và đầu tư xây dựng Cơ sở II với 17,72 tại phường Long Xuyên, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

Từ năm học 2024 - 2025, Trường tăng cường áp dụng các chế độ động viên, khuyến khích GV biên soạn giáo trình, tài liệu tham khảo.

Từ năm học 2024 - 2025, Trường bổ sung trang thiết bị hiện đại phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT ngành KTHTCN.

Từ năm học 2024 - 2025, Trường, Khoa KT-QLCN, CVHT tăng cường hướng dẫn để SV hiểu rõ và khai thác tối đa các ứng dụng hiện có trên hệ thống quản lý giáo dục của Trường.

Từ năm học 2024 - 2025, đối với CSVC tại phường Long Xuyên, quận Bình Thủy, TPCT, Trường tăng cường các tiện ích phù hợp với nhu cầu đặc thù của NH khuyết tật.

3.10. Nâng cao chất lượng

Từ năm học 2024 - 2025, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL phối hợp các khoa triển khai đa dạng hình thức khảo sát ý kiến các BLQ, đặc biệt là các nhà tuyển dụng nhằm nâng cao số lượng các nhà tuyển dụng trả lời khảo sát.

Từ năm học 2024 - 2025, tháng 11/2024, Phòng ĐT phối hợp các khoa triển khai rà soát về quy trình thiết kế và phát triển CTDH.

Từ năm học 2024 - 2025, tháng 7 hằng năm, Khoa KT-QLCN phối hợp các phòng chức năng để giải trình các ý kiến đóng góp của các BLQ, đồng thời triển khai hội thảo, chuyên đề về phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của NH trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR

Từ năm học 2024 - 2025, tháng 12 hằng năm, Trường tăng cường các chính sách động viên, khuyến khích kết hợp giao nhiệm vụ để nâng cao số lượng đề tài NCKH của GV Khoa KT-QLCN.

Từ năm học 2024 - 2025, tháng 12 hằng năm, Trường tăng cường công tác xã hội hóa giáo dục để cải tiến các dịch vụ hỗ trợ nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu của SV.

Từ năm học 2024 - 2025, tháng 7 hằng năm, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL đa dạng hình thức khảo sát và tăng cường phối hợp với các Khoa nhằm nâng cao số lượng các nhà tuyển dụng trả lời ý kiến khảo sát.

3.11. Kết quả đầu ra

Từ năm học 2024 - 2025, định kỳ tháng 2 và tháng 7 hằng năm, CVHT của từng lớp giám sát tình hình học tập của NH do mình phụ trách, nắm bắt nguyên nhân của từng trường hợp cụ thể bị chậm tiến độ để có các giải pháp giúp SV tốt nghiệp đúng tiến độ.

Từ năm học 2024 - 2025, định kỳ tháng 7 hằng năm, Khoa kết hợp với Phòng ĐT định kỳ tổng kết, đánh giá về NH tốt nghiệp trước hạn, đúng hạn, trễ hạn so với thiết kế CTĐT để có những điều chỉnh về CTĐT, hoạt động giảng dạy, đánh giá NH, hoạt động hỗ trợ một cách phù hợp, kịp thời giúp NH tốt nghiệp đúng hạn.

Từ năm học 2024 - 2025, Trường phối hợp cùng các Khoa đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động gắn kết với cựu SV để đánh giá rõ nét kết quả ĐT của Trường, từ đó tiếp tục đổi mới CTĐT nhằm đáp ứng nhu cầu hiện tại của XH.

Từ năm 2024 - 2025, Trường đẩy mạnh việc NCKH trong SV bằng việc tăng cường hỗ trợ tài chính cho các đề tài tham gia. Bên cạnh đó, Trường và Khoa sẽ tiếp tục các hội đồng tư vấn đề tài NCKH cho SV nhằm mục đích định hướng nghiên cứu cho các đề tài triển khai đạt hiệu quả cao. Đoàn - Hội, Khoa triển khai mạnh mẽ các hoạt động truyền thông, tư vấn cho SV về vai trò của NCKH trong SV.

Từ năm học 2024-2025, Trường triển khai đánh giá tính hệ thống trong rà soát, đánh giá mức độ hài lòng của các BLQ để chất lượng ĐT, phục vụ NH ngày càng được nâng cao.

4. Tổng hợp kết quả TĐG CTĐT

Tên cơ sở giáo dục: **Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ**

Mã: **KCC**

Tên CTĐT: **KỸ THUẬT HỆ THỐNG CÔNG NGHIỆP**

Mã CTĐT: **7520118**

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
<i>Tiêu chuẩn 1</i>								5,00	3	100%
Tiêu chí 1.1					5					
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 2</i>								5,00	3	100%
Tiêu chí 2.1					5					
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 3</i>								5,00	3	100%
Tiêu chí 3.1					5					
Tiêu chí 3.2					5					
Tiêu chí 3.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 4</i>								4,66	3	100%
Tiêu chí 4.1					5					
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3				4						
<i>Tiêu chuẩn 5</i>								5,00	5	100%

Tiêu chí 5.1					5					
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3					5					
Tiêu chí 5.4					5					
Tiêu chí 5.5					5					
Tiêu chuẩn 6								5,00	7	100%
Tiêu chí 6.1					5					
Tiêu chí 6.2					5					
Tiêu chí 6.3					5					
Tiêu chí 6.4					5					
Tiêu chí 6.5					5					
Tiêu chí 6.6					5					
Tiêu chí 6.7					5					
Tiêu chuẩn 7					5			5,00	5	100%
Tiêu chí 7.1					5					
Tiêu chí 7.2					5					
Tiêu chí 7.3					5					
Tiêu chí 7.4					5					
Tiêu chí 7.5					5					
Tiêu chuẩn 8								5,00	5	100%
Tiêu chí 8.1					5					
Tiêu chí 8.2					5					
Tiêu chí 8.3					5					
Tiêu chí 8.4					5					
Tiêu chí 8.5					5					
Tiêu chuẩn 9								4,80	5	100%
Tiêu chí 9.1					5					
Tiêu chí 9.2				4						
Tiêu chí 9.3					5					
Tiêu chí 9.4					5					
Tiêu chí 9.5					5					

Tiêu chuẩn 10								4,83	6	100%
Tiêu chí 10.1					5					
Tiêu chí 10.2					5					
Tiêu chí 10.3					5					
Tiêu chí 10.4				4						
Tiêu chí 10.5					5					
Tiêu chí 10.6					5					
Tiêu chuẩn 11								4,60	5	100%
Tiêu chí 11.1					5					
Tiêu chí 11.2					5					
Tiêu chí 11.3				4						
Tiêu chí 11.4				4						
Tiêu chí 11.5					5					
Đánh giá chung CTĐT								4,90	50	100%

Cần Thơ, ngày 05 tháng 09 năm 2024



NGND.PGS.TS. Huỳnh Thanh Nhã

PHẦN IV. PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 31/12/2023

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)
 - Tiếng Việt: Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ
 - Tiếng Anh: Can Tho University of Technology
2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục
 - Tiếng Việt: ĐHKTCNCT
 - Tiếng Anh: CTUT
3. Tên trước đây (nếu có): Không
4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ
5. Địa chỉ: 256 Nguyễn Văn Cừ, P. An Hòa, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
6. Thông tin liên hệ:

E-mail: 0292 3894050 - Website: <http://ctuet.edu.vn>
7. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập): 2013
8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 09/2013
9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I: Đại học: 10/2017
10. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập ☒ Bán công ☐ Dân lập ☐ Tư thực ☐

11. Loại hình khác (đề nghị ghi rõ)

II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)
 - Tiếng Việt: Khoa Kinh tế - Quản lý công nghiệp/Bộ môn Kỹ thuật hệ thống - Logistics
 - Tiếng Anh: Faculty of Economics and Industrial Management/Department of System Engineering and Logistics
13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:
 - Tiếng Việt: Khoa KT-QLCN/BM. KTHT-LOG
 - Tiếng Anh: FEIM/DSEL
14. Tên trước đây: Khoa Quản lý công nghiệp
15. Mã CTĐT: 7520118
16. Tên trước đây của CTĐT: Không
17. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: 256 Nguyễn Văn Cừ, P. An Hòa. Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
18. Số điện thoại liên hệ: 02923894104

E-mail: khoaqlcn@ctuet.edu.vn Website: <https://khoaqlcn.ctuet.edu.vn/>

19. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 2013/2022
20. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 09/2013
21. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 10/2017

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

22. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT

Khoa Quản lý công nghiệp được thành lập theo Quyết định số 66/QĐ - ĐHKTCN của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ ngày 11 tháng 04 năm 2013. Khoa QLCN được đổi tên thành Khoa Kinh tế - Quản lý công nghiệp theo Quyết định số 839/QĐ-ĐHKTCN ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ. Đến 12/2023, đội ngũ nhân sự Khoa gồm 66 giảng viên, trong đó có 01 Phó giáo sư, 10 tiến sĩ, 54 thạc sĩ và 01 đại học. Tổng số quy mô sinh viên của khoa đến thời điểm hiện tại là 1320, trong đó có 251 SV ngành Kỹ thuật hệ thống công nghiệp. Khoa hiện nay đang đào tạo 06 chuyên ngành gồm: Quản lý công nghiệp, Kỹ thuật hệ thống công nghiệp, Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng, Quản trị kinh doanh, Kế toán và Tài chính - ngân hàng. Trong đó, 03 chuyên ngành mới mở là Quản trị kinh doanh, Kế toán, và Tài chính - Ngân hàng mới được đưa vào đào tạo trong năm học 2021 - 2022 nhằm mở rộng cơ hội học tập cho sinh viên, đóng góp tích cực hơn nữa vào sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực có đạo đức tốt, có chuyên môn cao, có khả năng tiếp cận NCKH, ứng dụng và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực kỹ thuật, quản lý vào hoạt động sản xuất kinh doanh, đáp ứng nhu cầu phát triển của thành phố Cần Thơ, vùng đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.

Cơ cấu tổ chức của Khoa gồm Ban Chủ nhiệm, 03 Bộ môn (được thành lập theo Quyết định số 76, 77, 78/QĐ-ĐHKTCNCT ngày 15 tháng 02 năm 2022 của Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ) bao gồm: Bộ môn Quản lý công nghiệp - Quản trị kinh doanh, bộ môn Kỹ thuật hệ thống - Logistics, và bộ môn Tài chính - Kế toán. Tổ chức Đoàn Khoa KT-QLCN gồm 01 Chi đoàn CBGV và 24 Chi đoàn sinh viên, 01 Liên chi hội sinh viên Khoa KT-QLCN và 10 Chi hội sinh viên, 01 Tổ Công đoàn Khoa. Tập thể Khoa luôn hoàn thành tốt công việc được giao, 100% CBGV hoàn thành định mức giờ chuẩn giảng dạy được giao. Từ năm 2013 đến nay Khoa KT-QLCN đã có hơn 11 đề tài NCKH, trong đó có nhiều đề tài được công bố trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế. Đặc biệt, liên tục các năm học 2017 - 2018; 2018 - 2019; 2019 - 2020; 2020 - 2021; và 2021 - 2022, Khoa được giấy khen Hiệu Trưởng trường ĐHKTCNCT với danh hiệu tập thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Đặc biệt năm 2017 - 2018, 2020 2021 và năm 2022 - 2023 khoa được tặng bằng khen tập thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của UBND Cần Thơ, Bằng khen Thủ tướng Chính phủ năm 2023.

Trong giảng dạy và công tác Đoàn - Hội, triết lý giáo dục “Đức trí - Kỹ năng - Sáng tạo - Hội nhập” là tôn chỉ hàng đầu cho mọi hoạt động. Công tác gắn kết doanh

nghiệp, thực hành thực tập và giới thiệu việc làm cho sinh viên được đặc biệt quan tâm và ngày càng phát triển. Hằng năm, Khoa tổ chức cho trên 3 lượt sinh viên đi tham quan thực tế, thực tập tại các cơ quan, công ty, doanh nghiệp. Sinh viên của Khoa nhận được những đánh giá tích cực của cơ sở thực tập cả về kiến thức chuyên môn lẫn đạo đức và tác phong trong công việc. Công tác gắn kết doanh nghiệp, giới thiệu việc làm cho sinh viên được đặc biệt quan tâm và có sự phát triển. Khoa đã tổ chức thành công Chương trình Tọa đàm kết nối “Doanh nghiệp - Sinh viên” năm 2018 và 2019; Tọa đàm “Kết nối doanh nghiệp với sinh viên ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng” năm 2022. Chương trình Tọa đàm có nội dung phong phú, hấp dẫn, thiết thực đã thu hút hầu hết sinh viên tham dự. Qua đó, Khoa đã hợp tác với nhiều doanh nghiệp để trao quà, trao học bổng cho sinh viên, giải quyết việc làm cho sinh viên khi tốt nghiệp. Đặc biệt, sinh viên còn thường xuyên tham gia những hoạt động NCKH, khởi nghiệp rất thiết thực và bổ ích. Sinh viên Khoa KT-QLCN cũng tham gia Cuộc thi Tài năng trẻ Logistics toàn quốc năm 2019 - 2020; năm 2020 - 2021; năm 2021 - 2022: giải khuyến khích năm 2022 - 2023: giải Ba. Năm 2023, nhiều ý tưởng khởi nghiệp của sinh viên ngành, khoa đã đạt giải ở các vòng thi cấp Trường, Thành phố và Khu vực.

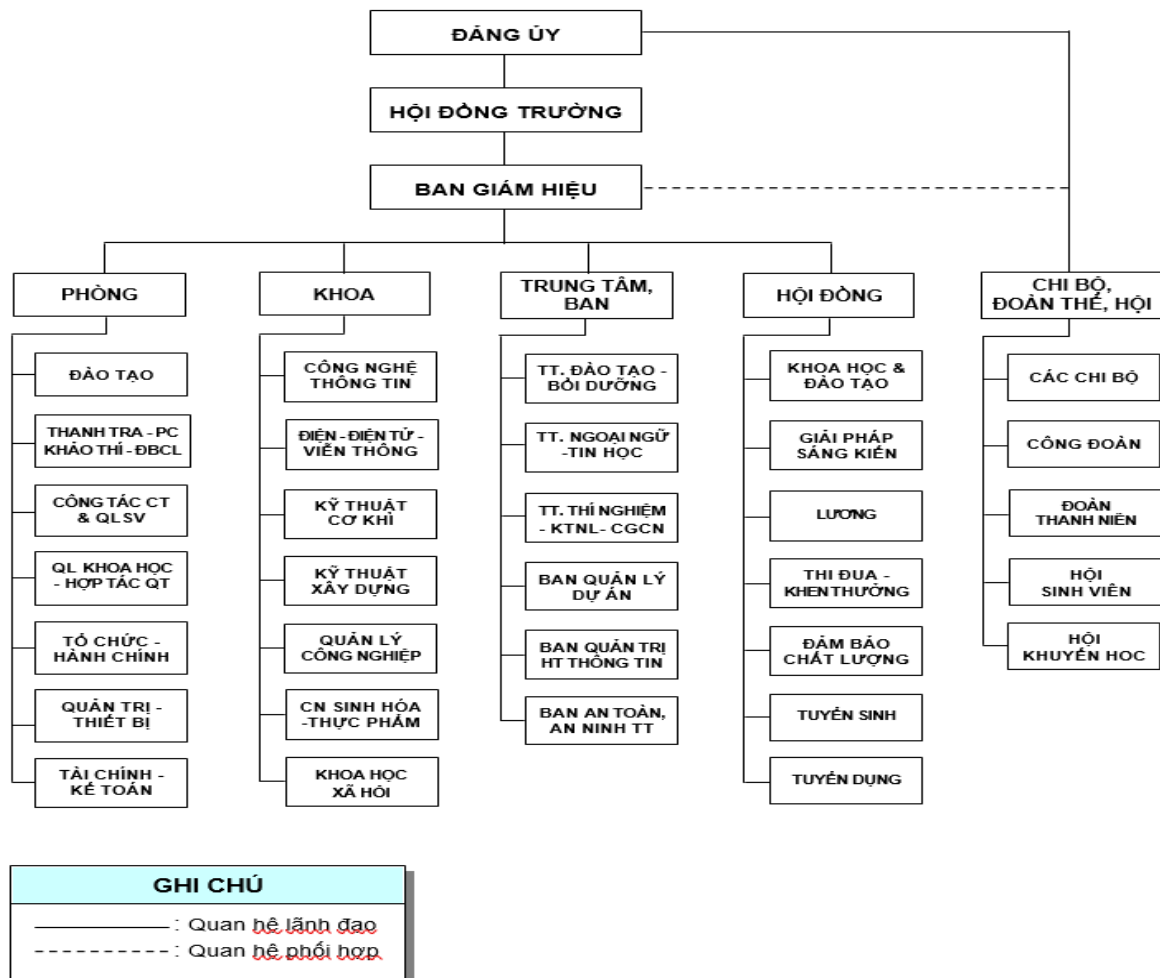
Trong công tác Đoàn - Hội, sinh viên của Khoa luôn đi đầu trong hoạt động phong trào “Sinh viên 5 tốt” các cấp, đặc biệt cấp Trung ương với giải thưởng Sao tháng giêng năm 2019. Bên cạnh đó, các hoạt động tạo môi trường giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng, trang bị kiến thức nhằm nâng cao khả năng hội nhập quốc tế được chú trọng, phối hợp cùng Trường trường tổ chức theo nhiều hình thức như: Hội thi Olympic tiếng Anh sinh viên toàn quốc; Liên hoan các câu lạc bộ, đội, nhóm tiếng Anh toàn quốc; Chương trình giao lưu “Gặp gỡ Việt Nam”; Cuộc thi “Tài năng trẻ Logistics Việt Nam 2020”; Cuộc thi “Tài năng trẻ Logistics Việt Nam 2022”; Cuộc thi “Tài năng trẻ Logistics Việt Nam 2020”; Cuộc thi “Tài năng trẻ Logistics Việt Nam 2023”....

23. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT

a) Cơ cấu tổ chức của Trường ĐHKTCNCT

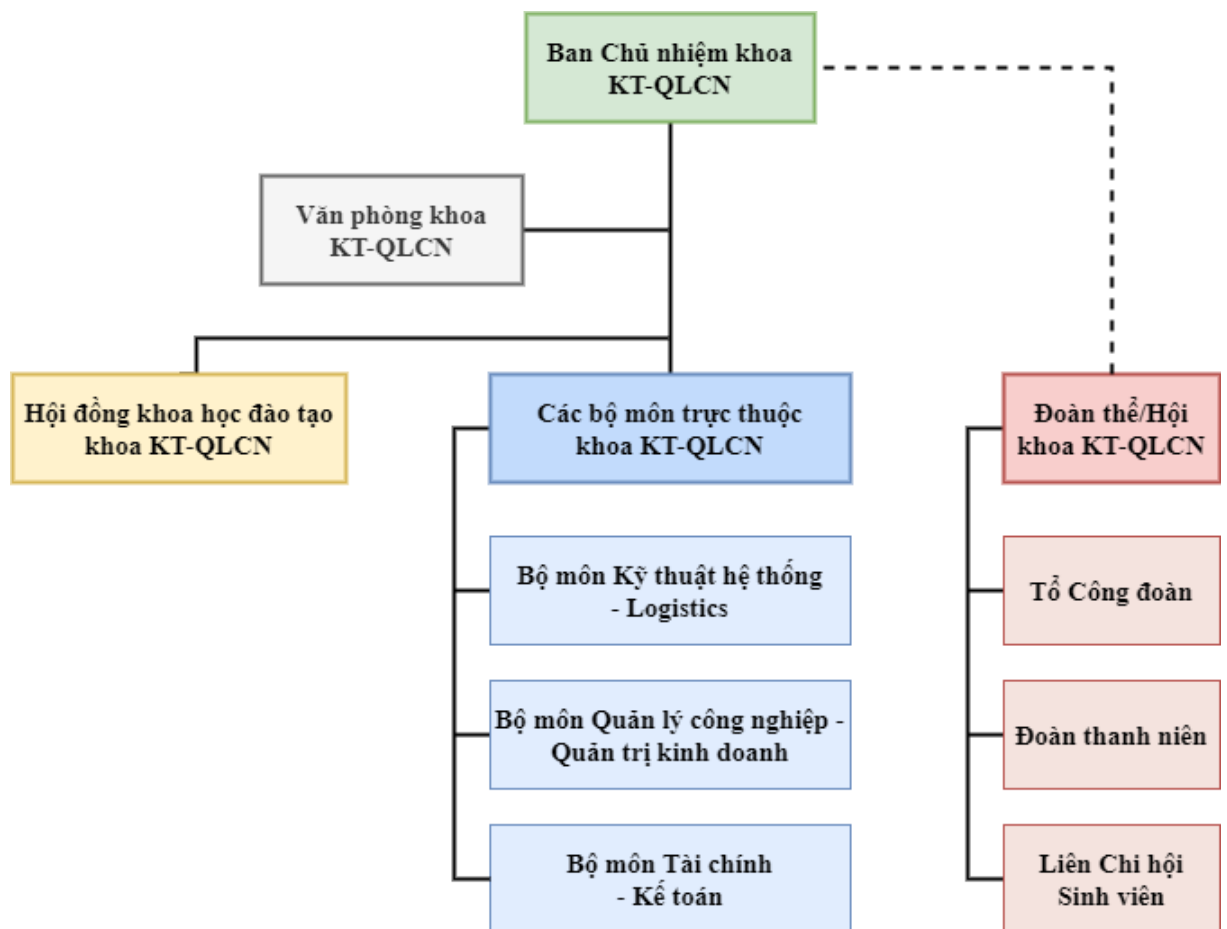
Cơ cấu tổ chức Trường ĐHKTCNCT gồm Hội đồng trường, Ban giám hiệu, 07 phòng (phòng ĐT, phòng TT-PC-KT-ĐBCL, phòng CTCT&QLSV, phòng TC-HC, phòng TC-KT, phòng QT-TB, phòng QLKH-HTQT), 07 khoa (Khoa Điện - Điện tử - Viễn Thông, Khoa Khoa học xã hội, Khoa Kinh tế - Quản lý công nghiệp, Khoa Kỹ thuật xây dựng, Khoa Công nghệ thông tin, Khoa Kỹ thuật cơ khí và Khoa Công nghệ Sinh hóa - Thực phẩm), 03 trung tâm (trung tâm Ngoại ngữ - Tin học, trung tâm Thí nghiệm - Kỹ thuật năng lượng - Chuyển giao công nghệ), Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức đoàn thể hội, các Hội đồng tư vấn gồm Hội đồng trường, Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Hội đồng Đảm bảo chất lượng, Hội đồng tuyển dụng, Hội đồng

tuyển sinh, Hội đồng Lương, Hội đồng Sáng kiến, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Hội đồng kiểm tra đánh giá kết thúc học phần.



Hình 1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Trường ĐHKTCNCT

b) Cơ cấu tổ chức của Khoa KT-QLCN



Hình 2. Sơ đồ Cơ cấu tổ chức của Khoa KT-QLCN

Cơ cấu tổ chức của Khoa KT-QLCN gồm BCN khoa; Văn phòng khoa và Trợ lý khoa; các Bộ môn và Hội đồng Khoa học và Đào tạo cấp khoa; các Bộ phận chuyên trách cho Công tác đoàn thể, hội sinh viên cấp khoa; phụ trách về công tác thực hành - thực tế, thực tập của sinh viên; công tác liên kết doanh nghiệp, và các phòng thực hành...

24. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục						
1.	Chủ tịch HĐQT	Đỗ Thị Tuyết Nhung	1975	GVC, TS	0983006563	dttnhung@ctuet.edu.vn
2.	Phó chủ tịch HĐQT	Đoàn Thị Kiều Tiên	1979	GVC, TS	0919005068	dtktien@ctuet.edu.vn
3.	Hiệu trưởng	Huỳnh Thanh Nhã	1965	GVC, PGS. TS	0919209555	htnha@ctuet.edu.vn
4.	Phó Hiệu trưởng	Trương Minh Nhật Quang	1965	GVC, TS	0918192592	tmnquang@ctuet.edu.vn
5.	Phó Hiệu trưởng	Nguyễn Thị Yên Chi	1974	GVC, ThS	0907389111	ntychi@ctuet.edu.vn
Đơn vị thực hiện CTĐT						
I. Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị						
1.	Trưởng khoa kiêm Trưởng bộ môn	La Bảo Trúc Ly	1983	GV, TS	0939726998	lbtly@ctuet.edu.vn
2.	Phó trưởng khoa	Nguyễn Thị Thu An	1982	GV, TS	0902359119	nttan@cutet.edu.vn
3.	Phó trưởng khoa	Nguyễn Thị Ly Phương	1983	GV, TS	0912611595	ntlphuong@cutet.edu.vn
II. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội						
1.	Chi bộ	Lưu Thu Thủy	1976	GVC, ThS	0918707464	ltthuy@ctuet.edu.vn
2.	Đoàn Thanh niên Cộng Sản HCM	Hồ Ngọc Kim Uyên	1997	GV, ThS	0985337021	hnkuyen@ctuet.edu.vn
3.	Công đoàn	Nguyễn Túc Nhiên	1994	GV, TS	0909234843	ntnhien@ctuet.edu.vn
III. Các phòng, ban						
1.	Trưởng Phòng Đào tạo	Nguyễn Minh Tuấn	1971	GV, TS	0913185666	nmtuan@ctuet.edu.vn
2.	Trưởng phòng TC-HC	Lê Anh Xuân	1980	GVC, TS	0919333680	laxuan@ctuet.edu.vn
3.	PT Phòng QLKH-HTQT	Nguyễn Đăng Hoa Nghiêm	1984	GV, TS	0935611408	ndhnghiem@ctuet.edu.vn
4.	Trưởng phòng CTCT&QLSV	Nguyễn Chí Hiếu	1976	CV, ThS	0931771517	nchieu@ctuet.edu.vn
5.	Trưởng phòng QT-TB	Võ Khắc Tâm	1970	CVC, ThS	0913530530	vktam@ctuet.edu.vn
6.	Trưởng phòng TC-KT	Trần Long Hải	1978	CV, ThS	0983891457	tlhai@ctuet.edu.vn
7.	Trưởng Phòng TT-PC-KT-ĐBCL	Lê Anh Tuấn	1967	GV, ThS	0918280455	latuan@ctuet.edu.vn
IV. Các bộ môn						

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
1.	Trưởng khoa kiêm Trưởng bộ môn KTHT-Logistics	La Bảo Trúc Ly	1982	GV, TS	0939726998	lbtly@ctu.edu.vn
2.	Trưởng bộ môn QLCN-QTKD	Nguyễn Thị Thu An	1982	GV, TS	0902359119	nttan@ctu.edu.vn
3.	Trưởng bộ môn Tài chính - Kế toán	Nguyễn Thị Ly Phương	1983	GV, TS	0912611595	ntlphuong@ctu.edu.vn
4.	Phó trưởng bộ môn KTHT-Logistics	Đinh Thị Kiều Oanh	1987	GV, ThS	0939383136	dtkoanh@ctu.edu.vn
5.	Phó trưởng bộ môn QLCN-QTKD	Ngô Anh Tuấn	1985	GV, ThS, NCS	0939151369	natuan@ctu.edu.vn
6.	Phó trưởng bộ môn Tài chính - Kế toán	Trần Quốc Dũng	1991	GV, ThS, NCS	0939472222	tqdung@ctu.edu.vn

25. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT

Kỹ thuật hệ thống công nghiệp, Quản lý công nghiệp, Logistics và quản lý chuỗi cung ứng, Tài chính ngân hàng, Quản trị kinh doanh, Kế toán.

26. Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 00

27. Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 00

28. Số lượng ngành đào tạo đại học: 06

29. Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 00

30. Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác: 00

31. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	☒	☐
Không chính quy	☐	☐
Từ xa	☐	☐
Liên kết đào tạo với nước ngoài	☐	☐
Liên kết đào tạo trong nước	☐	☐
Các loại hình đào tạo khác:		

32. Tổng số các ngành đào tạo: 06

IV. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

33. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, GV và NV của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Đội ngũ cơ hữu <i>Trong đó:</i>	27	39	66
I.1	<i>Đội ngũ trong biên chế</i>	12	32	45
I.2	<i>Đội ngũ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn</i>	15	07	22
II	Các đối tượng khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng)	04	06	10
	Tổng số	31	45	76

34. Thông kê, phân loại giảng viên

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	Giảng viên cơ hữu (GV)			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	-	-	-	-	-
2	Phó Giáo sư	1	-	0	1	-	-
3	Tiến sĩ khoa học	0	-	-	-	-	-
4	Tiến sĩ	13	9	2	1	1	-
5	Thạc sĩ	62	29	19	5	9	-
6	Đại học	1	1	-	-	-	-
7	Cao đẳng	0	-	-	-	-	-
8	Trình độ khác	0	-	-	-	-	-
	Tổng số	76	39	21	7	10	0

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 66 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 100%.

35. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT (nếu đơn vị có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong bảng 35)

Số liệu Bảng 35 được lấy từ Bảng 35 nhân với hệ số quy đổi (Ví dụ đối với cơ sở giáo dục đại học, học viện: áp dụng Thông tư 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT).

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0		0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	3,0	1	0	0	1	0	0	0,9
3	Tiến sĩ khoa học	3,0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	2,0	12	8	2	1	1	0	21
5	Thạc sĩ	1,0	62	29	19	5	9	0	51,3
6	Đại học	0,3	1	1	0	0	0	0	0,3
	Tổng		76	39	21	7	10	0	73,5

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

36. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người)

TT	Trình độ/học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (người)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	<30	30-40	41-50	51-60	>60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	1	1,5	1	0	0	0	0	0	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	10	15,2	5	5	0	5	1	3	1
5	Thạc sĩ	54	81,8	21	33	12	29	9	3	1
6	Đại học	1	1,5	0	1	0	0	1	0	0
	Tổng	66	1	27	39	12	34	11	6	2

36.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 38,8 tuổi

36.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: $11/66 = 16,67\%$

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: $54/66 = 81,8\%$.

37. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	13,3	100,0
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	40,0	0,0
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	33,4	0,0
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	13,3	0,0
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	0,0	0,0
	Tổng	100,0	100,0

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

38. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và NCS

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số NH trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Đơn vị: người

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT	Số trúng tuyển	Số nhập học thực tế	Tỷ lệ cạnh tranh	Điểm tuyển đầu vào/ thang điểm 30	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học
2018-2019	154	80	80	1:1,52	16	17,02	0
2019-2020	273	60	48	1:2,32 (THPT) 1:1,46 (HB)	13 (THPT) 18 (HB)	16,91 (THPT) 22,23 (HB)	0
2020-2021	170	52	52	1:2 (THPT) 1:2,1 (HB)	17 (THPT) 18 (HB)	19,8 (THPT) 26,08 (HB)	0
2021-2022	282	66	61	1:2,1 (THPT) 1:3,97 (HB)	19,3 (TPT) 18 (HB)	19,8 (THPT) 26,08 (HB)	0
2022-2023	292	68	61	1:14,1 (THPT) 1:3,15 (HB)	21,3 (THPT) 19,01 (HB)	22,04 (THPT) 20,05 (HB)	0

39. Thống kê, phân loại số lượng NH theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
1. Nghiên cứu sinh	-	-	-	-	-
2. Học viên cao học	-	-	-	-	-
3. Sinh viên đại học	220	217	226	263	251
Trong đó:					
Hệ chính quy	220	217	226	263	251
Hệ không chính quy	-	-	-	-	-
4. Sinh viên cao đẳng	-	-	-	-	-
Trong đó:					
Hệ chính quy	-	-	-	-	-
Hệ không chính quy	-	-	-	-	-
5. Học sinh TCCN	-	-	-	-	-
Trong đó:					
Hệ chính quy	-	-	-	-	-
Hệ không chính quy	-	-	-	-	-
6. Khác:	-	-	-	-	-

40. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây

Đơn vị: người

	Năm học				
	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
Số lượng (người)	-	-	-	-	-
Tỷ lệ (%) trên tổng số NH	-	-	-	-	-

41. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu

Các tiêu chí	Năm học				
	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	-	-	-	-	-
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	-	-	-	-	-
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	-	-	-	-	-
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)	-	-	-	-	-

42. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia NCKH

	Năm học				
	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
Số lượng (người)	2	1	1	10	-
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	1/220=0,45%	1/217=0,46%	10/226=4,4%	2/263=0,76%	0/251=0%

43. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018	2019	2020	2021	2022
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	-	-	-	-	
2. Học viên tốt nghiệp cao học	-	-	-	-	
3. SV tốt nghiệp đại học <i>Trong đó:</i>	-	-	-	-	
<i>Hệ chính quy</i>	25	43	45	26	53
<i>Hệ không chính quy</i>	-	-	-	-	
4. SV tốt nghiệp cao đẳng <i>Trong đó:</i>	-	-	-	-	
<i>Hệ chính quy</i>	-	-	-	-	
<i>Hệ không chính quy</i>	-	-	-	-	
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp. <i>Trong đó:</i>	-	-	-	-	
<i>Hệ chính quy</i>	-	-	-	-	
<i>Hệ không chính quy</i>	-	-	-	-	
6. Khác:	-	-	-	-	

(Tính cả những NH đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

44. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018	2019	2020	2021	2022
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	21	31	15	15	48
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	40	42	56	45	60
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này -> chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này -> điền các thông tin dưới đây:					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018	2019	2020	2021	2022
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%),	-	-	51,02	42	85
3.2. Tỷ lệ người học trả lời chỉ học được một phần kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)	-	-	44,90	58	15
3.3. Tỷ lệ người học trả lời không học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	-	-	4,08	-	-
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này -> chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/ đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này -> điền các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%), - Sau 6 tháng tốt nghiệp, - Sau 12 tháng tốt nghiệp,	80	36,36	73,81	68	69,81
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%),	20	45,45	21,43	24	16,98
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm,	-	6,34	6,51	7,44	10,1
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này -> chuyển xuống kết thúc bảng này, B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này -> điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%),	-	-	21	25	40
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%),	-	-	72	75	54
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).	-	-	7	-	6

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp.
- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm,
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp,
- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

45. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2	-	-	-	-	-	0
2	Đề tài cấp Bộ*	1	-	-	-	-	-	0
3	Đề tài cấp trường	0,5	1	3	1	2	1	4
	Tổng		1	3	1	2	1	4

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước,

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh),

Tổng số đề tài quy đổi: 4,0

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: $4,0/66 = 0,06$

46. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VND)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VND/ người)
1	2018 - 2019	0	0	0
2	2019 - 2020	20	$20/10=2$	$20/63=0,32$
3	2020 - 2021	60	$60/12=5$	$60/63=0,95$
4	2021 - 2022	60	$60/19,99=3$	$60/63=0,95$
5	2022 - 2023			

47. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	-	-	10	
Từ 4 đến 6 đề tài	-	-	2	
Trên 6 đề tài	-	-	-	
Tổng số cán bộ tham gia	-	-	10	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

48. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng						Tổng (đã quy đổi)
			2018	2019	2020	2021	2022	2023	
1	Sách chuyên khảo	2	-	-	-	1	-		2
2	Sách giáo trình	1,5	1	2	1	1	-	1	9
3	Sách tham khảo	1	-	-	-	1	-		1
4	Sách hướng dẫn	0,5	-	-	-	-	-	-	0
	Tổng		1	2	1	3	0	1	12

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh)

Tổng số sách (quy đổi): 12

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $12/66 = 0,18$

49. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	3	6	-	-
Từ 4 đến 6 cuốn sách	-	-	-	-
Trên 6 cuốn sách	-	-	-	-
Tổng số cán bộ tham gia	3	6	-	-

50. Số lượng bài của đội ngũ cơ hữu đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng						Tổng (đã quy đổi)
			2018	2019	2020	2021	2022	2023	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	5	4	3	3	-	1	24
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1	1	1	8	3	-	2	15
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	-	4	2	1	-	1	4
	Tổng		6	9	13	7	0	4	43

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh)

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 43

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $43/66 = 0,65$

51. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	4	8	5
Từ 6 đến 10 bài báo	0	1	0
Từ 11 đến 15 bài báo	0	0	0
Trên 15 bài báo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	4	9	5

52. Số lượng báo cáo khoa học do đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng						Tổng (đã quy đổi)
			2018	2019	2020	2021	2022	2023	
1	Hội thảo quốc tế	1	-	1	1	-	-	-	2
2	Hội thảo trong nước	0,5	-	4	2	1	-	1	4
3	Hội thảo cấp trường	0,25	-	-	-	9	13	19	10,25
4	Tổng		0	4	2	10	13	20	16,25

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh)

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 16,25

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $16,25/66 = 0,24$

53. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	2	4	20
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	0	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	2	4	20

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

54. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2018 - 2019	0
2019 - 2020	0
2020 - 2021	0
2021 - 2022	0
2022 - 2023	0

55. Nghiên cứu khoa học của người học

55.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	8	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số người học tham gia	0	0	8	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

55.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022 - 2023
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	0	0	0	0	0
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	1	0	0

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

56. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m²): Cơ sở I diện tích 12.521,5 m²

57. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m²): 166,4 m² (Văn phòng khoa), Diện tích PTN khoa quản lý 9,4 m²

58. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

- Nơi làm việc: 3.409,56 m² Nơi học: 11.103 m² Nơi vui chơi giải trí: 7.021 m²

59. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: 12.167,83 m²

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 2,6

60. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin - Thư viện: 6.063 đầu sách (thư viện) và 6.058 đầu sách (thư viện số)

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có): 0

61. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 54 máy

- Dùng cho người học học tập: 320 máy

- Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 0,07

VIII. Tóm tắt một số chỉ báo quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ báo quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 66

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 100%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 16,67% (11/66)

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 81,8% (54/66)

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người): 251 (KTHTCN)

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: 3,8 (251/66)

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 76% (192/251)

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 85%

Tỷ lệ người học trả lời chỉ học được một phần kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 15%

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 56%

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): 44%

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): 10,100,000

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về NH tốt nghiệp có việc làm đúng ngành ĐT:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 40%
 Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 60%

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $4,0/66 = 0,06$

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: $60/66 = 0,90$

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $12/66 = 0,18$

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $43/66 = 0,65$

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $16,25/66 = 0,24$

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 0,06

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 2,3

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 0,0

Phụ lục 2. Các tư liệu, tài liệu liên quan

UBND THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 740/QĐ-ĐHKTCN

Cần Thơ, ngày 30 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh, bổ sung Hội đồng tự đánh giá chương trình
Kỹ thuật hệ thống công nghiệp, trình độ đại học**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ CẦN THƠ

Căn cứ Quyết định số 249/QĐ-TTg ngày 29 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu trình kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Theo đề nghị của Trường khoa Khoa Kinh tế - Quản lý công nghiệp và Trường phòng Thanh tra - Pháp chế - Khảo thí - Đảm bảo chất lượng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình Kỹ thuật hệ thống công nghiệp, trình độ đại học gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Giúp việc cho Hội đồng có Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chương trình Kỹ thuật hệ thống công nghiệp theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT của Cục Quản lý chất lượng.

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Trường khoa Kinh tế - Quản lý công nghiệp, các đơn vị có liên quan và các ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Đăng website;
- Lưu VT. LeAnhTuan.



Huỳnh Thanh Nhã

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH KỸ THUẬT HỆ THỐNG CÔNG NGHIỆP
 (Kèm theo Quyết định số 740/QĐ-ĐHKTCTN ngày 30 tháng 12 năm 2023
 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Ông Huỳnh Thanh Nhã	PGS. TS, Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Ông Trương Minh Nhật Quang	TS, Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
3	Bà La Bảo Trúc Ly	TS, Trưởng khoa Kinh tế - Quản lý công nghiệp	Phó Chủ tịch
4	Ông Lê Anh Tuấn	ThS, Trưởng phòng Thanh tra - Pháp chế - Khảo thí - Đảm bảo chất lượng	Thư ký
5	Ông Nguyễn Minh Tuấn	TS, Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên
6	Ông Nguyễn Đăng Hoa Nghiêm	TS, Phó Trưởng phòng Quản lý khoa học - Hợp tác quốc tế	Thành viên
7	Ông Nguyễn Chí Hiếu	ThS, Trưởng phòng Công tác chính trị và Quản lý sinh viên	Thành viên
8	Ông Lê Anh Xuân	TS, Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính	Thành viên
9	Ông Võ Khắc Tâm	ThS, Trưởng phòng Quản trị - Thiết bị	Thành viên
10	Ông Trần Long Hải	ThS, Trưởng phòng Tài chính - Kế toán	Thành viên
11	Ông Nguyễn Hoàng Viện	ThS, Thư ký Hội đồng Trường	Thành viên
12	Bà Nguyễn Thị Thu An	TS, Phó Trưởng khoa Kinh tế - Quản lý công nghiệp	Thành viên
13	Bà Nguyễn Thị Ly Phương	TS, Phó Trưởng khoa Kinh tế - Quản lý công nghiệp	Thành viên
14	Ông Ngô Anh Tuấn	TS, Phó Trưởng bộ môn Quản lý công nghiệp - QTKD	Thành viên
15	Bà Đinh Thị Kiều Oanh	ThS, Phó Trưởng Bộ môn Kỹ thuật hệ thống - Logistics	Thành viên
16	Bà La Hồng Liên	ThS, Giảng viên	Thành viên
17	Bà Nguyễn Thị Diễm Phúc	ThS, Giảng viên	Thành viên
18	Bà Nguyễn Thị Mộng Ngân	ThS, Giảng viên	Thành viên
19	Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	ThS, Giảng viên	Thành viên
20	Bà Phạm Thị Bích Trâm	ThS, Giảng viên	Thành viên
21	Bà Tôn Thị Thùy Dương	Sinh viên lớp KTHCTN 2021	Thành viên

(Danh sách có 21 thành viên)

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ

(Kèm theo Quyết định số 740/QĐ-ĐHKTCN ngày 30 tháng 12 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Ông Lê Anh Tuấn	ThS, Trưởng phòng Thanh tra - Pháp chế - Khảo thí - Đảm bảo chất lượng	Trưởng ban
2	Bà La Bảo Trúc Ly	TS, Trưởng Bộ môn Kỹ thuật hệ thống - Logistics	Phó trưởng ban
3	Ông Diệp Bình Nguyên	ThS, Phó Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên
4	Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh	ThS, Phó Trưởng phòng Quản lý khoa học - Hợp tác quốc tế	Thành viên
5	Bà Nguyễn Thị Mai Khanh	ThS, Phó Trưởng phòng Công tác chính trị và Quản lý sinh viên	Thành viên
6	Bà Nguyễn Thị Kim Xuân	ThS, Phó Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính	Thành viên
7	Ông Hồ Chí Linh	TS, Phó Trưởng phòng Quản trị - Thiết bị	Thành viên
8	Bà Bùi Thái Bình	ThS, Phó Trưởng phòng Tài chính - Kế toán	Thành viên
9	Ông Lê Trí Ân	ThS, Phó Trưởng phòng Thanh tra - Pháp chế - Khảo thí - Đảm bảo chất lượng	Thành viên
10	Bà Phạm Thị Bích Ngân	ThS, Phó Trưởng khoa Khoa học xã hội	Thành viên
11	Ông Ngô Anh Tuấn	TS, Phó Trưởng bộ môn Quản lý công nghiệp - Quản trị kinh doanh	Thành viên
12	Bà Đinh Thị Kiều Oanh	ThS, Phó Trưởng bộ môn Kỹ thuật hệ thống - Logistics	Thành viên
13	Bà La Hồng Liên	ThS, Giảng viên	Thành viên
14	Bà Nguyễn Thị Diễm Phúc	ThS, Giảng viên	Thành viên
15	Bà Nguyễn Thị Mộng Ngân	ThS, Giảng viên	Thành viên
16	Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	ThS, Giảng viên	Thành viên
17	Bà Phạm Thị Bích Trâm	ThS, Giảng viên	Thành viên
18	Bà Hồ Ngọc Kim Uyên	ThS, Giảng viên	Thành viên

19	Bà Nguyễn Lê Hoa Tuyết	TS, Giảng viên	Thành viên
20	Bà Huỳnh Thị Cẩm Bình	ThS, Giảng viên	Thành viên
21	Bà Nguyễn Thị Ngọc Thứ	ThS, Giảng viên	Thành viên
22	Bà Thiều Bích Ngọc	ThS, Giảng viên	Thành viên
23	Bà Lưu Phạm Anh Thi	ThS, Giảng viên	Thành viên

(Danh sách có 23 thành viên)

DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH

(Kèm theo Quyết định số 740/QĐ-ĐHKTCTN ngày 30 tháng 12 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1 (TC 1, 2, 3)	Bà La Bảo Trúc Ly	TS, Trưởng khoa KT-QLCN	Trưởng nhóm
	Bà Phạm Thị Bích Trâm	ThS, Giảng viên	Thư ký
	Bà Nguyễn Thị Diễm Phúc	ThS, Giảng viên	Thành viên
	Bà Huỳnh Thị Cẩm Bình	ThS, Giảng viên	Thành viên
	Bà Phạm Thị Bích Ngân	ThS, Phó Trưởng khoa KHXH	Thành viên
	Ông Diệp Bình Nguyên	ThS, Phó Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên
Nhóm 2 (TC 4, 5)	Bà Đinh Thị Kiều Oanh	ThS, Phó Trưởng BM KTHT - Logistics	Trưởng nhóm
	Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	ThS, Giảng viên	Thư ký
	Bà Nguyễn Thị Ngọc Thứ	ThS, Giảng viên	Thành viên
	Bà Lưu Phạm Anh Thi	ThS, Giảng viên	Thành viên
	Ông Lê Trí Ân	ThS, Phó Trưởng phòng TT-PC-KT-ĐBCL	Thành viên
Nhóm 3 (TC 6, 7)	Ông Lê Anh Xuân	TS, Trưởng phòng TC-HC	Trưởng nhóm
	Bà Thiều Bích Ngọc	ThS, Giảng viên	Thư ký
	Bà La Hồng Liên	ThS, Giảng viên	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Kim Xuân	ThS, Phó Trưởng phòng TC-HC	Thành viên
	ThS. Bùi Thái Bình	ThS, Phó Trưởng phòng TC-KT	Thành viên
	ThS. Lý Thị Tú Uyên	ThS, Giảng viên	Thành viên
Nhóm 4 (TC 8)	Ông Nguyễn Chí Hiếu	ThS, Trưởng phòng CTCT&QLSV	Trưởng nhóm
	Bà Nguyễn Thị Mộng Ngân	ThS, Giảng viên	Thư ký
	Bà Huỳnh Cảnh Thanh Thanh	ThS, Giảng viên	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Mai Khanh	ThS, Phó Trưởng phòng CTCT&QLSV	Thành viên
	Bà Hoàng Thị Phương Thảo	ThS, Giảng viên	Thành viên
Nhóm 5 (TC 9)	Ông Võ Khắc Tâm	ThS, Trưởng phòng QT-TB	Trưởng nhóm
	Ông Ngô Anh Tuấn	TS, Phó Trưởng BM QLCN - QTKD	Thư ký

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
	Ông Hồ Chí Linh	TS, Phó Trưởng phòng QT-TB	Thành viên
	Bà Bùi Thái Bình	ThS, Phó Trưởng phòng TC-KT	Thành viên
	Bà Ngô Thị Ngọc Tuyết	CN, Thư viện viên	Thành viên
	Bà Hồ Ngọc Kim Uyên	ThS, Giảng viên	Thành viên
Nhóm 6 (TC 10, 11)	Ông Lê Anh Tuấn	ThS, Trưởng phòng TT-PC-KT-ĐBCL	Trưởng nhóm
	Bà Nguyễn Thị Thu An	TS, Trưởng Bộ môn QLCN - QTKD	Thư ký
	Bà Nguyễn Lê Hoa Tuyết	TS, Giảng viên	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh	ThS, Phó Trưởng phòng QLKH-HTQT	Thành viên
	Bà Lê Thị Thảo	ThS, Giảng viên	Thành viên
	Bà Ngô Thị Cẩm Tú	ThS, Giảng viên	Thành viên
	Ông Nguyễn Phan Tú	ThS, Giảng viên	Thành viên
	Ông Lê Huỳnh Nhật Đăng	ThS, Giảng viên	Thành viên

(Danh sách có 36 thành viên)

UBND THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ CẦN THƠ
Số: 936 /KH - ĐHKTCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Cần Thơ, ngày 29 tháng 9 năm 2022

KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ
Chương trình đào tạo: KỸ THUẬT HỆ THỐNG CÔNG NGHIỆP
trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy

I. Mục đích tự đánh giá

Nhằm bảo đảm và nâng cao chất lượng CTĐT và để đăng ký KĐCLGD.

II. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của đơn vị thực hiện CTĐT theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trong một chu kỳ KĐCLGD.

III. Công cụ tự đánh giá

Công cụ tự đánh giá là Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT gồm 11 tiêu chuẩn và 50 tiêu chí ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các tài liệu hướng dẫn sau:

- Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 về việc thay thế Tài liệu đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH ban hành kèm theo Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD

- Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT.

- Công văn số 744/QLCL-KĐCLGD ngày 10/6/2021 của Cục Quản lý chất lượng về việc điều chỉnh một số phụ lục Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD.

IV. Hội đồng tự đánh giá

1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá CTĐT Kỹ thuật hệ thống công nghiệp được thành lập theo Quyết định số 658/QĐ-ĐHKTCN ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Trường Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ. Hội đồng gồm có 25 thành viên (Danh sách kèm theo).

Chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng tự đánh giá theo Điều 8, Thông tư 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013.

2. Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách

Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách được thành lập theo Quyết định số 658/QĐ-ĐHKTCN ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Trường Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ (Danh sách kèm theo).

3. Phân công thực hiện nhiệm vụ

a) Nhóm thư ký

Trưởng, phó ban thư ký: chịu trách nhiệm chung về việc biên tập, tổng hợp các báo cáo từ các nhóm thành bản dự thảo báo cáo và chỉnh sửa theo góp ý để hoàn thiện báo cáo.

Lập kế hoạch hoạt động của Hội đồng theo phân công của Chủ tịch hội đồng; giám sát việc thực hiện kế hoạch của các thành viên trong hội đồng và các nhóm công tác chuyên trách.

b) Các nhóm công tác, cá nhân

Trưởng nhóm điều hành chung, chủ động tổ chức họp nhóm để phân công công việc cụ thể cho các thành viên, cung cấp cách thức tìm thông tin, minh chứng; chịu trách nhiệm về các tiêu chuẩn, kế hoạch thực hiện và báo cáo cuối cùng của tiêu chuẩn được phân công; biên tập các báo cáo của thành viên trong nhóm theo kế hoạch tự đánh giá của Trưởng và gửi cho Trưởng ban thư ký.

Các thành viên nhóm công tác chuyên trách: tìm thông tin, minh chứng, xử lý số liệu, dữ liệu, viết báo cáo theo từng tiêu chí do trưởng nhóm phân công.

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
1.	Tiêu chuẩn 1, 2, 3	Nhóm 1	Từ 01/10/2022 đến 15/11/2022	
2.	Tiêu chuẩn 4, 5	Nhóm 2		
3.	Tiêu chuẩn 6, 7	Nhóm 3		
4.	Tiêu chuẩn 8	Nhóm 4		
5.	Tiêu chuẩn 9	Nhóm 5		
6.	Tiêu chuẩn 10, 11	Nhóm 6		

V. Tập huấn nghiệp vụ tự đánh giá

1. Thời gian: tháng 10/2022

2. Thành phần: Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký, các nhóm công tác chuyên trách.

3. Nội dung, chương trình tập huấn:

- Phổ biến các văn bản tự đánh giá CTĐT
- Quy trình và thủ tục tự đánh giá
- Hướng dẫn phân tích tiêu chí, tìm thông tin và minh chứng; đánh giá tiêu chí; viết báo cáo tự đánh giá.

VI. Dự kiến các nguồn lực (nhân lực, tài chính, ...) và thời điểm cần huy động / cung cấp

Đạt

1. Nhân lực

Các thành viên Hội đồng Tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách (trưởng, phó đơn vị, giảng viên, chuyên viên; các tổ chức đoàn thể: tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên,...)

2. Cơ sở vật chất

Tận dụng cơ sở vật chất sẵn có của Nhà trường và các đơn vị; Có thể mua sắm thêm các dụng cụ văn phòng phẩm cần thiết cho công tác tự đánh giá trên cơ sở lập dự trù mua sắm.

3. Tài chính

Các mức kinh phí chi cho hoạt động tự đánh giá bao gồm: Các phiên họp, xây dựng báo cáo, tìm minh chứng, biên tập, sửa chữa, đánh giá, văn phòng phẩm trên cơ sở lập dự trù kinh phí và xét duyệt của Nhà trường.

VII. Dự kiến thu thập thông tin từ nguồn ngoài cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện chương trình đào tạo (nếu có)

Tùy tình hình thực tế, các nhóm công tác chuyên trách có nhu cầu thu thập thông tin minh chứng từ nguồn ngoài trường theo các đề xuất sau:

- Các lĩnh vực cần khảo sát.
- Các đối tượng/ các bên liên quan cần khảo sát.
- Các thông tin/ dữ liệu cần cho so sánh, đối sánh và so chuẩn.

VIII. Dự kiến thuê chuyên gia tư vấn để giúp Hội đồng triển khai tự đánh giá

Dự kiến tháng 12/2022, Nhà trường mời chuyên gia tư vấn đến tập huấn công tác tự đánh giá với các nội dung về kỹ thuật tìm minh chứng và viết báo cáo tự đánh giá theo từng tiêu chuẩn, chia sẻ những kinh nghiệm trong công tác tự đánh giá và giải quyết những vấn đề phát sinh trong lúc triển khai công tác tự đánh giá

IX. Lập bảng danh mục mã minh chứng

Sau khi các nhóm công tác, cá nhân thực hiện xác định nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng cho từng tiêu chí; phân loại và mã hoá các minh chứng thu được. Hội đồng TĐG thảo luận các minh chứng cho từng tiêu chí đã thu thập được và lập Bảng danh mục mã minh chứng.

Bảng danh mục mã minh chứng được trình bày bảng theo chiều ngang của khổ A4 (có thể để riêng và để ở phần Phụ lục của báo cáo TĐG).

X. Thời gian và nội dung hoạt động

Thời gian	Các hoạt động
Tuần 1 – 2 (Từ 19/9/2022 đến 02/10/2022)	- Họp Lãnh đạo Trường và lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng TĐG CTĐT. - Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng TĐG CTĐT. - Họp Hội đồng TĐG CTĐT để: - Công bố quyết định thành lập Hội đồng TĐG - Tập huấn về quy trình TĐG và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT; - Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng; - Dự thảo kế hoạch TĐG CTĐT.
Tuần 3 – 4 (Từ 03/10/2022 đến 16/10/2022)	- Phổ biến chủ trương triển khai TĐG đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT. - Tổ chức hội thảo/hội nghị về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai TĐG cho đội ngũ chủ chốt liên quan. - Họp Hội đồng TĐG CTĐT để thông qua: - Bản kế hoạch TĐG CTĐT; - Dự thảo đề cương báo cáo TĐG (dựa trên cơ sở tài liệu hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo GDĐT và điều kiện cụ thể của đơn vị thực hiện CTĐT); - Trình Hiệu trưởng đề nghị ban hành kế hoạch TĐG.
Tuần 5 – 8 (Từ 17/10/2022 đến 13/11/2022)	- Công bố kế hoạch TĐG đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng. - Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. - Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được. - Mô tả thông tin và minh chứng thu được. - Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.
Tuần 9 - 15 (Từ 14/11/2022 đến 01/01/2023)	- Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết). - Trưởng các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).

Thời gian	Các hoạt động
Tuần 16 (Từ 02/01/2023 đến 08/01/2023)	Hội đồng tự đánh giá CTĐT: - Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo; - Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo TĐG; - Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; - Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung; - Thư ký Hội đồng tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo tự đánh giá CTĐT.
Tuần 17 - 18 (Từ 09/01/2023 đến 22/01/2023)	- Hội đồng tự đánh giá CTĐT xem xét dự thảo báo cáo tự đánh giá và đề xuất những chỉnh sửa (nếu cần). - Hội đồng TĐG CTĐT họp với các bộ môn, phòng, ban, ... để thảo luận về báo cáo TĐG, xin ý kiến góp ý.
Tuần 19 - 21 (Từ 23/01/2023 đến 12/02/2023)	- Công bố bản báo cáo TĐG (đã chỉnh sửa sau góp ý của các bộ môn, phòng, ban, ...) trong nội bộ Nhà trường và đơn vị thực hiện CTĐT. - Các bộ môn, phòng ban, cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học, đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo TĐG
Tuần 22 - 23 (Từ 13/02/2023 đến 26/02/2023)	- Hội đồng TĐG CTĐT họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo TĐG theo các ý kiến phản biện; - Hội đồng tự đánh giá CTĐT thông qua báo cáo TĐG lần cuối và nộp báo cáo TĐG cho lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT và Hiệu trưởng để xem xét. - Hoàn thiện báo cáo TĐG
Tuần 24 (Từ 27/02/2023 đến 05/3/2023)	- Nhà trường gửi báo cáo TĐG và công văn cho cơ quan quản lý trực tiếp, Bộ Giáo dục và Đào tạo. - Nhà trường bảo quản báo cáo TĐG, lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mã minh chứng đã ghi trong báo cáo TĐG.

Nơi nhận:

- UBND TPCT (để b/c);
- Hội đồng TĐG (để th/h);
- Các đơn vị trong trường (để th/h);
- Lưu VT, P.TTPCKTĐBCL.



NGND.PGS.TS. Huỳnh Thanh Nhã

Phụ lục 3. Danh mục minh chứng